

UBND TỈNH LẠNG SƠN  
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

UBND TỈNH LẠNG SƠN  
LIÊN HIỆP CÁC HỘI KH&KT

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**Ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh  
trong phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ta**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

**CƠ QUAN CHỦ TRÌ**

**CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**

**TS. Hoàng Văn Páo**

**CN. Nguyễn Quang Huynh**

## **Những người thực hiện chính**

1. Chủ nhiệm đề tài: CN. Nguyễn Quang Huynh, nguyên Phó Chủ tịch Hội VHNT Lạng Sơn, TBT tạp chí Văn nghệ Xứ Lạng.
2. TS. Hoàng Văn Páo, Phó Chủ tịch chuyên trách Liên hiệp các Hội KH-KT tỉnh Lạng Sơn, Trưởng ban Quản lý đề tài.
3. CN. Nguyễn Thị Thắm, Phó Trưởng phòng Quản lý nghiệp vụ, Sở VH-TT&DL tỉnh Lạng Sơn, Thư ký Khoa học đề tài.
4. Ths. Nguyễn Văn Biểu, Nghiên cứu viên, Viện Sử học.
5. CN. Âu Thị Nga Sơn, Phó Chủ tịch Hội Di sản Văn hóa tỉnh Lạng Sơn, nguyên Phó Giám đốc Sở VH-TT&DL tỉnh Lạng Sơn.
6. CN. Nguyễn Bá San, Phó Chủ tịch Hội Di sản Văn hóa tỉnh Lạng Sơn, nguyên Trưởng Ban Quản lý Di tích tỉnh Lạng Sơn.
7. Ths. Nông Đức Kiên, Giám đốc Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn.
8. CN. Khổng Hồng Minh, Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.
9. CN. Nguyễn Ngọc Lan Anh, Hội Di sản Văn hóa tỉnh Lạng Sơn.

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....	6
1. Lý do chọn đề tài .....	6
1.1. Sự cần thiết và tính cấp bách của việc thực hiện đề tài .....	6
1.2. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài .....	7
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài .....	7
2.1. Nước ngoài .....	7
2.2. Trong nước .....	8
2.3. Trong tỉnh .....	10
2.4. Nhận xét chung các bài viết, công trình nghiên cứu về Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã công bố, xuất bản.....	11
3. Mục tiêu của nhiệm vụ, phạm vi đối tượng nghiên cứu và nội dung, phương pháp thực hiện đề tài .....	12
3.1. Mục tiêu nhiệm vụ của đề tài .....	12
3.2. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu.....	13
3.3. Nội dung nghiên cứu .....	13
3.4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng.....	13
4. Sản phẩm chính của đề tài .....	14
5. Đóng góp của đề tài .....	15
6. Cấu trúc Báo cáo kết quả đề tài .....	15
CHƯƠNG I: QUÊ HƯƠNG – GIA ĐÌNH - TIỂU SỬ HOÀNG ĐÌNH KINH BỐI CẢNH LỊCH SỬ .....	19
1. QUÊ HƯƠNG – SỰ THAY ĐỔI VỀ ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH.....	19
1.1. Tỉnh Bắc Ninh .....	20
1.2. Tỉnh Lạng Sơn .....	29
2. NGUỒN GỐC, GIA ĐÌNH, TIỂU SỬ HOÀNG ĐÌNH KINH .....	32
2.1. Những thông tin, tư liệu đã biết.....	32
2.2. Mấy nhận xét về những thông tin, tư liệu đã biết.....	43
2.3. Những thu nhận được qua tìm hiểu, nghiên cứu .....	44
2.4. Kết luận về gốc tích, gia đình, tiểu sử Hoàng Đình Kinh.....	60
3. BỐI CẢNH LỊCH SỬ XÃ HỘI VIỆT NAM.....	63
3.1. Thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam.....	63
3.2. Thực dân Pháp đánh chiếm Nam Kỳ.....	64
3.3. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ .....	65
CHƯƠNG II: SỰ NGHIỆP ĐÁNH PHỈ CỦA HOÀNG ĐÌNH KINH .....	68
1. TÌNH HÌNH GIẶC PHỈ TRÊN PHẠM VI CẢ NƯỚC .....	68

1.1. Khái niệm về phi, phân loại và nguồn gốc phi .....	68
1.2. Tình hình giặc phi trên phạm vi cả nước.....	70
2. TÌNH HÌNH GIẶC PHI TRÊN QUÊ HƯƠNG HOÀNG ĐÌNH KINH.....	74
3. TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG VÀ CÔNG TRẠNG ĐÁNH PHI .....	77
3.1. Tổ chức lực lượng.....	77
3.2. Công trạng đánh phi của Hoàng Đình Kinh .....	79
CHƯƠNG III: SỰ NGHIỆP ĐÁNH PHÁP CỦA HOÀNG ĐÌNH KINH .....	86
1. DỰNG CỜ KHỞI NGHĨA – XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG .....	86
1.1. Dựng cờ khởi nghĩa .....	86
1.2. Xây dựng lực lượng chống Pháp .....	90
1.3. Xây dựng căn cứ chiến đấu .....	92
2. CHIẾN CÔNG ĐÁNH PHÁP CỦA HOÀNG ĐÌNH KINH.....	99
2.1. Một số trận đánh Pháp tiêu biểu của nghĩa quân.....	99
2.2. Một số cánh quân của nghĩa quân .....	132
2.3. Những tướng lĩnh, chỉ huy tiêu biểu của nghĩa quân .....	138
3. HOÀNG ĐÌNH KINH HY SINH VÀ SỰ TAN RÃ CỦA NGHĨA QUÂN.....	140
3.1. Xung quanh cái chết của Hoàng Đình Kinh .....	140
3.2. Sự tan rã của nghĩa quân.....	148
CHƯƠNG IV: ẢNH HƯỞNG, NHẬN ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA, NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT .....	152
1. ẢNH HƯỞNG CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA TRONG PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC.....	152
1.1. Ảnh hưởng khi cuộc khởi nghĩa đang diễn ra .....	152
1.2. Ảnh hưởng khi cuộc khởi nghĩa đã kết thúc .....	154
1.3. Ảnh hưởng khi sự nghiệp chống Pháp có sự lãnh đạo của Đảng.....	157
2. NHẬN ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ, BÀI HỌC KINH NGHIỆM.....	158
2.1. Nhận định, đánh giá về cuộc khởi nghĩa .....	158
2.2. Những mặt hạn chế và nguyên nhân thất bại .....	165
2.3. Bài học kinh nghiệm từ cuộc khởi nghĩa .....	169
2.4. Vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay .....	171
3. NHỮNG DI TÍCH, HIỆN VẬT TIÊU BIỂU CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA .....	172
3.1. Danh mục những địa điểm, di tích tiêu biểu.....	172
3.2. Danh mục một số hiện vật của cuộc khởi nghĩa.....	191
4. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT .....	193
4.1. Phương thức chuyển giao kết quả đề tài.....	193
4.2. Kiến nghị, đề xuất với lãnh đạo và cơ quan chức năng tỉnh Lạng Sơn.....	196

4.3. Kiến nghị đề xuất với các ngành, đơn vị chức năng Trung ương .....	200
KẾT LUẬN .....	202
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	207

### BẢNG CHÚ GIẢI CHỮ VIẾT TẮT

TT	CHỮ VIẾT TẮT	VIẾT ĐẦY ĐỦ
	BCH	Ban Chấp hành
	BTG	Ban Tuyên giáo
	CAND	Công an nhân dân (Nh.xuất bản)
	CN.	Cử nhân
	CTQG-ST	Chính trị quốc gia – Sự thật (Nhà xuất bản)
	GS.	Giáo sư
	KH&CN	Khoa học và Công nghệ (tạp chí)
	KHXH	Khoa học xã hội (Nhà xuất bản)
	KHXH&NV	Khoa học xã hội và nhân văn
	LSQS	Lịch sử Quân sự (tạp chí)
	NCLS	Nghiên cứu Lịch sử (tạp chí)
	NGND	Nhà giáo Nhân dân
	Nxb. CTQG	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia
	Nxb. H.	Nhà xuất bản... Hà Nội
	Sđd.	Sách đã dẫn
	ThS.	Thạc sĩ
	TS.	Tiến sĩ
	UBND	Ủy ban nhân dân
	VHTT	Văn hóa - Thông tin
	VH-TT&DL	Văn hóa – Thể thao và Du lịch
	VNXL	Văn nghệ xứ Lạng (Tạp chí)
	Xb.	Xuất bản

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

#### 1.1. Sự cần thiết và tính cấp bách của việc thực hiện đề tài

- Cuộc khởi nghĩa của nhân dân các dân tộc Lạng Sơn dưới ngọn cờ yêu nước của người con quê hương Hoàng Đình Kinh (còn gọi Cai Kinh, Huyện Kinh) đánh phi, đánh Pháp xâm lược ngay từ những ngày đầu chúng đánh chiếm Bắc Kỳ và đánh lên Lạng Sơn (1882 - 1888), đã có tiếng vang từ lâu do những chiến công oanh liệt và tác động sâu xa của nó.

- Tuy vậy, trong các tài liệu trước đây của Pháp, của triều Nguyễn cũng như của nhà Thanh (Trung Quốc) và cả những tài liệu lịch sử cận đại Việt Nam đã xuất bản hiện nay, những hoạt động đánh phi, đánh Pháp của thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh và nghĩa quân của ông chưa được ghi chép đầy đủ và đánh giá đúng mức, thậm chí còn mờ nhạt, nhất là những hoạt động chiến đấu chống Pháp của nghĩa quân trong đội hình liên quân với lực lượng quân nhà Thanh hay các lực lượng chống Pháp khác của Việt Nam lúc bấy giờ.

- Một số bài viết, công trình nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa đã công bố trên báo chí và xuất bản, vì những lý do khác nhau còn đưa ra những thông tin nhầm lẫn, sai sót, thiếu chính xác.

- Cho đến nay cũng chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống và đánh giá đầy đủ, sâu sắc về cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh. Vì vậy cuộc khởi nghĩa này vẫn bị khuất lấp.

- Nhiều người, nhất là thế hệ trẻ hôm nay ít hiểu biết về cuộc khởi nghĩa hoặc hiểu một cách mơ hồ, nhầm lẫn, sai lệch. Nhiều bài học quý báu, kinh nghiệm phong phú, tác dụng to lớn của cuộc khởi nghĩa cũng như nhiều di tích lịch sử, hiện vật gắn liền với cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh chưa được bảo tồn, khai thác, phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

## **1.2. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

- Việc tiến hành nghiên cứu đề tài: *“Ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh trong phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ta”* vừa đáp ứng nhu cầu tìm hiểu truyền thống yêu nước, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của đất nước mà các thế hệ ông cha ta đã làm nên, đồng thời góp phần bồi dưỡng lòng tự hào chính đáng và tình yêu quê hương, đất nước cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau.

- Những bài học kinh nghiệm quý báu, những di tích, hiện vật gắn liền với cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh mà đề tài thực hiện được là nguồn tài nguyên nhân văn vô giá để chúng ta khai thác, phát huy trong giai đoạn cách mạng hiện nay và mai sau.

- Từ tình hình thực tế đó, đòi hỏi cần có sự tìm hiểu, nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa của nhân dân các dân tộc Lạng Sơn đánh phi, đánh Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh một cách khoa học, toàn diện và sâu sắc nhằm giúp mọi người có sự hiểu biết đầy đủ, đúng đắn, chính xác hơn về cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh.

- Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là căn cứ khoa học để các cơ quan chức năng và các cấp, các ngành có kế hoạch, biện pháp nhằm giữ gìn, khai thác, phát huy giá trị mọi mặt của cuộc khởi nghĩa phục vụ nhiệm vụ chính trị của quê hương, đất nước trong giai đoạn cách mạng hiện nay và mai sau.

## **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài**

### **2.1. Nước ngoài**

- Hiện nay chưa thấy có tài liệu, công trình nghiên cứu nào của các học giả nước ngoài nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện về cuộc Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh. Chúng ta mới chỉ có những tư liệu, tài liệu, một số công văn, báo cáo, tấu trình của những quan chức người Pháp và nhà Thanh cùng thời với cuộc khởi nghĩa báo cáo nhà cầm quyền cấp trên hoặc triều đình nhà Thanh về những hoạt động của

nghĩa quân Hoàng Đình Kinh và một vài bài báo, phát biểu tham luận, hay cuốn sách của tác giả người Pháp viết về cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Việt Nam, hoặc nói về cuộc khởi nghĩa Yên Thế có nhắc đến nhân vật Hoàng Đình Kinh và nghĩa quân của ông như: Lêcomtê, *Trận phục kích Bắc Lệ*, Pari, 1890, (Việt Nam chưa xuất bản); Bác sĩ Hocquard, *Một chiến dịch ở Bắc Kỳ*, Pari, 1892 (Bản dịch và chú giải của Đinh Khắc Phách, Nxb Văn hóa Đông A, H. 2020); *Lịch sử quân sự Đông Dương*, Hà Nội, 1931; Pôn sắc, *Hoàng Hoa Thám, tên cướp*, Paris, 1933; Paul Munier, *Vùng Cai Kinh - Con người và non nước*, (Diễn văn đọc tại Hội địa lý Hà Nội, ngày 12/4/1934); Bus sê, *Ở Bắc Kỳ, cuộc đời phiêu lưu của Hoàng Hoa Thám*, Paris, 1939, v.v...

- Một vài cuốn sách của tác giả người Trung Quốc nói về chiến tranh Trung - Pháp có nhắc đến những hoạt động của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh, như: Mậu Thế An, *Chiến tranh Trung - Pháp*, Thượng Hải Nhân dân, 1941; *Trung - Pháp chiến tranh tư liệu...* một số tài liệu, báo cáo, thư từ trao đổi giữa các tướng lĩnh nhà Thanh hoạt động ở Việt Nam thời bấy giờ gửi về triều đình nhà Thanh...

## 2.2. Trong nước

- Từ những năm 30 của thế kỷ XX, mặc dù nước ta còn dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nhưng do tiếng vang của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh, ở nước ta đã có một số bài báo, cuốn sách của người Việt có nhắc đến cuộc khởi nghĩa, như:

- Ngô Tất Tố, *Lịch sử quân Đê Thám*, Hà Nội, 1935,  
- Nhật Nham (Trịnh Như Tầu), *Bắc Giang Địa chí*, Nxb. Tùng Thư, 1937.  
- Nhật Nham, *Tại sao lại gọi là núi Cai Kinh, (thuộc Bắc Giang)*, Tạp chí Tri Tân số 16, ngày 26/9/1941.

- Huyền Quang, *Hùm thiêng Yên Thế*, (có nói về Hoàng Đình Kinh) truyện dài đăng tải trên báo *Tia nắng*, Hà Nội, từ số ra ngày 7-10-1950, v.v...



Sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc (1954), việc tìm hiểu, nghiên cứu về lịch sử Việt Nam nói chung và cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh nói riêng đã có sự quan tâm nghiên cứu với quan điểm lịch sử mác-xít dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Đáng chú ý có những bài viết, công trình nghiên cứu, nói về cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh, như:

- Đặng Huy Vận – Nguyễn Đăng Duy, *Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh (1883-1888)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 81, tháng 12/1965.

- Nguyễn Trường Thanh, *Kỳ tích Chi Lăng*, (mục *Núi Cai Kinh, Núi tay ngai*, nói về Hoàng Đình Kinh) Nxb Thanh niên, H.1982.

- Hoàng Minh Thảo, *Về vai trò của Hoàng Đình Kinh (Cai Kinh) với buổi đầu khởi nghĩa Yên Thế (1887-1913)* – Tạp chí Lịch sử Quân sự, số 4-1993.

- Một số cuốn sách như: *Lịch sử Việt Nam* (Tập II) Nxb KHXH 1985, *Địa chí Hà Bắc* (1982), *Lịch sử Hà Bắc* (1986) và một số công trình nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa Yên Thế có nhắc đến cuộc Khởi nghĩa Cai Kinh như: Tôn Quang Phiệt, *Tìm hiểu Hoàng Hoa Thám*, Sở VHTT Hà Bắc Xb. 1984, Khổng Đức Thiêm - Nguyễn Xuân Càn, *Khởi nghĩa Yên Thế*, Sở VHTT Bắc Giang, Hội Khoa học Lịch sử Xb.1997, v.v...

Một số bài viết về cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh công bố trên các báo, tạp chí nghiên cứu và thông tin đại chúng như:

- Hoàng Ngọc Chính – Nguyễn Thúy Hà, *Tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa của Hoàng Đình Kinh (Lạng Sơn) thông qua hiện vật bảo tàng*, Trang tin của Bảo tàng Lịch sử quốc gia, ngày 6-5-2013.

- Đinh Xuân Lâm, *Vị trí của Cai Kinh trong phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỷ XIX*, Tạp chí *Lịch sử quân sự* số 6-2013.

- Lưu Thị Ngọc Tuyết, *Hoàng Đình Kinh - Thủ lĩnh tài ba của dân tộc Tày trong phong trào chống Pháp ở Lạng Sơn cuối thế kỷ XIX*, Tạp chí *Giáo dục* tháng 11-2015.

- Đỗ Thị Hương Liên, *Bàn thêm về cuộc khởi nghĩa của Hoàng Đình Kinh (Cai Kinh) và mối liên hệ với các cuộc khởi nghĩa đương thời*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 28/09/2017,

- Đặc biệt đầu năm 2021, trong khi nhóm thực hiện đề tài đang triển khai nhiệm vụ, tác giả Nguyễn Xuân Cầm (Bắc Giang) đã xuất bản cuốn sách *Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh (1882-1888)*, Nxb. KHXH. H. 2021. Đây là công trình chuyên khảo đầu tiên về cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã được xuất bản.

### 2.3. Trong tỉnh

Từ những năm 80 của thế kỷ XX, đã có một số cuốn sách, bài viết nói về cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh công bố trên các sách, báo, tạp chí của Lạng Sơn xuất bản như:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Lạng Sơn, *Lịch sử cách mạng Tháng Tám tỉnh Lạng Sơn*, Xb 1985.

- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Lạng Sơn, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1930-1945)* - Xb 1986.

- Dương Thành Chức, *Tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Cai Kinh*, Tạp chí Văn hoá - Nghệ thuật số 12/1988, Sở VH TT Lạng Sơn.

- Nguyễn Quang Huynh, *Bước đầu tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh*, Tạp chí Văn hoá - Nghệ thuật số 12/1988, Sở VH TT Lạng Sơn.

- BCH Huyện uỷ Hữu Lũng, *Lịch sử đấu tranh cách mạng của huyện Hữu Lũng trong đấu tranh chống Pháp*, Xb. 1990.

Tại cuộc hội thảo khoa học về “*Nhân vật chí Xứ Lạng*” do Hội đồng chỉ đạo biên soạn sách *Địa chí Lạng Sơn* phối hợp với Viện Sử học tổ chức ngày 17, 18/3/1997, có 3 bài tham luận nói về Hoàng Đình Kinh:

- Nguyễn Vinh Phúc, *Hoàng Đình Kinh (? – 1888)*.

- Nguyễn Xuân Cầm, *Hoàng Đình Kinh với phong trào chống Pháp ở vùng Bắc Giang*.

- Nguyễn Quang Huynh, *Góp phần tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh qua các giai thoại, truyền thuyết lưu truyền trong nhân dân*.

Một số công trình, tác phẩm của Lạng Sơn xuất bản hoặc do tác giả người Lạng Sơn viết có nói đến khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh như:

- UBND tỉnh Lạng Sơn, *Địa chí Lạng Sơn*, Nxb Chính trị Quốc gia, H. 1999.

- Nguyễn Quang Huynh, *Mũi tên thân*, (Giai thoại, truyền thuyết về cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh), Nxb VHDT, H. 1999.

- Nguyễn Quang Huynh, *Thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh*, (Truyện tranh), Nxb VHDT, H. 2001.

- *Di sản văn hóa Lạng Sơn* (tập I) Nxb. VHTT, H. 2006, v.v...

- Đáng chú ý năm 2013, dòng họ Hoàng xã Hòa Lạc, Hữu Lũng (thân tộc Hoàng Đình Kinh) phối hợp với Sở VH-TT&DL Lạng Sơn đã tổ chức “*Hội thảo khoa học các bài viết, tư liệu về thân thế, sự nghiệp Hoàng Đình Kinh chống giặc Pháp, phi bảo vệ quê hương cuối thế kỷ XIX*”. Những bài viết và phát biểu tại hội thảo đã được xuất bản thành *Kỷ yếu Hội thảo khoa học các bài viết, tư liệu về thân thế, sự nghiệp Hoàng Đình Kinh chống giặc Pháp, phi bảo vệ quê hương cuối thế kỷ XIX*, do Sở VH-TT&DL Lạng Sơn – Họ Hoàng, thân tộc Hoàng Đình Kinh xã Hòa Lạc (Hữu Lũng), Xb. 2-2014.

#### **2.4. Nhận xét chung các bài viết, công trình nghiên cứu về Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã công bố, xuất bản**

- Nhìn chung các bài viết, nghiên cứu hay công trình chuyên khảo về khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã công bố, ta thấy trong từng tác phẩm, bài viết, ít nhiều đã cung cấp cho người đọc những thông tin, tư liệu đáng quý về từng mặt, từng lĩnh vực nhất định của cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh. Một số bài viết, tác phẩm đã nêu lên những nhận xét, đánh giá về vị trí, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa trong tiến trình lịch sử của quê hương, đất nước.

Tuy nhiên, nhiều bài viết, công trình nghiên cứu đó còn thiếu toàn diện, chưa nêu được đầy đủ, sâu sắc về cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh. Một số bài viết, tác phẩm, vì những lý do khác nhau đã đưa ra những thông tin còn có những nhầm lẫn, sai sót, thiếu chính xác, thậm chí có những chi tiết, sự kiện viết theo dạng dã sử, hư cấu, thiếu căn cứ khoa học, do đó đã làm cho người đọc, người nghe hiểu về cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh không đầy đủ, sai lệch, nhầm lẫn, thiếu chính xác.

### **3. Mục tiêu của nhiệm vụ, phạm vi đối tượng nghiên cứu và nội dung, phương pháp thực hiện đề tài**

#### **3.1. Mục tiêu nhiệm vụ của đề tài**

- Tìm hiểu, nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện, sâu sắc về Cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh.

- Nhận xét, đánh giá, rút ra những bài học từ cuộc khởi nghĩa, trên cơ sở đó xác định ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh trong phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

- Xác định rõ những địa danh, di tích, hiện vật... gắn liền với cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh; làm rõ giá trị lịch sử, văn hóa của các di tích, hiện vật, từ đó đề xuất biện pháp khoanh vùng, bảo vệ, xếp hạng và khai thác, phát huy hiệu quả của nó.

- Đề xuất giải pháp chuyển giao kết quả nghiên cứu đề tài và những đề xuất kiến nghị với các cấp, các ngành chức năng nhằm khai thác, phát huy giá trị của cuộc khởi nghĩa góp phần phục vụ nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn cách mạng hiện nay và mai sau.

### **3.2. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu**

- Nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc về cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh, trên phạm vi cuộc khởi nghĩa diễn ra gồm trong tỉnh, ngoài tỉnh (Lạng Sơn, Bắc Giang, Thái Nguyên) và những nơi có liên quan.

### **3.3. Nội dung nghiên cứu**

- Nội dung 1: Quê hương, nguồn cội, gia đình người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh.

- Nội dung 2: Khái quát Bối cảnh lịch sử đất nước, quê hương Hoàng Đình Kinh thời kỳ nổ ra cuộc khởi nghĩa (1880-1890).

- Nội dung 3: Sự nghiệp đánh phỉ bảo vệ quê hương của Hoàng Đình Kinh.

- Nội dung 4: Sự nghiệp đánh Pháp xâm lược của Hoàng Đình Kinh.

- Nội dung 5: Nhận định, đánh giá, bài học kinh nghiệm và ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa đối với phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

- Nội dung 6: Xác định những di tích, hiện vật của cuộc khởi nghĩa; giải pháp chuyển giao kết quả nghiên cứu. Những kiến nghị, đề xuất với các cấp, các ngành chức năng.

- Nội dung 7: Viết bản thảo cuốn sách khảo cứu về Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh.

- Nội dung 8: Viết Báo cáo tổng kết đề tài (có hình ảnh minh họa kèm theo).

### **3.4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng**

#### **3.4.1. Cách tiếp cận**

Tiếp cận với các bài viết, tác phẩm, công trình nghiên cứu đã công bố, kết hợp với các tư liệu, tài liệu sưu tầm thu thập được.

- Tổ chức điền dã sưu tầm, điều tra nghiên cứu những nội dung cần thiết phục vụ đề tài.

- Tổ chức hội thảo khoa học để thu thập tư liệu và làm rõ những nội dung cần nghiên cứu.

#### 3.4.2. Phương pháp nghiên cứu

- Sử dụng phương pháp duy vật lịch sử, duy vật biện chứng, logic học trong nghiên cứu và đánh giá các sự kiện của cuộc khởi nghĩa.

- Sử dụng phương pháp nghiên cứu văn bản học, nghiên cứu các tài liệu, tư liệu thu thập được, kết hợp với điền dã, điều tra thực tế và tổ chức hội thảo, thẩm định... để khái quát, đánh giá, kết luận cụ thể.

- Sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành: kết hợp lịch sử dân tộc với lịch sử địa phương, Lịch sử - Quân sự; Lịch sử - Văn hóa – Du lịch – Thương mại... để xem xét, đánh giá và đề xuất khai thác, phát huy kết quả nghiên cứu đề tài.

#### 3.4.3. Kỹ thuật sử dụng

- Sử dụng kỹ thuật chụp ảnh, ghi âm hỗ trợ cho việc sưu tầm tư liệu, lưu giữ hình ảnh di tích, hiện vật của cuộc khởi nghĩa.

### 4. Sản phẩm chính của đề tài

Đề tài hoàn thành sẽ thu được những sản phẩm sau:

1. Bản thảo cuốn sách khảo cứu *Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh (1882-1888)*.

2. Tập 6 báo cáo chuyên đề:

- *Chuyên đề 1*: Bối cảnh lịch sử đất nước và vùng Lạng Sơn – Bắc Giang thời kỳ nổ ra cuộc khởi nghĩa. Lai lịch, tiểu sử Hoàng Đình Kinh.

- *Chuyên đề 2*: Sự nghiệp đánh Phỉ bảo vệ quê hương của Hoàng Đình Kinh

- *Chuyên đề 3*: Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh và sự nghiệp đánh Pháp xâm lược của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh.

- *Chuyên đề 4*: Ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đối với phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

- *Chuyên đề 5*: Nhận định, đánh giá và những bài học kinh nghiệm rút ra từ cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh. Giải pháp chuyển giao kết quả nghiên cứu.

- *Chuyên đề 6*: Những di tích, hiện vật của cuộc khởi nghĩa cần lưu giữ, xếp hạng, bảo vệ, phát huy. Những kiến nghị, đề xuất với các cấp, các ngành chức năng.

3. Bộ ảnh tư liệu về cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh.

4. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài.

## **5. Đóng góp của đề tài**

- Đề tài thực hiện hoàn thành sẽ góp phần quan trọng trong việc tìm hiểu, nghiên cứu một cách khoa học, có hệ thống, toàn diện và sâu sắc về cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh mà lâu nay chưa được làm rõ, từ đó có cơ sở khoa học để đánh giá vị trí, ý nghĩa, ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa đối với phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ta. Rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc phục vụ nhiệm vụ chính trị của quê hương, đất nước.

- Quá trình thực hiện đề tài cũng xác định rõ những địa danh, di tích, hiện vật... gắn liền với cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh, có cơ sở khoa học làm rõ giá trị lịch sử, văn hóa của nó, từ đó có biện pháp khoanh vùng, bảo vệ, xếp hạng và khai thác, phát huy hiệu quả giá trị của các di tích, hiện vật đó.

- Những kiến nghị đề xuất với các cấp, các ngành chức năng và giải pháp chuyển giao kết quả nghiên cứu của đề tài nhằm khai thác, phát huy giá trị cuộc khởi nghĩa trong giai đoạn cách mạng hiện nay và mai sau.

## **6. Cấu trúc Báo cáo kết quả đề tài**

Ngoài phần mở đầu, danh mục tài liệu tham khảo, đề xuất, kiến nghị và phụ lục, nội dung chính của đề tài gồm 4 chương:

Chương I. Quê hương, Gia đình, Tiểu sử Hoàng Đình Kinh, Bối cảnh lịch sử

I. Quê hương – Sự thay đổi về địa lý hành chính.

1.1. Tỉnh Bắc Ninh.

1.1.1. Huyện Hữu Lũng.

1.1.2. Xã Hòa Lạc, làng Thượng, xóm Ná.

1.2. Tỉnh Lạng Sơn.

II. Nguồn gốc, gia đình, tiểu sử Hoàng Đình Kinh

2.1. Những thông tin, tư liệu đã biết

2.2. Máy nhận xét về những thông tin, tư liệu đã biết

2.3. Những thu nhận được qua tìm hiểu, nghiên cứu

2.3.1. Nguồn gốc, quê quán, dân tộc của Hoàng Đình Kinh

2.3.2. Nơi Hoàng Đình Kinh sinh ra, lớn lên

2.3.3. Những người trong gia đình Hoàng Đình Kinh

2.3.4. Thân thế, tiểu sử Hoàng Đình Kinh

2.4. Kết luận về gốc tích, gia đình, tiểu sử Hoàng Đình Kinh

III. Bối cảnh lịch sử xã hội Việt Nam

3.1. Thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam

3.2. Thực dân Pháp đánh chiếm Nam Kỳ

3.3. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ

Chương II. Sự nghiệp đánh phi của Hoàng Đình Kinh

I. Tình hình giặc phi trên phạm vi cả nước

1.1. Khái niệm về phi, phân loại và nguồn gốc phi

1.2. Tình hình giặc phi trên phạm vi cả nước

II. Tình hình giặc phi trên quê hương Hoàng Đình Kinh

III. Tổ chức lực lượng và công trạng đánh phi

3.1. Tổ chức lực lượng

3.2. Công trạng đánh phi của Hoàng Đình Kinh



## Chương III. Sự nghiệp đánh Pháp của Hoàng Đình Kinh

### I. Dụng cờ khởi nghĩa, xây dựng lực lượng

#### 1.1. Dụng cờ khởi nghĩa

#### 1.2. Xây dựng lực lượng chống Pháp

#### 1.3. Xây dựng căn cứ chiến đấu

### II. Chiến công đánh Pháp của Hoàng Đình Kinh

#### 2.2. Một số cánh quân của nghĩa quân

#### 2.3. Những tướng lĩnh, chỉ huy tiêu biểu của nghĩa quân

### III. Hoàng Đình Kinh hy sinh và sự tan rã của nghĩa quân

#### 3.1. Xung quanh cái chết của Hoàng Đình Kinh

#### 3.2. Sự tan rã của nghĩa quân

## Chương IV. Ảnh hưởng, nhận định, đánh giá về cuộc khởi nghĩa, những kiến nghị đề xuất

### I. Ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa trong phong trào chống thực dân Pháp xâm lược

#### 1.1. Ảnh hưởng khi cuộc khởi nghĩa đang diễn ra

#### 1.2. Ảnh hưởng khi cuộc khởi nghĩa đã kết thúc

#### 1.3. Ảnh hưởng khi sự nghiệp chống Pháp có sự lãnh đạo của Đảng

### II. Nhận định, đánh giá, bài học kinh nghiệm

#### 2.1. Nhận định, đánh giá về cuộc khởi nghĩa

#### 2.2. Những mặt hạn chế và nguyên nhân thất bại

#### 2.3. Bài học kinh nghiệm từ cuộc khởi nghĩa

#### 2.4. Vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

### III. Những di tích, hiện vật tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa

#### 3.1. Danh mục những địa điểm, di tích tiêu biểu

#### 3.2. Danh mục một số hiện vật của cuộc khởi nghĩa

#### IV. Phương thức chuyển giao, kiến nghị, đề xuất

4.1. Phương thức chuyển giao kết quả đề tài

4.2. Kiến nghị, đề xuất với lãnh đạo và cơ quan chức năng tỉnh Lạng Sơn

4.3. Kiến nghị đề xuất với các ngành, đơn vị chức năng Trung ương

Kết luận.

# CHƯƠNG I: QUÊ HƯƠNG – GIA ĐÌNH - TIỂU SỬ HOÀNG ĐÌNH KINH

## BỐI CẢNH LỊCH SỬ

---

### 1. QUÊ HƯƠNG – SỰ THAY ĐỔI VỀ ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH

Hoàng Đình Kinh – người thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa đánh phi, chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX, sinh ra, lớn lên tại xóm Ná, làng Thượng, xã Hòa Lạc, tổng Thuộc Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Bắc Ninh, (nay là xóm Ná, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn<sup>1</sup>). Đây là nơi giáp ranh giữa hai tỉnh Bắc Ninh (sau là Bắc Giang) và Lạng Sơn, vì vậy theo dòng lịch sử, huyện Hữu Lũng nói chung và xóm Ná, làng Thượng (xã Hòa Lạc) nói riêng, thường có những biến động về địa lý hành chính liên quan giữa hai tỉnh Bắc Ninh, (sau là Bắc Giang) và Lạng Sơn. Khi Hoàng Đình Kinh sinh ra, lớn lên, và trở thành thủ lĩnh lãnh đạo cuộc khởi nghĩa (từ 1882 đến 1888) thời gian đó, quê hương ông thuộc tỉnh Bắc Ninh, nhưng địa bàn hoạt động của cuộc khởi nghĩa diễn ra trên diện rộng, cả các tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn và Thái Nguyên. Hơn nữa nhiều hoạt động quan trọng của cuộc khởi nghĩa diễn ra trên đất Lạng Sơn và có sự tác động, ảnh hưởng sâu sắc của chính quyền, người dân tỉnh Lạng Sơn đối với cuộc khởi nghĩa cũng như cá nhân người thủ lĩnh Hoàng Đình kinh. Vì vậy, để nghiên cứu cuộc khởi nghĩa, chúng ta cần tìm hiểu khái quát cả hai tỉnh Bắc Ninh (bao gồm cả Bắc Giang) và Lạng Sơn.

Theo dòng duyên cách lịch sử, vùng đất quê hương của Hoàng Đình Kinh đã có những thay đổi về địa lý hành chính.

---

<sup>1</sup>. Huyện Hữu Lũng trước đây thuộc tỉnh Bắc Ninh. Ngày 10-5-1895 chính quyền Pháp cắt tỉnh này ra làm 2 tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang, Hữu Lũng thuộc tỉnh Bắc Giang. Ngày 1-7-1956 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 268-SL thành lập Khu Tự trị Việt Bắc, huyện Hữu Lũng sáp nhập về tỉnh Lạng Sơn, nằm trong Khu Tự trị Việt Bắc. Ngày 28-3-1983, Hội đồng Bộ trưởng có quyết định số 24-HĐBT, thành lập thị trấn Chi Lăng thuộc huyện Chi Lăng, xóm Ná, xóm Cây Hồng cùng một số xóm của xã Hòa Lạc thuộc về thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng. Địa danh “làng Thượng” (gồm 2 xóm: Ná và Cây Hồng), nay thành 2 xóm trực thuộc thị trấn Chi Lăng. Chỉ trong việc làng, đình đám truyền thống của 2 xóm thì dân ở đây vẫn gọi các chức dịch chung (cai đám, lèn trưởng...) là của làng Thượng.

## 1.1. Tỉnh Bắc Ninh

Sách “*Địa lý hành chính Kinh Bắc*”<sup>2</sup> của Nguyễn Văn Huyền viết: “Bắc Ninh là tên một tỉnh của Bắc Kỳ, trải ra trên 1.100 km, được sông Đuống (còn gọi sông Thiên Đức) tưới từ Tây sang Đông tại phía Tây và Tây Nam, giáp sông Cầu tại phía Bắc và sông Thái Bình tại phía Đông, trước khi sắp xếp lại cương vực năm Thành Thái thứ 7 (1895) và năm Thành Thái thứ 14 (1902), đó là một đơn vị hành chính rộng lớn trên 6.500 cây số vuông. Đơn vị đó bao gồm hầu hết các tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang, một phần lớn tỉnh Phúc Yên cũng như một số làng của tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Thái Nguyên và Lạng Sơn” [26, tr. 7].

Phạm vi địa giới của tỉnh Bắc Ninh được duy trì cho đến những năm cuối cùng của thế kỷ XIX thì mới có những thay đổi lớn.

Ngày 10-10-1895, (năm Thành Thái thứ 7), chính quyền Pháp đã tách ra khỏi Bắc Ninh (tỉnh từ thời Minh Mệnh) gồm phủ Lạng Giang, phủ Đa Phúc và các huyện Kim Anh, Yên Dũng, Phượng Nhỡn, Việt Yên, Hiệp Hòa, Yên Thế và một số tổng nằm ở phía nam sông Lục Nam để thành lập tỉnh Bắc Giang. Tỉnh lỵ là Phủ Lạng Thương (nay là thành phố Bắc Giang). Khi đó huyện Hữu Lũng nằm trong phủ Lạng Giang thuộc tỉnh Bắc Giang. Năm 1896, phủ Đa Phúc và huyện Kim Anh được trả lại cho tỉnh Bắc Ninh.[59, tr. 47]

Ngày 10-5-1895 chính quyền Pháp cắt tỉnh Bắc Ninh ra làm 2 tỉnh: Bắc Ninh và Bắc Giang. Ngày 10 tháng 10 năm 1895, giải tán Đạo quân quan binh Phả Lại, phần đất Hữu Lũng được trả lại tên và nằm trong phủ Lạng Giang, thuộc tỉnh Bắc Giang.

Như vậy, thời kỳ cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh nổ ra (1882-1888), quê hương Hoàng Đình Kinh thuộc tỉnh Bắc Ninh.

---

<sup>2</sup> Nguyễn Văn Huyền, *Địa lý hành chính Kinh Bắc* – bản gốc tiếng Pháp do Viện Viễn Đông Bác cổ Hà Nội cùng Nhà Xuất bản Văn hóa - Thông tin xuất bản tiếng Pháp. Năm 1997, Sở Văn hóa – Thông tin tỉnh Bắc Giang phối hợp với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức xuất bản, bản dịch do Nguyễn Khắc Đạm thực hiện, kèm theo một số ghi chú của PTS. Không Đức Thiêm về những thay đổi địa danh hành chính so với ngày nay.

### 1.1.1. Huyện Hữu Lũng

Sách “*Địa lý hành chính kinh Bắc*” của Nguyễn Văn Huyền cho biết: Huyện Hữu Lũng, thời Trần (1225-1400) có tên là Cổ Lũng. Thời Minh xâm lược, huyện Cổ Lũng thuộc châu Lạng Giang và là một bộ phận của phủ Lạng Giang. Thời Quang Thuận nhà Lê (1460-1469) huyện Cổ Lũng được đổi là Hữu Lũng.

Huyện Hữu Lũng cách phân phủ Lạng Giang 17 dặm<sup>3</sup>. Từ Đông sang Tây đo được 79 dặm, từ Bắc xuống Nam 40 dặm. Từ huyện lỵ về phía Đông tới ranh giới châu Ôn (tỉnh Lạng Sơn) là 67 dặm; về phía Tây tới ranh giới huyện Yên Thế là 12 dặm; về phía Nam tới con sông ngăn nó với huyện Bảo Lộc là 3 dặm; về phía Bắc tới ranh giới huyện Vũ Nhai (tỉnh Thái Nguyên) là 39 dặm. Lỵ sở của huyện nằm trên địa phận xã Hữu Hạ. Năm Duy Tân thứ 2 (1908), huyện được đổi thành *châu* Hữu Lũng.

Dưới triều Lê, theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi (biên soạn 1435) huyện Hữu Lũng gồm 24 xã, nhưng theo *Hồng Đức bản đồ* (1470-1497) thì là 25 xã. Đầu thế kỷ XIX huyện gồm 24 xã và trại, chia ra 4 tổng là: Nguyễn Thượng, Hương Vĩ, Vân Nham và Thuộc Sơn. Trong *Danh sách Đồng Khánh*<sup>4</sup> người ta cũng thấy những tổng đó với 30 xã, thôn, trại. Từ đầu thế kỷ XX, chỉ có 2 tổng là tổng Vân Nham và Thuộc Sơn là thuộc châu Hữu Lũng. 2 tổng kia là Nguyễn Thượng và Hương Vỹ thì được đưa sang phủ Yên Thế.

Như vậy, thời kỳ cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh nổ ra, huyện Hữu Lũng vẫn gồm 4 tổng (Thuộc Sơn, Vân Nham, Nguyễn Thượng và Hương Vỹ).

1. *Tổng Nguyễn Thượng* (trong *Danh sách Đồng Khánh* là tổng Hữu Thượng, thuộc phủ Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, ngày nay cũng vậy) có 4 xã:

- Xã Nguyễn Thượng (Hữu Thượng) có 2 thôn: Lèo, Mạc;
- Xã Nguyễn Hạ (Hữu Hạ) có 3 thôn: Cồn Cả, Cồn Thung, Trại Giang;

<sup>3</sup> Dặm là đơn vị đo độ dài cũ ở Việt Nam, bằng 1.000 thước ta (1 thước ta bằng 0,4 m) vậy 1 dặm bằng khoảng 400 m. Đơn vị đo độ dài ở mỗi nước thường khác nhau. 1 dặm Trung Quốc bằng 500 m. (*Đại từ điển tiếng Việt*).

<sup>4</sup> Đồng Khánh là hoàng đế thứ chín của nhà Nguyễn, tại vị từ tháng 9/1885 đến 1/1889.

- Xã Phúc Đình có 2 thôn: Cả, Cạng;
- Xã Canh Nậu có 4 thôn: Chay, Đôn, Thìa, Sơn Nùng.

(Ngày nay tổng Hữu Thượng này thuộc Yên Thế, Bắc Giang, có 7 xã nữa là: xã Canh Nậu, xã Đông Lạc (Yên Lạc, Hữu Trung), xã Phồn Xương (phần lớn xã Phồn Xương, Hữu Thượng), xã Tam Tiến (Đông Diên), xã Tân Sơn, xã Phúc Hòa – Tân Yên (Phúc Đình, Hòa Láng).

### 2. Tổng Hương Vĩ: 6 xã.

- Xã Hương Vĩ (làng Vía);
- Xã Bồ Hạ, có 4 thôn: Bồ Hạ (làng Dinh), Bồ Sơn (Bo Non); làng Đông (Đông Kênh), làng Thị (Bo Chợ);
- Trại Bồ Sơn (sau nhập vào xã Bồ Hạ);
- Xã Đồng Hưu, có 3 thôn: Đèo Cà, Đồng Củ (Ba Lò), Đồng Hưu (trại Phăng);
- Xã Ngao Thượng (làng Ngò).

(Danh sách Đồng Khánh cho biết tổng này còn có 2 điểm tụ cư nữa là trại Phú Nương; xã Thiện Kỳ có 4 thôn: Đồng Mã, làng Cuồng, làng Lân, Mỏ Ám).

### 3. Tổng Vân Nham: 7 xã;

- Xã Minh Lễ, có 2 thôn: Bến Cồn, Minh Lễ.  
(sau xã này nhập vào tổng Thuộc Sơn, châu Hữu Lũng).
- Xã Hữu Lân, có 15 thôn: Nà Nạc, Cái Các, Ba Leng, xóm Áng, làng Cươn, làng Bên, làng Ro, làng Que, Hang Muồng, Chục Tăng, Lân Rằm, Lâu Tàu, Lâu Vải, Đèo Như, Lân Cát. (Sau xã này có tên là Hữu Liên, được nhập vào tổng Vạn Linh, châu Bằng Mạc - nay là huyện Chi Lăng. Ngày 11 tháng 9 năm 1989, lại chuyển xã Hữu Liên từ huyện Chi Lăng về huyện Hữu Lũng quản lý).

- Xã Bả Lộng (Bảo Lộng – nay là xã Yên Bình) có 6 thôn: Trang, Tráng, Nghè, Đồng Bụt, Đồng Luông, Đồng Nưa;

- Xã Chiêu Tuấn (nay là xã Sơn Hà) có 4 thôn: Cã, Gai, Diện, Mới;
- Xã Vi Sơn;

- Xã Vô Muộn (nay là xã Quyết Thắng) có 7 thôn: Bầm, Tráng, Gạo, Kép, Ný, Rây, Trang;

- Xã Gia Mỹ; (xã này sau được đưa vào xã Gia Lộc, tổng Bằng Mạc, châu Bằng Mạc (sau thuộc Chi Lăng) tỉnh Lạng Sơn;

- Xã Vân Nham có 6 thôn: Bằng, Điền, Nét, Lùng, Muông, Vạn Luông.

4. *Tổng Thuộc Sơn*: có 7 xã.

- Xã Thuộc Sơn (nay là xã Cai Kinh) có 4 thôn: Đồng Thuộc, làng Bến, làng Dân (Dãn), làng Mẫn (làng Mãn).

- Xã Thần Lâu (Trong *Danh sách Đồng Khánh* là xã Khôn Lâu) có 4 thôn: Đồng Lai, Hương Cẩn (làng Cẩn), Lễ Hạ (làng Sậy), Mỹ Ngọc (làng Ngọc, Ngốc);

- Xã Thắng Yên (sau là Đăng Yên) có 3 thôn: Diễn Ngọc (làng Diễn), Dương Bình (làng Giàng), Mỹ Chù (làng Chù);

- Xã Nhật Lăng (nay là Nhật Tiến), có 3 thôn: Đồng Tràng, làng Trại, làng Diêm;

- Xã Hòa Lạc có 4 thôn: làng Cường, làng Chung, làng Hạ, làng Lộc;<sup>5</sup>

Cuốn *Danh sách Đồng Khánh* còn ghi cho tổng Thuộc Sơn này 3 xã nữa:

1. Xã Vạn Linh, được coi như *xã phiêu lưu* trong danh sách của Bị lăm. Ngày nay (đầu thế kỷ XX) xã này được gán vào tổng Vạn Linh, châu Bằng Mạc, tỉnh Lạng Sơn. Có 42 thôn: Nà Ngoành, Nà Thàng, Nà Thia, Lũng Chao, Lũng Khía, Chục Chạy, Lũng Cút, Đông Lay, Lũng Luông, Ta Rây, Lả Gia, Khôn Xà, Bò Cày, Làng Trung, Khôn Đút, Lũng Rào, Khau Rì, Khôn Khâu, Nà Hia, Nà Teng, Lũng Hoài, Nà Rừa, làng Đam, Nà Hao, Lũng Om, Xa Đan, Lũng Nà, Lũng Tàn, Lũng Mứ, Nà Lạp, Bó Kềng, làng Đông, Lũng Trát, Khôn Vạc, Khôn Màng, Nà Đan, Lũng Tiếu, Lũng Cút, Nà Chạy, Cốc Pheo, Nà Chàng, Đồng Nau.

2. Xã Tiên Lệ, có 4 thôn: Đồng Cây, Khôn Dầu, làng Cầu, Na Hoa.

---

<sup>5</sup> Đầu thời Nguyễn, xã Hòa Lạc chỉ ghi 4 thôn (như trên). Đến “Danh sách Đồng Khánh” (1885-1889) ghi thêm 3 xã (Vạn Linh, Tiên Lệ, Chi Quan) vào tổng Thuộc Sơn nên ta thấy có tên làng Hạ, làng Thượng thuộc xã Chi Quan, nay thuộc xã Hòa Lạc.

### 3. Xã Chi Quan, có 3 thôn: làng Hạ, làng Thượng, Trại Đa

Ngoài ra, sau tổng Thuộc Sơn còn gồm xã Đăng Sen, vốn là một bộ phận của xã Thăng Yên, có 3 thôn: Đăng Thịnh (làng Đăng), Lộc Phú (làng Tầm), Phú Hoa (làng Loi). [26, tr 228)

- Những năm cuối thế kỷ XIX, sau khi chiếm xong tỉnh Bắc Ninh chính quyền thực dân Pháp có những điều chỉnh về địa lý hành chính, liên quan đến huyện Hữu Lũng. Theo Vũ Văn Tỉnh, *Những thay đổi về địa lý hành chính các tỉnh Bắc Kỳ trong thời kỳ Pháp thuộc*,<sup>6</sup> cho biết:

Ngày 5-11-1889, thành lập tỉnh Lục Nam bao gồm phủ Lạng Giang (các huyện Bảo Lộc, Phượng Nhỡn, Lục Nam và Hữu Lũng) của tỉnh Bắc Ninh, ở về bên tả ngạn sông Thương và huyện Yên Bái tách từ tỉnh Lạng Sơn ra. Tỉnh lỵ là Lục Nam.

Ngày 20-8-1891 và 9-9-1891, tách các huyện Lục Ngạn, Hữu Lũng, Yên Bái ra khỏi tỉnh Lục Nam và huyện Yên Thế ra khỏi tỉnh Bắc Ninh. (...) Đem huyện Hữu Lũng và huyện Yên Thế hợp với phủ Phú Bình và phủ Tông Hóa tỉnh Thái Nguyên đặt thành quân khu Thái Nguyên thuộc đạo quân sự thứ nhất.

Ngày 8-9-1891, trả lại phủ Lạng Giang của tỉnh Lục Nam về tỉnh Bắc Ninh. Như vậy, đến đây tỉnh Lục Nam mặc nhiên bị xóa bỏ.

Ngày 4-12-1892 trả lại huyện Yên Thế về tỉnh Bắc Ninh. Huyện Hữu Lũng chuyển sang đạo quân sự thứ hai.

Ngày 6-2-1894 Pháp cho lập tại vùng núi Cai Kinh một khu quân sự Cai Kinh, còn gọi “Tiểu Quân khu Cai Kinh”, thuộc đạo quân sự thứ 2, bao gồm 13 tổng người Thổ trong đó có huyện Hữu Lũng.

---

<sup>6</sup> Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 133 (tháng 7+8), 134 (tháng 9+10) năm 1970.



Ngày 20 tháng 10-1895, Pháp cắt châu Bắc Sơn và châu Bình Gia thuộc khu quân sự Chợ Mới và huyện Hữu Lũng chuyển sang khu quân sự Lạng Sơn.

Ngày 5-8-1896, lý sở của đạo quân sự thứ hai chuyển về Cao Bằng. Lạng Sơn trở thành lý sở của đạo quân sự thứ nhất. Đạo này chia ra làm 3 khu quân sự là Lạng Sơn, Móng cái và Yên Thế.

Ngày 9-9-1896, xóa bỏ huyện Hữu Lũng của đạo quân sự thứ hai và đem cả 2 tổng của huyện này nhập vào châu Bằng Mạc trong khu quân sự Yên Thế, thuộc đạo quân sự thứ nhất Lạng Sơn.

Ngày 29-11-1899, xóa bỏ khu quân sự Yên Thế. Huyện Hữu Lũng tách khỏi châu Bằng Mạc, cùng với châu này và các châu Bắc Sơn, Bình Gia (rút từ khu quân sự Lạng Sơn ra) đứng trong khu quân sự Vạn Linh mới được đặt ra trong đạo quân sự thứ nhất. Những bộ phận đất đai khác của khu quân sự Yên Thế được sáp nhập vào tỉnh Bắc Giang. Ngày 11-4-1900, rút huyện Hữu Lũng khỏi khu quân sự Vạn Linh, đem sáp nhập vào tỉnh Bắc Giang. [59, tr. 59]. Năm 1908 đổi huyện thành châu Hữu Lũng. Từ đó đến khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hữu Lũng là 1 châu thuộc tỉnh Bắc Giang, với 2 tổng là Thuộc Sơn và Vân Nham.

Cách mạng tháng Tám năm 1945, hòa chung khí thế cách mạng của cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Giang và trực tiếp của Đảng bộ địa phương, nhân dân các dân tộc huyện Hữu Lũng đã dấy lên cao trào đánh đổ phát xít Nhật và tay sai. Tháng 4-1945, các lực lượng cách mạng của Hữu Lũng đã lần lượt nổi dậy giải phóng các xã Thiện Kỳ, Tân Lập (12-4-1945), Bảo Lộng (13-4-1945), Phổng, Sông Hóa (15-4-1945) và cuối cùng hạ đồn Mẹt (19-8-1945). Ngày 20-9-1945 một cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại chợ Phổng (xã Vân Nham) tuyên bố chính quyền

cách mạng lâm thời huyện Hữu Lũng được thành lập và ra mắt nhân dân do ông Lã Văn Lô làm Chủ tịch, ông Bằng Đắc là Chủ nhiệm Việt Minh [47, tr 31]<sup>7</sup>

Sau Cách mạng Tháng Tám, và Quốc khánh 2-9, ngày 8-9-1945 Chính phủ ra sắc lệnh mở cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc dân Đại hội (Quốc hội) trong cả nước. Ngày 21-11-1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 63 Quy định về bầu cử, tổ chức, cách làm việc của Hội đồng nhân dân và UBND các cấp. Tổ chức chính quyền mới gồm 4 cấp: Trung ương, tỉnh, huyện và xã, xóa bỏ cấp tổng (dưới cấp huyện, trên cấp xã) và cấp phủ (dưới cấp tỉnh, trên cấp huyện). Hữu Lũng là một huyện nằm trong cơ cấu hành chính của tỉnh Bắc Giang gồm có 15 xã: Chiêu Tuấn, Cù Sơn, Chi Quan, Tiên Lệ, Hòa Lạc, Thuộc Sơn, Khuôn Lâu, Nhật Lăng, Minh Lễ, Vân Nham, Thiện Kỳ, Vô Muộn, Bảo Lộng, Đăng Yên, Đăng Sơn.

Cuối năm 1948 huyện sáp nhập 15 xã thành 9 xã, gồm: Tuấn Sơn, Chi Tiên, Hòa Lạc, Cai Kinh, Nhật Minh, Vân Nham, Thiện Kỳ, Yên Bình, Yên Vượng.

Tháng 11 năm 1953 huyện tách 09 xã thành 24 xã. gồm các xã Đồng Tân, Cai Kinh, Hòa Lạc, Yên Vượng, Yên Thịnh, Yên Sơn, Sơn Hà, Hồ Sơn, Tân Thành, Hòa Sơn, Minh Hòa, Hòa Thắng, Minh Sơn, Nhật Tiến, Minh Tiến, Đô Lương, Vân Nham, Thanh Sơn, Đồng Tiến, Tân Lập, Thiện Kỳ, Yên Bình, Hòa Bình, Quyết Thắng.

Huyện Hữu Lũng trước đây thuộc tỉnh Bắc Giang. Từ năm 1956, nhân việc thành lập Khu Tự trị Việt Bắc (theo Sắc lệnh số 268-SL ngày 1 tháng 7 năm 1956 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa), huyện Hữu Lũng được sáp nhập vào tỉnh Lạng Sơn trực thuộc Khu tự trị Việt Bắc. Ngày 29-7-1956, Ủy ban hành

---

<sup>7</sup> Về sự kiện này, sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Giang*, tập 1 (1926-1975), Nxb. CTQG, Hà Nội, 2023 ghi việc giành chính quyền Cách mạng tháng 8-1945 ở huyện Hữu Lũng (khi đó Hữu Lũng thuộc tỉnh Bắc Giang) như sau: “Tại Hữu Lũng, được tin tỉnh trưởng Bắc Giang đã đầu hàng Việt Minh, chính quyền đã về tay nhân dân, tri châu Lã Văn Lô hoảng sợ đã tìm gặp Việt Minh xin trao chính quyền. Ngày 19-8-1945, lực lượng vũ trang của ta tấn công đồn Mẹt, dùng loa kêu gọi binh lính hạ vũ khí đầu hàng. Tri châu Lã Văn Lô giao toàn bộ sổ sách, ấn tín cho cách mạng” (tr. 115-116) (Dẫn theo Nguyễn Xuân Cần, *Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh* (1882-1888), Nxb. KHXH, H. 2021).

chính tỉnh Bắc Giang và Ủy ban hành chính tỉnh Lạng Sơn đã tổ chức bàn giao, tiếp nhận huyện Hữu Lũng là đơn vị hành chính thuộc tỉnh Lạng Sơn.[14, tr 15]

Ngày 19 tháng 1 năm 1965, Bộ Nội vụ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phê chuẩn việc thành lập thị trấn Hữu Lũng thuộc huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Thị trấn Hữu Lũng gồm các xóm An Ninh, Tân Lập, Cầu Mười, và khu nhà Trạm, nhà Thờ của xóm Gai xã Sơn Hà và các xóm Tân Mỹ, Na Đâu của xã Đồng Tân. Thị trấn Hữu Lũng đóng tại Mẹt, là huyện lỵ của huyện. Ngày 11 tháng 9 năm 1989, chuyển xã Hữu Liên từ huyện Chi Lăng về huyện Hữu Lũng quản lý. Lúc này toàn huyện có 26 đơn vị hành chính gồm 1 thị trấn và 25 xã.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, theo Quyết định của Quốc hội khóa V, kỳ họp thứ 2, ngày 27 tháng 12 năm 1975, Khu tự trị Việt Bắc bị bãi bỏ.

Ngày 21-11-2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV ra Nghị quyết số 818/NQ-UBTVQH 14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lạng Sơn. Ngày 1 tháng 1 năm 2020, huyện Hữu Lũng sáp nhập xã Đô Lương vào xã Vân Nham, sáp nhập xã Thiện Kỳ và Tân Lập thành xã Thiện Tân.

Sau khi sắp xếp, huyện Hữu Lũng hiện nay (2021) có 24 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 1 thị trấn, 23 xã, đó là: Thị trấn Hữu Lũng và các xã: Đồng Tân, Cai Kinh, Hòa Lạc, Yên Vượng, Yên Thịnh, Yên Sơn, Hữu Liên, Sơn Hà, Hồ Sơn, Tân Thành, Hòa Sơn, Minh Hòa, Hòa Thắng, Minh Sơn, Nhật Tiến, Minh Tiến, Vân Nham, Thanh Sơn, Đồng Tiến, Thiện Tân, Yên Bình, Hòa Bình, Quyết Thắng. Trung tâm huyện lỵ đặt tại thị trấn Hữu Lũng, cách thành phố Lạng Sơn 70 km về phía Nam.

Huyện Hữu Lũng có tổng diện tích tự nhiên là 80.674,64 ha, chiếm 9,7% diện tích toàn tỉnh, trong đó diện tích núi đá có 33.056 ha chiếm 40,97%, diện tích đồi núi đất có 45.223 ha chiếm 56,1% tổng diện tích của huyện. Đa số diện tích đồi núi của Hữu Lũng thuộc loại địa hình dốc. Theo số liệu điều tra, tổng diện tích đất

đang sử dụng của huyện là 43.760 ha, chiếm 55,4% diện tích đất tự nhiên. Trong đó đất nông nghiệp 14.310 ha, chiếm 32,7% diện tích đất đang sử dụng, đất lâm nghiệp 25.940 ha, chiếm 59,3%, đất ở 700 ha. Diện tích đất chưa sử dụng là 35.166 ha, trong đó đất có khả năng sử dụng phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp là 12.689 ha.

Tổng dân số trên địa bàn huyện tính đến thời điểm 31-7-2021 là 121.735 người<sup>8</sup>, bằng 15,56% dân số của tỉnh Lạng Sơn. Mật độ dân số 150 người/km<sup>2</sup>. Huyện có 07 dân tộc chủ yếu cùng chung sống đoàn kết là Nùng, Kinh, Tày, Dao, Hoa, Cao Lan, Sán Dìu... trong đó dân tộc Nùng chiếm 52,3%, dân tộc Kinh 38,9%; dân tộc Tày 6,6%, dân tộc Cao Lan chiếm 1,23%, dân tộc Dao chiếm 0,44%, dân tộc Hoa chiếm 0,14%, còn lại các dân tộc khác chiếm 0,39% dân số toàn huyện.[63]

### *1.1.2. Xã Hòa Lạc, làng Thượng, xóm Ná*

Xóm Ná, làng Thượng, xã Hòa Lạc (quê hương Hoàng Đình Kinh) là vùng đất cuối cùng về phía Bắc của tỉnh Bắc Ninh xưa, tiếp giáp với huyện Ôn Châu (nay là huyện Chi Lăng), tỉnh Lạng Sơn, nên đã nhiều lần thay đổi về địa lý hành chính.

Sách *Địa lý hành chính Kinh Bắc* của Nguyễn Văn Huyền cho biết: Từ cuối triều Lê đến đầu triều Nguyễn, địa lý hành chính ít thay đổi. Xã Hòa Lạc khi đó thuộc tổng Thuộc Sơn, huyện Hữu Lũng, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh. Toàn xã có 4 thôn: làng Cường, làng Chung, làng Hạ, làng Lộc (Luộc). Như vậy, xã Hòa Lạc khi đó chưa có làng Thượng, xóm Ná. Trong sách *Đại Nam thực lục*, (tập 6)<sup>9</sup> ghi: “Năm Thiệu Trị thứ 4 (1844), tháng 7, đổi xã Chi Lan ở châu Ôn tỉnh Lạng Sơn thuộc về tổng Thốc Sơn huyện Hữu Lũng tỉnh Bắc Ninh”. Sách *Địa lý hành chính Kinh Bắc* của Nguyễn Văn Huyền cũng cho biết thêm: *Danh sách Đồng*

---

<sup>8</sup> Theo số liệu của Cục Thống kê Lạng Sơn tại Công văn Số 369/CTK-TKXH ngày 26/8/2021.

<sup>9</sup> Sách *Đại Nam thực lục*, Quốc Sử quán triều Nguyễn biên soạn, Tờ phiên dịch Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội 2007.

*Khánh* còn ghi cho tổng Thuộc Sơn này 3 xã nữa là xã Vạn Linh (9 thôn), xã Chi Quan (nay là xã Hòa Sơn) 3 thôn: làng Thượng, làng Hạ, Trại Dạ và xã Tiên Lệ (nay là xã Tân Thành) có 4 thôn: Đồng Cây, Khôn Dầu, Làng Cầu, Na Hoa.

Như vậy làng Thượng, làng Hạ vốn nằm trong xã Chi Lan thuộc châu Ôn, (theo sách *Đại Nam thực lục*, tập 6) hoặc nằm trong xã Chi Quan thuộc tổng Vạn Linh (theo *Danh sách Đông Khánh*) đã được sáp nhập vào xã Hòa Lạc, tổng Thuộc Sơn từ năm Thiệu Trị thứ 4 (1844), hoặc chậm nhất đến đời Đồng Khánh (1885-1889).

Vùng quê hương Hoàng Đình Kinh có thời kỳ còn gọi là xã An Lạc. Theo cụ Vi Văn Găng (xóm Cây Hồng – nguyên Ủy viên Thư ký UBND huyện Hữu Lũng) cho biết: Năm Duy Tân thứ 8 (1914) tách 2 xóm thuộc làng Thượng là Ná và Lân Diêng (Cây Hồng) nhập với một số xóm khác thành xã An Lạc thuộc châu Ôn.

- Thời kỳ chiến tranh Biên giới phía Bắc nổ ra (17-2-1979), các cơ quan của tỉnh Lạng Sơn sơ tán về huyện Chi Lăng, đóng tại khu vực Đồng Bành của xã Chi Lăng. Trước yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, ngày 28 tháng 3 năm 1983, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ra Quyết định số 24 – HĐBT về việc thành lập thị trấn Chi Lăng, thuộc huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Thị trấn Chi Lăng bao gồm các xóm Tầm Viên, Đồng Bành, Nà Vặc, Phia Lác, Phố Sắt của xã Chi Lăng thuộc huyện Chi Lăng và các xóm Cây Hồng, Ná, Lân Bông, Yên Thịnh, Mai Thịnh, Trung Thịnh, Chiến Thắng của xã Hòa Lạc thuộc huyện Hữu Lũng.

Như vậy, từ ngày 28-3-1983, làng Thượng (gồm xóm Ná và xóm Cây Hồng) nơi Hoàng Đình Kinh sinh ra và lớn lên đã thuộc về thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng. Địa danh “làng Thượng” không còn sử dụng là đơn vị hành chính nhà nước nữa.

## **1.2. Tỉnh Lạng Sơn**

Lạng Sơn là một tỉnh miền núi biên giới, ở phía Đông Bắc của Việt Nam. Phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng, phía Tây giáp tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên, phía Nam

giáp tỉnh Bắc Giang, phía Đông giáp tỉnh Quảng Ninh và phía Đông Bắc giáp Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây - Trung Quốc, với đường Biên giới dài 232,487 km. Toàn tỉnh có diện tích 8.200 km<sup>2</sup>, dân số tính đến thời điểm 31-7-2021 là 794.989 người, gồm 7 dân tộc chính: Nùng 42,9%, Tày 35,4% Kinh 16,9%, Dao 3,5%, Sán Chay 0,7%, Hoa 0,29%, H'Mông 0,16%... Ngoài ra còn một số dân tộc ít người khác.

Lạng Sơn là vùng đất cổ của đất nước Việt Nam ngay từ thuở vua Hùng dựng nước. Khi nước Văn Lang – nhà nước sơ khai đầu tiên của Việt Nam được thành lập, Lạng Sơn thuộc bộ Lục Hải. Thời Bắc thuộc, Lạng Sơn được xếp vào quận Giao Chỉ, sau đổi là Giao Châu.

Thời nhà Đinh (968 – 980), chia nước làm mười đạo. Lạng Sơn lúc này được đặt làm “đạo”. Thời nhà Lý, đổi 10 đạo thành 24 lộ. Lạng Sơn có tên là lộ Lạng Giang. Đầu thời Trần, chia nước làm 12 lộ. Lạng Sơn được gọi là lộ Lạng Châu, sau đổi là trấn Lạng Giang. Năm Quang Thái thứ 10 (1397), trấn Lạng Giang được đổi thành trấn Lạng Sơn. Như vậy, cái tên **Lạng Sơn** đã xuất hiện từ tháng 4, năm 1397.

Năm 1407, nhà Minh thôn tính nước ta, đổi nước ta làm quận Giao Chỉ. Lạng Sơn lúc đó là 1 phủ của quận Giao Chỉ thuộc Minh.

Sau khi Lê Lợi đánh thắng quân Minh, chia cả nước làm 5 đạo, Lạng Sơn được xếp vào Bắc đạo. Năm 1466, Lê Thánh Tông chia nước thành 12 đạo thừa tuyên và 1 phủ, Lạng Sơn đổi thành “thừa tuyên Lạng Sơn”, sau cấp thừa tuyên đổi là “trấn”. Thời kỳ này, còn xuất hiện tên “xứ Lạng”. Bản đồ niên hiệu Hồng Đức (1490) Lạng Sơn được ghi là “Lạng Sơn xứ”.

Đầu triều Nguyễn, Lạng Sơn vẫn gọi là “trấn”. Đến thời Minh Mệnh, cấp thừa tuyên, trấn được đổi gọi là “tỉnh”. Sách **Đại Nam thực lục** (Quốc sử quán triều Nguyễn), ghi rõ: “*Tỉnh Lạng Sơn: thống trị 1 phủ là Trường Khánh; 7 châu là Ôn Châu, Thất Tuyên, Lộc Bình, Thoát Lãng, Yên Bái, Văn Quan, Văn Uyên*”. Phủ

Trường Khánh do một viên quan Tri phủ cai quản. Lý sở đóng ở Mai Pha (Châu Ôn), chung với lý sở của tỉnh. Đứng đầu bảy châu là các quan Tri châu. Tháng 3 năm Minh Mệnh thứ 15 (1834), ba châu: Thất Tuyên, Văn Quan, An Bắc được đổi làm huyện. Đầu năm 1836, được sự chuẩn y của nhà vua, Lạng Sơn thực hiện tách bốn châu, huyện ở phía Bắc sông Kỳ Cùng gồm: châu Văn Uyên, Thoát Lãng; huyện Văn Quan, Thất Khê để lập một phủ mới là phủ Tràng Định. Phủ lý đặt ở xã Vĩnh Trại (châu Thoát Lãng). Như vậy, tỉnh Lạng Sơn gồm 2 phủ, 3 huyện và 4 châu (phủ Tràng Định với hai huyện Thất Khê, Văn Quan và 2 châu Văn Uyên, Thoát Lãng; phủ trường Khánh với huyện Yên Bái, châu Lộc Bình (sau là Lộc Bình và Cao Lộc) và châu Ôn).

Cuối thế kỷ XIX, dưới sự cai trị của thực dân Pháp, trước trào đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân ta, Lạng Sơn có một số thay đổi về tính chất pháp lý và về địa lý hành chính như sau:

Vào năm 1889, tỉnh Lạng Sơn bị thu nhỏ lại (rút bớt huyện Yên Bái để thành lập tỉnh Lục Nam). Đến năm 1891, Lạng Sơn trở thành một bộ phận của đạo quân sự thứ 2. Năm 1896, Lạng Sơn tách khỏi đạo quân sự này và được mở rộng thêm để đứng riêng biệt thành đạo quân sự thứ nhất. Đến năm 1905 lại bị thu hẹp như thời năm 1889 để trở về với chế độ hành chính dân sự, thành một tỉnh như cũ.

Ngày 31-12-1907, tỉnh Lạng Sơn được tổ chức lại, gồm có:

- Phủ Tràng Định với các châu Thoát Lãng, Thất Khê, Bình Gia, Bắc Sơn.
- Phủ Trường Khánh với các châu Lộc Bình, Cao Lộc, Văn Uyên, Ôn, Bằng Mạc.
- Ngày 19-12-1917 lập tại tỉnh Lạng Sơn một châu mới là châu Diêm He.
- Ngày 5-7-1940, tỉnh Lạng Sơn tạm thời đặt thành một đạo quân sự với lý do là tỉnh này giáp ranh với một vùng đất đai của Trung Quốc đang có chiến tranh.[59, tr. 59, 60]

Trong những năm Cách mạng Tháng 8 và kháng chiến chống Pháp (1946-1954), Lạng Sơn trở thành một trong sáu tỉnh của Căn cứ địa Việt Bắc.

Tháng 7-1956, trong dịp thành lập Khu Tự trị Việt Bắc, huyện Hữu Lũng của tỉnh Bắc Giang được nhập vào tỉnh Lạng Sơn thuộc Khu tự trị Việt Bắc. Khu Tự trị Việt Bắc tồn tại cho đến tháng 12-1975 thì giải thể. Ngày 27-12-1975, Quốc hội ra Nghị quyết hợp nhất Lạng Sơn và Cao Bằng thành tỉnh Cao Lạng. Đến 29-12-1978, Quốc hội ra Nghị quyết tái lập tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng. Cũng dịp này, huyện Đình Lập vốn trước đây thuộc tỉnh Lạng Sơn, dưới thời Pháp thuộc, Đình Lập trải qua nhiều tên gọi và sáp nhập vào các địa hạt khác nhau, tháng 1-1979, Đình Lập được trở lại tỉnh Lạng Sơn. Ngoài ra còn có một số điều chỉnh về địa giới, địa danh của các huyện, thị xã, thị trấn, xã, phường trong tỉnh: Ngày 17-10-2002, Chính phủ ra Nghị định thành lập thành phố Lạng Sơn thuộc tỉnh. Ngày 21-11-2019, Quốc hội (khóa 14) ra nghị quyết về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lạng Sơn. Hiện nay, toàn tỉnh có 1 thành phố và 10 huyện là: Thành phố Lạng Sơn, huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Văn Quan, Văn Lãng, Tràng Định, Hữu Lũng, Chi Lăng, Cao Lộc, Lộc Bình và Đình Lập với 200 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 181 xã, 05 phường và 14 thị trấn.

## 2. NGUỒN GỐC, GIA ĐÌNH, TIỂU SỬ HOÀNG ĐÌNH KINH

### 2.1. Những thông tin, tư liệu đã biết

Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đánh phi và chống Pháp nổ ra từ những năm 70, 80 của thế kỷ XIX. Ngay từ thời đó, do những chiến công to lớn trong đánh phi và chống Pháp của ông, danh tiếng Hoàng Đình Kinh đã lan truyền vang xa. Chính tên thực dân cáo già Bút-sê – Công sứ Bắc Ninh, tác giả cuốn sách *Ở Bắc Kỳ, cuộc đời phiêu lưu của Hoàng Hoa Thám, đầu đảng cướp*,<sup>10</sup> đã phải thừa nhận: “Đức ngài Hoàng Đình Kinh danh vang bốn bể”. Còn Pôn-sắc (Paul Charle), tác

---

<sup>10</sup> Au Tonkin – La vie aventureuse de Hoàng Hoa Thám, chef pirate. Paris, leslivres Nouveaux, 1939.



giả cuốn *Giặc Hoàng Hoa Thám*<sup>11</sup> khi nói đến Hoàng Đình Kinh đã phải kinh hãi thốt lên “Tên Cai Kinh khùng khiếp kia!”... Do đó, việc tìm hiểu về lai lịch, quê quán, gia đình, tiểu sử của Hoàng Đình Kinh đã được cả phía Pháp, Đại Nam và nhà Thanh (Trung Quốc) rất quan tâm. Tuy vậy, những thông tin về ông được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, lâu nay có nhiều ý kiến khác nhau.

Ngay từ khi khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh nổ ra, đến khi kết thúc cho đến những năm gần đây đã có khá nhiều tư liệu, bài viết, nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa, trong đó có nói về gốc tích, lai lịch của người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh. Đáng chú ý là các tài liệu sau:

- Tác phẩm “*Vùng Cai Kinh – Con người và non nước*” (*Le Cai Kinh homme et con-trée*), của Paul Munier, xuất bản tại Hà Nội, năm 1934, nguyên gốc đây là bài diễn thuyết của tác giả tại *Hội địa lý Hà Nội*, ngày 12/4/1934. Tác giả cho biết, để viết tác phẩm này, ông đã khai thác, thu thập tư liệu từ nhiều người, nhiều nguồn tài liệu. Từ Giám đốc sở lưu trữ và thư viện, các học giả người Pháp và Việt Nam, đến nhiều sĩ quan quân đội, (trong đó có những người từng trực tiếp tham gia chiến đấu với nghĩa quân Cai Kinh) và cả ông Vi Văn Định<sup>12</sup>, “là trưởng tộc một tộc họ ở đây, biết rất rõ vùng Cai Kinh...”.

Tác phẩm viết: “...Về Hoàng Đình Kinh, ta có thể nói đây là một đứa con nhà danh giá... Cha ông là Chánh tổng Thuộc Sơn, rồi chính ông lại nối nghiệp bố ở chức vụ ấy... Họ Hoàng vốn gốc ở làng Hoà Lạc, tổng Thuộc Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Bắc Giang, vùng này ngày nay gọi là Cai Kinh. Ông đã kế vị bố làm Chánh tổng Thuộc Sơn; nhưng mưu sự với Tàu khiến ông được bổ làm tri huyện

---

<sup>11</sup> Pôn-sác *Giặc Hoàng Hoa Thám*, Pari 1933, Lê Kỳ Anh dịch.

<sup>12</sup> Vi Văn Định (1880 - 1975) là một quan lại triều Nguyễn, từng làm Tri phủ Trảng Khánh, Trợ tá tỉnh vụ Lạng Sơn (1909 – 1914); Án sát, rồi Tuần phủ Cao Bằng (1914-1923); Tuần phủ tỉnh Phúc Yên (1923 – 1927); Tuần phủ, rồi Tổng đốc tỉnh Hưng Yên (1927-1929); Tổng đốc Thái Bình (1929-1933); Cố vấn Thượng thư Bắc Kỳ (1933-1937); Tổng đốc Hà Đông (1937-1941)... Tháng 8-1941 nghỉ hưu. Sau ngày toàn quốc kháng chiến, gia đình ông tản cư ra Hà Đông, sau đó lên chiến khu Việt Bắc. Ông tham gia hội nghị thống nhất Mặt trận Việt Minh và Liên Việt (1951), Mặt trận Tổ quốc Việt nam (1955).

Hữu Lũng... chính em trai ông thay ông làm cai tổng. Uy thế gia đình vẫn cứ tăng trưởng lên mãi”.

Bài viết cũng cho biết: Hoàng Đình Kinh có người em trai là Cai Hai, đồng thời là Phó tướng chỉ huy nghĩa quân. Trong một lần bọn làm phản lập mưu lừa Hoàng Đình Kinh dẫn quân ra ngoài đánh úp quân Pháp, để thừa cơ giết hại ông. Nhưng Hoàng Đình Kinh lại cử Cai Hai đi thay mình. Chuyến đi đó, Cai Hai đã bị bọn làm phản giết hại, gây nên nỗi đau xót đối với Hoàng Đình Kinh và là sự tổn thất lớn đối với nghĩa quân.

- Năm 1935, nhà văn Ngô Tất Tố có tác phẩm *Đề Thám* (truyện ký lịch sử), viết về Hoàng Hoa Thám và cuộc khởi nghĩa Yên Thế, trong đó có nói đến Cai Kinh với tư cách là người cha nuôi và là chủ tướng của Đề Thám trước đó. Tuy vậy, như nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Kiệm đã nhận xét, tác phẩm *Đề Thám* của Ngô Tất Tố “được viết theo thể dã sử, đầy rẫy những tình tiết hư cấu, có tính văn học, không thể dùng làm tài liệu nghiên cứu được”<sup>13</sup>

- Nhật Nham – Trịnh Như Tấu<sup>14</sup> có công trình chuyên khảo *Bắc Giang địa chí*, do Nhà xuất bản “Tùng Thư” ấn hành (1937). Tại chương “Chiến sử” tác giả viết: “Một đảng giặc, tướng là Cai Kinh, lấy dải núi ở giữa Bắc Lệ và Thanh Muội làm sào huyệt để chống nhau với binh Pháp. Nhờ địa thế hiểm trở, đường lối khó khăn nên quan quân không sao lên được (...) Tháng 7-1888, Cai Kinh bị quân nội phản bắt đem nộp quan Phó sứ Lạng Sơn rồi bị xử tử. Dãy núi đá làm sào huyệt cho Cai Kinh từ đó vẫn gọi là núi Cai Kinh để làm kỷ niệm”. [39, tr. 22]. Tác giả

---

<sup>13</sup> Nguyễn Văn Kiệm, *Phong trào nông dân Yên Thế chống thực dân Pháp xâm lược (1884-1913)*, (tr. 29)

<sup>14</sup> Nhật Nham là bút danh của Trịnh Như Tấu. Ông sinh khoảng 1915 ở làng Thương, tổng Thọ Xương, phủ Lạng Thương (nay là thành phố Bắc Giang). Từng làm Tham tá toà sứ Bắc Giang, rồi Hà Nam, Lào Cai, Hưng Yên. Thời kỳ 1941 – 1945 làm nhân viên phòng kiểm duyệt báo chí phủ Thống sứ Hà Nội. Là Đại biểu Quốc hội khoá 1 (trong số 70 ghế dành cho Việt Quốc, Việt Cách). Năm 1947 khi ông được chính quyền cách mạng đang đưa lên chiến khu Việt Bắc thì bị trúng đạn của giặc Pháp và mất tại Yên Thế (Bắc Giang). Tác phẩm của ông để lại gồm cả truyện dài, chuyên khảo và nhiều bài báo khác. Hai tập chuyên khảo *Hung Yên địa chí* và *Bắc Giang địa chí* được các học giả đương thời đánh giá cao về học thuật. (Theo Nguyễn Văn Phong, tạp chí Xưa và Nay, số 465 tháng 11- 2015).

cũng cho biết dãy núi lấy tên tướng Cai Kinh là nghĩa phụ (cha nuôi) của Đê Thám, và viết “Cai Kinh tức Cai Thương”. [39, tr. 25].

Tạp chí Tri Tân số 16 ra ngày 16 - 9 - 1941, Nhật Nham (Trịnh Như Tầu) có bài *Tại sao lại gọi là núi Cai Kinh (thuộc Bắc Giang)*. Bài báo viết: “Dưới triều Tự Đức, hai anh em Vũ Văn Kinh và Vũ Văn Cương từ Thanh Hóa đã di cư đến làng Thuộc Sơn, châu Hữu Lũng (Bắc Giang), rồi ít lâu nổi tiếng hùng trưởng, chiếm cứ một phương. Hai anh em thu phục thổ dân rồi làm chủ quyền gồm hai làng Đường Yên và Giàng, thường gọi là quyền Cai Kinh. Sau Vũ Văn Kinh làm Cai tổng, nên gọi là Cai Kinh. Cai Kinh rất nhiều thủ hạ, lại có đủ dũng lược, hùng cứ riêng một sơn hà. Kế đến em Cai Kinh làm Cai tổng tức là Cai Cương. Cai Cương cũng rất hào hùng, không kém gì anh.” [40]

Đây là bài viết về Hoàng Đình Kinh và cuộc khởi nghĩa do một tác giả người Việt, in trên báo tiếng Việt ngay từ dưới thời Pháp thuộc, đương thời được nhiều người đọc hoặc truyền nhau, nên những thông tin từ bài báo, tuy có những nội dung ngày nay chúng ta đã khẳng định là không chính xác (nhất là về họ tên, quê quán, gia tộc của Hoàng Đình Kinh) nhưng đã được nhiều bài viết sau đó sử dụng, thậm chí mãi đến những năm gần đây, một số tác giả trong các bài nghiên cứu hay công trình chuyên khảo vẫn nói theo những thông tin sai sót đó.

- Tháng 10-1950, tác giả Huyền Quang có truyện dài “*Hùm thiêng Yên Thế*”, đăng tải trên báo “*Tia nắng*” xuất bản tại Hà Nội từ số ra ngày 7-10-1950, nói về Hoàng Hoa Thám với khởi nghĩa Yên Thế, trong đó có viết đôi nét về Khởi nghĩa Cai Kinh, trong đó có chi tiết Hoàng Đình Kinh đã phong cho Hoàng Hoa Thám chức Đốc binh. Tuy nhiên tác phẩm cũng không cung cấp gì về lại lịch, tiểu sử Hoàng Đình Kinh.

- Sau ngày miền Bắc được giải phóng (1954), hoà bình lập lại, những nhà nghiên cứu lịch sử nước ta có điều kiện tham khảo nhiều tài liệu, thư tịch và điền dã, điều tra thực tế thuận lợi hơn. Trong điều kiện ấy, hai ông Đặng Huy Vận -

Nguyễn Đăng Duy đã tiến hành nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh một cách công phu, có đi điều tra thực địa đến vùng Hữu Lũng, Chi Lăng, phỏng vấn các vị bô lão và khai thác nguồn tư liệu của phòng Văn hoá huyện Ôn Châu (Chi Lăng) lúc đó có được, đã hoàn thành bài nghiên cứu nhan đề: “*Cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh (1883 - 1888)*”<sup>15</sup>

Về lai lịch, tiểu sử Hoàng Đình Kinh, dựa theo tài liệu của phòng Văn hoá huyện Ôn Châu, các tác giả viết: “Theo các cụ bô lão ở Hữu Lũng thì bố ông Cai Kinh là Hoàng Đình Khoa, thuộc dân tộc Tày (Khu Tự trị Choang Trung Quốc) di cư sang nước ta từ thời nhà Nguyễn. Lúc mới sang, Hoàng Đình Khoa ở huyện Bằng Mạc, tỉnh Lạng Sơn, rồi rời về chân đèo Lừa (huyện Hữu Lũng). Ở đây ông lấy vợ người Việt là Trần Thị Nhiễu ở xóm Ao Tré, thôn Thượng, xã Hoà Lạc. Ông sinh trưởng được 3 người con: người thứ nhất là Hoàng Thị Gan, người thứ hai là Hoàng Đình Cử, tức là Hoàng Đình Kinh, người thứ 3 là Hoàng Kiệt, sau đổi là Hoàng Đình Cương.<sup>16</sup> Một số rất lớn các cụ bô lão ở Hữu Lũng đều thống nhất rằng khi mới đến ông Hoàng Đình Khoa rất nghèo, phải đi làm mướn kiếm ăn, sau dần dần mới trở nên giàu có. Nhờ tiền của và lại là người tháo vát, nên Hoàng Đình Khoa được làm Cai tổng tổng Thuốc Sơn, huyện Hữu Lũng, phụ trách 36 trang trại, nên nhân dân cũng gọi là ông Cai Quản. Hoàng Đình Kinh khi nhỏ được học chữ Hán, và khi bố mất, ông được làm cai tổng, nên có tên gọi là Cai Kinh. Về sau, vì có công đánh dẹp thổ phi, ông được triều đình thăng tri huyện huyện Hữu Lũng (gồm huyện Hữu Lũng, huyện Bằng Mạc và một số xã huyện Ôn Châu, tỉnh Lạng Sơn ngày nay) và em ông được thay làm Cai tổng. Từ đó nhân dân gọi ông là Huyện Kinh và em ông là Cai Hai. (...) Năm 1885, khi Hàm Nghi xuất bôn kêu gọi

---

<sup>15</sup> Tạp chí NCLS số 81, tháng 12 -1965.

<sup>16</sup> Bài viết cũng cho biết “Theo cụ Lý Đức, ở xóm Đồng Lĩnh, xã Chi Lăng, huyện Ôn Châu thì Hoàng Đình Kinh tên tục là Cử, con ông tên tục là Cử”

toàn dân kháng chiến, ông được thăng Án sát<sup>17</sup> tỉnh Bắc Ninh, vẫn sung Tán tương quân vụ<sup>18</sup>. Từ đó, ông tổ chức nghĩa quân chống Pháp ở vùng núi Cai Kinh mãi đến tận cuối năm 1888, phong trào mới bị dập tắt”. [65, tr. 11, 12].

- Tại hội thảo khoa học “*Nhân vật chí Xứ Lạng*” do Hội đồng chỉ đạo biên soạn sách *Địa chí Lạng Sơn* tổ chức ngày 17 và 18/3/1997 tại Lạng Sơn, có 3 bài tham luận của 3 tác giả viết về Hoàng Đình Kinh, đó là: Nguyễn Vinh Phúc<sup>19</sup> với bài *Hoàng Đình Kinh (? – 1888)*; Nguyễn Xuân Càn<sup>20</sup> với bài *Hoàng Đình Kinh với phong trào chống Pháp ở vùng Bắc Giang* và Nguyễn Quang Huynh, *Góp phần tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh qua các giai thoại, truyền thuyết lưu truyền trong nhân dân*.

Trong bài tham luận của tác giả Nguyễn Vinh Phúc, phần nói về lai lịch Hoàng Đình Kinh, ông nhắc lại thông tin trong bài viết của Nhật Nham trên báo Tri Tân (1941) (“Anh em Vũ Văn Kinh và Vũ Văn Cương từ Thanh Hóa đã di cư đến làng Thuộc Sơn, châu Hữu Lũng”), song ông nêu ý kiến: “Nhưng rất có thể thông tin này không chính xác vì những người đương thời với Cai Kinh đều gọi ông là Hoàng Đình Kinh. Như trong báo cáo của Tổng đốc Lương Quảng là Trương Chi Động gửi về triều đình Mãn Thanh ngày 14/6 năm Quang Tự thứ 11 (1885) về tình hình Việt Nam có đoạn viết: “Chống lại quân Pháp, phía Tây từ Tuyên (Quang), Hưng (Hoá) trở đi có hơn mười toán... Phía Đông từ Lạng (Sơn), Cao (Bằng) có 7, 8 toán, quan Việt có Hoàng Đình Kinh”. Một người Pháp tên là Paul Munier viết sách “*Cai Kinh, homme et contrée*” (Cai Kinh, con người và xứ sở), tuy in ở Hà

---

<sup>17</sup> Án sát: là một trong bốn quan cấp tỉnh thời Nguyễn (Bổ chính, Án sát, Đốc học, Lãnh binh) hợp thành một bộ tham mưu thân cận nhất của Tổng đốc để chỉ đạo hoạt động ở tỉnh và các cấp phủ, huyện, tổng, xã.

<sup>18</sup> Căn cứ vào tờ chiếu Hàm Nghi lần thứ nhất. *Trung - Pháp chiến tranh tư liệu*, quyển VII. (Theo chú thích của Đặng Huy Vận - Nguyễn Đăng Duy).

<sup>19</sup> Nguyễn Vinh Phúc, nhà Hà Nội học, nhà nghiên cứu Lịch sử.

<sup>20</sup> Nguyễn Xuân Càn, Giám đốc Bảo tàng tỉnh Bắc Giang, nhà nghiên cứu lịch sử.

Nội năm 1934 nhưng khai thác tài liệu của những chỉ huy Pháp có tham gia chiến trận với Cai Kinh cũng ghi ông Cai chính tên là Hoàng Đình Kinh”. [44].

Trong bài tham luận của Nguyễn Quang Huynh, tác giả viết: Theo ông Hoàng Trọng Thư, trưởng tộc họ Hoàng (xã Hòa Lạc) cho biết thì: ông Tổ họ Hoàng (xã Hòa Lạc) là ông Đức Nhân và bà Từ Huệ, sinh được 3 người con trai là Hoàng Đình Linh, Hoàng Phúc Xuyên và Hoàng Phúc Thánh. Người con thứ nhất, Hoàng Đình Linh sinh được 1 người con gái đầu lòng và 2 con trai là Hoàng Đình Kinh và Hoàng Đình Hai.

- Đáng chú ý, ngày 25-4-2013, Sở Văn hóa – Thể thao & Du lịch Lạng Sơn phối hợp với dòng họ Hoàng ở xã Hòa Lạc đã tổ chức Hội thảo khoa học: *Các tư liệu, bài viết về thân thế, sự nghiệp Hoàng Đình Kinh chống Pháp, phỉ bảo vệ quê hương cuối thế kỷ XIX*. Hội thảo có khoảng 700 người tham dự và trên 20 bài phát biểu, tham luận khoa học của các đại biểu, các giáo sư, tiến sỹ, các nhà nghiên cứu thuộc Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Viện Sử học, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Bảo tàng Quốc gia, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia, các nhà nghiên cứu trong và ngoài tỉnh đã trình bày, góp phần làm sáng tỏ hơn về thân thế sự nghiệp của Hoàng Đình Kinh.

Tại Hội thảo, phần nói về lai lịch, tiểu sử, gia tộc Hoàng Hoàng Đình Kinh có một số bài viết, tham luận đáng chú ý sau:

- Đinh Xuân Lâm,<sup>21</sup> *Vị trí của Cai Kinh (Hoàng Đình Kinh) trong phong trào yêu nước chống xâm lược của nhân dân ta* đã viết: “Hoàng Đình Kinh (? - 1888), quê tổng Thuốc Sơn, châu Hữu Lũng (nay là xã Hòa Lạc, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn). Là người giỏi võ, tính tình hào hiệp, nhà giàu, ông đã thu nạp được nhiều người nổi tiếng trong giới giang hồ, hùng cứ cả một vùng Dương Yên, Giàng Thượng, Thoát Lãng, triệu tập anh em họp gấp, kêu gọi nổi dậy chống thực dân

---

<sup>21</sup> GS. Đại học KHXHNV – Đại học Quốc gia Hà Nội. nguyên Phó chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (khóa IV), Chủ tịch Hội đồng khoa học Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam.<sup>1</sup>

Pháp”. Trong bài viết, tác giả nói đến nhân vật Hoàng Đình Điều như sau: “Trong số thủ hạ của Hoàng Đình Kinh có Hoàng Đình Điều là người cùng xã, đã gia nhập nghĩa quân ngay từ đầu. Hoàng Đình Điều giỏi võ nghệ, bắn súng vào hàng thiện xạ, được Cai Kinh giao cho chỉ huy một đội quân. Hoàng Đình Điều đã sát cánh với chủ tướng Hoàng Đình Kinh trong các trận đánh ở Kép, Phủ Lạng Thương, tiêu diệt đồn Than Muội (5-1885), đồn Mai Sao (4-1886). Đầu năm 1888 sau khi Hoàng Đình Kinh bị giặc Pháp giết Hoàng Đình Điều đã cùng phần lớn các tướng và nghĩa quân gia nhập cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám đứng đầu...” Khởi nghĩa Yên Thế thất bại, Hoàng Đình Điều thoát khỏi tay giặc, về quy y cửa Phật, lấy pháp danh là Thích Thanh Điều tu ở Chùa Vua (Bạch Mai – Hà Nội) nay thuộc phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội”.

- Chương Thâu,<sup>22</sup> *Hoàng Đình Kinh (?-1888), người anh hùng Xứ Lạng diệt phi, chống Pháp cuối thế kỷ XIX*, viết: “Hoàng Đình Kinh sinh ra và lớn lên ở xóm Ná, làng Thượng, xã Hòa Lạc, tổng Thuộc Sơn, huyện Hữu Lũng (nay thuộc thị trấn Đồng Bành, Chi Lăng, Lạng Sơn). Từ nhỏ, Hoàng Đình Kinh đã nổi tiếng là người tài trí, mẫn tiệp, ông được cử làm Cai tổng Thuộc Sơn, sau đó là Tri huyện Hữu Lũng từ lúc còn trẻ tuổi. (Nhưng theo Paul Mourier, *Le Cai Kinh, homme et contrée* (Cai Kinh, con người và địa bàn hoạt động) thì Cai Kinh là con một Chánh tổng, cha chết, ông thừa kế cũng làm Chánh tổng, sau ông xưng làm Tri huyện Kinh). [50, tr. 18].

- Trong phát biểu tại hội thảo, Sư thầy Thích Đàm Định, trụ trì chùa Vua (Hà Nội), cho biết: Hòa Thượng Thích Thanh Điều, thế danh Hoàng Đình Điều, trụ trì (Sư Tổ) chùa Vua từ khoảng năm 1917 đến tháng 8 đến 1945. Trước khi viên tịch (ngày 14-8-1945), Sư Tổ có nói cho những người thân cận biết: Hòa thượng là con thứ ba của cụ Hoàng Đình Kinh. Khi khởi nghĩa Cai Kinh thất bại, Hoàng Đình Điều đã tham gia nghĩa quân Đề Thám ở vùng Yên Thế. Ông là một chiến sĩ ngoan

---

<sup>22</sup> PGS.TS. Viện Sử học Việt Nam.

cường, ham học hỏi, tích cực rèn luyện võ nghệ... đã trở thành một võ tướng giỏi, từng lập được nhiều chiến công. Khởi nghĩa Yên Thế thất bại, Hoàng Đình Điều bị bắt giam vào nhà tù. Khi có cơ hội, ngài đã trốn khỏi tù ngục, vượt đến Hà Nội ẩn dật vào chùa Vua tu hành. Khi nương nhờ cửa Phật, trụ trì chùa Vua, Hòa Thượng đã lấy chùa làm địa điểm cất giấu tài liệu bí mật từ những năm đầu thành lập Đảng, là nơi đi lại hoạt động của các nhà cách mạng tiên bối, như đồng chí Nguyễn Phong Sắc.<sup>23</sup> Hòa Thượng còn mở lớp dạy võ cho thanh niên trai tráng làng Thịnh Yên (Hà Nội) để sẵn sàng phục vụ cách mạng...

Một số bài tham luận của các tác giả khác tại hội thảo<sup>24</sup> phân nói về lai lịch, tiểu sử Hoàng Đình Kinh, nhìn chung đều được tổng hợp theo thông tin từ các bài viết của Nhật Nham – Trịnh Như Tấu (1941), Đặng Huy Vận – Nguyễn Đăng Duy (1965). Có bài viết còn “sáng tạo”, “phát triển” thêm<sup>25</sup>. Có tác giả nói theo cuốn “*Lịch sử Đề Thám*” của Ngô Tất Tố<sup>26</sup> mang tính dã sử, hư cấu, thiếu căn cứ khoa học.

- Tại hội thảo, trong phát biểu của ông Hoàng Đình Phúc đại diện dòng họ Hoàng Đình ở thôn Việt Thắng, xã Hòa Lạc (hậu duệ Hoàng Đình Kinh) cho biết: Vào năm 1991, ông Phúc được các cụ trong họ tộc giao cho tìm hiểu, nghiên cứu ghi lại các mồ mả cụ kỵ, tổ tiên các chi phái trong dòng họ Hoàng Đình làng

---

<sup>23</sup> Nguyễn Phong Sắc (1902-1931) là một trong những người đầu tiên thành lập tổ chức Đảng Cộng sản Bắc Kỳ và từng được phân công phụ trách phong trào ở Trung Kỳ. Ông bị địch bắt và tử hình vào sáng ngày 25-5-1931.

<sup>24</sup> Như: Bùi Văn Thành (Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam), Mai Hồng – Đinh Công Vĩ (Viện Hán Nôm), Hoàng Thị Thảo (Viện Lịch sử Quân sự), Nguyễn Thúy Hà, (Trường phòng Nghiên cứu tư liệu Bảo Tàng Lịch sử Quốc Gia), Nguyễn Thu Hoài, (Trung tâm lưu trữ Quốc gia I), v.v...

<sup>25</sup> Như: “Gia đình cụ Khoa đã di cư từ quê gốc Hoàng Hóa – Thanh Hóa; cũng có người cho rằng quê cụ ở Hậu Lộc, hoặc Biện Sơn – Hà Trung, Thanh Hóa lên tổng Thuộc Sơn, huyện Hữu Lũng”. [50, tr. 26]; hay thông tin theo sách “*Khởi nghĩa Yên Thế*” của Khổng Đức Thiêm - Nguyễn Xuân Cẩn: “Khi nhỏ Hoàng Đình Kinh được học chữ nho, có đi thi nhưng không đỗ”, từ đó đã gọi Hoàng Đình Kinh là “*Sĩ phu*”. [57, tr. 67, 68].

<sup>26</sup> Cho rằng “Cai Kinh đã từng tham gia cuộc nổi dậy chống lại nhà Nguyễn của Cai Vàng. Sau khi lực lượng của Cai Vàng bị giải tán, ông sang Vân Nam (Trung Quốc) chiêu tập binh mã, rồi đem thuộc hạ về nước cất cứ vùng rừng núi miền thượng du sông Thương, kiểm soát một vùng rộng lớn ở phủ Lạng Thương” [50, tr. 78].



Cường. Qua tìm hiểu, tra cứu thì thấy có nhiều vấn đề phức tạp. Khi hỏi các cụ cao tuổi trong họ và trong xã Hòa Lạc cho biết: qua truyền khẩu từ các đời để lại thì tổ tiên họ Hoàng Đình xã Hòa Lạc từ khu vực Bắc Sơn di cư xuống để lập nghiệp. Cụ tổ không rõ tên, chỉ biết là họ Hoàng Đình, dân tộc Tày... Khi cụ tổ xuống đây, ở xóm Ao, làng Thượng, xã Hòa Lạc... Cụ tổ sinh được ba người con trai. Con cả là Đình Linh, thứ hai là Phúc Xuyên, (còn gọi là Đô) thứ ba là Phúc Thánh. Đây là tên thụy (tên đặt cho người đã chết để cúng). Chi trưởng là Đình Linh, sinh được một ông tên là Hoàng Đình Khoa. Ông Khoa sinh được người con gái là Hoàng Thị Gan và hai người con trai là Hoàng Đình Cử (tức Kinh) và Hoàng Đình Cương (tức Hai).

(...) Vào cuối thế kỷ XIX, ông Kinh trưởng thành, rất khỏe mạnh, có chí khí anh hùng. Bọn giặc Cờ Đen và bọn phi kéo đến cướp bóc của cải của dân lành, cụ đã tổ chức đánh trả để bảo vệ dân lành. (...). Sau đó, giặc Pháp tấn công lên Lạng Sơn, cụ Kinh lại tổ chức lực lượng đánh trả... Sau khi cuộc khởi nghĩa của cụ Hoàng Đình Kinh bị thất bại, giặc Pháp truy lùng người thân của cụ để bắt và giết hại. Thời điểm đó còn lại hai chi phải bỏ chạy đi các nơi để giấu thân phận. Các cụ nói là sang vùng Kiên Lao, Lục Ngạn, Bắc Giang để sinh sống và phải đổi họ Hoàng Đình thành Hoàng Văn. Dân tộc Tày đổi thành dân tộc Kinh, và từ ngày đó không nói tiếng mẹ đẻ của mình. Khi thời thế có phần yên ổn, vào khoảng 20 năm sau, các cụ mới trở về quê cũ ở xóm Ao, làng Thượng, thì thấy đã có nhiều thay đổi. Mồ mả bị giặc Pháp và kẻ xấu đã đào lên rồi đổ xuống dòng sông Hóa. Còn đất đai, ruộng vườn, người dân đã canh tác. Các cụ phải di chuyển xuống khu vực Nho, rồi dần dần chuyển về làng Cường, thôn Việt Thắng sinh sống và lập nghiệp cho tới ngày nay.

Đến năm 2007, qua tra cứu và tìm hiểu, chi tộc họ Hoàng Đình làng Cường mới tìm được anh em là chi trưởng ở làng Nông Lục, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn tỉnh Lạng Sơn”... [50, tr.194].

- Năm 2014, dòng họ Hoàng Đình làng Cường (Hòa Lạc) đã xây dựng nhà thờ Tổ. Trong diễn văn đọc tại lễ khánh thành, ngày 19-11 năm Giáp Ngọ (tức 9-1-2015), ông Hoàng Đình Phúc thay mặt Hội đồng dòng tộc đã nói: “Hơn 500 năm về trước, cụ thủy tổ chúng ta ở làng Nông Lục, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn (Lạng Sơn) đã sinh ra hai cụ. Cụ anh là Hoàng Đình Xướng (ở Bắc Sơn), sau sinh ra Hoàng Đình Xu và Hoàng Đình Lĩnh... Đến nay đã sinh ra được 11 đời con, cháu, chắt với 26 gia đình chính, gồm 250 nhân khẩu.

Cụ em là Hoàng Đình Nhân đã về xóm Ná, làng Thượng, xã Hòa Lạc sinh cơ lập nghiệp tại đây. Cụ sinh được ba người con là Hoàng Đình Linh, Hoàng Đình Xuyên, Hoàng Đình Thánh. Cụ Hoàng Đình Linh (chi trưởng) sinh ra cụ Hoàng Đình Khoa. Cụ Khoa sinh được ba người con là Hoàng Thị Gan, Hoàng Đình Kinh và Hoàng Đình Hai. Cụ Hoàng Đình Kinh sinh ra Hoàng Đình Điều (cụ Điều tham gia chống Pháp và tu hành tại chùa Vua, phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, từ khoảng năm 1917 và viên tịch tại chùa Vua năm 1945.

Cụ Hoàng Đình Hai lập nghiệp tại xóm làng Bên xã Cai Kinh. Cụ Hai sinh ra cụ Hoàng Văn Tường và Hoàng Văn Chích. Cụ Tường sinh ra Hoàng Văn Thạm...”

Sau cuộc hội thảo (ngày 25-4-2013), và lễ khánh thành nhà thờ Tổ họ Hoàng (1-2015), trên một số báo, tạp chí trung ương và địa phương còn tiếp tục xuất hiện một số bài viết về khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh và nhân vật Hoàng Đình Điều.<sup>27</sup> Đáng chú ý, tháng 3-2021, Nguyễn Xuân Cần đã xuất bản tập sách “*Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh (1882-1888)*”<sup>28</sup>. Đây là cuốn sách chuyên khảo đầu tiên viết về cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh và là sự nỗ lực rất đáng hoan nghênh của tác giả

---

<sup>27</sup> Như: Đinh Xuân Lâm, *Vị trí của Cai Kinh trong phong trào yêu nước chống Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX*, Tạp chí Lịch sử Quân sự số 258 (6-2013); Nguyễn Xuân Cần, *Những điều chưa biết về Tướng quân Hoàng Đình Điều*, báo *Bắc Giang điện tử* (BGO. 09:29 ngày 30/8/2014); Lưu Thị Ngọc Tuyết, *Hoàng Đình Kinh – Thủ lĩnh tài ba của dân tộc Tày trong phong trào chống Pháp ở Lạng Sơn cuối thế kỷ XIX*, Tạp chí Giáo dục – số tháng 11/2015; Đỗ Thị Hương Liên, *Bàn thêm về cuộc khởi nghĩa của Hoàng Đình Kinh (Cai Kinh) và mối liên hệ với các cuộc khởi nghĩa đương thời*, Tạp chí *Khoa học & Công nghệ*, chuyên san của Đại học Thái Nguyên, số 10/2017...

<sup>28</sup> Nguyễn Xuân Cần, *Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh (1882-1888)*, Nhà xuất bản KHXH ấn hành, tháng 3-2021.

Nguyễn Xuân Càn, nguyên Giám đốc Bảo tàng tỉnh Bắc Giang, một cán bộ nghiên cứu sử học.

## **2.2. Mấy nhận xét về những thông tin, tư liệu đã biết**

Qua các tác phẩm báo chí, công trình nghiên cứu, tham luận hội thảo viết về cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã được công bố, lưu hành, nhìn chung đã cung cấp cho người đọc, người nghe nhiều thông tin quý giá về cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh. Qua đó giúp chúng ta có thêm những thông tin bổ ích về lai lịch, tiểu sử, gia đình Hoàng Đình Kinh cũng như các sự kiện, nhân vật, địa danh lịch sử gắn liền với những chiến công trong quá trình hoạt động đánh phi và chống Pháp xâm lược của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh cuối thế kỷ XIX. Tuy nhiên, bên cạnh đó, một số bài viết, tác phẩm và cả công trình nghiên cứu chuyên khảo cũng còn có những nhầm lẫn, sai sót, không chính xác. Do đó đã làm cho người đọc, người nghe hiểu biết chưa đầy đủ, thiếu chính xác về cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh.

Sở dĩ có những thông tin nhầm lẫn, sai sót đó là do nhiều nguyên nhân. Trước hết, sinh thời, khi Hoàng Đình Kinh đang sống và hoạt động, điều kiện thông tin lúc đó chưa phát triển, còn rất khó khăn. Vì vậy, nhiều thông tin về cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh không được phổ biến rộng rãi nên đã bị thất truyền. Hơn nữa, vì những hoạt động của ông chống lại chính quyền thực dân phong kiến đương thời nên bản thân Hoàng Đình Kinh và thân nhân gia đình, dòng tộc đã phải luôn tuyệt đối giữ bí mật, không tiết lộ tung tích của mình vì sợ bị kẻ địch trừng phạt, hãm hại. Sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại, kẻ địch đã ráo riết truy lùng để sát hại, trả thù, nên việc giữ gìn bí mật lại càng được coi trọng, là điều kiện sống còn của những thân nhân Hoàng Đình Kinh. Nhiều người trong gia đình, dòng họ của ông còn phải lẩn tránh sang những địa phương khác sinh sống, mai danh, ẩn tích, tung tin giả đánh lạc hướng để tránh sự truy lùng, sát hại của kẻ thù. Phần là do những người quan tâm đến việc tìm hiểu lai lịch, tiểu sử của ông không

có điều kiện tiếp cận, tìm hiểu trực tiếp với những người có sự hiểu biết là thân nhân trong dòng họ của ông mà chỉ nghe qua lời kể của những người khác cung cấp nên dễ có sự nhầm lẫn, sai sót. Mặt khác, có tác giả chưa thận trọng, tìm hiểu thiếu kỹ lưỡng, hoặc đã tưởng tượng, hư cấu trong một số bài báo, tác phẩm văn học, thậm chí cả trong công trình nghiên cứu, chuyên khảo... cho có phần đầy đủ, hấp dẫn người đọc, vì vậy đã đưa ra những thông tin sai lệch, thiếu chính xác. Hơn nữa, cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh nổ ra cách ngày nay đã đến 140 năm, nhân chứng không còn, nhiều tư liệu, thông tin bị thất truyền... Vì vậy việc tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa cũng như về tiểu sử, lai lịch, gia tộc của Hoàng Đình Kinh gặp nhiều khó khăn.

### **2.3. Những thu nhận được qua tìm hiểu, nghiên cứu**

#### **2.3.1. Nguồn gốc, quê quán, dân tộc của Hoàng Đình Kinh**

Để tìm hiểu, nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh, nhóm nghiên cứu đã sưu tầm, tập hợp, khai thác thông tin từ các nguồn tài liệu sách báo, tư liệu lưu trữ, kết hợp với điền dã, điều tra thực tế tại các địa phương, đơn vị và cá nhân có liên quan trên địa bàn cả trong, ngoài tỉnh và các cơ quan chuyên môn ở trung ương. Trên cơ sở đó, nghiên cứu, trao đổi, tổ chức hội thảo, tranh thủ ý kiến của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu nhằm tìm hiểu một cách toàn diện, sâu sắc, khách quan về cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh, trong đó có nội dung về lai lịch, quê quán, dân tộc, gia đình và thân thế, sự nghiệp Hoàng Đình Kinh.

Về nguồn gốc, quê quán, dân tộc của Hoàng Đình Kinh, những người nghiên cứu đã làm việc với đại diện họ Hoàng Đình làng Cường (thôn Việt Thắng, xã Hoà Lạc huyện Hữu Lũng) và họ Hoàng Đình làng Nông Lục (xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn), được biết: Họ Hoàng Đình làng Cường, lâu nay chưa biết gốc tích, nguyên quán từ đâu. Sinh thời, ông Hoàng Trọng Thu (1917- 2001), trưởng tộc họ Hoàng truyền lại cho con cháu: Theo các cụ trong dòng họ truyền lại, họ Hoàng ở xã Hoà

Lạc gốc tích có thể ở mạn huyện Bắc Sơn. Trước đây, chưa rõ vào đời nào, có một lần, họ Hoàng đã sai đầy tớ mang về gia đình ở quê 2 tấm vải và một lu bạc trắng. Lâu nay những người trong dòng họ rất muốn tìm gốc tích của mình. Vào ngày 22 tháng 1 năm 1996, (khi đó, cụ Hoàng Trọng Thư còn sống) các anh Hoàng Đình Chiến, Hoàng Đình Thành và Hoàng Đình Hiền cùng đi Bắc Sơn tìm tông tích. Các anh đi theo đường vào xã Yên Thịnh, qua xã Hữu Liên, rồi sang xã Trấn Yên, Hưng Vũ (huyện Bắc Sơn). Trên đường đi, các anh có qua làng Nông Lục, xã Hưng Vũ - nơi có họ Hoàng Đình, vào thăm đình Nông Lục, sau đó sang làng Lương Minh bên cạnh để hỏi thăm, tìm kiếm, nhưng không tìm được dấu tích, thông tin gì.

Vào khoảng năm 2002, 2003, họ Hoàng Đình ở thôn Nông Lục, xã Hưng Vũ (Bắc Sơn) có ông Hoàng Đình Mét công tác ngành Giao thông được nghỉ hưu, đã về quê thu thập tư liệu để lập gia phả dòng họ, và được biết: Họ Hoàng Đình của ông, theo các cụ truyền lại, ngày trước tổ tiên có một người (tên tuổi, đời nào không biết nữa) tiếng dân tộc gọi là “Pay Keo”, (đi miền xuôi với người Kinh làm ăn). Cụ đi không lần nào trở về. Duy có một lần cho người mang về biểu gia đình 2 tấm vải. Đến nay dòng họ vẫn chưa tìm được tung tích...

Từ một cuộc gặp tình cờ của người trong dòng họ Hoàng xã Hưng Vũ và xã Hòa Lạc, hai bên đã tìm đến nhau. Qua quá trình tìm hiểu, đối chiếu kỹ càng, họ Hoàng làng Cường (xã Hòa Lạc – Hữu Lũng) và họ Hoàng Đình làng Nông Lục (xã Hưng Vũ, Bắc Sơn) đã nhận ra cùng chung gốc họ. Hai bên quyết định tổ chức buổi lễ nhận họ và báo cáo tổ tiên. Tại buổi lễ tổ chức vào ngày 24/3 năm Đinh Hợi (10-5-2007), đoàn đại biểu họ Hoàng xã Hoà lạc có 42 người, đem theo lễ vật (lợn quay, bánh kẹo, hoa quả...) đến lễ tổ họ Hoàng Đình ở thôn Nông Lục, (xã Hưng Vũ). Họ Hoàng Đình ở Nông Lục có đông đủ bà con trong dòng họ và đại diện cán bộ xã đến dự. Thay mặt họ Hoàng Đình thôn Nông Lục, ông Hoàng Đình Mét đã báo cáo trước dòng họ và quan khách:

“Theo các cụ trong dòng họ truyền lại, cách đây khoảng 200, 300 năm về trước, họ Hoàng Đình chúng ta, có một người lưu lạc. Ngày ấy, nói rằng cụ “pay Keo”. Qua nhiều thế hệ, chưa ai biết được nơi cụ lập nghiệp. Tuy nhiên, những chi tiết liên quan đến cụ từ ngày ấy vẫn được truyền lại cho thế hệ hậu sinh biết: Cụ đi là người em, cụ đi biệt tăm, không có lần nào về nữa; duy có một lần, cụ gửi qua người khác đem về biểu gia đình hai tấm vải.

Tương tự, các cụ chi họ Hoàng Đình xóm Việt Thắng, (Hoà Lạc) truyền lại: Cụ tổ có nguồn gốc ở huyện Bắc Sơn; cụ là người em; cụ không có lần nào về thăm lại quê nhà. Có một lần, cụ cho đầy tớ mang về biểu gia đình hai tấm vải cùng một lu bạc trắng.

Những tư liệu hai bên có được, mang đối chứng, ta có được kết quả khớp đúng gần như tuyệt đối. Riêng chi tiết “bạc trắng” không có ở chi họ gốc Nông Lục. Sự khác biệt này, hai bên thống nhất nhận định: có thể người đầy tớ của cụ không đưa số bạc trắng đó cho gia đình; hoặc người đó có đưa nhưng người nhận không nói lại cho người khác biết. Do vậy, chi tiết bạc trắng không được lưu truyền ở chi họ Nông Lục.

Qua đó, chúng ta có đủ chứng cứ để kết luận: Chi họ Hoàng Đình ở xóm Việt Thắng, xã Hoà Lạc (huyện Hữu Lũng) có chung nguồn gốc với họ Hoàng Đình ở thôn Nông Lục, xã Hưng Vũ (huyện Bắc Sơn). Cụ tổ gốc họ Hoàng Đình ở xóm Việt Thắng là vai em. Cụ tổ gốc họ Hoàng Đình ở làng Nông Lục là vai anh. (...); Hậu duệ chi họ Hoàng xóm Việt Thắng mang thành phần dân tộc Kinh, nay bổ sung chữ “Tày” ghi đầy đủ là “dân tộc Kinh gốc Tày”...

Qua những sự việc trên, ta có căn cứ để kết luận: Hoàng Đình Kinh, có nguyên quán là làng Nông Lục, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, dân tộc Tày. Cụ tổ của Hoàng Đình Kinh đã di cư từ xã Hưng Vũ, (huyện Bắc Sơn) về xã Hoà Lạc (huyện Hữu Lũng) sinh cơ lập nghiệp từ thời nhà Nguyễn.

### ***2.3.2. Nơi Hoàng Đình Kinh sinh ra, lớn lên***

Theo những người trong dòng họ Hoàng, thân tộc Hoàng Đình Kinh và người dân địa phương cho biết, nhóm nghiên cứu đã đến khu vực xóm Ná, làng Thượng, thuộc xã Hòa Lạc trước đây (nay là xóm Ná, thuộc thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng) để tìm hiểu. Tại đây, mọi người đã tận mắt xem xét các dấu tích: khu nền nhà xưa của Hoàng Đình Kinh, “ao ông Huyện” và “thành Cai Kinh”, những di tích gắn liền với cuộc đời hoạt động của Hoàng Đình Kinh và nghĩa quân năm xưa. Đến thăm và viếng khu mộ Tổ họ Hoàng ở nơi đây. Tại các điểm di tích này, mặc dù bị nhiều biến đổi qua thời gian và sự tác động do người dân canh tác, nhưng đến nay, nhiều dấu tích vẫn còn rõ nét. Như khu nền nhà của Hoàng Đình Kinh với nền đất và gạch đá xây dựng vẫn còn. Dấu tích “Ao ông Huyện”, trước cửa thành Cai Kinh, nơi xưa kia nghĩa quân thường tắm giặt, nay đã được san lấp thành ruộng canh tác nhưng vẫn rõ hình ảnh của ao xưa. Khu mộ Tổ họ Hoàng (cụ ông Đức Nhân và cụ bà Từ Huệ) đã được con cháu tu bổ, xây dựng mới khang trang, to đẹp... Qua đó cho thấy quê quán của Hoàng Đình Kinh, đúng như một số bài viết trước đó đã thông tin, trong đó có tác giả Paul Munier, trong tác phẩm “*Vùng Cai Kinh – Con người và non nước*” (1934) đã viết: “Họ Hoàng vốn gốc ở làng Hoà Lạc, tổng Thuộc Sơn, huyện Hữu Lũng...”[42].

### ***2.3.3. Những người trong gia đình Hoàng Đình Kinh***

#### ***- Ông bà thân sinh Hoàng Đình Kinh***

Hiện nay, việc xác định họ tên thân sinh của Hoàng Đình Kinh, có hai nguồn thông tin: Theo bài viết của Đặng Huy Vận – Nguyễn Đăng Duy [65], thì: bố Hoàng Đình Kinh là Hoàng Đình Khoa, mẹ là Trần Thị Nhiều. Còn theo tác giả Nguyễn Quang Huynh được ông Hoàng Trọng Thu, trưởng tộc họ Hoàng (xã Hòa Lạc) cung cấp (năm 1987), được trình bày trong tham luận hội thảo *Nhân vật chí xứ Lạng* (3-1997) và hội thảo ngày 25-4-2013 thì: “Người con thứ nhất của cụ Đức

Nhân và bà Từ Huệ là Đình Linh, sinh được 1 con gái đầu lòng và 2 con trai là Hoàng Đình Kinh và Hoàng Đình Hai”.

Cũng có thể, Hoàng Đình Khoa và Trần Thị Nhiều là tên thường gọi lúc sinh thời. Còn Đình Linh là tên thụy (tên đặt khi đã chết để cúng).

*- Người chị gái của Hoàng Đình Kinh.*

Theo bài viết của Đặng Huy Vận – Nguyễn Đăng Duy: “Ông sinh được ba người con, người thứ nhất là Hoàng Thị Gan” [65, tr. 11].

Trong buổi điền dã ngày 8-01-2021, nhóm nghiên cứu đã tìm đến nhà bà Nguyễn Thị Quảng, 74 tuổi, ở thôn Ga, xã Chi Lăng (huyện Chi Lăng). Bà Quảng cho biết bà là hậu duệ đời thứ tư của cụ Hoàng Thị Loan (chị gái ruột Hoàng Đình Kinh). Bà Quảng đã cung cấp cho nhóm nghiên cứu nhiều tư liệu quý về người chị gái Hoàng Đình Kinh. Tại buổi hội thảo khoa học thực hiện đề tài lần thứ nhất (ngày 14-3-2021), bà Quảng phát biểu cho biết: bà được nghe bố và những người trong dòng họ kể lại, chị gái ruột của Hoàng Đình Kinh có tên là Hoàng Thị Loan, lấy chồng họ Mè (con cháu không biết tên) ở xã Chi Lăng, châu Ôn, (nay là huyện Chi Lăng). Bà Loan sinh được 3 người con gái là Mè Thị Nhân, Mè Thị Hòn (bà nội của Nguyễn Thị Quảng), Mè Thị Mai và một người con trai út, nhưng bị mù bẩm sinh nên chỉ gọi là “thằng Cu”, không đặt tên riêng. Khi Pháp chiếm được Chi Lăng, chồng bà Loan bị bắt đi lính, đóng ở đồn Than Muội, làm đến chức cai, nên thường gọi theo tên con trai là “Cai Cu”. Ông Cai Cu thấy giặc Pháp bắt bớ, đàn áp dã man những người Việt yêu nước, nên đã vận động một số binh lính ở đồn Than Muội theo ông tìm cách chống lại chúng. Bị bọn chỉ huy đồn Than Muội phát hiện, ông Cai Cu kéo theo tốp lính tâm phúc về nhà, đưa tất cả vợ con chạy trốn vào lân Đao, rồi lân Đăm, đến lân Đáy (thuộc huyện Chi Lăng). Tên chỉ huy đồn Than Muội lúc đó là Hoàng Đình Kiên ra lệnh cho lính bí mật đuổi theo tìm để giết vào ban đêm. Vợ chồng ông Cai Cu cùng mấy người lính chạy theo, bị đánh bất ngờ đã bị chúng giết chết. Các con của ông được mấy người chạy theo ông kéo vào núi,



bọn chúng không tìm thấy. Tin dữ báo về, ông Mè Văn Năm là em trai ruột ông Cai Cu thông báo họ hàng hai bên nội ngoại đi tìm xác. Bên ngoại ở xã Hòa Lạc có mấy người lên, trong đó có bà Hoàng Thị Liên là em gái ruột bà Hoàng Thị Loan, kêu khóc nhiều lắm...

Hiện nay các cháu chắt ngoại của ông bà Loan (trong đó có bà Quảng) sinh sống tại huyện Chi Lăng và cháu chắt nội (con cháu người con trai là Mè Văn Cu) sinh sống tại Ngả Hai, xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn (Lạng Sơn).

Qua lời kể của bà Nguyễn Thị Quảng, ta biết được chính xác người chị gái của Hoàng Đình Kinh tên là Hoàng Thị Loan (không phải Hoàng Thị Gan như thông tin của Đặng Huy Vận và Nguyễn Đăng Duy). Vợ chồng bà Hoàng Thị Loan đã bị bọn lính ở đồn Than Muội giết chết.

Bà Loan còn có người em gái tên là Hoàng Thị Liên, hiện chưa rõ bà Liên là người con thứ mấy trong gia đình.

*- Người em trai của Hoàng Đình Kinh*

Những tư liệu, thông tin cho biết: Hoàng Đình Kinh có người em trai là Hoàng Đình Hai. (Nhật Nham -Trịnh Như Tấu cho rằng người em tên là Vũ Văn Cương [40, tr. 19]; Đặng Huy Vận – Nguyễn Đăng Duy thì viết: tên là Hoàng Đình Kiệt, sau đổi là Hoàng Đình Cương [65, tr. 11]; người dân địa phương thường gọi là Cai Hai). Khi Hoàng Đình Kinh được thăng làm tri huyện huyện Hữu Lũng, thì chính Hoàng Đình Hai đã thay ông giữ chức Cai tổng Thuốc Sơn và là Phó tướng của Cai Kinh, được phụ trách một cánh quân, đóng dinh ở xã Yên Vượng (hiện còn dấu tích “Khuyên Cai Hai” (chỉ huy sở), “Hút Cai Hai” (nguồn cung cấp nước) v.v.... Ông bị bọn làm phản giết hại tại nhà Lý Cầu ở làng Mãn, (gần thôn Đồng Bền hiện nay). Mộ của ông được đặt tại thôn Hồng Châu xã Cai Kinh, hiện vẫn được con cháu ông Hoàng Văn Tường, Hoàng Văn Chích ở thôn Đồng Bền (xã Cai Kinh) trông nom, cúng giỗ.

Trong diễn văn đọc tại lễ khánh thành nhà thờ Tô họ Hoàng (Hòa Lạc) ngày 19/11 năm Giáp Ngọ (9-1-2015), ông Hoàng Đình Phúc nói rằng “Cụ Hoàng Đình Hai lập nghiệp tại xóm Làng Bên xã Cai Kinh. Cụ Hai sinh ra cụ Hoàng Văn Tường và Hoàng Văn Chích. Cụ Tường sinh ra Hoàng Văn Thâm...”.

Tuy nhiên, qua tìm hiểu, thông tin này là không chính xác. Theo ghi chép gia phả của gia tộc họ Hoàng thôn Đồng Bên, xã Cai Kinh, thì thân sinh của hai ông Hoàng Văn Tường và Hoàng Văn Chích là cụ ông Hoàng Văn Dưỡng (1886 – 1947) và cụ bà Phạm Thị Nụ (1886-1922). Ông Hoàng Văn Tường (1911 – 1995) và bà Nguyễn Thị Thư, sinh Hoàng Xuân Thâm (1940 - 2019); Ông Hoàng Văn Chích (1920 – 2005) và bà Nông Thị Học, sinh được 8 người con (6 trai, 2 gái)... Theo các cụ bô lão ở làng Bên, xã Cai Kinh kể lại, vợ Cai Hai, sau khi chồng mất, không “đi bước nữa” mà đã về quê (làng Bên, xã Thuộc Sơn) sinh sống và nhận Hoàng Văn Dưỡng làm con nuôi, (dân làng thường gọi vợ Cai Hai theo tên con là “bà Dưỡng”). Ông Dưỡng và con, cháu của ông có trách nhiệm trông nom mồ mả, giỗ chạp ông bà Cai Hai (là bố, mẹ nuôi ông Hoàng Văn Dưỡng) vào ngày 2/9 Âm lịch hằng năm. Đến đời ông Tường, ông Chích gọi giỗ Cai Hai là “giỗ ông nội nuôi”. Hiện nay con cháu ông Tường, ông Chích vẫn thường nhắc lại như vậy.

- *Vợ, con của Hoàng Đình Kinh*

Trong những tư liệu sưu tầm, thu thập được, có những văn bản được ghi chép ngay từ khi Hoàng Đình Kinh đang còn sống, hoạt động và cuộc khởi nghĩa đang diễn ra. Đó là các văn bản hành chính của quan nha các cấp bầm báo, tấu trình lên các cơ quan khác nhau thuộc chính quyền Đại Nam và Thống sứ Bắc Kỳ, hiện được lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, (Hà Nội) thuộc khối tài liệu *Nha Kinh lược Bắc Kỳ*,<sup>29</sup> và *Châu bản triều Nguyễn*<sup>30</sup> có tên là tư, tư di, tư trình, tư tiếp,

---

<sup>29</sup> Người Pháp ép vua Đồng Khánh thành lập Nha Kinh lược sứ ở Bắc Kỳ năm 1888, tách xứ này khỏi quyền kiểm soát trực tiếp của triều đình Huế. Về danh nghĩa, đứng đầu xứ này là viên chức Kinh lược sứ Bắc Kỳ của triều đình Nhà Nguyễn, nhưng trên thực tế, quyền lực thuộc về Thống sứ Bắc Kỳ của người Pháp. Nha Kinh lược sứ ở Bắc Kỳ chỉ tồn tại tới năm 1897 rồi bị bãi bỏ.

mật tư, tặc trình, tặc phi trình, tặc trình, tặc thư... Đó còn là những thư từ trao đổi, bẩm báo, tấu trình của các quan chức, tướng lĩnh nhà Thanh hoạt động ở nước ta thời đó trao đổi với nhau, gửi lên cấp trên hoặc gửi về triều đình nhà Thanh, hiện được tập hợp trong một số cuốn sách về tư liệu chiến tranh Trung - Pháp do Trung Quốc xuất bản. Những tư liệu đó cung cấp cho chúng ta những thông tin trung thực, khách quan và chính xác.

Tại bản tặc trình của quan Tuần phủ Lạng Bình họ Vi (Vi Văn Lý) đề ngày 15 tháng 5 năm Đồng Khánh thứ ba (1888) viết: “Theo lời bẩm báo của viên phủ Trường Khánh trong bản hạt là Lê Trọng Khải, thì có dũng quân đánh vào sào huyệt, chém bắt được bọn đầu sỏ và bắt sống vợ con Đình Kinh chờ áp giải... Sai Ma Đình Tại giải vợ nghịch tặc Đình Kinh lên tỉnh, bẩm báo... Khi đó có hai thiếp của Đình Kinh là đệ tứ và đệ ngũ chạy thoát hoặc đã ẩn trốn trong rừng sâu, đã truy tìm nhưng chưa bắt được. Còn hai vợ của hắn là Nhất, Nhị hiện bị thương nặng, không thể dẫn giải đi được, cùng 5 con trai và 2 con gái tổng cộng 7 đứa đều bị bắn chết. Chỉ còn lại thiếp thứ ba bị giải về bẩm báo chờ xét xử...”.

Tại bản tặc trình đề ngày 19 tháng 5 năm Đồng Khánh thứ ba (1888), viết: “... Vào canh ba đêm ngày 11 trong tháng, (tháng 5) đội dũng quân đã đột nhập vào phá được sào huyệt Đình Kinh, tay chân y bị giết hại nhiều, nhà cửa bị đốt cháy hết... Số còn lại chạy thoát, chỉ có một người thày, một người em (nhất sư, nhất đệ) của Đình Kinh hiện đang bị vây bắt”.

Như vậy, vào Canh ba đêm 11 tháng 5 Mậu Tý (1888), lực lượng làm phản đã đột nhập vào đốt phá bản doanh Hoàng Đình Kinh. Nhiều người đã bị giết hại, nhà cửa bị đốt cháy, vợ con Hoàng Đình Kinh bị bắt và giết, Hoàng Đình Kinh chạy thoát. Tư liệu cũng nói rõ: ông có 5 người vợ, 7 người con (5 trai, 2 gái),

---

<sup>30</sup> *Châu bản triều Nguyễn*, là tập hợp toàn bộ các văn bản hành chính của triều Nguyễn từ khi vua Gia Long lên ngôi (1802) cho đến khi vua Bảo Đại thoái vị (1945), bao gồm các tập tấu, sớ, phụng thượng dụ, chiếu, chỉ dụ, tấu trình, bẩm, truyền, sai, phó, khiển... được đích thân vua ngự lãm hoặc ngự phê bằng mực màu son, truyền đạt ý chỉ hoặc giải quyết các vấn đề chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, xã hội..

những người con này đều đã bị giết chết, và phải chăng Hoàng Đình Kinh còn có một người em trai nữa (nhất đệ) và người thầy (nhất sư) ở đây là ai, làm gì? Ta chưa biết rõ!

- Về nhân vật Hoàng Đình Điều

Theo phát biểu của Sư thầy Thích Đàm Định (trụ trì chùa Vua) tại hội thảo về Hoàng Đình Kinh ngày 25-4-2013 cho biết: “Hòa thượng Hoàng Đình Điều (pháp danh Thích Thanh Điều) là con thứ ba của cụ Hoàng Đình Kinh”.[50, tr. 153]

Cũng tại hội thảo này, trong tham luận “*Vị trí của Cai Kinh (Hoàng Đình Kinh) trong phong trào yêu nước chống xâm lược của nhân dân ta*” của Đinh Xuân Lâm<sup>31</sup> viết: “Trong số thủ hạ của Cai Kinh có Hoàng Đình Điều, người cùng xã (chắc là có họ), được dự kíp ngay từ đầu. (...) được Cai Kinh giao cho chỉ huy một đội quân rất dũng mãnh, thường đi tiên phong trong các trận đánh. Hoàng Đình Điều đã sát cánh với chủ tướng Cai Kinh trong các trận đánh quân Pháp ở Kép, Phủ Lạng Thương, tiêu diệt đồn Than Muội (5 - 1885), đồn Mai Sao (4 - 1886). Đầu năm 1888 Hoàng Đình Kinh bị giặc Pháp phục kích bắt (...). Ngày 6-7-1888, giặc Pháp đã xử tử ông, còn Hoàng Đình Điều cùng phần lớn các chỉ huy và nghĩa quân gia nhập cuộc khởi nghĩa của Hoàng Hoa Thám. (...) Hoàng Đình Điều chỉ huy nghĩa quân ở Tam Đảo cho đến tận năm 1920, quân số bị tổn thất nặng trong các trận đánh, ông mới quy y cửa Phật, lấy pháp danh là Thích Thanh Điều, rồi bí mật về tu ở chùa Vua, phố Thịnh Yên (nay thuộc phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội). [50, tr. 13].

Nguyễn Xuân Cần<sup>32</sup>, dựa theo những thông tin tại hội thảo đã có bài *Những điều chưa biết về tướng quân Hoàng Đình Điều*, đăng trên báo Bắc Giang điện tử (BGĐT) ngày 30-8-2014, viết: “Hoàng Đình Điều là tướng quân đã sát cánh nhiều

---

<sup>31</sup> GS. Đinh Xuân Lâm, Đại học KHXH&NV – Đại học Quốc Gia Hà Nội.

<sup>32</sup> Nguyễn Xuân Cần, nguyên Giám đốc Bảo tàng tỉnh Bắc Giang.

năm cùng Hoàng Hoa Thám chống thực dân Pháp trong cuộc khởi nghĩa Yên Thế. Tuy nhiên chưa có tài liệu nào giới thiệu đầy đủ về ông. Hoàng Đình Điều sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống yêu nước. Quê ông ở xã Hòa Lạc, huyện Hữu Lũng, tỉnh Bắc Giang (nay thuộc tỉnh Lạng Sơn). Ông là con thứ ba của thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh (tức Cai Kinh) trong cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở căn cứ Đồng Nai, huyện Hữu Lũng hồi cuối thế kỷ XIX”.

Từ những thông tin đó, để tìm hiểu về Hoàng Đình Điều, xác định ông có phải là con đẻ của Hoàng Đình Kinh hay không, ngày 8-12-2020, nhóm nghiên cứu đã đến chùa Vua (Hà Nội). Tại đây nhóm nghiên cứu đã được Sư thầy Thích Đàm Định (trụ trì chùa Vua) và một số cụ bô lão địa phương (làng Thịnh Yên, phường Phố Huế) tiếp đón chu đáo, cung cấp nhiều thông tin về Hoàng Đình Điều, như: Sư thầy Hoàng Đình Điều từng là một võ tướng của nghĩa quân Yên Thế, về trụ trì chùa Vua từ khoảng năm 1917 và mất ngày 14-8-1945 (giữa những ngày khí thế Cách mạng Tháng Tám ở Hà Nội đang sôi sục), khi đó ngài thọ 75 tuổi, (tức sinh năm 1870). Các cụ bô lão ở đây (trong đó có những cụ cao niên từng được chứng kiến khi sư thầy Thích Thanh Điều lúc còn sống), đều nói sư thầy Thích Thanh Điều là con trai của Hoàng Đình Kinh.

Tuy vậy, căn cứ tư liệu lưu trữ thu thập được (bản tực trình ngày 15/5 năm Đồng Khánh 3 (1888) của quan tuần phủ Lạng Bình họ Vi (Vi Văn Lý) tấu trình lên cấp trên), cho biết: Trong đêm quân làm phản đánh úp vào bản doanh Hoàng Đình Kinh (đêm 11/5), cả 7 người con của ông (5 con trai và 2 con gái) đều đã bị bắn chết. Một số bản tấu trình sau đó còn cho biết kẻ địch vẫn tiếp tục truy lùng những thân nhân và nghĩa binh trung thành của Hoàng Đình Kinh để sát hại, trả thù. Hoàng Đình Điều sinh năm 1870, vụ làm phản Hoàng Đình Kinh xảy ra vào tháng 5-1888. Nếu Hoàng Đình Điều là con đẻ của Hoàng Đình Kinh, khi quân làm phản khởi sự lúc đó đã 18 tuổi, chắc chắn khó lòng trốn thoát được sự truy lùng của quân nội phản, những kẻ biết rất rõ về thân nhân, vợ con của Hoàng Đình Kinh. Do

đó, Hoàng Đình Điều khó có thể là con đẻ, mà chỉ có thể là “con nuôi” của Hoàng Đình Kinh. Vì vào thời kỳ đó, việc nhận “con nuôi”, “bố nuôi” là một xu thế khá phổ biến, như: Hoàng Đình Kinh đã nhận Hoàng Hoa Thám là con nuôi; Hoàng Hoa Thám cũng từng nhận Bá Phúc là cha nuôi. Sau này, khi Hoàng Hoa Thám trở thành thủ lĩnh lãnh đạo nghĩa quân Yên Thế, đã có tới 3 người con trai: Cả Trọng, Cả Huỳnh, Cả Dinh..., nhưng chỉ Cả Trọng là con đẻ, còn Cả Huỳnh và Cả Dinh là những người được Hoàng Hoa Thám nhận là “con nuôi”. Có lẽ đó là do trong cuộc chiến đấu khốc liệt một mất, một còn với kẻ thù, việc nhận “con nuôi, bố nuôi” là một cách tăng thêm những người tâm phúc, mang nhiều ý nghĩa trong chiến đấu với quân thù.

Mặt khác, Hoàng Đình Điều sinh năm 1870, thì việc cho rằng ông “được dự kịp ngay từ đầu” cuộc khởi nghĩa (1882), “được Cai Kinh giao cho chỉ huy một đội quân rất dũng mãnh, thường đi tiên phong trong các trận đánh, đã sát cánh với chủ tướng Cai Kinh trong các trận đánh quân Pháp ở Kép, Phủ Lạng Thương (1884), tiêu diệt đồn Than Muội (5 - 1885), đồn Mai Sao (4 - 1886)” [50, tr. 16], v.v... Nhưng khi đó, Hoàng Đình Điều mới 12, 15, 16 tuổi thì những thông tin trên cũng là điều khó thuyết phục người đọc.

#### ***2.3.4. Thân thế, tiểu sử Hoàng Đình Kinh***

- Trong phát biểu của ông Hoàng Đình Đức, đại diện họ Hoàng (Hòa Lạc) trình bày tại Hội thảo lần thứ nhất (ngày 14-3-2021) viết: “Cụ tổ khảo họ Hoàng Đình chúng tôi là Hoàng Đình Nhân (1718) và cụ bà Nguyễn Thị Từ Huệ (1722). Hai cụ đã sinh được 3 người con trai: con trai trưởng là Hoàng Đình Linh (1757), thứ hai là Hoàng Đình Xuyên (1760), thứ ba là Hoàng Đình Thánh (1763). Cụ Hoàng Đình Linh (con trưởng), cùng cụ bà đã sinh được một người con trai là Hoàng Đình Khoa (1786). Cụ Khoa cùng cụ bà là Trần Thị Nhiễu (1788) sinh được 3 người con. Con cả là: Hoàng Thị Loan (1829); thứ hai là Hoàng Đình Cử (1832) (tức Hoàng Đình Kinh); thứ ba là Hoàng Đình Hai (1835) (tức Cai Hai)...

Tại hội thảo lần 2 (ngày 4-7-2021) có ý kiến thắc mắc về một số thông tin bất hợp lý trong phần ghi năm sinh và họ tên những người trong gia tộc của Hoàng Đình Kinh, (như tuổi người con đầu lòng ít hơn tuổi cha mẹ đến trên dưới 40 tuổi, có đúng không? Tên các cụ được ghi trong báo cáo (ngày 14-3-2021) là tên thật hay tên thụy...?). Ông Hoàng Đình Đức đã trả lời: Dòng họ Hoàng của ông, trước đây không lập được gia phả để lại, thế hệ các ông là những người hậu sinh, không nắm được nên số liệu về năm sinh của các cụ bậc tiên tổ là do “luận suy, phỏng đoán” mà có, chứ không có căn cứ chắc chắn. Nhưng ông Đức cũng cho rằng những tên người (Hoàng Đức Nhân, Nguyễn Thị Từ Huệ, Hoàng Đình Linh, Hoàng Đình Thánh...) là tên thật.

Tuy nhiên, trong phát biểu của ông Hoàng Đình Phúc tại hội thảo ngày 25-4-2013, cho biết các tên người “Đức Nhân, Từ Huệ, Đình Linh, Phúc Xuyên, Phúc Thánh, là tên thụy, khi mất đã đặt tên để cúng” [50, tr.193], thì thấy hợp lý hơn.<sup>33</sup> Vì vậy, những thông tin về năm sinh, tên thật của các cụ bậc tiên tổ trong dòng họ và năm sinh của Hoàng Đình Kinh, nêu trong tham luận ngày 14-3-2021 (hiện được ghi cả trong phả đồ đặt tại phòng khách nhà thờ Tổ họ Hoàng xã Hòa Lạc) cũng chỉ có thể tham khảo, chưa thể lấy đó làm căn cứ nghiên cứu khoa học được.

*- Về họ tên, sự nghiệp của Hoàng Đình Kinh*

Trong số những tư liệu sưu tầm, thu thập được, tài liệu sớm nhất có nói đến Hoàng Đình Kinh là bản tấu trình đề ngày 19 tháng 12 năm Tự Đức thứ 27 (1874), nói về việc điều tra trạm dịch Bắc Lệ thuộc phân phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh đã làm thất lạc hòm đựng tài liệu và lịch quyền của nhà Thanh (Trung Quốc), gửi sang Đại Nam. Tờ tấu có câu: “ trạm phu tên là Tăng, quê quán xã Tiên Lệ là người nhà Cai tổng Kinh, cùng một tên là Giới, người xã Hòa Lạc nhận. Tiếp đó đến ngày 18, nhà Hoàng Đình Kinh, cựu Cai tổng tổng này có lễ hứ ký, y đến dự...”.

---

<sup>33</sup> Trường hợp cụ bà có tên “Từ Huệ” trong tham luận của ông Hoàng Đình Đức ghi “Nguyễn Thị Từ Huệ” và cho đó là tên thật, thì mọi người thắc mắc, vì một phụ nữ miền núi, sinh ra ở đầu thế kỷ XIX, liệu đã có tên đệm hoa mỹ như vậy không?

Tư liệu này cho ta biết Hoàng Đình Kinh đã giữ chức Cai tổng Thuộc Sơn từ dưới thời Tự Đức (1847-1883), ít nhất là từ trước năm Tự Đức thứ 27 (1874) và thời đó ông có tên là Hoàng Đình Kinh.

Sách *Đại Nam thực lục chính biên*<sup>34</sup> viết: “Kỷ Hợi, Minh Mệnh năm thứ 20 (1839),<sup>35</sup> mùa hạ, tháng 4: Bỏ bớt chức Tri huyện huyện Hữu Lũng tỉnh Bắc Ninh, cho phân phủ Lạng Giang kiêm lĩnh ấn vụ huyện Hữu Lũng”[46] và “đến tháng 11 năm Nhân Ngọ (12-1882), triều đình lại đặt huyện nha huyện Hữu Lũng tỉnh Bắc Ninh, vì huyện ấy bị giặc phá, ruộng bỏ hoang, dân phiêu tán đi khắp nơi... phân phủ Lạng Giang thì xa, vì thế khó chiêu dụ dân trở về cho nên lại đặt, còn viên tri huyện thì dùng người ở địa phương ấy”<sup>36</sup>[15]. Hoàng Đình Kinh chính là người được triều đình nhà Nguyễn bổ nhiệm giữ chức Tri huyện vào thời điểm này, sau 43 năm (từ 1839 đến 1882) chức vụ này của huyện Hữu Lũng bị gián đoạn.

Việc tướng lĩnh nhà Thanh phong chức tước cho Hoàng Đình Kinh, trong thư của Lã Xuân Oai (Tuần phủ Lạng Sơn) gửi Từ Diên Húc (Tuần phủ Quảng Tây – Trung Quốc), có đoạn viết: “Hoàng Đình Kinh gần đây giấy tờ, đi lại nói năng, xét ra rất có lòng cố gắng... thực cũng là người xuất sắc trong bọn thổ hào... Chỉ vì hấn *ít học*, hay tức giận, nếu không xử trí trước cho lòng hấn phục theo, thì lại sợ trở thành giúp việc cho người ngoài, thì đáng tiếc... Theo ngu kiến của tôi, định xin chước cấp cho ấn “Tán dương Việt Nam quân vụ thống đại nghĩa dũng chư quân quan phòng”, ngõ hầu nghĩa dân ở hạ du hưởng ứng dễ dàng, mà đối với thể lệ nước tôi hơi được thuận tiện. Kính xin ngài quyết định”. Họ Từ (Từ Diên Húc) nói: “Rất cùng thích hợp”<sup>37</sup>. [10]

Như vậy, chức *Tán tương quân vụ* mà quan nhà Thanh cấp cho ông cũng khớp với sự ghi chép của chính sử triều Nguyễn. Mặt khác trong thư của Lã Xuân Oai

---

<sup>34</sup> *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 5, Nxb Giáo dục, 2007).

<sup>35</sup> Sách *Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh (1882-1888)*, Nxb. KHXH, H. 2021, viết “bãi bỏ từ năm 1851”.

<sup>36</sup> Dẫn theo Nguyễn Xuân Cần, *Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh (1882-1888)*, Nxb. KHXH, H. 2021, tr. 84.

<sup>37</sup> *Trung Pháp chiến tranh*, tập IX, dịch giả: Nguyễn Trọng Hân Viện Sử học dịch.



ghi rõ “*chỉ vì hấn ít học*”, từ đó ta biết lúc nhỏ ông có được học chữ nho, nhưng “*ít học*” nên không thể “*có đi thi nhưng không đỗ*” và cũng không thể gọi ông là “*sĩ phu*” như một vài tác giả đã viết.

Đầu tháng 4 (1884) tướng lĩnh nhà Thanh cấp cho Hoàng Đình Kinh ấn quan phòng, chức “*Tán tương quân vụ*” để hiệu triệu dân Việt đánh phi, chống Pháp. Nhưng theo Đường Cảnh Tùng<sup>38</sup> cho rằng nên phong cho ông chức cao hơn. Theo *Thỉnh anh nhật ký* trong sách *Trung Pháp chiến tranh* viết: “Nhiều lần (Đường Cảnh Tùng) cùng với tướng Hiều bàn việc dùng Hoàng Đình Kinh. Ta muốn dùng người hào kiệt ở nước Việt, (...), nay muốn dùng Hoàng Đình Kinh, khôn nổi các ngài thường thường theo giữ đường lối, không chịu phá cách để làm việc phi thường. Tướng Hiều cấp cho Hoàng Đình Kinh chữ ở ấn quan phòng rằng: “Tán tương quân vụ Việt Nam thống đại nghĩa dũng quan phòng” vẫn thuộc quyền tiết chế của Tuần phủ Lạng Sơn là Lã Xuân Oai, là chỉ coi như một quan ở doanh mà thôi, sao có thể giúp cho tiến cử nhanh được?”<sup>39</sup>. Qua đó cho thấy, Đường Cảnh Tùng còn muốn Hoàng Đình Kinh phải được phong chức cao hơn để phát huy tài năng.

Trong những năm 1886, 1887, Hoàng Đình Kinh còn tự xưng những chức tước cao nhằm nâng uy tín để tập hợp dân chúng đánh giặc. Tại tờ tư di đề ngày 21-3 năm Đồng Khánh thứ 2 (1887) của Đại Nam quan phòng<sup>40</sup> bảm báo lên Thống sứ Bắc Kỳ viết: “Ngày 19 tháng trước, tên phi mục đảng này là Tề Hùng cùng 5 kỵ mã đến chợ Tổng Hoàng treo một tờ cáo thị, rồi lập tức trở về theo đường Vạn Linh...

---

<sup>38</sup> Đường Cảnh Tùng, tự Duy Khanh (Nguyễn Thuật trong *Vãng Tân nhật ký* viết là Vy Khanh), người Quán Dương, Quảng Tây. Năm thứ 4 Đồng Trị đỗ tiến sĩ, tuyển làm thứ cát sĩ, đổi thành sử bộ chủ sự. Tháng 8 năm 1882, Đường Cảnh Tùng chủ động xin chỉ đến Việt Nam, để chiêu phục Lưu Vĩnh Phúc cùng chống Pháp. Nhà Thanh lệnh cho ông ta đến Vân Nam, do *Thự* Vân Quý, *Tổng đốc* Sầm Dục Anh sai khiến ủy dụng. Sầm lệnh cho ông ta “xuôi theo đường hàng hải phía Nam đến Việt Đông, giả đạo Việt Nam, xem tường tận tình hình, rồi về lại Vân Nam” (Dẫn theo tham luận của Nguyễn Biếu).

<sup>39</sup> *Thỉnh anh nhật ký* (Quyển IV), *Trung Pháp chiến tranh* (tập VI), Sdd.

<sup>40</sup> Quan phòng có nghĩa là giữ gìn chỗ quan ải. Những việc hệ trọng nơi quan ải thường có liên quan đến việc phân bổ quan chức mang tính chất khâm sai, lâm thời biệt phái.

Nội dung cáo thị nói rằng Tổng thống Hoàng Nghĩa đại quốc, vốn là ngụy tước của Hoàng Đình Kinh, ủy cho tên ngụy Di đề đốc họ Lâm cáo thị”.

Sau khi Hoàng Đình Kinh bị sa vào tay giặc, quan Tuần phủ Lạng Sơn phải kịp thời bẩm báo tình hình, xin chỉ đạo của Công sứ Lạng Sơn, quan Toàn quyền Bắc kỳ và quan Kinh lược Bắc Kỳ. Trong bản *Tục phi trình* (trình báo gấp) của Tuần phủ họ Vi đề ngày 25/5 năm Đồng Khánh thứ ba (1888) viết: “Tiếp tờ điện báo của quý Toàn quyền đại thân, lập tức ban một tờ án kết tội chém Đình Kinh, trình bày rõ để xin phái viên binh lập tức đến hộ tống. Trong tờ kết án ghi rõ chức tước hàm vị họ tên bị án là tội phạm Đình Kinh...”.

Tại khối *Châu bản triều Nguyễn*, tờ số 18, tập 514, là bản tập án (bản kết án) do tuần phủ Lạng Bình họ Vi (Vi Văn Lý) làm, đề ngày 27 tháng 5 năm Đồng Khánh thứ 3 (1888), ghi như sau: “Xét phi Hoàng Đình Kinh lâu nay chiếm cứ vùng núi hiểm trở ở địa hạt Bắc Ninh, tiếp giáp với xứ Thái Nguyên, Lạng Sơn, cậy vào sức mạnh làm hại dân đã lâu. (...) Nay xét tên giặc quay lưng lại với bản quốc, chống cự với nước Pháp, đã bàn cùng với công sứ bản tỉnh lại trình tập án này nghĩ xin trảm quyết nghịch phi Hoàng Đình Kinh để cho đúng tội”.

Đây là bản tuyên án tội trạng đối với Hoàng Đình Kinh, do quan Tuần phủ Lạng Bình Vi Văn Lý, người đã có thời kỳ cùng cộng tác với Hoàng Đình Kinh chống Pháp nên biết rất rõ lai lịch của ông. Trong bản “tập án” ghi rõ họ tên của ông là Hoàng Đình Kinh, ngoài ra không còn có tên nào khác.

Sau khi Hoàng Đình Kinh bị sa vào tay giặc và bị hành hình, chính quyền Pháp và tay sai vẫn tiếp tục truy lùng những thân nhân và nghĩa binh của ông để trả thù. Trong bản tước trình của quan Án sát Lạng Sơn họ Trần gửi quan Kinh lược Bắc Kỳ, đề ngày 9/9 năm Đồng Khánh thứ 3 (1888), cho biết: “có đầu mục (lý trưởng) trong xã là Ma Đình Tại bắt dẫn một tên thân thuộc của nghịch Kinh. Điều tra biết được, hắn là anh trai Hoàng Đình Kinh, (“Chi đảng huynh” – bản dịch của Châu bản triều ghi là “anh họ”), họ Hoàng, tên Thừa Đạo, đích thị phạm nhân, trình biện

viên phủ xem xét, tiếp đó cho giải lên quan tỉnh. Quan tỉnh đường tra hỏi, biết tên xưng là Văn Phương, tuổi Canh 59 tuổi, quê quán thôn Thượng, xã Hòa Lạc, Bắc hạt, cha mẹ đã mất, có 1 vợ, hai con gái, giống như tên anh giặc Kinh này...”

Tư liệu này cho ta biết: người tên là Văn Phương, cùng quê với Hoàng Đình Kinh, “tuổi Canh, 59 tuổi” (tức sinh năm Canh Dần – 1830), giống như anh trai (hay anh họ?) của Hoàng Đình Kinh, tên Hoàng Thừa Dao, bị viên đầu mục trong xã (lý trưởng) là Ma Đình Tại nghi là anh trai Hoàng Đình Kinh nên bắt dẫn lên Công sứ đường thăm tra, xét hỏi. Qua thăm tra thì biết người đó không phải là anh trai của Hoàng Đình Kinh, nên không bị truy cứu, được thả về. Như vậy phải chăng Hoàng Đình Kinh còn có người anh trai, sinh vào năm Canh Dần (1830)? Cũng từ đó, ta có thể suy ra Hoàng Đình Kinh phải sinh sau năm 1830.

Qua tìm hiểu, nghiên cứu, nhận thấy một số nội dung về lai lịch, tên tuổi, năm sinh của những người trong gia đình và bản thân Hoàng Đình Kinh còn chưa rõ ràng, thống nhất, ngày 29 – 9 - 2021, nhóm nghiên cứu đã làm việc với Ban đại diện họ Hoàng (dòng tộc Hoàng Đình Kinh). Ban Đại diện có trên 10 đại biểu gồm đại diện chi họ Hoàng Đình, làng Cường xã Hòa Lạc (Hữu Lũng) và chi họ Hoàng xã Hưng Vũ (Bắc Sơn). Nhóm nghiên cứu đã thông báo những kết quả sưu tầm, nghiên cứu về lai lịch, tiểu sử gia đình và bản thân Hoàng Đình Kinh, qua đó xin ý kiến của đại diện dòng họ, tập trung ở mấy nội dung: về họ tên thật của các cụ thế hệ tiên tổ (như cụ Tổ Đức Nhân, bà Từ Huệ; Đình Linh, Phúc Xuyên, Phúc Thánh...); về các cụ thân sinh Hoàng Đình Kinh, nhân vật Hoàng Đình Điều; về năm sinh các cụ theo báo cáo của ông Hoàng Đình Đức (tại Hội thảo lần 1), v.v...

Sau khi trao đổi, thảo luận khách quan, khoa học, những người đại diện họ Hoàng (làng Cường xã Hòa Lạc) cho rằng dòng họ không lập được gia phả từ trước để lại, nên thế hệ hiện nay nắm không chắc, nhiều điều thấy còn mơ hồ, băn khoăn. Anh Hoàng Đình Lương (sinh 1970) là cháu nội ông Hoàng Trọng Thư, hiện là Trưởng tộc họ Hoàng Đình làng Cường, nói rằng: “Trong ghi chép và đánh máy,

con cháu đã nhầm lẫn giữa thế hệ ông Khoa và ông Linh. Đúng ra, ông Khoa là bố ông Linh, ông Linh là bố ông Kinh. Ông nội tôi nói thế”. Ông Hoàng Nhưồng (đại biểu dòng họ) cho biết: Các cụ đời trước, có người tên là Khoa, nhưng là đời nào thì không rõ, v.v.... Vậy thân sinh của Hoàng Đình Kinh là Hoàng Đình Khoa, hay Đình Linh? hoặc Hoàng Đình Khoa là tên thường gọi của cụ Đức Nhân, người đã sinh ra Đình Linh...? Đó là những tồn nghi chưa có được lời giải đáp thỏa đáng.

Ông Hoàng Đình Mét (đại diện chi họ Hoàng xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn) cho rằng: phả hệ của chi ông (Bắc Sơn) cơ bản trùng khớp về thế hệ với phả hệ của chi làng Cường (xã Hòa Lạc)...

Kết thúc buổi làm việc, ông Hoàng Văn Páo, Trưởng ban Quản lý nhiệm vụ, kết luận:

- Ông Hoàng Đình Điều chưa thể kết luận là con đẻ của Hoàng Đình Kinh, đưa vào diện vấn đề còn tồn nghi; Về gia phả họ Hoàng giữa nhánh Hưng Vũ Bắc Sơn và Hòa Lạc Hữu Lũng là trùng khớp thế hệ. Khẳng định cụ Hoàng Đình Kinh gốc Tày, ở làng Nông Lục (Hưng Vũ, Bắc Sơn) là rõ; Nhân vật Hoàng Đình Khoa đã được dòng họ công nhận là có.<sup>41</sup>

Trước những nội dung còn chưa rõ ràng, cả những người trong dòng họ Hoàng Đình cũng chưa có sự thống nhất cao, nên về năm sinh của Hoàng Đình Kinh và họ tên, năm sinh của những người trong gia đình, dòng tộc họ Hoàng trong đó có thân sinh Hoàng Đình Kinh cũng chưa có đủ căn cứ để khẳng định.

#### **2.4. Kết luận về gốc tích, gia đình, tiểu sử Hoàng Đình Kinh**

Qua những tư liệu thu thập được và quá trình tìm hiểu, nghiên cứu, ta có thể kết luận về gốc tích, quê hương, gia đình, tiểu sử Hoàng Đình Kinh như sau:

- Hoàng Đình Kinh (còn gọi Cai Kinh, Huyện Kinh) sinh ra, lớn lên tại xóm Ná, làng Thượng, xã Hòa Lạc, tổng Thuốc Sơn tỉnh Bắc Ninh, (nay là xóm Ná, thị

---

<sup>41</sup> Trích biên bản “Nhóm nghiên cứu đề tài Hoàng Đình Kinh làm việc với đại diện dòng tộc họ Hoàng”, ngày 29-9-2021.

trần Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn). Nguyên quán: làng Nông Lục, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, nguồn gốc dân tộc Tày.

Hoàng Đình Kinh có người chị gái cả tên là Hoàng Thị Loan. Bà Loan lấy chồng ở xã Chi Lăng, người họ Mè, con cháu không biết tên, lúc sinh thời thường gọi là Cai Cu. Bà Loan, còn có người em gái ruột là Hoàng Thị Liên (thất truyền), ta chưa biết bà Liên là người con thứ mấy trong gia đình.

- Hoàng Đình Kinh có người em trai là Hoàng Đình Hai, người thay ông giữ chức Cai tổng Thuộc Sơn (Cai Hai) khi Hoàng Đình Kinh được phong chức tri huyện huyện Hữu Lũng và là Phó tướng của nghĩa quân. Hoàng Đình Hai bị bọn làm phản giết hại tại xã Cai Kinh (Hữu Lũng). Mộ của ông được vợ con đưa về đặt tại bên Lỗi (nay là thôn Hồng Châu xã Cai Kinh), hiện vẫn được cháu chắt ông Hoàng Văn Dưỡng (con nuôi), ở thôn Làng Bền trông nom, cúng giỗ.

- Theo các tư liệu lưu trữ thu thập được, Hoàng Đình Kinh có thể còn có người anh trai (tờ số 47 tập 448, *Nha Kinh lược Bắc Kỳ*) và một người em trai nữa (tờ số 47 tập 411, *Nha Kinh lược Bắc Kỳ*). Tuy nhiên những thông tin này cũng chưa thật rõ ràng, chưa đủ căn cứ để khẳng định.

- *Về vợ, con của Hoàng Đình Kinh*: Theo những tư liệu lưu trữ thu thập được cho biết: Hoàng Đình Kinh có 5 người vợ và 7 người con (5 con trai và 2 con gái). Khi quân làm phản đánh vào sào huyệt của nghĩa quân, cả 7 người con của ông đều đã bị giết chết.

- *Về họ, tên, năm sinh của Hoàng Đình Kinh*.

Qua tìm hiểu, nghiên cứu, ta thấy Cai Kinh hay Huyện Kinh, tên thật là Hoàng Đình Kinh. Các văn bản, tấu trình của quan lại các cấp của Đại Nam, của Pháp đương thời cũng như các bản báo, công điện, thư từ trao đổi của quan chức, tướng lĩnh nhà Thanh hoạt động ở nước ta thời đó và cả các cuốn sách, tài liệu của người Pháp có nói về Hoàng Đình Kinh đều gọi ông là Hoàng Đình Kinh, ngoài ra

không còn có tên nào khác. Đặc biệt tại văn bản số 18, *Châu bản triều Nguyễn*, đề ngày 27-5 năm Đồng Khánh 3 (1888), là bản “Tập án” (bản tuyên án tội trạng) đối với Hoàng Đình Kinh, do Tuần phủ Lạng Bình Vi Văn Lý lập để “tuyên án” trước khi hành hình Hoàng Đình Kinh cũng chỉ ghi tên là Hoàng Đình Kinh.

Các tên khác như “Cai Thương”, “Vũ Văn Kinh”, “Hoàng Đình Cự”, hay “tên tục là Cự”, v.v... chỉ xuất hiện qua các bài viết của Nhật Nham – Trịnh Như Tấu (1937, 1941) và của Đặng Huy Vận – Nguyễn Đăng Duy (1965), cách xa thời điểm Hoàng Đình Kinh đang sống, hoạt động và không có căn cứ đáng tin cậy.

Về năm sinh, hiện chưa có đủ căn cứ để biết chính xác năm sinh của Hoàng Đình Kinh.

- Về nội dung có tác giả cho rằng: gia đình Hoàng Đình Kinh “*thuộc dòng dõi nho học, thuở nhỏ ông được học chữ nho, có đi thi nhưng không đỗ*” và gọi Hoàng Đình Kinh là “sĩ phu”: Căn cứ thư của Lã Xuân Oai (Tuần phủ Lạng Sơn) gửi Từ Diên Húc (Tuần phủ Quảng Tây – Trung Quốc) nhân bàn việc phong chức tước cho Hoàng Đình Kinh, (khoảng đầu năm 1884) đã viết: “*chỉ vì hấn (chỉ Hoàng Đình Kinh) ít học hay tức giận...*”, điều đó cho ta thấy những thông tin về trình độ nho học của Hoàng Đình Kinh nói trên là không chính xác.

Hoàng Đình Kinh là người thông minh, tháo vát, giỏi võ, hào hiệp, được nhiều người nghe theo. Ông được làm Cai tổng Thuộc Sơn từ dưới thời Tự Đức ít nhất từ trước năm Tự Đức thứ 27 (1874). Vào tháng 11 năm Nhâm Ngọ (tháng 12-1882) ông được triều đình nhà Nguyễn bổ làm Tri huyện Hữu Lũng, sau 43 năm chức vụ này của huyện Hữu Lãng bị gián đoạn. Người kế vị ông giữ chức Cai tổng Thuộc Sơn chính là Hoàng Đình Hai, em trai ông, nên gọi là Cai Hai.

Tài năng của Hoàng Đình Kinh được các tướng lĩnh nhà Thanh hoạt động ở nước ta thời đó và cả quân Pháp đều đánh giá rất cao. Sau khi đã trao đổi với quan Tuần phủ Lạng Sơn, tướng nhà Thanh đã phong cho Hoàng Đình Kinh chức *Tán tương quân vụ* - một chức quan tham mưu trong bộ Binh. Theo tờ chiếu Hàm Nghi

lần thứ nhất (1885), ông được thăng *Án sát* tỉnh Bắc Ninh, vẫn sung *Tán tương quân vụ* [65, tr. 12]. Vào những năm 1886, 1887, khi chỉ huy nghĩa quân ở vùng Đàng Yên, Đàng Sơn (các xã Yên Thịnh, Yên Vượng, Yên Sơn ngày nay), ông còn tự phong cho mình là “*Tổng thống Hoàng Nghĩa đại quốc*” và cho lính đi dán cáo thị ở các nơi để nâng cao uy thế đánh giặc.

Trên đây là kết luận những nét chính về nguồn gốc, lai lịch, dân tộc, gia đình và thân thế Hoàng Đình Kinh.

### **3. BỐI CẢNH LỊCH SỬ XÃ HỘI VIỆT NAM**

#### **3.1. Thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam**

Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đánh phủ và chống Pháp xâm lược nổ ra vào nửa cuối thế kỷ XIX, thời kỳ đất nước Việt Nam bước vào giai đoạn có nhiều biến động lớn về chính trị, quân sự, ngoại giao.

Trước khi Pháp nổ súng xâm lược, Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền và đạt được những tiến bộ nhất định về kinh tế, văn hóa, nhưng chế độ phong kiến do vương triều Nguyễn thiết lập, sau hơn nửa thế kỷ trị quốc, với những quyết sách lỗi thời, lạc hậu và vũ đoán đã đưa đất nước ngày càng lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Gia Long và các ông vua tiếp theo đã ra sức khôi phục, củng cố chế độ quân chủ chuyên chế. Quyền lực tập trung trong tay vua, trật tự phong kiến được coi là bất di bất dịch. Chỗ dựa của nhà nước là giai cấp địa chủ, tư tưởng Nho giáo được đề cao. Kinh tế Nông nghiệp, Công – Thương nghiệp ngày càng sa sút. Đời sống nhân dân ngày càng cực khổ. Hàng loạt cuộc khởi nghĩa nông dân đã nổ ra khắp nơi, xã hội rối ren, quốc phòng yếu kém, đường lối đối ngoại sai lầm đã khiến cho Việt Nam ngày càng bị cô lập... Những điều kiện đó đã tạo điều kiện cho kẻ thù bên ngoài lợi dụng.

Sáng ngày 1-9-1858 liên quân Pháp - Tây Ban Nha nã đại bác dọn đường rồi đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà của thành phố Đà Nẵng, mở đầu cuộc tấn công của thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Âm mưu của Pháp là “Đánh nhanh, thắng nhanh”,

chiếm xong Đà Nẵng sẽ kéo thẳng ra Huế, buộc triều đình nhà Nguyễn phải đầu hàng.

Tiếng súng xâm lược của quân Pháp nổ ra ở Đà Nẵng đã làm dấy lên làn sóng đấu tranh mạnh mẽ trong nhân dân để bảo vệ Tổ quốc. Triều đình cử Nguyễn Tri Phương làm Tổng chỉ huy mặt trận Quảng Nam. Quân dân ta, dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương, anh dũng chống trả. Sau 5 tháng xâm lược, chúng chỉ chiếm được bán đảo Sơn Trà.

### **3.2. Thực dân Pháp đánh chiếm Nam Kỳ**

Trước tình hình kế hoạch “Đánh nhanh, thắng nhanh” bị phá sản, thực dân Pháp phải thay đổi kế hoạch. Tháng 2-1859 chúng kéo vào Gia Định mở mặt trận mới, tấn công, đánh chiếm thành Gia Định. Sau đó, Pháp tiếp tục mở rộng việc đánh chiếm các tỉnh Nam Kỳ. Đến tháng 3/1862, ba tỉnh miền Đông (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và một tỉnh miền Tây Nam Kỳ (Vĩnh Long) đã bị giặc chiếm.

Trước sự xâm lăng của quân Pháp, nhân dân Nam Kỳ đã đứng lên kháng chiến anh dũng, lập nhiều chiến công. Nhưng giữa lúc đó, triều đình Huế lại kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862), nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ và đảo Côn Lôn; bồi thường chiến phí 20 triệu quan (280 vạn lạng bạc); mở các cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt (cửa sông Hồng đổ ra biển Đông) và Quảng Yên cho thương nhân Pháp và Tây Ban Nha vào tự do buôn bán, kèm theo nhiều nhượng bộ nặng nề khác về chính trị, quân sự...

Sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, thực dân Pháp bắt tay ngay vào việc thiết lập bộ máy thống trị và tiến hành bóc lột nhân dân ta. Trong khi đó, triều đình Huế vẫn tiếp tục thi hành những chính sách đối nội, đối ngoại lỗi thời: ra sức vơ vét tiền của trong nhân dân để phục vụ cho cuộc sống xa hoa và bồi thường chiến phí cho Pháp. Đời sống nhân dân cơ cực. Hàng loạt cuộc khởi nghĩa nông



dân nổi ra bị đàn áp dữ dội. Đối với Pháp, triều đình muốn tiếp tục thương lượng để chia sẻ quyền thống trị.

Trong lúc triều đình Huế chỉ lo dốc toàn lực lượng vào việc đàn áp phong trào nông dân ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, ngăn trở phong trào chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ, thì thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Một mặt chúng thiết lập bộ máy cai trị ở ba tỉnh miền Đông, thôn tính Cam-puchia (1863), cô lập ba tỉnh miền Tây, yêu cầu triều đình Huế giao nốt ba tỉnh miền Tây cho chúng kiểm soát.

Sau khi chuẩn bị lực lượng quân sự, lấy cớ triều đình Huế vẫn ngấm ngấm ủng hộ phong trào kháng chiến ở ba tỉnh miền Đông, quân Pháp kéo đến thành Vĩnh Long buộc quan lại nhà Nguyễn nộp thành. Đại diện triều đình ở miền Tây là Phan Thanh Giản đã phải giao thành Vĩnh Long cho Pháp, sau đó còn ra lệnh cho quan quân ở hai tỉnh An Giang và Hà Tiên làm theo. Vậy là chỉ trong 5 ngày (từ 20 đến 24 – 6 – 1867) quân Pháp đã chiếm gọn ba tỉnh miền Tây không tốn một viên đạn.

Trước hành động của bọn thực dân Pháp và thái độ bạc nhược của quan lại triều đình, phong trào kháng chiến của nhân dân Nam Kỳ từ ba tỉnh miền Đông lan sang ba tỉnh miền Tây. Lúc đầu chỉ đơn thuần là cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, về sau còn có sự kết hợp phần nào với cuộc đấu tranh chống triều đình phong kiến đầu hàng giặc. Tuy nhiên do bị triều đình bỏ rơi, so sánh lực lượng chênh lệch, phong trào đã dần thất bại. Đến năm 1875, phong trào đấu tranh của nhân dân Nam Kỳ không còn các cuộc khởi nghĩa lớn.

### **3.3. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ**

Chiếm xong sáu tỉnh Nam Kỳ, thực dân Pháp gấp rút biến Nam Kỳ thành bàn đạp để tiến đánh Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Chúng tăng cường bóc lột nhân dân ta để thực hiện phương châm “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”. Trong bối cảnh đó, triều đình nhà Nguyễn không lo chiến đấu giành lại những vùng đất đã mất mà vẫn

tiếp tục thi hành những chính sách thiên cận, tăng cường vơ vét bóc lột nhân dân. Đời sống nhân dân ngày càng cơ cực. Một loạt cuộc khởi nghĩa nông dân đã nổ ra.

Tháng 11-1872, thực dân Pháp kiểm soát đưa quân ra đánh chiếm Bắc Kỳ, đánh chiếm thành Hà Nội và mở rộng đánh chiếm nhiều nơi. Trong vòng 3 tuần lễ (23-11 đến 12-12 năm 1873) chúng đã đánh chiếm các tỉnh thành thuộc đồng bằng Bắc Kỳ (Hung Yên, Phủ Lý, Hải Dương, Ninh Bình, Nam Định). Quân dân ta ở nhiều nơi đã chống trả quyết liệt. Sáng ngày 21-12-1873 quân ta đã phục kích tại Cầu Giấy (Hà Nội), giết chết viên chỉ huy Pháp Gác-ni-ê tại trận.

Chiến thắng Cầu Giấy làm cho quân Pháp hoang mang, nhưng triều đình Huế lại đàm phán với Pháp và ngày 15-3-1874 đã kí kết tại Sài Gòn bản Hiệp ước Giáp Tuất. Theo Hiệp ước này, Pháp sẽ rút quân khỏi Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ, nhưng triều đình Huế cũng phải chính thức thừa nhận chủ quyền của Pháp ở sáu tỉnh Nam Kỳ và nhượng bộ cho Pháp nhiều quyền lợi khác.

Sau Hiệp ước Giáp Tuất (1874), triều đình nhà Nguyễn đã vấp phải sự phản ứng mạnh mẽ của nhân dân cả nước. Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra vừa nhằm chống lại thực dân Pháp, vừa phản đối một bộ phận quan lại phong kiến đầu hàng, nhưng đã bị đàn áp.

Cũng trong thời gian này, ở ngoài Bắc thường xuyên xảy ra nạn giặc giã. Bọn thổ phỉ, hải tặc ra sức hoành hành. Ở các tỉnh vùng Biên giới, trong đó có Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Ninh... tàn quân của phong trào Thái Bình Thiên quốc (Trung Quốc) tràn sang cướp của, giết người rất tàn khốc. Nhân dân và quân triều đình phải dốc lực lượng quân sự vào đối phó. Nhiều lần, triều đình còn phải yêu cầu nhà cầm quyền Pháp ở Nam Kỳ giúp đỡ và cầu cứu quân Thanh đánh dẹp. Đất nước rơi vào tình trạng rối ren cực độ.

Lợi dụng thời cơ, viện cớ triều đình Huế không thi hành đúng các điều khoản của Hiệp ước 1874, ngày 3-4-1882 thực dân Pháp đổ quân tiến vào Hà Nội, gây nhiều hành động ngang ngược, thái độ hống hách. Chờ viện binh từ Sài Gòn ra, mở sáng ngày 25-4-1882, tên chỉ huy Hăng-ri Ri-vi-e gửi tối hậu thư cho Tổng đốc Hà

Nội Hoàng Diệu đòi nộp thành và nổ súng. Quân Pháp chiếm được thành, quân triều đình tan vỡ, Tổng đốc Hoàng Diệu tuân tiết để khỏi rơi vào tay giặc.

Trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, triều đình nhà Nguyễn hoang mang, khiếp nhược, vội cầu cứu nhà Thanh. Năm cơ hội này, nhà Thanh liền đưa quân sang nước ta mang danh nghĩa “hợp lực, giúp đỡ” Việt Nam vốn là một nước chư hầu của Thiên triều từ lâu, chống lại sự xâm lược của quân Pháp, nhưng thực chất là nhằm mục đích cùng với Pháp tranh giành quyền lợi ở nước ta, theo đúng tinh thần chỉ đạo của vua Quang Tự là “tranh được phần nào, lợi phần ấy”<sup>42</sup>.

Quân Thanh đóng rải rác ở các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn và Bắc Ninh, đồng thời bí mật thương thuyết với Pháp để chia nhau quyền lợi ở Việt Nam. Trong khi đó, vua Tự Đức vẫn nuôi ảo tưởng điều đình với Pháp nên đã ra lệnh rút quân lên mạn ngược và giải tán các đội quân địa phương được hình thành trong phong trào yêu nước, chống xâm lược.

Trong bối cảnh đất nước, quê hương như vậy, Hoàng Đình Kinh đã dựng cờ khởi nghĩa đánh phi và chống Pháp bảo vệ quê hương, đất nước.

---

<sup>42</sup> Trần Độ, *Về trận thắng quân Pháp tại Hữu Nghị quan và Lạng Sơn (3-1885)*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 267, 1993, tr.26.

## CHƯƠNG II: SỰ NGHIỆP ĐÁNH PHỈ CỦA HOÀNG ĐÌNH KINH

### 1. TÌNH HÌNH GIẶC PHỈ TRÊN PHẠM VI CẢ NƯỚC

#### 1.1. Khái niệm về phỉ, phân loại và nguồn gốc phỉ

Nửa cuối thế kỷ XIX, dưới thời Tự Đức (1848 – 1883), đất nước ta bị nạn phỉ các loại hoành hành, gây nhiều đau khổ cho nhân dân và làm cho quan quân triều Nguyễn cũng phải chống đối rất vất vả.

- Trong các văn bản, tài liệu Quốc sử triều Nguyễn, từ “phỉ” hay “giặc cướp” đều được dùng để chỉ bọn cướp, chống lại triều đình theo nghĩa rộng nhất. Đó có thể là những nhân sĩ chống đối, những giáo dân nổi loạn, những người tự xưng là con cháu của dòng họ Lê cũ nổi lên, rồi hải tặc, thổ phỉ hay những toán cướp người dân tộc thiểu số (người Man) và cả những toán “giặc cò” Trung Hoa...

Để phân biệt các loại phỉ, trong cuốn *Việt Nam sử lược* [32] của Trần Trọng Kim đã phân chia giặc phỉ thời kỳ này thành 2 loại theo nguồn gốc: “Giặc khách” (chỉ các nhóm phỉ Trung Hoa) và “giặc ta” (tặc phỉ trong nước)

Ở một phân loại chi tiết hơn, tác giả Phạm Xanh và Nguyễn Ngọc Trìu trong chuyên luận “*Tiểu phỉ thời Tự Đức*” [68] cho biết: Các nhà chép sử đã căn cứ vào nguồn gốc, tính chất, tộc người, địa hình, địa bàn hoạt động của các nhóm phỉ, đảng phỉ để phân biệt, như:

- Theo đặc trưng địa hình: *Thổ phỉ* (cướp trên đất liền), *thủy phỉ* (cướp trên sông), *hải phỉ* (cướp trên biển)...

- Theo nguồn gốc tộc người: *Nùng phỉ* (chỉ toán giặc cướp người Nùng), *Man phỉ* (giặc cướp người dân tộc thiểu số nói chung)...

- Theo địa giới hành chính: *Hải Dương phỉ* (toán cướp hoạt động ở Hải Dương), *Quảng Yên phỉ* (nhóm cướp ở Quảng Yên); hoặc thậm chí là theo địa giới quốc gia như: *Thanh địa y phỉ/ Thanh địa cổ phỉ* (giặc cướp người Trung Quốc).

- Nguồn gốc của các đảng phi thường từ nhiều thành phần gia nhập các toán phi trong những hoàn cảnh khác nhau. Thủ lĩnh thường là những quan chức bất mãn, bất tuân quyền lực của trung ương, bị triều đình phong kiến truy nã. Trong cuốn *Việt Nam sử lược* tác giả Trần Trọng Kim cho biết: “Từ năm Tân Hợi (1851) là năm Tự Đức thứ 4 trở đi, thì càng ngày càng nhiều giặc hơn cả, bởi vì đất Bắc Kỳ là đất của nhà Lê cũ, dân tình cũng còn có nhiều người tưởng nhớ đến tiền triều nên những người muốn làm loạn, hoặc tự nhận là dòng dõi nhà Lê, hoặc tìm một người nào giả nhận dòng dõi nhà Lê, rồi tôn lên làm minh chủ, để lấy cớ mà khởi sự. Lại nhân lúc bấy giờ, bên Tàu có giặc Thái Bình nổi lên đánh nhà Thanh, đến khi giặc ấy tan thì dư đảng chạy tràn sang nước ta cướp phá ở miền thượng du. Nào giặc khách, nào giặc ta, quan quân cứ phải đi đánh dẹp luôn. Ở trong nước thì thỉnh thoảng lại có tai biến, như nước lụt, đê vỡ, v.v... Ở Hưng Yên, đê Văn Giang vỡ 18 năm liền, cả huyện Văn Giang thành ra bãi cát bỏ hoang, dân gian đói khổ, nghề nghiệp không có, cho nên người đi làm giặc càng ngày càng nhiều vậy.”[32, tr 537-538].

Thổ phi phần nhiều là những người dân thất nghiệp, bị bần cùng, nghèo đói, dân phiêu tán, quân lính, thợ thủ công và một bộ phận là tàn dư của các cuộc khởi nghĩa bị thất bại. Phi đảng (cả thổ phi và hải tặc) bao gồm người Việt, người Trung Quốc từ Mãn Thanh tràn sang, người dân tộc thiểu số, người Man và cả những người nước ngoài thuộc các quốc tịch Xiêm (Thái Lan), Ấn Độ, Mã Lai...

Việt Nam thời kỳ này, nhất là các tỉnh vùng Biên giới Việt Trung có sự hiện diện của nhiều toán phi, vốn là dư đảng của phong trào *Thái bình Thiên quốc* từ Trung Hoa tràn sang, như bọn giặc Ngô Côn<sup>43</sup>, rồi quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh

---

<sup>43</sup> Ngô Côn nguyên tên là Ngô Á Chung, thủ lĩnh thổ phi người dân tộc Tráng (Trung Quốc). Khi Ngô Lăng Vân (cha của Á Chung) nổi dậy ở châu Tân Ninh, Á Chung theo cha đánh dẹp khắp nơi, gây dựng nhà nước Đĩnh Lăng. Tháng 1-1863, quân Thanh phản công, Ngô Lăng Vân tử trận, Á Chung mở đường máu thoát được, sau gây dựng lại lực lượng, tiếp tục duy trì nhà nước Đĩnh Lăng, xưng là Ngô vương. Các thủ lĩnh cũ của Ngô Lăng Vân như Hoàng Sùng Anh, Lưu Vĩnh Phúc cũng theo về. Thanh thế quân Đĩnh Lăng mạnh trở lại, hoành hành khắp vùng biên Quảng Tây-Đại Nam. Tháng 6-1868, quân Thanh lại dốc lực tấn công, Á Chung thất trận, kéo quân qua biên giới Đại Nam, chiếm đóng vùng Cao Bằng, Lạng Sơn và đổi tên thành Ngô Côn để tránh liên hệ quá khứ. Nhưng cả hai triều đình

Phúc, Cờ Vàng của Hoàng Sùng Anh, Cờ Trắng của Bàn Văn Nhi, phi Lý Dương Tài, cùng nhiều loại thổ phi khác thi nhau tàn phá cuộc sống nhân dân, nhiều nhất là ở các tỉnh biên giới như Lào Cai, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, xuống đến Bắc Giang, Bắc Ninh, Hưng Hóa...

Về hoạt động của các đảng phi, theo tác giả Hoàng Páo trong chuyên luận “*Bước đầu tìm hiểu một vấn đề lớn trong lịch sử Xứ Lạng: Phi - giặc cướp*” [41] nói rõ: Hoạt động của các toán phi muôn màu, muôn vẻ. Lúc thì cả toán đột nhập vào làng (cả ban ngày lẫn ban đêm) để cướp phá. Lúc thì trà trộn vào làng do thám để ban đêm tiến hành cướp bóc. Thủ thuật của chúng là bí mật, bất ngờ, chớp nhoáng, rút nhanh gọn. Hành động của chúng rất dã man, tàn bạo, đốt nhà, phá làng bản và giết người. Chúng cướp giết đủ mọi thứ có giá trị tiêu dùng: từ ăn, mặc, đến các phương tiện sinh hoạt, tư liệu sản xuất, trâu bò. Thậm chí chúng còn bắt cả phụ nữ và trẻ em, ai chống lại thì bị chúng giết. Tác giả kết luận: “Bọn phi là bọn cướp của, giết người, không có Tổ quốc, là kẻ thù nguy hiểm của nhân dân lao động và là một nhân tố gây ra mất ổn định tình hình ở biên giới và đất nước”.

## 1.2. Tình hình giặc phi trên phạm vi cả nước

Theo *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim: “*Từ năm Tân Hợi (1851) là năm Tự Đức thứ 4 trở đi thì ngày càng nhiều giặc...*”

Theo *Đại Nam thực lục chính biên*<sup>44</sup> cho biết, dưới thời Tự Đức (1848-1883), có các đảng thổ phi và hải tặc tiêu biểu như sau:

---

nhà Thanh và Đại Nam đều nhìn ra chân tướng hấn, thành lập liên quân Thanh - Việt dưới sự chỉ huy của đề đốc Quảng Tây Phùng Tử Tài tổ chức tiêu trừ. Giữa năm 1869, Ngô Á Chung bị quân Việt do do Tổng đốc Bùi Tuấn và Tuần phủ Ông Ích Khiêm chỉ huy, bắn chết tại Bắc Ninh.

Sau khi Ngô Côn chết, các cánh thổ phi tan rã. Tuy nhiên, quân Thanh nhanh chóng rút về nước và quân Đại Nam cũng không triệt để tiêu trừ, dẫn đến một số thủ lĩnh của Ngô Côn tập hợp lại thành quân Cờ Đen, Cờ Trắng, Cờ Vàng hoành hành ở Bắc Việt Nam mãi đến cuối thập niên 1880 mới tạm yên.

<sup>44</sup> *Đại Nam thực lục chính biên*, (Quốc sử quán triều Nguyễn) (chữ Hán: 大南寔錄正編) (gồm 587 quyển), viết về triều đại các vua nhà Nguyễn, là phần chính yếu của bộ biên niên sử *Đại Nam thực lục* (大南寔錄).

- *Băng nhóm Tam Đường*: Quảng Nghĩa đường Lý Đại Xương, Lục Thăng đường Hoàng Nhị Vân, Đức Thắng đường Lưu Sĩ Anh, hoành hành ở vùng Thái Nguyên từ năm 1851.

- *Băng nhóm Lý Hợp Thắng*, hoạt động ở Cao Bằng năm 1862.

- *Băng nhóm Tạ Văn Phụng* (Lê Duy Phụng), hoạt động tại các vùng biên tỉnh Quảng Yên những năm 1862-1865)

- *Băng nhóm Hoàng Sùng Anh* (hiệu Cờ Vàng), hoạt động khắp miền núi Tuyên Quang từ 1862 đến 1873.

- *Băng nhóm Nùng Văn Thạc và Hoàng Anh*, hoạt động tại Tuyên Quang năm 1862.

- *Băng nhóm Trương Cận Bang* hoạt động ở Cao Bằng năm 1865.

- *Băng nhóm Chu Tường Lân* hoạt động ở Thái Nguyên những năm 1867, 1868.

- *Băng nhóm Bàn Văn Nhị* (hiệu Cờ Trắng) hoạt động ở Tuyên Quang từ năm 1868.

- *Băng nhóm Ngô Côn*, (cũng là một dư đảng của Thái Bình Thiên Quốc) tràn sang cướp phá vùng Cao Bằng, Lạng Sơn từ 1868 (sau khi Ngô Côn chết, tàn quân còn hoạt động đến năm 1870).

- *Băng nhóm Tô Tứ* hoạt động ở Lạng Sơn – Bắc Ninh những năm 1870-1872.

- *Băng nhóm Lưu Vĩnh Phúc* (hiệu Cờ Đen), là dư đảng của Thái Bình Thiên Quốc tràn sang cướp phá miền Hưng Hóa từ năm 1868. Triều đình phải ra sức mua chuộc, phong cho quan chức, chia cho đất đai khai khẩn, rồi dùng họ để chống lại thổ phỉ và cả thực dân Pháp.

Ngoài ra còn vô số các băng đảng thổ phỉ và hải tặc hoạt động lẻ tẻ khác ở miền núi phía Bắc, biên giới Tây Nam, Tây Nguyên, bọn hải tặc ngoài khơi, bọn sơn man, cướp người dân tộc thiểu số. [68, tr. 24, 25]

Theo thống kê của *Đại Nam thực lục chính biên*, (Sđd) trong vòng 35 năm dưới thời Tự Đức (1848-1883) đã có tới 144 lần giặc phi nước Thanh tràn sang nước ta và ngót 60 lần giặc biển vào cướp phá dọc bờ biển từ Bắc đến Nam. Đặc biệt từ năm 1868 đến năm 1872, giặc phi nước Thanh nổi lên nhiều nhất. Đây là thời kỳ phong trào nông dân Thái Bình Thiên Quốc tan rã, bên cạnh các toán phi ở Việt Nam trước kia xuất hiện thêm nhiều toán giặc phi mới dưới danh nghĩa “giặc cò” (Cò Vàng, cò Trắng, cò Đen). Các tỉnh Biên giới phía Bắc nước ta đã trở thành bãi chiến trường cho các cuộc tranh chấp giữa các toán phi. Quân đội của triều đình nhà Nguyễn xoay sở, tìm cách chống đỡ, nhưng nhìn chung không chống cự nổi.

Sách *Đại Nam thực lục* cho biết: Thời Tự Đức, hoạt động của các toán phi ở vùng núi phía Bắc chiếm tới 60,8% (156 lần) hoạt động các đảng phi trên đất liền. Tiêu trừ giặc phi là một trong những nhiệm vụ vũ trang - chính trị quan trọng nhất của triều Nguyễn từ nửa sau thế kỷ XIX.

Để đối phó với tình trạng thổ phi và hải tặc ngày càng tăng, triều đình Tự Đức đã dùng nhiều biện pháp nhằm ổn định tình hình trong nước.

- *Về ngoại giao*: Tự Đức kêu gọi triều đình Mãn Thanh hợp sức đánh dẹp. Trong các triều vua trước và cả những năm đầu thời Tự Đức, nhà Nguyễn đều có khả năng tự giải quyết được, nên không cần đến sự giúp đỡ của nhà Thanh. Song đến năm 1868, Tự Đức đã phải nhờ đến Thiên triều can thiệp vào việc dẹp yên những toán phi từ nước Thanh tràn sang. Đề nghị của Tự Đức đã được nhà Thanh chấp nhận. Có được sự giúp đỡ của Nhà Thanh, ngoài lý do Nhà Nguyễn thuần phục Nhà Thanh, là một nước chư hầu, thuộc quốc thì việc tiêu trừ thổ phi và hải tặc mang tính chất bảo vệ an ninh chung của cả Việt Nam và Trung Quốc, hơn nữa, việc nhà Thanh đem quân sang “giúp” Việt Nam tiêu phi còn có mưu đồ vì lợi ích riêng của họ. Thêm vào đó, thời kỳ này Tự Đức cũng đang gặp phải khó khăn trong việc đối phó với thực dân Pháp.



Tháng 4-1868, nhà Thanh cử tướng Phùng Tử Tài vào Lạng Sơn với 31 doanh quân đội chính quy, khoảng 15.000 quân. Quân Thanh đã cùng hội quân với nhà Nguyễn đánh bại và giết chết được tướng phi Ngô Côn ở thành Bắc Ninh vào tháng 8-1868. Sự kiện này đã kéo theo sự đầu hàng của một loạt các nhóm phi nhỏ lẻ khác như: Trương Cận Bang, Tô Tứ, Chu Tường Lân, Hoàng Dụ Thắng, Triệu Tam Tài... Nhưng sau đó bọn phi đã phân tán khắp vùng thượng du Bắc Kỳ tránh giao chiến với liên quân Thanh – Việt.

Ngoài ra, Tụ Đức còn phải nhờ cậy đến cả quân Pháp trong việc tiêu trừ hải tặc dọc các tỉnh ven biển và giúp đỡ trong công việc ổn định tình hình.

- *Về biện pháp quân sự*: Tụ Đức đã dùng biện pháp mạnh, cử các vị tướng có tài thao lược như Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Đăng Giai, Ông Ích Khiêm, Nguyễn Bá Nghi... đi đánh dẹp. Lực lượng đánh dẹp gồm quân đội triều đình, lính đồng ở các địa phương và các thổ binh ở các tỉnh miền núi. Trước tình hình giặc phi ngược Thanh xuất hiện nhiều, nhà Nguyễn đã yêu cầu nhà Thanh giúp đỡ 15 lần, nhưng nhà Thanh chỉ giúp có 9 lần, còn do nhà Nguyễn tự lo liệu. Qua đó cho thấy triều đình Tụ Đức đã rất chủ động trong việc tiêu trừ giặc phi nước Thanh.

- *Triều đình Nhà Nguyễn còn dùng biện pháp thương lượng* với các lực lượng phi, sẵn sàng chu cấp tiền, vàng, lương thực nếu bọn phi chịu đầu hàng, chấp nhận tập kết đến những địa điểm do triều đình bố trí để khai phá đất hoang sản xuất, hay tổ chức kinh doanh lương thiện. Nhiều lần Nhà Nguyễn đã chi hàng ngàn lạng bạc, hàng vạn quan tiền và nhiều lương thực cho các toán phi đầu hàng như Tô Tứ, Trương Cận Bang... Nhưng hầu như biện pháp này đã thất bại. Cả Tô Tứ, Trương Cận Bang và các đầu lĩnh phi khác, dùng chưa hết lương thực và tiền bạc mà chúng được chu cấp đã kéo quân đánh thành, chém tướng, tiếp tục quấy nhiễu. Nhóm phi nào cũng đánh tiếng xin hàng mong được cấp tiền bạc và lương thực để hoàn lương, an cư, nhưng rồi chẳng mấy chốc chúng đã trở giáo đánh lại quan quân triều đình khi thực lực của chúng đã được khôi phục.

- *Biện pháp phát triển kinh tế, khai khẩn hoang*: Song song với biện pháp về quân sự, nhà nước cũng chú trọng đẩy mạnh các biện pháp kinh tế, tích cực mở rộng diện tích canh tác, như di dân, lập ấp, đẩy mạnh chính sách khẩn hoang, hạn chế tình trạng dân phiêu tán, dân nghèo không có ruộng... Tuy nhiên biện pháp này cũng không thu được hiệu quả bao nhiêu.

- *Dùng biện pháp “Dĩ di công di” để đối phó với nạn phi*: Triều đình đã chiêu mộ, phong quan chức, cho đất đai đối với quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc, vốn là một đảng thổ phi có địa bàn hoạt động rộng khắp các tỉnh Bắc Kỳ. Việc làm này đã đem lại những hiệu quả khá to lớn. Tự Đức đã lợi dụng quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc tiêu diệt nhiều nhóm thổ phi và hải tặc quan trọng như quân Cờ Trắng của Bàn Văn Nhị, quân Cờ Vàng của Hoàng Sùng Anh cũng như nhiều nhóm thổ phi và hải tặc khác. Sau này triều đình Huế còn sử dụng đội quân này vào kháng chiến chống Pháp. Quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc, ngày 19-5-1883 đã tổ chức phục kích tại Cầu Giấy, đánh cho quân Pháp đại bại, Ri-vi-e bị tiêu diệt... cho thấy hiệu quả và sự khôn ngoan trong chính sách “Dĩ di công di” (dùng phi diệt phi) của Tự Đức. [68]

Trên tổng thể, triều đình Huế dưới thời Tự Đức đã sử dụng nhiều biện pháp khác nhau (quân sự, ngoại giao, kinh tế, “dĩ di công di”... để chế ngự, giải quyết nạn thổ phi và hải tặc, nhưng cuối cùng triều Nguyễn vẫn không tránh khỏi thất bại.

## **2. TÌNH HÌNH GIẶC PHI TRÊN QUÊ HƯƠNG HOÀNG ĐÌNH KINH**

Vào những năm 50, 60, 70 của thế kỷ XIX, lực lượng thổ phi các loại thi nhau hoành hành trên khắp vùng Lạng Sơn, Hữu Lũng, Chi Lăng, tràn xuống đến cả phủ Lạng Thương, Bắc Ninh, và các tỉnh vùng trung du đồng bằng.

Sách *Địa chí Lạng Sơn* ghi rõ:

- Năm 1850, một số quân phiến loạn từ Trung Quốc tràn sang Lạng Sơn, cướp phá phủ lý Tràng Định, tràn xuống cả vùng Bình Gia và tỉnh lý Lạng Sơn. Quân ta phải cố gắng lắm mới đánh đuổi được chúng về nước.

- Năm 1859, tên Triệu Đình Huy dẫn đầu 400 tên đồ đảng đến cướp phá vùng châu Bằng Mạc. Đồng bào ở đây dưới sự chỉ huy của ông Triệu Hùng Tài và Triệu Thanh ra sức đánh đuổi. Bọn này phải chạy về hướng Thái Nguyên.

- Năm 1864, Lục Chính Côn từ Trung Quốc vượt qua biên giới vào chiếm cứ làng Bản Chu (Khuất Xá), cướp phá vùng Lộc Bình... Bọn tướng của hắn là Lăng Quốc Quân và Nông Thiên Bảo tiếp tục cướp phá thêm. Nhân dân ở đây không chống nổi phải bồng bế con cái chạy lên tỉnh lý Lạng Sơn.

- Năm 1867, tên Ngô Côn (Trung Quốc), tự xưng là “Thái Bình vương” cầm đầu 20 ngàn tên phỉ xâm nhập Cao Bằng rồi xuống Thất Khê (Lạng Sơn). Triều đình Huế phải cử một đoàn quân lớn dưới quyền chỉ huy của Phạm Chi Hương, chức vụ Bắc biên Tĩnh quân vụ đại thân, với sự phụ tá của Tham tán Nguyễn Mai, Tiểu phủ sứ Ông Ích Khiêm và Đề đốc Đinh Văn Hội để tiêu trừ đảng cướp này... Ngô Côn nghênh chiến đánh bại quân đội của nhà vua, chiếm toàn bộ 36 đồn binh. Chi Hương bị bắt sống, Tham tán Nguyễn Mai tử trận. Sau đó, Ông Ích Khiêm đến Lạng Sơn cùng với Án sát Nguyễn Thu và tri phủ Trường Khánh là Vi Văn Lý chống cự, lấy lại được các đồn binh đã bị mất vào tay giặc.

Lúc bấy giờ, Ngô Côn nhận thấy Phạm Chi Hương là người có nhiều danh tiếng và đức độ, bèn nhận làm con nuôi, rồi hạ lệnh cho Phùng Tử Tài tiến hành những cuộc xâm nhập mới vào Việt Nam. Tại Đông Kinh (Lạng Sơn), quân đội triều đình do Vũ Trọng Bình chỉ huy đã chạm trán với quân của Ngô Côn và Phùng Tử Tài. Một trận ác chiến đã diễn ra tại đây. Quân của Vũ Trọng Bình bị tổn thất lớn. Cuối cùng nhờ có Phạm Chi Hương thuyết phục Ngô Côn mới chịu ra hàng quân triều đình.

- Năm 1868, tướng phi Trung Quốc là Lý Dương Tài cầm đầu 10 ngàn tên từ Quảng Tây tiến qua cửa ải Chi Ma (Lộc Bình) vào chiếm thị xã Lạng Sơn, bị quân ta đánh bại. Lý Dương Tài phải rút qua đường Kép (phủ Lạng Giang), bị đội quân của Trần Xuân Sơn truy kích, phải chạy trốn về mạn Thái Nguyên.

- Năm 1870 một bọn phi Trung Quốc gồm 500 tên vượt biên giới vào cướp phá vùng Khòn Quan (châu Lộc Bình), bị quân của Tiểu phủ sứ (Ông Ích Khiêm) tiến đánh. Chúng chạy tản về phía thị xã, đột nhập chiếm được thành, giết chết viên Lãnh binh và Tổng đốc Đoàn Thọ cùng với 60 lính trấn thủ thành Lạng. Tiểu phủ sứ đem 1.000 quân đến ứng cứu, nhưng đã quá muộn. Triều đình Huế phải xuất 10.000 đĩnh bạc để chuộc lại thành. Bọn giặc rút về Bản Chu (châu Lộc Bình), dọc đường chúng tiếp tục tàn sát và cướp phá nhân dân. [64 tr. 229-230]

Những toán phi hoạt động ở các tỉnh biên giới nói chung và Lạng Sơn nói riêng nhiều toán không hoàn toàn là người địa phương hay Trung Quốc. Những tên cầm đầu các toán phi này hầu hết là người Trung Quốc (như Lưu Hán Thương, Ngô Nhật Quang...) nhưng bọn chúng thường lôi kéo được một số dân địa phương đi theo làm chỉ điểm, dẫn đường. Thông thường khi tham gia các tổ chức phi, các thành viên đều tỏ chức ăn thề: trung thành với tổ chức, với tôn chủ. Mọi toán phi đều trang bị vũ khí đầy đủ do các thành viên tự trang bị hoặc do chúng cướp được của binh sĩ triều đình. Mục đích của chúng là cướp để sống cho nên chúng luôn hành động rất tàn ác, man rợ, giết người, cướp của, đốt phá bản làng trên khu vực biên giới cả bên Việt Nam lẫn bên Trung Quốc. Khi Chính quyền Trung Quốc truy quét mạnh thì chúng lánh sang Việt Nam, khi Chính quyền Việt Nam truy quét mạnh thì chúng lại chạy sang Trung Quốc để lánh tránh.

Nhiều toán phi cướp phá cả một khu vực rộng lớn từ các huyện biên giới Tràng Định, Văn Lãng, Cao Lộc, Lộc Bình vào đến sâu trong nội địa như Chi Lăng, Hữu Lũng, Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn. Có những nơi cả làng, cả khuyen bị triệt hạ, cả bản có chung một ngày giỗ, như ở xã Mông Ân (huyện Bình Gia), vì

các gia đình, dòng họ đều có người bị giặc phi giết hại trong cùng một ngày khi chúng đến bản cướp phá. Nhiều làng bản nhân dân phải ly tán, ruộng đất bị bỏ hoang, [41].

Giặc phi không chỉ hoạt động trên vùng biên giới, các địa phương thuộc Lạng Sơn mà còn tràn xuống đến vùng Hữu Lũng, phủ Lạng Thương, Bắc Ninh. Sách *Lịch sử Hà Bắc* [62] viết: “Từ những năm 60 của thế kỷ XIX, mấy tỉnh phía Bắc đất nước, gồm cả Bắc Giang, Bắc Ninh, tràn ngập bọn thổ phi Tàu sau thất bại của quân Thái bình Thiên quốc bên Trung Quốc. Đó là bọn Ngô Côn, Hoàng Sùng Anh, Lý Dương Tài, Bá Lu, Bá Mãn, Lý A Phê, v.v... Đó còn là bọn quan quân của nhà Thanh, nhân cơ dịp thổ phi cũng sang nước ta cướp bóc, như bọn Phùng Tử Tài. Bọn Lý Dương Tài còn cấu kết với thực dân Pháp vì Pháp cũng muốn sử dụng bọn này. Trong vòng 20 năm tính đến 1882, đất Bắc Ninh phải chịu nhiều thiệt hại vì bọn thổ phi Trung Quốc. Chúng đi đến đâu là cướp bóc, đốt phá, giết người, hãm hiếp đến đó... Nhân dân Bắc Ninh đã tự đứng lên giáng trả chúng, kết hợp cùng quân triều đình tiêu diệt hết toán này đến toán khác. Năm 1869, tướng phi Ngô Côn bị bắn chết trong trận đánh ở thành Bắc Ninh, tàn quân của hắn trở lại cướp bóc Yên Thế. (...). Sang năm 1878, Lý Dương Tài<sup>45</sup> đem mấy vạn thổ phi sang cướp phá ở Lạng Sơn, rồi tràn vào Yên Thế gây nhiều tội ác ở Yên Thượng, Thác Thần, Đồi Hồng, Cà Ngò, Bến Chằm, Đông Kênh, Bo Chợ, Vi Sơn, v.v... Hắn còn tiến xuống đánh chiếm Bắc Ninh, nhưng đến tháng 9 năm Kỷ Mão (1879), Lý Dương Tài bị bắt ở núi Hậu Sơn, xứ Giã Nham (Thái Nguyên).[62, tr. 164, 165].

### **3. TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG VÀ CÔNG TRẠNG ĐÁNH PHI**

#### **3.1. Tổ chức lực lượng**

---

<sup>45</sup> Lý Dương Tài vốn là viên quan bị cách chức dưới quyền của Phùng Tử Tài.

Hoàng Đình Kinh tổ chức lực lượng đánh phi bảo vệ quê hương từ khi ông còn rất trẻ tuổi và đã lập được những chiến công vang dội, nổi tiếng cả một vùng. Tuy nhiên, từ thời kỳ đó và cả sau này, những công trạng đánh phi của ông hầu như không được sử sách ghi chép lại đầy đủ. Trong điều kiện hiện nay, tìm hiểu những tư liệu thời kỳ nhà Thanh đưa quân sang nước ta phối hợp diệt Thanh phi, có một vài tư liệu có liên quan mà thôi. Nhưng những công trạng trong đánh phi bảo vệ quê hương của ông lại được nhân dân địa phương và những vùng xung quanh lưu truyền lại qua những câu chuyện truyền miệng, những giai thoại, truyền thuyết và những hiện vật, chứng tích gắn liền với chiến công đánh phi của ông còn được lưu giữ cho đến ngày nay. Vì vậy, để tìm hiểu Hoàng Đình Kinh đã tổ chức lực lượng và đánh phi, chúng ta cần tham khảo những chuyện kể, giai thoại, truyền thuyết lưu truyền trong nhân dân. Tất nhiên, riêng hệ thống tư liệu truyền ngôn này chưa thể lấy đó làm căn cứ để khẳng định sự việc, mà cần so sánh, đối chiếu với những cứ liệu lịch sử khoa học khác. Nhưng qua nguồn tư liệu folklor này có thể giúp chúng ta tìm hiểu vấn đề được toàn diện và sâu sắc hơn.

- Ở vùng Hữu Lũng, Chi Lăng, quê hương Hoàng Đình Kinh, theo các cụ bô lão ở xã Hòa Lạc (huyện Hữu Lũng) và các xã xung quanh<sup>46</sup>, cho biết: Ngay từ khi Hoàng Đình Kinh còn nhỏ tuổi, trên vùng quê hương ông đã có những toán phi, đảng phi hoạt động, cướp của, giết người, cưỡng hiếp phụ nữ rất dã man như bọn phi Lục A Sung, phi Lý Dương Tài... Bản thân Hoàng Đình Kinh cũng đã từng bị quân phi ức hiếp, cắt cụt một vành tai. Từ đó, ông nuôi chí căm thù giặc, đã đứng lên tập hợp thanh niên trai tráng trong vùng, luyện tập chiến đấu, tổ chức đánh đuổi giặc phi, lập nhiều chiến công. Những sự việc đó vẫn được lưu truyền qua những truyện kể như: “*Sự tích vành tai cụt*” kể việc Hoàng Đình Kinh lúc nhỏ đã bị bọn phi ức hiếp cắt cụt một vành tai, gây cho ông nỗi căm thù quyết không đội trời

---

<sup>46</sup>Như các cụ Hoàng Trọng Thư, Hoàng Thị Bách, Vi Văn Găng, Mè Văn Se, Lương Văn Vóc (xã Hòa Lạc), cụ Trần Văn Hòe, Ngô Văn Thức (xã Cai Kinh), cụ Nông Văn Côn (xã Chi Lăng), v.v...

chung với giặc; Truyện “*Người thôn trưởng tài ba*” kể việc ông tập hợp thanh niên đánh đuổi bọn phi Lục A Sung đến cướp phá quê hương khi ông còn là người trưởng thôn; Truyện “*Bộ cờ tặng làng*” kể việc ông lập công đánh phi từ lúc còn rất trẻ, được dân làng yêu mến, quý trọng. Ông đã may bộ cờ “Tứ linh” tặng làng, đến nay bộ cờ đó vẫn được dân làng giữ gìn. Truyện “*Thi tuyển ba tài*” nói việc Hoàng Đình Kinh tuyển chọn những thanh niên khỏe mạnh, tài giỏi vào lực lượng đánh giặc và luyện tập rất công phu; Truyện “*Lập mưu diệt phi Lý Dương Tài*”, kể việc ông đã dùng mưu kế để xây dựng lực lượng đánh phi Lý Dương Tài rất đông quân và tàn ác; Truyện “*Tám áo vóc vàng*” kể việc ông được tướng lĩnh nhà Thanh tặng vì những chiến công đánh phi.<sup>47</sup>, v.v...

### 3.2. Công trạng đánh phi của Hoàng Đình Kinh

Tình hình giặc phi hoạt động ở nước ta nói chung và vùng Lạng Sơn, Bắc Ninh, có liên quan đến công trạng đánh phi của Hoàng Đình Kinh, được sách *Đại Nam thực lục chính biên* viết: “Lý Dương Tài, trước đã bị Đảng Mẫn Tuyên phó tướng của Triệu Ốc nhà Thanh chia quân vây đánh, đem cả độ 6-7 nghìn Thanh phi tràn qua các trạm Lãng Nhân, Lạng Quang thuộc Lạng Sơn, đánh úp đồn Bắc Lệ thuộc Bắc Ninh, khí thế hung tợn, khiến quan quân thua chạy. Khi Lý Dương Tài đem quân đến đồn Bắc Càn trên đất Bảo Lộc tỉnh Bắc Ninh liền bị Thống đốc Hoàng Tá Viêm đem 5.400 quân chặn đánh, thắng liền mấy trận, lại lấy được đồn Bắc Càn (bắn chết tên cầm cờ đầu và bọn giặc, bắt được ấn bằng gỗ của giặc, giấy tờ của giặc đóng ấn 12 chữ “Phụng thiên thừa vận, hoàng đồ củng cố, đế đạo hà xương”). Vua bèn thưởng kim tiền trước cho 2 viên đặc lực (quyền phó lãnh binh Trần Xuân Soạn, tác vị lãnh binh Phan Đức tiền vàng có chữ “Tam thọ” mỗi người 1 đồng); thưởng tất cả cho 2.000 binh đồng 1000 quan tiền và cách thức thưởng: Bất sống được giặc Tài thưởng bạc hoa 5000 đồng, tinh binh vệ úy, trật tòng tam

---

<sup>47</sup>Những câu chuyện này được tác giả Nguyễn Quang Huynh sưu tầm, ghi chép, xuất bản thành tập *Giai thoại, truyền thuyết về nghĩa quân Hoàng Đình Kinh*, mang tên “*Mũi tên thần*” (Nxb. VHDT, H. 1999).

phẩm, nộp đầu giặc, rút đi một nửa, thưởng tinh binh cai đội, trật tòng ngũ phẩm. Ngoài ra bắt được đầu sỏ giặc Thanh, chia hạng thưởng cấp, còn như đánh dẹp thắng trận. nộp đầu giặc, cứ mỗi đầu thưởng hai lạng bạc, bắt được Hán gian và man Nùng mỗi tên thưởng 1 lạng”.<sup>48</sup>

- Sách *Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh (1882-1888)*, tác giả Nguyễn Xuân Cần, Nxb. KHXH, H. (2021) viết: “Tháng 8-1878 có mặt trong đội quân tiễu Thanh phi cùng với Cai tổng Hoàng Đình Kinh còn có Bá hộ Thân Văn Phúc<sup>49</sup>, Đề Dương (Hoàng Hoa Thám) và thân Đức Luận<sup>50</sup>. Họ chiến đấu dưới sự chỉ huy của Thống đốc Hoàng Tá Viêm, quyền Phó lãnh binh Trần Xuân Soạn, Tác vi lãnh binh Phan Đức.

Sau khi bị đánh tan tác ở Bắc Cần (Bắc Ninh), Lý Dương Tài liền thu nhặt toàn bộ lực lượng rồi sai Chung Hoa Ngữ, Lý Á Sinh, Bàn Văn Nhi chiếm Mai Sơn, Hưng Hóa, Hoàng Thân, Diệp Thành lấy Sơn Tây. Đích thân Lý Dương Tài mang quân chiếm thành Bắc Ninh và xưng vương.

Lữ Thanh phi Lý Dương Tài y quân đông dương oai dương võ nghênh ngang đi giữa ban ngày, khu trống thổi kèn huyền nao. Khắp một vùng Hữu Lũng, Yên Thế, Đồi Hồng, Cà Ngõ, Bến Trăm, Bo Chợ, Đông Kênh đến Yên Thượng, Trại Lốt, Thác Thàn... đâu đâu chúng cũng đốt phá, cướp bóc, giết người vô cùng dã man. Hoàng Đình Kinh khi ấy đã là Cai tổng Thuộc Sơn, nhờ công lao đánh dẹp Thanh phi, ông được triều đình bổ nhiệm làm tri huyện Hữu Lũng”. [15, tr. 82, 83]

---

<sup>48</sup> *Đại Nam thực lục chính biên*, đệ tứ kỷ, Q.L.X (dẫn theo Nguyễn Xuân Cần, [15, tr 82]

<sup>49</sup> Thân Văn Phúc, sinh 1835 (một số tài liệu của Pháp nói ông sinh 1826), vốn là Cai tổng tổng Ngọc Cục, hưởng hàm Bá hộ nên gọi Bá Phúc. Ngoài ra còn được gọi là Tham Phúc (vì được vua Hàm Nghi phong là Tham biện quân thứ Bắc Kỳ); Tấn Phúc (vì được quân Cần vương phong chức Tấn tương quân vụ); Thương Phúc (vì sau sự kiện tháng 2-1894, người Pháp ban cho chức Thương tá).

<sup>50</sup> - Thân Đức Luận, sinh 1860, nguyên quán làng Chũng, xã Ngọc Châu, tổng Ngọc Cục, huyện Yên Thế, gọi Thân Văn Phúc là bác họ [15, tr. 81]. Theo Nhật Nham - Trịnh Như Tấu, *Bắc Giang địa chí*, ông có “thân hình vạm vỡ, mặt vuông, tai nhớn, tay dài chắm gối, vốn sẵn tư trời, thông minh đỉnh ngộ; 12 tuổi đã am hiểu binh thư chiến lược, ngày thường bạn với kiếm cung, gươm giáo. Ông là con một viên quan Cai tổng có công đánh dẹp Đại Trận, nên năm 14 tuổi, khi ođầu quân dưới trướng Trần Xuân Soạn đã được giao ngay chức Quản Đồng. Những năm đi tiễu trừ Thanh phi, ông luôn sát cánh bên cạnh Thân Văn Phúc, Trương Văn Thám, Hoàng Đình Kinh và có công trong việc bắt Lý Dương Tài vào tháng 7-1879, tại núi Hậu Sơn, xứ Giã Nham, tỉnh Thái Nguyên.



Khi Hoàng Đình Kinh được triều đình bổ nhiệm chức Tri huyện huyện Hữu Lũng<sup>51</sup> (tháng 11 năm Nhâm Ngọ, tức tháng 12-1882), nhiệm vụ diệt phỉ càng của ông càng thêm nặng nề, đồng thời ông cũng phát huy những tài năng và kinh nghiệm vốn có của mình, được tướng lĩnh nhà Thanh hoạt động ở nước ta thời đó đánh giá cao.

Trong tờ bẩm của Hoàng Đình Kinh lên quan Tuần phủ Lạng Sơn - Cao Bằng Lã Xuân Oai ngày 12 - 4 niên hiệu Kiến Phúc năm thứ nhất (1884)<sup>52</sup>. có đoạn viết: “Tri huyện huyện Hữu Lũng ở quân thứ Bắc Lệ là Hoàng Đình Kinh kính bẩm ngài Tuần phủ Lạng Sơn - Cao Bằng soi xét: Tôi được phái đem quân nghĩa dũng đến đóng ở doanh tiền tuyến Đồn Nha chặn giữ nơi trọng yếu. Đồ quân nhu cần nhiều, hạt tòi gạo hết cả, vay mượn thực khó, vì vậy dám phải ủy lại mục ở nhà tôi là Nguyễn Cận đến dinh ngài bái chào, chờ xin lượng xét, xin ngài cấp cho 1000 lạng bạc, giao cho hấn bái lĩnh đem về, để chia cho quân lính chi tiêu. Đợi sau có khoản nào chiếu khấu, tôi sẽ tuân theo làm việc. Và tôi ở chỗ quân thứ, không mang ấn công, kính dùng triện tư kính thưa ngài để ngài biết”.

Sau đó, việc giải quyết chuyện lương thảo của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh, trong thư của Lã Xuân Oai gửi Trương Mỗ ở trại quân của Từ Diên Húc viết: “Quân của Hoàng Đình Kinh, hiện theo thư của đại sứ, hãy lập ngay một doanh 500 người, mỗi người cấp cho một lạng bạc, ngoài ra được tiền củi nước 100 lạng, cộng là 600 lạng, thêm quân tức chiếu số ấy, các việc như thế. Ở chỗ tôi vừa đã sức cho Đình Kinh theo thể làm việc. Nhưng xét quân của hấn hiện nay đóng giữ chỉ có hơn 500 người, mà người đầu mục các nơi đi lại đón tiếp rất nhiều, hấn ở Đồn Mai

---

<sup>51</sup> Huyện lỵ Hữu Lũng thời kỳ đó lúc đầu đóng ở Hữu Hạ (nay thuộc xã Tân Sỏi), một thời gian sau được chuyển về xã Đào Quán (nay thuộc xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang. Sau lại chuyển về Đồi Lầm – Bồ Hạ. (nay thuộc huyện Yên Thế - Bắc Giang).

<sup>52</sup> “*Thư của Lã Xuân Oai và bút đàm*” trong *Trung Pháp chiến tranh*, tập IX, dịch giả: Nguyễn Trọng Hân, tư liệu dịch của Viện Sử học.

từng nói trong năm sáu ngày, vay mượn nhiều nơi, các quân tiêu dùng cũng chẳng đủ chi, trình lên xin lấy giúp cho. Tôi nghĩ quân tất có số, lương tất có lệ, rồi sức cho hắn dồn lại thành doanh bẩm lên để xét. Đình Kinh xin khất đến ngày 24 kiểm điểm xong bẩm lên sau. Ngày nay phái lại mục đến lĩnh lương, phiên ngài bẩm giúp, may được châm chước cấp cho. Đợi sau khi hắn xếp đặt thành doanh, sẽ xin sức cho hắn theo như trước lĩnh số 600 lượng bạc, là khoản cấp trước cho một doanh (nhưng được tính bắt đầu từ ngày lĩnh bạc), hiện lại lĩnh thêm bao nhiêu, tức là khoản mộ thêm mấy doanh thứ sau, ngõ hầu không có số không thiết thực”<sup>53</sup>.

Trong bộ sử liệu *Trung Pháp chiến tranh* của Trung Quốc viết: “Quan huyện Hữu Lũng là Hoàng Đình Kinh người vốn không thuần nhưng rất được lòng người, sau khi thành Bắc Ninh bị phá, dân nước Việt lũ lượt đi đến... Người Pháp bảo người ấy (chỉ Hoàng Đình Kinh) hàng, thì Lạng Sơn không đánh tự khắc được”.<sup>54</sup> Đầu tháng 4 (1884), tướng lĩnh nhà Thanh bàn về việc sử dụng và hợp tác với nghĩa quân của Hoàng Đình Kinh, đồng thời cấp cho ông ấn quan phòng, chức “*Tán tương quân vụ*”, trong thư của Lã Xuân Oai (quan Tuần phủ Lạng Sơn) gửi cho Từ Diên Húc (Tuần phủ tỉnh Quảng Tây nước Thanh) viết: “Họ Lã nói: Hoàng Đình Kinh gần đây giấy tờ đi lại nói năng, xét ra rất có lòng cố gắng. Hôm trước sau khi hắn bái biệt ngài, lập tức đến Đồn Nha tế cờ tập hợp quân hện thê, thực cũng là người xuất sắc trong bọn thổ hào. Huống chi địa hạt ấy không người ấy là không được, chỉ vì hắn ít học hay tức giận, nếu không xử trí trước cho lòng hắn phục theo, thì lại sợ trở thành giúp việc cho người ngoài, thì đáng tiếc... Hiện nay Đình Kinh hắn gửi thư đến cho tôi, xin lập thành 5 doanh, và định nhờ tôi bẩm giúp lên ngài, cấp cho một quả ấn dùng để làm việc,... Và Đình Kinh hắn như quả lập thành doanh bẩm lên để xét, xin được cấp cho hắn một quả ấn “*Tán tương quân sự quan phòng*”, cho hắn được dựa làm tin để hiệu triệu... Theo ngu kiến của tôi, định xin chước cấp cho ấn “*Tán dương Việt Nam quân vụ thống đại nghĩa dũng chur*

<sup>53</sup> *Trung Pháp chiến tranh*, tập IX, dịch giả Nguyễn Trọng Hân Viện Sử học dịch.

<sup>54</sup> *Trung Pháp chiến tranh* (tập VI), bản dịch của Viện Sử học.

quan phòng”, ngô hầu nghĩa dân ở hạ du hưởng ứng dễ dàng, mà đối với thể lệ nước tôi hơi được thuận tiện. Kính xin ngài quyết định... Họ Từ nói: Rất cùng thích hợp”<sup>55</sup>.

Theo tướng lĩnh nhà Thanh, đánh giá về việc dùng Hoàng Đình Kinh diệt phi, đánh Pháp, trong sách *Trung – Pháp chiến tranh* có viết: “... bàn việc dùng Hoàng Đình Kinh, ta muốn dùng người hào kiệt ở nước Việt... không phải chỉ mong người ấy tụ họp dân nước Việt biết đánh trận, mong về biết tự lập làm nước Nam Giao mở riêng bờ cõi... đến nay muốn dùng Hoàng Đình Kinh... cấp cho Hoàng Đình Kinh chữ ở ấn quan phòng rằng “Tán tương quân vụ Việt Nam thống đãi nghĩa dũng quan phòng” vẫn thuộc quyền tiết chế của Tuần phủ Lạng Sơn là Lã Xuân Oai, là chỉ coi như một quan ở doanh mà thôi, sao có thể cho tiến cử nhanh được”<sup>56</sup>. Thực tế thì chức *Tán tương quân vụ* mà quan nhà Thanh cấp cho Hoàng Đình Kinh không lớn. Đường Cảnh Tùng cho rằng nên phong cho ông chức cao hơn để pháp huy tài năng.

Qua một vài tư liệu nói trên, cũng cho ta thấy công việc nặng nề và tài năng, công trạng của Hoàng Đình Kinh trong nhiệm vụ diệt phi. Khi tướng nhà Thanh là Đề đốc Phùng Tử Tài được triều đình Huế cho kéo quân vào các tỉnh phía Bắc thanh toán bọn tàn quân “Thái Bình Thiên Quốc”, đến vùng Chi Lăng, Hữu Lũng đã thấy rõ tài năng, công trạng của Hoàng Đình Kinh trong việc đánh phi nói chung, và tiêu diệt tàn quân Thái Bình Thiên quốc nói riêng, để tỏ uy thế của mình và khen ngợi Hoàng Đình Kinh đã có công “giúp” nhà Thanh diệt tàn quân Thái Bình Thiên quốc, đã phong cho ông những chức hiệu tuyệt đẹp, chẳng hạn “Việt Nam Tổng thống đại thân” (na ná như Tổng Tư lệnh quân đội vương quốc Việt-Nam) [42] và cấp bằng “Tán tương quân vụ”. [45, tr. 237]. Hoàng Đình Kinh còn được tặng tám “Áo châu” bằng vóc vàng sang trọng, dành cho những quan chức

---

<sup>55</sup> *Trung Pháp chiến tranh*, tập IX, dịch giả: Nguyễn Trọng Hân Viện Sử học dịch.

<sup>56</sup> *Thịnh anh nhật ký* (quyển IV), *Trung Pháp chiến tranh* (tập VI), Sđd.

cao cấp nhà Thanh. Tấm áo này, sau khi cuộc khởi nghĩa tan rã, nhân dân xã Yên Thịnh đã lưu giữ rất trân trọng, sau đó được may thành đôi áo tàn tại đình làng Sơn Lộc Tự dùng trong những dịp lễ trọng.

Qua những tư liệu, hiện vật thu thập được và những chuyện kể về lưu truyền trong nhân dân, chúng ta có thể khái quát sự nghiệp đánh phi bảo vệ quê hương, đất nước của Hoàng Đình Kinh như sau:

Ngay từ khi còn rất trẻ, trước cảnh quê hương bị giặc phi đến cướp của, giết người, gây nhiều đau thương, tang tóc, Hoàng Đình Kinh đã đứng lên tập hợp thanh niên trai tráng trong vùng đánh đuổi giặc phi các loại. Từ những toán phi nhỏ, lẻ, nội địa đến các lực lượng Thanh phi, tàn quân của “Thái Bình Thiên quốc” đông quân, có trang bị vũ khí phương tiện hiện đại. Hoàng Đình Kinh đã lập nhiều công trạng to lớn trong đánh phi, được nhân dân yêu mến và các tướng lĩnh nhà Thanh quý trọng, khâm phục, đã phong tặng cho ông những chức tước và hiện vật cao quý.

Sự nghiệp đánh Phi của Hoàng Đình Kinh có thể chia thành hai giai đoạn:

- *Giai đoạn đầu:* Hoàng Đình Kinh đã chống phi với tư cách một thanh niên yêu nước, thương dân, dũng cảm, mưu trí, tự phát đứng lên. Ông đã tập hợp trai tráng trong vùng, tổ chức luyện tập võ nghệ, tự mua sắm vũ khí... chuẩn bị, sẵn sàng đối phó, và đối phó có hiệu quả trong việc tiêu trừ giặc phi. Chính nhờ những chiến công này mà Hoàng Đình đã được người dân trong thôn cử làm “Thôn trưởng”, rồi được phong chức “Cai tổng Thuốc Sơn” và sau đó ông được triều đình bổ nhiệm làm tri huyện huyện Hữu Lũng, tướng nhà Thanh cấp bằng Tán tương quân vụ.

*Giai đoạn sau:* Từ khi Hoàng Đình Kinh được cử làm Cai tổng Thuốc Sơn và nhất là từ năm 1882 trở về sau, khi ông đã được bổ nhiệm là quan tri huyện Hữu Lũng, thì sự nghiệp chống phi của ông trong tư thế một mệnh quan triều đình (Cai tổng, tri huyện). Từ đây, hoạt động chống phi của Hoàng Đình Kinh mang một tầm

vóc mới, cao hơn, diễn ra với quy mô lớn hơn và có sự phối hợp với các quan lại yêu nước khác. Hơn nữa, thời kỳ này, việc tiêu phi đã trở thành chủ trương của triều đình Trung ương (Huế), vì thế nên động cơ tiêu phi của Hoàng Đình Kinh đã phát triển từ “vì dân” lên “vì nước”.[37] Vì vậy, sau đó ông còn được tướng nhà Thanh cấp bằng “Tán tương quân vụ”, và phong danh hiệu “Việt Nam tổng thống đại thân” - như tác giả Paul Munier đã viết trong tác phẩm *Le Cai Kinh homme et con- trée* (Vùng Cai Kinh – Con người và non nước)

## CHƯƠNG III: SỰ NGHIỆP ĐÁNH PHÁP CỦA HOÀNG ĐÌNH KINH

### 1. DỰNG CỜ KHỞI NGHĨA – XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG

#### 1.1. Dụng cờ khởi nghĩa

Vào đầu những năm 80 của thế kỷ XIX, sau khi đã chiếm được Nam Kỳ, thực dân Pháp đẩy mạnh âm mưu xâm lược Bắc Kỳ và toàn bộ Việt Nam. Viện có triều đình Huế không thi hành đúng các các điều khoản của Hiệp ước 1874, ngăn người Pháp đi lại buôn bán trên sông Hồng, cấm và giết những người theo đạo Thiên Chúa... Pháp đưa quân ra Bắc. Sáng ngày 25-4-1882, Pháp tấn công thành Hà Nội. Trưa hôm đó, quân Pháp chiếm được thành, quân triều đình ta vỡ, Hoàng Diệu, Tổng đốc Hà Nội tử tiết.

Trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, triều đình nhà Nguyễn hoang mang, khiếp nhược, vội vàng cầu cứu nhà Thanh. Năm cơ hội này, nhà Thanh đưa quân sang nước ta. Quân Thanh đóng rải rác ở các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn và Bắc Ninh. Triều Thanh đưa quân sang Bắc Kỳ mang danh nghĩa “hợp lực” với nhà Nguyễn chống lại sự xâm lược của quân Pháp, nhưng thực chất là nhằm mục đích cùng với Pháp tranh giành quyền lợi ở nước ta mà thôi, theo với đúng tinh thần chỉ đạo của vua Quang Tự là “*tranh được phần nào, lợi phần ấy*”<sup>57</sup>; song nhà Thanh lại núp dưới chiêu bài là “giúp đỡ” cho Việt Nam vốn là một nước chư hầu của Thiên triều từ lâu.

#### - *Thời điểm nổ ra cuộc khởi nghĩa*

Hiện nay có nhiều ý kiến khác nhau về thời điểm nổ ra và kết thúc cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh:

- Paul Munie, *Vùng Cai Kinh- con người và non nước* (1934) cho rằng khởi nghĩa Cai Kinh nổ ra từ năm 1881-1882 đến 1889 (“Những năm 1881, 1882

---

<sup>57</sup> Trần Độ, *Về trận thắng quân Pháp tại Hữu Nghị quan và Lạng Sơn (3-1885)*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, Viện Sử học, số 267, 1993, tr.26.

ấy...thế là bắt đầu một cuộc phiêu lưu... nó đã kéo dài 7 năm...; ta đã bước vào năm 1889, năm cuối cùng đối với Cai Kinh!”

- Sách *Lịch sử cận đại Việt Nam*, 1961 tập 2 chép: “Mùa Thu năm 1882 nhà Thanh lệnh cho Lương Quảng, Vân Nam điều phái nhiều quân tụ họp biên thủy (phủ Lâm An và Quan Hóa giáp Tuyên Quang, châu Quy Thuận giáp Cao Bằng, Long Châu giáp Lạng Sơn. Châu Liêm và Châu Kinh giáp Quảng Yên. Lại sai quan ở Vân Nam là Tạ Kinh Bửu đem ba doanh đến Quảng Ty (Hưng Hóa) về phía sông Hồng một số quân khác gồm 5 doanh xuống tới Tuyên Quang, Thái Nguyên do Triệu Ốc chỉ huy. Rồi các tỉnh khác Cao, Lạng, Thái, Bắc Ninh đều có 12 quân doanh Thanh do Hoàng Quế Lan đến đóng”.

Trong tình hình ấy quân và dân ở Bắc Kỳ muốn liên kết với quân Thanh để chống Pháp. Ở Lạng Sơn Tuần phủ Lã Xuân Oai cùng bộ hạ cũ là Lãnh binh Quách Tất Phao, hành lâm Phạm Lý, quyền quản Đĩnh Nghi, Quách Khuê, Quách Cơ, Quách Bằng, Quách Tuấn, Quách Đoàn, bá hộ Nguyễn Văn Ý, tú tài Trần Chánh Phương, quyền suất Trần Nhật Vỹ, thư lại Điem Phương Mật tụ họp đình dũng liên lạc với Lãnh binh và lính tráng ở Hà Nội mưu một cuộc khởi nghĩa lớn. Lã Xuân Oai liên lạc với tướng nhà Thanh là Từ Diên Húc (Tuần phủ Quảng Tây Trung Quốc) xin giúp đỡ. Chính trong bối cảnh ấy, Hoàng Đình Kinh đã tụ hội quân nghĩa dũng, xây dựng cơ sở để chống lại các thế lực thổ phi, quân cờ đen, giặc ngoại xâm là lý do đã dẫn đến phong trào khởi nghĩa Cai Kinh là một tất yếu lịch sử”.

- Đặng Huy Vận – Nguyễn Đăng Duy, *Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh (1883-1888)* [65] cho rằng: “Ông (Hoàng Đình Kinh) đã đứng lên kháng chiến ngay từ sau điều ước 1883 khi Pháp tiến lên chiếm đóng miền Trung và thượng du Bắc Kỳ”

- *Địa chí Hà Bắc* (1982): “Hoàng Đình Kinh... nổi dậy chống Pháp từ 1884 - 1888” [61, tr. 348 ].

- Tôn Quang Phiệt, *Tìm hiểu Hoàng Hoa Thám* (1984): “Bá Phúc đã theo Cai Kinh từ năm thứ ba mươi sáu niên hiệu Tự Đức (1882)” (tr.33) ; “Chính Hoàng Hoa Thám và cha nuôi là Bá Phúc cũng đã hoạt động và lập nhiều chiến công dưới cờ hiệu của Cai Kinh” (tr.34). [43].

- *Lịch sử Hà Bắc* Tập 1 (1986): “Cuộc khởi nghĩa Cai Kinh nổ ra ở dãy núi Đồng Nai, châu Hữu Lũng vào mùa xuân năm 1882”... “Sau cái chết của người thủ lĩnh (tháng 6-1888) cuộc khởi nghĩa tan rã”. [62, tr. 184].

- Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, Nxb. KHXH (1981): “Ngày 6-7-1888, Hoàng Đình Kinh bị sa vào tay giặc và bị xử theo lệnh của tên Phó Công sứ Lạng Sơn” [45. Tr. 335]

- *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn* (1930- 1945), BTGTU Lạng Sơn (1986, tái bản 1998) viết: “Tiêu biểu là chiến công của nghĩa quân các dân tộc vùng Hữu Lũng – Chi Lăng do Hoàng Đình Kinh chỉ huy suốt từ 1883 đến 1888”. [4, tr. 15]

- Dương Thành Chúc, *Tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa Cai Kinh* (12- 1988): “Cuộc dấy binh kháng Pháp của Hoàng Đình Kinh ở Hữu Lũng phải là năm 1880 hoặc 1881”. [17]

- Nguyễn Quang Huynh, *Góp phần tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh qua các giai thoại truyền thuyết lưu truyền trong nhân dân*, (Tham luận tại Hội thảo khoa học về “*Nhân vật lịch sử Lạng Sơn*” - 1997): “Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh gồm đánh phi và chống Pháp. Nếu tính từ đánh phi thì ít nhất khởi nghĩa nổ ra từ khi phi Lý Dương Tài đến vùng Hữu Lũng, Chi Lăng (1878); nếu tính từ khi đánh Pháp thì phải đến 3-1884 khi Pháp tiến đánh lên Lạng Sơn”.

- Tác giả Vũ Thanh Sơn trong tác phẩm “*284 anh hùng, hào kiệt của Việt Nam*”<sup>58</sup> (2009) viết: “Ngày 25-4 -1882, quân Pháp hạ thành Hà Nội lần thứ hai, mấy ngày sau Hoàng Đình Kinh phát động cuộc khởi nghĩa ở dãy núi Đồng Nai, châu Hữu Lũng”.

---

<sup>58</sup> Vũ Thanh Sơn, *284 anh hùng, hào kiệt của Việt Nam* Nxb CAND, H. 2009



- Tác giả Bùi Văn Thành<sup>59</sup>, *Sĩ phu Hoàng Đình Kinh – vị thủ lĩnh khởi nghĩa Đồng Nai*, (2013) viết: “Ngay từ tháng 4 năm 1882, Hoàng Đình Kinh với chức danh tri huyện - huyện Hữu Lũng, đã trở thành vị thủ lĩnh và là linh hồn của cuộc khởi nghĩa Đồng Nai”. [50, tr. 32],

Căn cứ bối cảnh lịch sử và các tư liệu, tài liệu đã có, ta thấy rằng: *Thời gian nổ ra khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh là vào cuối tháng 4 -1882 – ngay sau khi quân Pháp tiến hành đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ 2, đã hạ thành Hà Nội*. Trước hành động xâm lược rất trắng trợn và thái độ hung hăng, hống hách của quân Pháp, hòa chung khí thế của các sĩ phu và những người yêu nước kiên quyết đứng lên chống Pháp, trong đó có Tuần phủ Lạng Sơn cùng bộ hạ tụ họp đình dũng liên lạc với Lãnh binh và lính tráng ở Hà Nội mưu một cuộc khởi nghĩa lớn, đồng thời liên lạc với tướng nhà Thanh xin giúp đỡ. Chính trong bối cảnh ấy, Hoàng Đình Kinh đã đứng lên dựng cờ khởi nghĩa, tụ hội quân nghĩa dũng, xây dựng cơ sở để chống lại các thế lực thổ phỉ trong nước, Thanh phỉ, và giặc Pháp, thì đó là một “tất yếu lịch sử”. Điều này cũng phù hợp với các tài liệu, tác phẩm của các tác giả người Pháp và Việt Nam khi nghiên cứu về khởi nghĩa Yên Thế đều nói Bá Phúc, Trương Thám và nhiều tướng lĩnh, chỉ huy tài giỏi khác đã tham gia nghĩa quân Hoàng Đình Kinh từ năm 1882.

Qua đó ta thấy khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh là cuộc khởi nghĩa của đồng bào các dân tộc miền núi vùng Lạng Sơn – Bắc Giang, trước họa xâm lăng của thực dân Pháp đã đứng lên khởi nghĩa, chiến đấu vì quê hương, đất nước, chứ không là một phong trào hưởng ứng dụ cần vương của vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết phát động. Có chăng, giai đoạn sau của cuộc khởi nghĩa là hòa chung trong phong trào Cần vương của cả nước mà thôi. Tác giả Đặng Huy Vận và Nguyễn Đăng Duy trong bài viết của mình cũng khẳng định: “Điều mà chúng tôi có thể khẳng định

---

<sup>59</sup> TS. Bùi Văn Thành, Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam

chắc chắn là Hoàng Đình Kinh không phải đến năm 1885 khi Hàm Nghi ra sơn phòng mới nổi dậy chống Pháp”, [65, tr.13]

### ***- Địa điểm nổ ra cuộc khởi nghĩa***

Phát động cuộc khởi nghĩa (cuối tháng 4, đầu tháng 5-1882), khi đó, Hoàng Đình Kinh vẫn đang giữ chức Cai tổng Thuộc Sơn, chưa được bổ nhiệm làm Tri huyện Hữu Lũng, và đang trực tiếp chỉ huy lực lượng đánh phi bảo vệ quê hương. Khi dựng cờ khởi nghĩa, với lực lượng nghĩa dũng khắp nơi về tụ nghĩa, lực lượng nghĩa quân tất phải khai thác, phát huy những cơ sở vật chất và lực lượng nghĩa dũng sẵn có cộng với lực lượng nghĩa binh mới được chiêu tập và cơ sở vật chất mới được tăng cường. Vì vậy, địa điểm nổ ra cuộc khởi nghĩa phải là ngay trên quê hương Hoàng Đình Kinh: xóm Ná, làng Thượng, xã Hòa Lạc, tổng Thuộc Sơn, huyện Hữu Lũng. Đến nay, nơi đây vẫn còn dấu tích nền nhà của Hoàng Đình Kinh, thành Cai Kinh, Ao ông Huyện... là nơi quân lính nghĩa quân sinh hoạt và đánh giặc.

## **1.2. Xây dựng lực lượng chống Pháp**

### ***- Lực lượng tham gia cuộc khởi nghĩa***

Lực lượng tham gia nghĩa quân Hoàng Đình Kinh phần lớn là đồng bào các dân tộc người địa phương (Nùng, Tày, Kinh, Dao...) thuộc những thôn xóm dọc đường quốc lộ số I từ Chi Lăng xuống tới các xã của huyện Hữu Lũng đều có người tham gia phong trào. Nghĩa quân còn được nhiều hào kiệt, nghĩa dũng từ các vùng xung quanh tham gia nghĩa quân. Có những người từ những vùng lân cận như phủ Lạng Giang, phủ Lạng Thương, Thái Nguyên, Lạng Sơn, ... những người lính đồng của huyện ở lại theo ông tham gia đánh Pháp và cả lực lượng người Tày vốn từ các đội quân của nước Thanh được quy nạp.

Các tác giả Không Không Đức Thiêm – Nguyễn Xuân Cần trong tác phẩm *Khởi nghĩa Yên Thế*, [57] và Bùi Văn Thành,<sup>60</sup> trong tham luận *Sĩ phu Hoàng Đình*

---

<sup>60</sup> TS. Bùi Văn Thành, Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam

*Kinh – Vị thủ lĩnh khởi nghĩa Đông Nai*, đều viết: “Ngay từ đầu, tham gia cuộc khởi nghĩa do Hoàng Đình Kinh phát động, đã có mặt những người bạn, là những chiến hữu có chung chí hướng từ trước đó như: Bá Phúc, Đề Dương, Hoàng Văn Cạnh, Hoàng Bá San, Hoàng Điền Ân, Nguyễn Văn An, Đề Bảo, Dương Văn Sử, Hoàng Văn Thu, Nguyễn Văn Hóa, Đề Hậu...”.[50, tr. 32],

- Tác giả Vũ Thanh Sơn trong tác phẩm “*284 anh hùng, hào kiệt của Việt Nam*”<sup>61</sup> (2009), viết: “Được tin Hoàng Đình Kinh dấy cờ khởi nghĩa, Bá Phúc, Đề Dương, Nguyễn Văn An, Hoàng Văn Cạnh, Hoàng Điền Ân, Dương Văn Sử đều phối hợp chiến đấu dưới cờ của ông”. v.v...

### **- Nghệ thuật xây dựng lực lượng chiến đấu**

Điều đáng chú ý trong việc xây dựng lực lượng của Hoàng Đình Kinh là ông xây dựng đội quân thường trực không đông nhưng tinh nhuệ. Mặt khác, ông còn có quy định cho toàn tổng, toàn huyện do ông quản lý phải có lực lượng thanh niên trai tráng, ngày thường thì lao động, sản xuất tại gia đình, quê hương.. khi cần thiết phải huy động thì mọi người phải sẵn sàng lên đường tham gia nghĩa quân chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Trong bài “*Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh (1883-1888)*”, của Đặng Huy Vận – Nguyễn Đăng Duy cho biết: “Ông chia đội ngũ của mình ra làm 3 loại: Loại thứ nhất là Cốt cán, (tiếng địa phương gọi là Lầu chí), loại thứ 2 là Tin cậy (tiếng địa phương gọi là Lầu thiết) và loại thứ 3 là Cảm tình (tiếng địa phương gọi là Lầu pình). Bên cạnh những đội quân thoát ly gia đình, ông còn tổ chức những đội dân quân ở các thôn xóm nằm trong phạm vi kiểm soát của nghĩa quân. Những đội dân quân này có nhiệm vụ vận chuyển lương thực, giúp đỡ nghĩa quân trong việc xây dựng thành lũy và canh gác. Tuỳ theo khả năng từng người, họ phải tự sắm lấy vũ khí, giáo mác hoặc cung nỏ, v.v... Theo cụ Tặng ở xóm Ná xã Hoà Lạc kể lại thì những đội dân quân này gọi là

---

<sup>61</sup> Vũ Thanh Sơn, *284 anh hùng, hào kiệt của Việt Nam* Nxb CAND, H. 2009

đội “tuần phiên quản xuất”; người chỉ huy do dân cử ra dưới quyền trực tiếp của lý trưởng và phó lý trong xã”. [65, tr. 12].

Trong bài “*Vùng Cai Kinh – Con người và non nước*” (1934) của Paul Munier, cũng viết: “Kể cả võ quan, ông ta được hai trăm quân, (...), song Cai Kinh lại chẳng lo sợ quá đỗi về quân số yếu ớt của mình. (...) Huyện với tổng lúc nào cũng có một số trai tráng ... để đưa họ vào làm quân dưới cờ Cai Kinh!” [42].

Nghĩa quân khá đông, đóng ở nhiều nơi. Để kiểm soát kẻ gian trà trộn vào căn cứ, ông đặt ra mật hiệu canh gác. Mật hiệu đó có khi là ba hòn đá xếp thành hình tam giác trên đường đi, người đi phải xếp chụm lại (có ý nghĩa là đoàn kết), đồng thời hướng về phía núi đá đã quy định, để tay lên ngực gật đầu rồi đi; Cũng có khi là năm hòn đá xếp thành hàng ngang, người vào phải xếp lại bốn hòn thành hình vuông, một hòn để lên trên. Nếu người đi vào không nắm được mật hiệu thì bị nghĩa quân canh gác bí mật trong hốc đá, lùm cây bắt giữ lại tra hỏi. Ở những vùng nghĩa quân kiểm soát, đều đặt chánh, phó tổng, lý trưởng làm nhiệm vụ hành chính, thu thuế lấy lương nuôi lính đánh giặc. Riêng xã Hoà Lạc trước đây có 5 thôn, dân làng ở đây hầu hết đều tham gia chống Pháp; nên thường gọi là “năm thôn quân”. [65]. Trong tác phẩm “*Vùng Cai Kinh – Con người và non nước*” (*Le Cai Kinh homme et con- trée*) Paul Munier viết: “Ông ta tổ chức quân đội với đủ mọi cấp bậc. Bắt đầu tất nhiên bằng cấp bậc cao nhất: Tướng quân và tư lệnh sư trưởng!” [42].

### **1.3. Xây dựng căn cứ chiến đấu**

#### **- Xây dựng căn cứ ở xã Hoà Lạc**

Sau khi dựng cờ tụ nghĩa, nghĩa quân tập trung xây dựng lực lượng, nhiệm vụ trước mắt là chiến đấu tiêu diệt quân phi các loại bảo vệ quê hương, giữ gìn cuộc sống yên lành cho nhân dân đồng thời rèn luyện quân sĩ sẵn sàng chiến đấu chống quân Pháp xâm lược.

Bộ chỉ huy nghĩa quân lúc này đóng tại xóm Ná, làng Thượng, xã Hòa Lạc – nơi quê hương của Hoàng Đình Kinh. Lực lượng nghĩa quân đã xây dựng thành trì tại đây và chiến đấu với các lực lượng Thanh phi, giặc Cờ từ Trung Quốc tràn sang lúc này vẫn đang hoành hành, cướp phá, quấy rối cuộc sống của nhân dân ta. Nhiều trận chiến đấu diệt phi của nghĩa quân diễn ra tại vùng Chi Lăng, nơi có phủ Trường Khánh và đồn Than Muội kẻ địch thường lợi dụng chiếm đóng hoạt động, phối hợp với quân nhà Thanh và các đội quân khác mở rộng địa bàn chiến đấu đến các vùng xung quanh. Khi Hoàng Đình Kinh được bổ nhiệm làm quan Tri huyện Hữu Lũng, trụ sở huyện lỵ lúc đó đóng tại xã Hữu Hạ, (thuộc huyện Yên Thế ngày nay), sau chuyển về xã Đào Quán (thuộc huyện Lạng Giang ngày nay), Hoàng Đình Kinh lúc đó đã tổ chức lực lượng đánh phi rất quyết liệt, lập nhiều công trạng. Nhiều khi ông còn tổ chức đón đánh địch ngay ở trước đồn nha của mình.

Sách *Trung Pháp chiến tranh tư liệu*<sup>62</sup> ghi tờ bẩm của quan Tuần phủ Lạng Sơn Lã Xuân Oai cho biết năm 1884 nghĩa quân của Hoàng Đình Kinh đã hoạt động mạnh. Nghĩa quân đón đánh giặc ở đồn của huyện, nơi ông làm việc, nhưng lúc đó ông cũng gặp nhiều khó khăn, nhất là về lương thực. Tờ bẩm có đoạn viết: “Ty chức vâng phái nghĩa dũng tới đón giặc ở trước đồn của bản nha; ngăn chặn án ngữ chỗ hiểm yếu. Quân nhu rất khẩn thiết, trong hạt vét hết gạo, vay mượn rất khó; vậy dám phái lại mục Nguyễn Cận thuộc nha, đến trước thêm lay đội, mong trên lượng xét, cấp cho một ngàn lạng bạc hoa ngân, giao cho Nguyễn Cận bái lĩnh đem về quân cấp cho đình đồng chi dùng”.

Từ đầu năm 1884, thực dân Pháp đẩy mạnh việc đánh chiếm Bắc Kỳ. Ngay sau khi chúng đánh chiếm thành Bắc Ninh (12-3-1884), chỉ 3 ngày sau, (ngày 15-3-1884), quân Pháp tổ chức thành 2 đạo quân: đạo quân thứ nhất do tướng Brie đơ Lin (Brière de l'Isle) chỉ huy mở chiến dịch đánh Thái Nguyên; đạo thứ hai do tướng Nê-gri-ê (De Négrier) mở chiến dịch đánh chiếm lên Lạng Sơn. Chính từ

---

<sup>62</sup> *Trung Pháp chiến tranh tư liệu*, bản dịch của Chu Thiên (dẫn theo Đặng Huy Vận và Nguyễn Đăng Duy [65]).

thời gian này, nhất là sau trận quân Pháp tiến đánh lên Lạng Sơn lần thứ hai (ngày 24-6-1884) đã diễn ra trận đánh nổi tiếng cầu Quan Âm (sông Hóa) và trận đánh đồn Bắc Lệ (29-6-1884), khu vực căn cứ nghĩa quân đồn trú bị uy hiếp, Bộ chỉ huy nghĩa quân được chuyển ra thường trú tại hang Vi Ruồi, cách vị trí xóm Ná – nơi nghĩa quân đang đồn trú khoảng trên 1 km theo đường chim bay.

Hang Vi Ruồi thuộc địa phận xóm Cây Hồng, làng Thượng, xã Hòa Lạc (nay thuộc thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng). Hang nằm ở lưng chừng núi đá, cách mặt đất khoảng 100 mét. Từ trên hang, có thể quan sát toàn bộ khu vực xung quanh xa tới hàng chục km, do đó Bộ chỉ huy nghĩa quân hoàn toàn có thể làm chủ trong việc theo dõi hoạt động của quân địch tại khu vực này và chỉ huy nghĩa quân chiến đấu rất thuận lợi. Theo người dân ở đây cho biết, lòng hang Vi Ruồi rất rộng và sâu, thông sang cả phía sau núi... có thể trú được đến 5, 6 trăm người. Trong hang có những giọt nước từ lòng hang đá chảy xuống, có thể cung cấp nước phục vụ sinh hoạt cho nhiều người sống trong hang dài ngày. Phía sau hang là núi đá trùng điệp, từ đây có thể men theo đường mòn xuyên núi sang đến tận bên các xã Yên Sơn, Yên Thịnh (Hữu Lũng), xã Y Tịch (Chi Lăng)... Cửa hang không to lắm, có hình tam giác dựng đứng, từ xa trông lên giống như chiếc vĩ ruồi, vì vậy người dân ở đây gọi là hang Vi Ruồi. Từ khi Hoàng Đình Kinh và Bộ chỉ huy nghĩa quân thường trú nơi đây, người ta còn gọi là “Hang Ông Huyện”.

Cách hang Vi Ruồi ngược lên phía Bắc khoảng 3, 4 trăm mét còn có hang Lân Đêng. Hang này nằm ngay sát mặt đất ở chân núi. Hang khá rộng và sâu, có thể chứa được vài trăm người. Lực lượng quân lính Hoàng Đình Kinh cũng dùng hang này làm nơi thường trú, tập kết. Trong hang có dòng suối nhỏ chảy ngầm từ lòng núi ra, rất thuận tiện cho quân lính sinh hoạt. Vì vậy người dân nơi đây cũng gọi hang này là “Hang Ông Huyện”, là căn cứ của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh thời kỳ đầu khi Pháp đánh chiếm lên Lạng Sơn. Tại đây, nghĩa quân đã tham gia cùng lực lượng quân nhà Thanh và các lực lượng kháng chiến khác của người Việt, đánh trận cầu Quan Âm nổi tiếng (6-1884) và chống quân Pháp suốt trong

thời gian từ đầu năm 1884 đến quá giữa năm 1885. Lập nhiều chiến công trong những trận phối hợp với quân nhà Thanh đánh quân Pháp tại Kép, phủ Lạng Giang, (nay thuộc Bắc Giang); trận đánh ở cửa ải Nam Quan, thị xã Lạng Sơn và truy kích địch tại Bắc Ninh (tháng 3-1885)...

Khi phong trào Cần vương bùng nổ, nghĩa quân Hoàng Đình Kinh càng hoạt động mạnh. Cùng với các đội quân khác, nghĩa quân hoạt động ở vùng Lạng Sơn, Bắc Giang. Đường giao thông của địch ở vùng này hầu như bị nghẽn, có khi nghĩa quân tràn về xuôi bức tới gần thành Hà Nội. Bọn quan lại nhiều tỉnh không dám lên nhận chức. Điện của Đặng Thừa Tu, hiệu lý công việc khám biên giới ngày 29 tháng 10 năm Quang Tự thứ 11 (1885) viết: “Bọn nghĩa đoàn Lương Tuấn Tú, Lã Xuân Oai, Vi Văn Lý, Hoàng Đình Kinh đánh nhau với Pháp bức gần Hà Nội vài trăm dặm, đường từ Bắc Ninh đi Lạng Sơn bị nghẽn; dây điện bị Việt đứt là Vương Chính Nhân phá huỷ... Vua Việt do Pháp mới dựng gọi là Đồng Khánh đưa cáo thị khắp nơi, nhân tâm chưa phục; tuần phủ Cao - Lạng bỏ đến còn trọ ở đồn Mai, chưa dám đến nhiệm sở”. Điện của Trương Chi Động, tổng đốc Lương Quảng ngày 2 tháng 11 năm Quang Tự thứ 11 (1885) cũng viết: “Hoàng Đình Kinh ở Tân Giai (?), Lương Tuấn Tú ở Bắc Ninh đều lần lượt đánh Pháp và có được thua. Quân Pháp rút khỏi Túc Cốc (?) lui về giữ bến thuyền ở đồn Mai; dây điện đứt nhiều quãng, nơi Bình Lũng rất lộn xộn”.

Quân pháp đã nhiều lần tổ chức tấn công vào căn cứ nghĩa quân, nhưng chúng không sao có thể đặt chân tới vùng thánh địa này được. Hang Vĩ Ruồi, hang Lân Diêng mãi mãi là vùng đất thánh bất khả xâm phạm của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh và là vùng đất bí hiểm mà quân Pháp không sao có thể hiểu nổi.

#### ***- Xây dựng căn cứ khu Đàng Yên, Đàng Sơn***

Sau trận ải Nam Quan và thị xã Lạng Sơn (tháng 3-1885), quân Pháp bị thất bại nặng nề. Chính phủ Pháp của thủ tướng Giuyn-phe-ry (Jules Ferry) sụp đổ. Nội các mới lên thay lo ngại chiến tranh quá tổn thất đã quyết định chấm dứt chiến tranh. Ngày 4 - 4 - 1885, nghĩa là 3 ngày sau khi binh đoàn của Pháp phải chạy

về Phủ Lạng Thương thì Paris và Bắc Kinh ký kết đình chiến. Tháng 5-1885, quân Thanh rút hết về nước. Sau đó Hiệp ước Pháp - Thanh được ký kết ngày 9 – 6 - 1885 tại Thiên Tân (Trung Quốc). Đại diện phía Pháp là Đại sứ Pháp tại Bắc Kinh Pa-tơ-nốt (Jules Patenotre) và đại diện phía Trung Quốc là Lý Hồng Chương đã ký Hiệp ước Thiên Tân năm 1885 mang tên “*Hiệp ước Hòa bình, Hữu nghị và Thương mại*”. Hiệp ước có 10 điều khoản, theo đó, nhà Thanh chấp nhận Hòa ước Huế, thừa nhận và chấp nhận việc Pháp thống trị Việt Nam; chấm dứt hẳn việc coi Việt Nam là một thuộc quốc của mình; không được đưa quân đội sang Việt Nam; không được cản trở công cuộc bình định của Pháp ở Việt Nam...

Với việc ký kết Hiệp ước Thiên Tân năm 1885, cuộc chiến tranh Trung - Pháp chấm dứt. Theo Hiệp ước, quân Thanh phải rút toàn bộ quân đội về nước, vì vậy kế hoạch tiến đánh quân Pháp của Phùng Tử Tài không được thực hiện. Hơn nữa, nghĩa quân Hoàng Đình Kinh cũng mất hẳn chỗ dựa là quân Thanh để chống Pháp. Trong bối cảnh đó, nội bộ nghĩa quân lúc này cũng có sự phân hóa. Một số tướng lĩnh, chỉ huy như Đề Thám, Bá Phúc, Thống Luận... quyết định chuyển về nghĩa quân Yên Thế tiếp tục chống Pháp. Có những người (như Vi Văn Lý) theo kêu gọi của triều đình Huế, quay giáo đầu hàng, làm việc cho Pháp.<sup>63</sup> Hoàng Đình Kinh cùng những người trung thành phải tổ chức lại lực lượng, xây dựng căn cứ mới để tiếp tục sự nghiệp chống Pháp. Lúc này ông đã quyết định chuyển đại bản doanh nghĩa quân vào khu vực núi đá thuộc xã Đăng Yên và Đăng Sơn (nay là các xã Yên Thịnh, Yên Vượng, Yên Sơn) của huyện Hữu Lũng.

Đây là khu vực thung lũng nằm lọt giữa lòng núi đá vôi, rộng tới 3 xã, có những cánh đồng bằng phẳng, màu mỡ rộng hàng trăm ha... xung quanh là những rặng núi đá vôi cao chừng 2, 300 m sừng sững bao bọc... Người dân ở đây thuần

---

<sup>63</sup> *Châu bản triều Nguyễn*, tờ 17, tập 39, là tư trình của Lãnh Án sát Lạng Sơn họ Trần đệ ngày 26 tháng 10, năm Đồng Khánh Ất Dậu (1885) cho biết: “Nguyên Bang biện Vi Văn Lý cùng với Hoàng Đình Kinh ở Thốc Sơn, Hà Khánh Sinh ở Thát Khê mưu đồ làm phi. (...) Biết tình thế khó chống cự, hôm nay bọn đây đã đầu thú, hiện giam giữ ở Công sứ đường...”



phác, cần cù lao động, có lòng yêu nước, căm thù giặc... Nơi đây có thể nói là một thánh địa lý tưởng cho nghĩa quân hoạt động. Muốn vào khu vực này chỉ có 3 con đường hiểm yếu: Đèo Phiếu (chính diện), Đèo Lừa (phía Bắc) và Đèo Vao (phía Nam) khu căn cứ. Nhưng với lực lượng nghĩa quân từ trung tâm căn cứ muốn ra ngoài đánh địch, ngoài 3 con đường chính nói trên còn có thể xuất quân theo 3 con đường phía sau khu căn cứ, đó là: Từ xã Yên Sơn vượt qua Đèo Loi – một con đường rất hiểm yếu ngoắt ngoéo 12 chữ chi (Z) để tiến sang xã Vạn Linh (Chi Lăng) ở phía Đông Bắc, rồi từ đó có thể dễ dàng tiến xuống đánh các đồn Than Muội, Mai Sao thuộc huyện Ôn Châu (nay là Chi Lăng), hoặc vượt lên Bằng Mạc, tiến sang Lạng Sơn... Nghĩa quân cũng có thể từ xã Yên Vượng, qua làng Lâm, vượt đèo Vao, ra Đồng Lai, xã Khôn Lâu (nay là xã Đồng Tân). Từ xã Yên Thịnh, trung tâm đại bản doanh nghĩa quân, có thể vượt đèo vào xã Hữu Liên cách xã Yên Thịnh khoảng hơn 10 km về phía Bắc. Xã Hữu Liên cũng là một thung lũng khá bằng phẳng, rộng lớn xung quanh là núi đá vôi bao bọc, ruộng nương màu mỡ có thể sản xuất, cung cấp lương thực, thực phẩm cho nghĩa quân. Từ Hữu Liên có thể dễ dàng vượt sang xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn, rồi sang tận Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Bắc Cạn. Cũng từ xã Yên Thịnh còn có con đường đèo vượt sang xã Hòa Bình rồi ra vùng Vân Nam, đi Yên Thế, phủ Lạng Thương ở phía Tây Nam... Chính nhờ địa thế hiểm yếu như vậy, khu Đàng Yên, Đàng Sơn trở thành một căn cứ kháng chiến vững chắc. Đây là nơi không những nghĩa quân có nguồn nhân tài vật lực khá dồi dào, có thành lũy bảo vệ khu căn cứ rất vững chắc, mà nghĩa quân còn có thể tung quân đi nhiều nơi đánh địch, thích ứng với những hình thức tác chiến thích hợp của nghĩa quân: đánh nhỏ lẻ, tập kích, phục kích... Nghĩa quân vừa dễ dàng tung các đội quân sang hoạt động ở các vùng xung quanh như Chi Lăng, Bắc Lệ (Hữu Lũng), Bắc Sơn và sang cả Thái Nguyên, vừa có thể rút về căn cứ để bảo toàn lực lượng một cách thuận lợi... tóm lại là vừa hiểm trở, vừa thông suốt, “Tiên có thể công, lui có thể thủ”, rất thích hợp lối đánh du kích, sở trường của nghĩa quân.

- *Trung tâm đại bản doanh của Hoàng Đình Kinh* đóng tại làng Cầu, thuộc xã Yên Thịnh (Hữu Lũng) ngày nay. Nơi đây trước kia là một làng, có khá đông dân cư sinh sống (làng Cầu – Cũng có người gọi Đổng Cầu. Bài viết của Đặng Huy Vận viết “Đổng Cầu” thành “Đông Cầu”). Phía sau làng có quả núi cao to, nằm trong dãy núi đá vôi bao quanh khu căn cứ. Phía trước cách chân núi khoảng 200 m là một con suối sâu, bờ cao, quanh năm có nước chảy, mùa mưa nhiều nước, như một con hào thiên tạo bảo vệ đại bản doanh. Qua con suối vào phía chân núi là bãi đất rộng, khá bằng phẳng, đủ để xây dựng các doanh trại, nhà cửa phục vụ theo yêu cầu của nghĩa quân. Trong chân núi là một hệ thống hang động có đến 5, 6 hang đá gần nhau, có độ rộng hẹp, nông sâu khác nhau. Có hang khá sâu, nhiều ngõ ngách, có thể làm hệ thống kho tàng chứa đựng vũ khí, đạn dược, lương thực thực phẩm... đủ đáp ứng nhu cầu cần thiết của nghĩa quân. Trên lưng chừng núi cách mặt đất khoảng gần 100 m là một hòm đá khá rộng, có mái che, đủ để cư trú, sinh hoạt và làm việc. Tương truyền, Hoàng Đình Kinh thường trú tại hòm đá này, đến nay người dân nơi đây vẫn gọi là “Khuyên Huyện Kinh”. Từ hòm đá “Khuyên Huyện Kinh” có thể quan sát bao quát cả một vùng rộng lớn trước mặt, nhìn xa tới vài km.

Chính vì có một đội ngũ tướng sĩ tài giỏi, một đội quân có kỷ luật chặt chẽ và có những căn cứ hiểm yếu, phù hợp với từng thời kỳ chiến đấu, nên nghĩa quân Hoàng Đình Kinh đã lập nhiều chiến công xuất sắc, gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề và có tiếng vang rất lớn.

Nhận xét tổng quát về hoạt động của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh, cuốn *Lịch sử quân sự Đông Dương* viết: “Cai Kinh, một thủ lĩnh nghĩa quân quan trọng đóng giữ vùng phủ Lạng Thương. Ngay từ buổi đầu của cuộc chinh phục, viên quan này đã rút lui về đóng giữ dãy núi dọc theo đường cái quan về phía Tây giữa Bắc Lệ và Than Muội. Tuy chỉ có một số quân ít ỏi nhưng ông ta đã giữ vững được căn cứ”. [65]

Trong bài *Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh (1883-1888)*, tác giả Đặng Huy Vận – Nguyễn Đăng Duy viết:

“Chúng ta có thể khẳng định mà không sợ sai lầm rằng đội quân của Hoàng Đình Kinh là một trong những đội quân địa phương chống Pháp khá mạnh ở vùng Lạng Sơn, Bắc Giang. Đội ngũ của nghĩa quân chặt chẽ, có kỷ luật nghiêm minh, lại biết dựa vào núi rừng hiểm trở tiến hành chiến tranh du kích, vì vậy đã có những đóng góp nhất định vào phong trào chống Pháp ở vùng Đông Bắc Bắc Kỳ lúc đó và đã kiên trì chiến đấu trong 6 năm”[65, tr. 18].

## **2. CHIẾN CÔNG ĐÁNH PHÁP CỦA HOÀNG ĐÌNH KINH**

### **2.1. Một số trận đánh Pháp tiêu biểu của nghĩa quân**

Cuộc khởi nghĩa chống thực dân pháp xâm lược của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh (Cai Kinh) có thời gian trực tiếp chiến đấu với quân Pháp diễn ra tuy không dài (từ 3-1884 đến cuối những năm 80 thế kỷ XIX), nhưng đã gây cho thực dân Pháp nỗi kinh hoàng, khiếp đảm mỗi khi chúng chạm trán với nghĩa quân Hoàng Đình Kinh. Mặt khác, trong nhân dân địa phương vẫn lưu truyền nhiều chuyện kể về các trận đánh, về những kỹ, chiến thuật trong chiến đấu của nghĩa quân, cũng như của thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh trong cuộc sống đời thường, trong đối nhân xử thế... một cách rất cụ thể, sinh động. Do đó, để nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh nói chung, cũng như nghiên cứu về các trận đánh tiêu biểu của nghĩa quân chống Pháp xâm lược, ta cần có sự kết hợp tổng hợp giữa các nguồn tài liệu đó để xem xét, đánh giá, kết luận cho sát đúng với thực tế từng sự việc, từng trận đánh.

Xin giới thiệu một số trận đánh tiêu biểu trong chống Pháp của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh mà ta đã thu thập được:

#### *1. Trận đầu đánh Pháp và thắng Pháp (3-1884)*

Ngay sau khi chiếm được thành Bắc Ninh (12-3-1884), ngày 15-3-1884, quân Pháp tổ chức lực lượng thành 2 đạo quân: Một đạo quân đánh chiếm lên Yên Thế, Thái Nguyên do thiếu tướng Brie đơ Lin (Brière de l' Isle), chỉ huy; Một đạo quân đánh lên phủ Lạng Thương, Kép và tiến thẳng lên Lạng Sơn, do thiếu tướng

Nê-gri-ê (Négrier) chỉ huy. Từ đây, nghĩa quân Hoàng Đình Kinh bắt đầu trực tiếp chiến đấu với quân Pháp xâm lược.

Đạo quân đánh lên Phủ Lạng Thương (Bắc Giang), Kép và hướng lên Lạng Sơn, có 5.000 quân, bao gồm lính khố đỏ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, lính Lê Dương, pháo binh, công binh cùng một số pháo thuyền.

Ngày đầu chúng tiến đánh phủ Lạng Thương (Bắc Giang). Trong thành lúc đó có 3.000 quân triều đình Huế, với 4 đại bác Krúp và nhiều trang bị vũ khí. Sau mấy giờ giao chiến, lúc 3 giờ 30 chiều 15-3, quân Pháp chiếm được thành phủ Lạng Thương, thu nhiều đạn dược và 2 đại bác Krúp.

Ngày 16-3, quân Pháp tiến lên phía Kép. Khoảng 9 giờ sáng, chúng bị chặn lại trước ngôi chùa làng Yên Sơn (Vôi – Lạng Giang). Chờ quân Pháp tiến đến gần ngôi chùa, đội quân phục kích ở đây đã mở đợt tấn công mãnh liệt ép chặt quân Pháp vào góc làng. Mãi đến 12 giờ 30 phút, quân Pháp mới phá được vòng vây, rồi tiến lên Kép. Tại Kép chúng thu được khá nhiều thóc gạo, thuốc súng, và 4 khẩu đại bác Krúp.[62, tr. 170-171]

Trong các ngày tiếp theo, lực lượng nghĩa quân Hoàng Đình Kinh, phối hợp với lực lượng Cai Biều - Tổng Bưởi chiến đấu quyết liệt, gây cho địch nhiều thiệt hại. Thấy không thể tiến quân lên Lạng Sơn được, chúng buộc phải bỏ dở kế hoạch đánh chiếm Lạng Sơn. Ngày 20-3-1884, tàn quân Pháp quay trở lại đến Bắc Ninh.

Đây là trận đầu thực dân Pháp huy động một lực lượng quân lớn, hùng hổ tiến đánh lên Lạng Sơn, nhưng chúng đã bị nghĩa quân Hoàng Đình Kinh phối hợp với các lực lượng chống Pháp lúc đó, chiến đấu kiên cường, ngăn chặn bước tiến của địch. Đây cũng là trận đầu nghĩa quân Hoàng Đình Kinh ra quân đánh Pháp và thắng Pháp. Kết quả là nghĩa quân Hoàng Đình Kinh đã góp phần quan trọng cùng các lực lượng chiến đấu khác, phá tan kế hoạch tốc chiến, tốc thắng của quân Pháp hòng tiến thẳng lên đánh chiếm thị xã Lạng Sơn.

Về sự kiện này, trong tác phẩm “*Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858 - 1945*” tác giả Dương Kinh Quốc viết: “Ngày 15-3-1884 quân Pháp do thiếu tướng

Nê-gri-ê (Négrier) chỉ huy, mở chiến dịch tiến đánh Lạng Sơn. Ngày 15-3 chúng chiếm Phủ Lạng Thương, thành Yên Thế. Ngày 16-3-1884 chúng chiếm chợ Yên, làng Yên và Kép. Chúng muốn tốc chiến tốc thắng kéo thẳng lên chiếm Lạng Sơn. Song với chiến thuật du kích, nhân dân Lạng Sơn đã đột kích tấn công tiêu hao lực lượng của chúng. Ngày 17-3-1884, chúng buộc phải rút quân, bãi bỏ kế hoạch đánh chiếm Lạng Sơn. Ngày 20-3-1884, tàn quân của chúng trở về đến Bắc Ninh” [45, tr. 228]. Ở một đoạn khác, tác giả viết: “Ngay sau khi thực dân Pháp đánh chiếm phủ Lạng Thương, Cai Kinh đã chiêu mộ nghĩa binh, chống Pháp rất quyết liệt và đã gây nhiều tổn thất cho địch, đã không chế toàn bộ khu vực phủ Lạng Thương – Lạng Sơn. Thực dân Pháp đã phải phái tên đại tá Đuygiơ đem quân lên đàn áp nhiều lần, song đều không có kết quả. (...) Tinh thần ngoan cường chiến đấu của Cai Kinh và nghĩa quân đã khiến cho giặc phải khiếp phục” [45, tr. 335]

Sách “*Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh (1882-1888)* (2021), tác giả Nguyễn Xuân Cần viết: “Ngay từ khi Pháp đặt chân xâm lược lên tới vùng đất Bắc Ninh, nghĩa quân Cai Kinh đã góp phần ngăn chặn bước tiến của quân giặc. (...) Ngày 16-3-1884 Nê-gri-ê cho tiến quân lên Kép, chúng bị nghĩa quân của Cai Kinh và Cai Biều – Tổng Bưởi chặn lại ở làng Yên Sơn (Vôi) lúc 9 giờ sáng. Hai bên giao chiến kịch liệt ở làng Yên suốt 3 giờ liền không tiến lên được. Đến tận 12 giờ rưỡi hôm đó quân Pháp mới tiến lên chiếm được Kép, thu được nhiều thóc gạo, 4 khẩu Crúp. Khi quân Pháp tiến lên tới Kép chúng lại bị nghĩa quân phục kích, đánh nhau dữ dội. Chúng muốn tốc chiến tốc thắng kéo thẳng lên đánh chiếm Lạng Sơn, song với chiến thuật du kích, nghĩa quân Cai Kinh đã ngăn chặn ghìm chân quân Pháp ở Vĩ Liệt, Nghĩa Liệt. Ngày 17-3-1884, tên tướng chỉ huy Nêgriê đã buộc phải cho quân rút lui, bãi bỏ kế hoạch đánh chiếm lên Lạng Sơn. (...) Quân Pháp cho rằng lúc này trở ngại lớn nhất khiến chúng không đánh chiếm được Lạng Sơn là do lực lượng quân chính quy của Mãn Thanh còn khá lớn ở khu vực này. Mặt khác còn có lực lượng của nghĩa quân Cai Kinh và của Cai Biều – Tổng Bưởi ở Bảo Lộc chiếm giữ” [15, tr.109-111]

## 2. Trận cầu Quan Âm – Bắc Lệ

Trận cầu Quan Âm – Bắc Lệ, mà Pháp gọi là “Sự kiện Bắc Lệ” diễn ra từ ngày 23-6, kết thúc vào ngày 3-7-1884 tại khu vực cầu Quan Âm (thuộc xã Hòa Lạc) và đồn Bắc Lệ (thuộc xã Tân Thành), huyện Hữu Lũng ngày nay. Đây là một trận giao tranh lớn giữa quân đội Pháp và quân liên minh Việt - Thanh. Quân Pháp đại bại. Trận chiến này đã ảnh hưởng lớn đến mối quan hệ Pháp – Thanh.

Trận đánh diễn ra trong bối cảnh: Sau khi Pháp đã ký với triều đình Huế Hiệp ước Quý Mùi (Hiệp ước Hác-măng) ngày 25-8-1883, trong đó triều đình Huế chính thức thừa nhận nền bảo hộ của Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Mọi việc giao thiệp với nước ngoài (kể cả với Trung Quốc) đều do Pháp nắm. Tiếp đó, chính phủ Pháp lại bắt triều đình Huế ký hiệp ước mới ngày 6-6-1884, Hiệp ước Giáp Thân (Hiệp ước Pa-tơ-nốt), với nội dung bao trùm là “Nước An Nam thừa nhận và chấp nhận nền bảo hộ của nước Pháp. Nước Pháp sẽ thay mặt nước An Nam trong mọi quan hệ đối ngoại”. Theo Hiệp ước, triều đình Huế chấp thuận cho Pháp “được tự do lựa chọn địa điểm đóng quân trên toàn lãnh thổ Việt Nam”.

Đối với nhà Thanh: ngày 11-5-1884, Pháp và nhà Thanh đã ký kết tại Thiên Tân (Trung Quốc) Hiệp ước Thiên Tân (Hiệp ước Phuốc-ni-ê). Theo đó “Trung Quốc phải rút ngay lập tức” quân đội của mình ra khỏi Bắc Kỳ và phải tôn trọng tất cả những bản Hiệp ước đã và sẽ ký kết giữa Pháp và triều đình nước Nam. Hai bên cũng đã nhất trí thông qua kế hoạch đánh chiếm Bắc Kỳ của Pháp là sau 20 ngày ký hiệp ước (11-5-1884), quân đội Pháp có thể tự do tiến công đánh chiếm Lạng Sơn, Thất Khê, Cao Bằng...

Sau khi ký kết các hiệp ước với nhà Thanh và triều đình Huế, quân Pháp ở Bắc Kỳ cho rằng chiến tranh, như vậy là đã kết thúc. Bởi theo Hiệp ước Thiên Tân thì quân Thanh ở Lạng Sơn, Thất Khê và Cao Bằng sẽ phải rút hết về nước. Tin như vậy, nên ngày 13-6-1884, tướng Mi-ô (Millot) phái Trung tá Đuy-gien-nơ (Dugenne) dẫn 1.000 binh lính và cũng khoảng ngàn ấy phu khuân vác, từ phủ

Lạng Thương kéo lên tiếp quản các tỉnh thành nêu trên. Binh đoàn Duy-gien-nơ rầm rộ và hồng hách kéo lên Lạng Sơn. Mới ra đi thì số người ái quốc Việt Nam trong đoàn dân phủ dụ dân trốn vào rừng không chịu khuất; trời mưa, nước to, địch đi rất chậm, qua sông suối rất khó, chưa đánh đã bị thương, bị đánh rất nhiều, dọc đường bị dân quân ta đón bắn tia, phải xin thêm tiếp viện. Trong một tuần dài chúng chỉ mò được có 40 cây số. Ngày 22, quân Pháp đến bờ sông Quan Hóa (nhánh sông Thương) cách cầu Quan Âm ít dặm.

Về phía quân Thanh: Sau mấy trận thất bại ở Bắc Kỳ, nhất là sau vụ thành Bắc Ninh thất thủ, triều đình nhà Thanh đã trị tội các tướng tá của mình. Theo *Trần Văn Giàu Tổng tập*<sup>64</sup> thì: “Tướng Hoàng Quế Lan thua trận ở Bắc Ninh đã bị triều đình Thanh xử uống thuốc độc mà chết” [22, tr.381]. Những tướng tá khác đều bị xét xử trước quân pháp làm gương. Triều đình Thanh đổi tuần phủ Phan Đình Tân thay lĩnh tuần phủ Quảng Tây sang Việt Nam chỉ huy chiến đấu chống lại cuộc tiến công của Pháp. Tháng 4 năm Giáp Thân (1884), Phan Đình Tân kéo quân qua cửa quan hợp binh với Sầm Dục Anh (Tổng đốc Vân, Quý), phái Vương Đức Bảng (Bố chính), Phương Hữu Thăng, Huỳnh Nguyễn Xuân đem 17 doanh quân (mỗi doanh quân có từ 200 đến 300 người) đóng từ ải Nam Quan, Lạng Sơn đến khu vực cầu Quan Âm (Hòa Lạc).

Về phía Đại Nam, quan Tuần phủ Lạng Sơn là Lã Xuân Oai liên lạc với nguyên Tán tương Đông thứ là Nguyễn Thiện Thuật, Đề đốc Tạ Hiện, Ngự sử Phạm Huy Quang và 18 quan lại của khu Hải Dương đem một số đông quân dừng đến tỉnh Lạng Sơn để tiếp ứng cùng quân doanh nhà Thanh đánh quân Pháp.

Đầu tháng 6-1884, các lực lượng của liên quân Việt - Thanh đã có mặt tại khu vực cầu Quan Âm. Sau khi Bắc Kinh đã ký quy ước Phuốc-ni-ê (Hiệp ước

---

<sup>64</sup>. GS. Trần Văn Giàu, *Tổng tập*, Nxb QĐND, H. 2006

Thiên Tân) thì triều đình Thanh ra lệnh cho quân doanh họ yên tĩnh đợi chờ, chớ khai chiến trước.

- Diễn biến trận đánh: ngày 22-6, quân Pháp tiến đến đồn Bắc Lệ (thuộc xã Tân Thành, Hữu Lũng). Khi chúng đến bờ sông Hóa, cách cầu Quan Âm khoảng 8 dặm thì bị chặn lại. Ở bên kia cầu, quân Thanh và quân khởi nghĩa người Việt do Nguyễn Thiện Thuật, Tạ Hiện, Phạm Huy Quang, Hoàng Đình Kinh cùng chỉ huy, vẫn đang đóng giữ.

Ngày 23-6, sau khi thăm dò được một quãng sông không sâu lắm, quân Pháp cố vượt sông. Trước tình thế căng thẳng, tướng nhà Thanh sai quân đưa thư, nói rằng đã biết có hòa ước, nhưng vì chưa được lệnh rút quân về, vậy xin hoãn lại mấy ngày nữa để đợi chỉ dụ của Bắc Kinh. Nhưng trung tá Đuy-gien-nơ (Dugenne) không chịu, cho người đưa thư sang báo với quân Tàu: Trong một giờ nữa nếu quân Tàu không rút thì quân Pháp cứ việc tiến lên, rồi trung tá truyền lệnh tiến binh. Quân Pháp đi được một lúc, thì quân Tàu và quân Việt phục hai bên đường bắn ra như mưa. Quân Pháp dàn trận đánh nhau đến tối. Trận chiến diễn ra ác liệt mấy ngày liền. Đến ngày 26-6, quân Pháp thấy quân Tàu sắp vây cả bốn mặt, đe dọa cắt đường rút lui về Hà Nội, Đuy-gien-nơ vội vã ra lệnh rút về bên này sông Thương và lui về Bắc Lệ đợi quân cứu viện.

Được tin quân Pháp thua ở Bắc Lệ, Thống tướng Mi-ô (Charles Millot) liền sai thiếu tướng Nê-gri-ê (De Négrier) đem 2 đại đội quân bộ, 2 đội pháo binh và một toán công binh lên tiếp ứng. Đến được đồn Bắc Lệ, ngày 29-6, quân Pháp lại bị nghĩa quân Việt do Tán tương Hoàng Đình Kinh chỉ huy, tổ chức tấn công. Trận này, tại đồn Bắc Lệ, nghĩa quân bắt được 1 quan hai, 1 quan một và 6, 7 người lính. Tiếp đó, Hoàng Đình Kinh còn phái quân tiến nhanh ngăn quân Pháp ở núi Thiên Cầu, giết và bắt được một số quân địch giải về doanh của quân Thanh. Dù được viện binh, nhưng thấy không thể tiếp tục tiến quân được nữa, trung tá Đuy-gien-nơ và số quân còn lại lui riết về Bắc Càn (Kép) rồi về phủ Lạng Thương.



Sách *Đại Nam thực lục*, bộ chính sử của triều Nguyễn viết: “Ngày mùng 2 tháng 5, nhuận, năm Giáp Thân (1884), Kiên Phúc thứ nhất, ... quân Pháp hơn 700 - 800 người, sang qua sông Hóa (cách cầu Quan Âm 8 - 9 dặm) bắt đầu nổ súng, quân dinh bèn đưa sức đánh đến giờ Thân, bắt được 1 tên quan Tư, 2 tên quan Hai, 20 người lính, hơn 100 lính ma tà, và bắt được áo, mũ, lừa, ngựa rất nhiều và chết đuối ở sông Hóa Giang, không biết đầu mà kể. Quân Pháp lui giữ Bắc Lệ. Ngày mùng 7, quan nhà Thanh cấp bằng Tán tương quân vụ là Hoàng Đình Kinh (Tri huyện huyện Hữu Lũng) và những nhân viên thuộc vào quân ngạch, đốc quân nghĩa đồng đánh lấy lại Bắc Lệ. Bắt được 1 quan hai, 1 quan một, và 6 - 7 đầu người lính. Ngày 11, lại phái quân nghĩa đồng chặn núi Thiên Cầu đánh chém quân ấy, hơn 50 người, giải nộp dinh nhà Thanh lĩnh thưởng. Quân Pháp do đó phải lưu giữ dưới nhà trạm Bắc Càn 10 dặm”<sup>65</sup>.

Trần Văn Giàu trong sách *Chống xâm lăng*<sup>66</sup> viết: “Tán tương quân vụ của nghĩa quân Việt Nam là Hoàng Đình Kinh, đốc nghĩa dũng đánh lấy lại Bắc Lệ, bắt được 1 quan hai, lại phái nghĩa dũng tiến mau ngăn đánh địch ở núi Thiên Cầu, giết và bắt được một số địch giải về tại quân doanh Thanh. Quân Duy-gien-nơ lui riết về tới Bắc Càn (Kép)”

Tổng kết trận đánh, các tài liệu lịch sử cho biết: Trận cầu Quan Âm – Bắc Lệ đã diễn ra từ ngày 23-6, kết thúc vào ngày 3-7-1884. Số quân Pháp tham chiến 1.000 quân và khoảng ngàn ấy dân phu phục vụ chiến trận. Số quân Thanh tham chiến: 8.000 quân. Số quân Việt không rõ. Theo sách *Đại Nam thực lục* thì con số thiệt hại của Pháp như sau: Bên bờ sông Hóa, Liên quân Thanh - Việt bắt được 1

---

<sup>65</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 9, bản dịch Viện Sử học, Nxb Giáo dục, 2007, tr.82-83. Trước đó, Trung - Pháp đã xảy ra trận chiến ác liệt tại Bắc Lệ (hay gọi là trận cầu Quan Âm) vào tháng 5 nhuận, năm Giáp Thân, Kiên Phúc thứ nhất (1884): “*Khâm sứ Pháp đóng ở Kinh là Lê Na cho rằng thủy bộ Thượng thư của nước ấy đánh điện báo cho hai nước Thanh - Pháp biết: Hiện nay ở Thiên Tân nước Thanh đã giảng hòa rồi, ước thư còn chưa trao đổi, do Cơ mật viện tâu biết. Quân dinh Thanh đánh bại quân Pháp ở cầu Quan Âm Lạng Sơn, thu phục được đồn Bắc Lệ*” (Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 9, bản dịch Viện Sử học, Nxb Giáo dục, 2007, tr.82).

<sup>66</sup> Trần Văn Giàu, *Chống xâm lăng*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr.537.

quan tư, 2 quan hai, 20 người lính, hơn 100 mã tà và thu được áo, mũ, lừa, ngựa rất nhiều. Còn số người chết đuối ở sông Hóa, không biết đâu mà kể. Nơi đồn Bắc Lệ: Nghĩa quân bắt được 1 quan hai, 1 quan một và 6, 7 người lính. Nơi núi Thiên Cầu, không biết chính xác, vì chính sử viết: “Ngày 11, lại phái nghĩa dũng chặn núi Thiên Cầu đánh chém quân ấy, hơn 50 người, giải nộp dinh nhà Thanh lãnh thưởng”. Bên liên quân Việt – Thanh, số thiệt hại không rõ”. [46, tr. 129]

Theo tài liệu của Pháp thì chúng bị chúng bị chết 21 tên, trong đó có tên đại úy Jan-nanh (Jeannin) và Clê-măng-xô (Clémenceau), bị thương 71 tên, trong đó có tên trung úy Giơ-nanh (Genin) và Đen-môt (Delmotte) cùng tên thầy thuốc Giăng-ti (Gentil)<sup>67</sup>.

Để trả đũa cho trận đại bại ở cầu Quan Âm và đồn Bắc Lệ, và để buộc triều đình nhà Thanh phải thi hành Hiệp ước Thiên Tân (ký ngày 11-5-1884), Phó Thủy sư đô đốc Cuốc-bê (Courbet) được lệnh bắt đầu mở cuộc tấn công Trung Hoa để gây áp lực. Ngày 23-8-1884, Pháp nã súng phá thành Phúc Châu, phá huỷ toàn bộ xưởng đóng tàu Phúc Châu; Ngày 2-10-1884 đánh chiếm Cơ Long (Đài Loan), phong toả cửa sông Dương Tử. Thủ tướng Pháp Jules Pery đã hai lần gửi tới hậu thư đòi quân Thanh phải rút ngay khỏi Bắc Kỳ và đòi bồi thường cho Pháp 250 triệu francs (khoản tiền này sau cứ giảm dần đi).

Trận đánh cầu Quan Âm – Bắc Lệ mà Pháp gọi là “Sự kiện Bắc Lệ”, là một trận đánh có tiếng vang rất lớn ở Pháp và Việt Nam, ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ Pháp – Thanh. Đây thật sự là một thất bại nặng nề của quân Pháp, một thắng lợi to lớn của liên quân Việt – Thanh. Sau trận Bắc Lệ, trung tướng Mi-ô (Charles Millot) bị triệu hồi, thiếu tướng Brie đơ-lin (Brière de l’Isle) lên thay thế đảm nhiệm chức vụ Tổng tư lệnh lực lượng viễn chinh Pháp ở Bắc Kỳ, để tiếp tục công việc đánh dẹp và bình định Bắc Kỳ...

---

<sup>67</sup> Lịch sử quân sự Đông Dương (Histoires militaires de l’Indochine) tập 1 189.

Tuy vậy, về trận đánh này, các tài liệu của Pháp và của Đại Nam chủ yếu chỉ nói đến vai trò, công trạng của quân nhà Thanh cùng một số lực lượng Việt Nam khác trong trận đánh là chính. Họ cho rằng “Chi huy và lãnh đạo” trận đánh về phía liên quân Việt - Thanh là: Lã Xuân Oai, Nguyễn Thiện Thuật, Tạ Hiện, Phạm Huy Quang (Đại Nam); Phan Đình Tân, Sầm Dục Anh, Vương Đức Bằng (Đại Thanh). Còn vai trò của Hoàng Đình Kinh và nghĩa quân thì hầu như không được nhắc đến. Chỉ khi riêng Hoàng Đình Kinh trực tiếp dẫn quân truy kích địch ở đồn Bắc Lệ và núi Thiên Cầu, tiêu diệt và bắt sống nhiều sĩ quan, binh lính địch... thì các tài liệu mới có nói đến vai trò của “Tán tương quân vụ Hoàng Đình Kinh”.

Tuy nhiên hiện nay, với những tư liệu lịch sử chiến tranh Pháp – Thanh mà chúng ta có được, giúp chúng ta hiểu thêm rõ hơn về vai trò của Hoàng Đình Kinh và nghĩa quân trong chiến đấu, phối hợp với quân nhà Thanh đánh Pháp nói chung và phối hợp trong trận đánh ở cầu Quan Âm – Bắc Lệ nói riêng

- Trong tác phẩm *Trận phục kích ở Bắc Lệ*,<sup>68</sup> của tác giả Đại úy La-com-tê, sĩ quan Tham mưu của Đuy-gien-nơ thú nhận: “Những trận vừa rồi là do bọn cướp Đồng Nai của Cai Kinh”, tài liệu này còn mô tả nỗi khiếp sợ của lũ sĩ quan Pháp, như đại úy Giăng-nanh nói với đồng đội: “Đạo quân này đã trở nên xấu hổ với tôi. Thế nào tai họa cũng đến với tôi”. Đại úy Clê-mang-xô nói với phụ tá: “Chúng ta hỏng rồi, không thoát được đâu. Mà cầm lấy máy ảnh của tao. Tao cho mà đẩy, nếu mà thoát được phen này”. Còn bác sĩ quân y Clô-tơ trong cơn hấp hối cứ làm nhảm kể lại cuộc chiến đấu. Hàng chục binh lính vì sợ hãi, ốm chết ở phủ Lạng Thương, Hà Nội.

Tài liệu này cũng xác nhận: “Hoàng Đình Kinh cùng với các quan viên lệ thuộc đốc nghĩa dũng đánh lấy Bắc Lệ” [15, tr. 120].

---

<sup>68</sup> La-com-tê, *Trận phục kích ở Bắc Lệ*, Paris, 1890 (dẫn theo Nguyễn Xuân Cần – 1882-1888), tr. 118.

Bài viết của Đặng Huy Vận – Nguyễn Đăng Duy<sup>69</sup> cũng cho biết: “Quân Pháp đã bị chặn đánh lẻ tẻ ngay từ ngày 20 - 6 và theo hồi ký của một số sĩ quan Pháp hoặc một số tài liệu nghiên cứu về trận đánh này thì cho đến ngày 23 - 6 tiếng súng đó vẫn chưa phải là của quân đội nhà Thanh bắn mà là của “nghĩa quân miền núi” hay của “quân du kích người Hoa” mà tài liệu của Pháp nói ở đây chính là nghĩa quân Cai Kinh” và khẳng định: “Nếu như vậy chỉ cho phép chúng ta suy diễn mà không sợ sai lầm rằng trong trận đánh chiều ngày 23 và ngày 24 khi quân Thanh đã bắn vào quân Pháp thì không có lý do gì Hoàng Đình Kinh lại đứng ngoài cuộc chiến đấu” [65, tr 16]

- Theo sách “*Trung Pháp chiến tranh tư liệu*” cho biết: Trong thư từ qua lại giữa Đường Cảnh Tùng<sup>70</sup> và Từ Diên Húc<sup>71</sup> việc quân Pháp sắp tấn công tới cầu Quan Âm và sự chuẩn bị của quan quân, triều Nguyễn và triều Thanh: “...cứ theo viên *tri huyện huyện Hữu Lũng ở Việt Nam là Hoàng Đình Kinh* đến tận nơi nói, dò xét được lính binh họ Dương ở tổng Đào Quan sẽ dẫn người Pháp đi đường chính đến đánh cầu Quan Âm...”

Trong *Thỉnh anh nhật ký*,<sup>72</sup> Đường Cảnh Tùng viết: “Ngày 8 tháng 3 (1884), truyền cho Hoàng Đình Kinh đến yết kiến tướng Hiều. Tướng Hiều trước có thư đến, hứa là hàng tháng cấp cho 600 bạc, nuôi quân hợp sức để giữ”.

Ngày 10 tháng 3, ở Lạng Sơn quân Thanh nghe được tin người Pháp sắp đánh cầu Quan Âm, cả quân triều Thanh và quân Việt Nam, đều ra sức chuẩn bị đào hào, ngụy trang trận địa tại đây, chuẩn bị lương thảo, quyết tâm chặn đánh quân Pháp khi chúng qua sông tới cầu Quan Âm. Đến ngày 11 tháng 3 (1884), thành lũy, doanh trại chuẩn bị đánh chặn quân Pháp ở cầu Quan Âm rất có quy mô: “Cho

---

<sup>69</sup> 65. Đặng Huy Vận – Nguyễn Đăng Duy, *Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh (1883-1888)*, Tạp chí NCLS số 81 (12/1965)

<sup>70</sup> Đã dẫn

<sup>71</sup> Đã dẫn

<sup>72</sup> *Thỉnh anh nhật ký* (Quyển IV), *Trung Pháp chiến tranh* (tập VI), Sdd. (Dẫn theo Nguyễn Biểu).

Hoàng Đình Kinh yết thị, mộ dân về cày cấy, phái tổng binh là Từ Chương Phát đi tuần tra phổ xá”.

Đường Cảnh Tùng đã đánh giá về Hoàng Đình Kinh là người thích hợp, được việc trong phối hợp với quân Thanh: “Hoàng Đình Kinh còn biết thích hợp với tình hình thực tế, người ấy nên không đáng lo... Hoàng Đình Kinh đem một tiểu đội ở Đồn Nha, sáng ra tối về, quân địch không động tĩnh gì. Nghe tin có thổ phi ở tỉnh mới cướp được của người Pháp hơn 10 hòm bạc lạng, Hoàng Đình Kinh muốn mộ lấy, vì không phải giáo dân và có thể đánh với Pháp được. Các việc ấy do hắn làm chủ, chắc ổn thỏa được”. Sau đó, tướng lĩnh nhà Thanh đi xem doanh lũy ở Cung Quán, núi Ba Đàn, cầu Quan Âm, sau về phủ Trường Khánh đóng ở trong doanh Tuy Nam, cho bày tiệc rượu mời Hoàng Đình Kinh cùng dự tiệc, bàn kế sách chống Pháp. Ngày 12-5-1884, tướng nhà Thanh nghe tin Hoàng Đình Kinh tránh giặc ở Bảo Lạc, sai người đến xem xét và thưởng cho các thứ nhẫn bằng ngọc xanh và trầu đoạn.

Ngày 21 tháng 5 - 1884, *Hoàng Đình Kinh* bảm rằng, ngày 1 tháng 4 đánh nhau với Pháp ở cầu Quan Âm, chém giết, bắt được quân Pháp rất nhiều; sau lo khó chống, định đem người nhà đến ở Hạ Đống, bằng lòng y cho. Ngày 24 tháng 5 - Có tin báo, quân Pháp đánh trại trên núi của Hoàng Đình Kinh, phá được hai hang núi, đến hang núi thứ ba, Đình Kinh vây đánh, được đại thắng trận. [13]

Qua một vài tư liệu trên cho ta thấy năng lực và vai trò của Hoàng Đình Kinh trong phối hợp với quân nhà Thanh đánh Pháp nói chung và phối hợp trong trận đánh cầu Quan Âm nói riêng.

Mặt khác, theo nhân dân địa phương, nhất là vùng quê hương Hoàng Đình Kinh, nơi diễn ra trận đánh, kể lại rằng: Được tin quân Pháp chuẩn bị đánh lên Lạng Sơn qua đường Hòa Lạc, Chi Lăng, Hoàng Đình Kinh đã cùng quân sĩ tích cực chuẩn bị trận đánh. Binh lính chuẩn bị vũ khí đạn dược theo khả năng có trong tay như: súng kíp, hỏa mai, súng cò trường... nhiều nhất là nỏ - một loại vũ khí thô sơ tự tạo, nhân dân thường dùng săn bắn thú, nay dùng tên tre tẩm thuốc độc để

đánh địch. Ông còn cho chuẩn bị hầm chông, cạm bẫy, các sọt vôi bột, tro cây “mần đẽ” có thể làm mù mắt khi bị vào mắt, đào hầm hào, xây chiến lũy, dùng chiến thuật “độn thổ” phục sẵn, lừa quân địch lọt vào thế trận bày sẵn, nghe hiệu lệnh, quân lính nhất tề xông lên đánh giặc.

Trong bài phát biểu của ông Hoàng Đình Chiến, (thân tộc Hoàng Đình Kinh) ở thôn Việt Thắng, xã Hòa Lạc, tại Hội thảo lần thứ I (14-3-2021) nói: Ông được nghe bác ruột là Hoàng Đình Tảo (1911- 1992) và bố đẻ là Hoàng Đình Chuyên (1918-1999) kể lại: khi được tin quân giặc sắp tiến đánh vào vùng quê hương, Hoàng Đình Kinh đã cho quân lính sửa soạn vũ khí, làm hầm chông, cạm bẫy để đánh giặc. Ông có câu nhắc nhở quân lính: “Nỏ 2 quai, tên 2 ống” (nỏ phải có 2 dây để phòng khi bị đứt, tên phải có 2 ống đủ bắn địch). Thời đó thanh niên ai cũng để tóc dài, có búi tóc sau gáy. Khi chiến đấu, bắn hết tên, người phía sau chuyển tên cho người phía trước bằng cách bắn vào búi tóc để người đó lấy tên, chiến đấu tiếp. Khi quân Pháp đánh vào vùng quê hương, Hoàng Đình Kinh đã tổ chức đánh giặc, nhiều trận đáng nhớ như:

- Trận phục kích ở bên đò làng Cường, xã Hòa Lạc, quân Pháp chết nhiều, bị thua trận phải rút về Bắc Lệ.

- Trận đánh ở Bến Nghè gốc đa Dầu Sỏi, khi giao chiến, quân Pháp bị thương và chết nhiều, trong đó có tên chỉ huy Pháp bị bắn trúng tên thuốc độc vào ngón tay. Tên này rút kiếm chặt ngay ngón tay, nhưng thuốc đã kịp ngấm vào người mà chết. Hai trận đánh đó do Hoàng Đình Kinh đứng ở Hang Đỏ chỉ huy.

- Trận quân Pháp ồ ạt tiến vào khu trung tâm, Hoàng Đình Kinh đem quân phục kích ở Cầu Dát và gốc Bồ Hòn. Quân Pháp bị nghĩa quân chặn đánh rất quyết liệt, chúng thua trận, phải lui quân. Trận Hoàng Đình Kinh cho quân mai phục ở Cầu Mỏ thuộc thôn Cây Hồng (nay thuộc thị trấn Chi Lăng). Quân của Hoàng Đình Kinh đánh trả quyết liệt. Quân Pháp nhờ có súng máy bắn như vãi đạn liên tiếp, tấn công rất mạnh. Quân của Hoàng Đình Kinh phải rút vào Lân Đìêng (sau dãy núi Vi

Ruôi) để bảo toàn lực lượng. Gặp núi cao hiểm trở, quân Pháp không dám tiến quân vào. Những trận này, Hoàng Đình Kinh đứng ở hang Vi Ruôi chỉ huy. Đến nay nhân dân địa phương vẫn gọi hang Vi Ruôi là “Hang Ông Huyện”.

Bàn về sự tham gia của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh trong hai trận đánh lớn ở cầu Quan Âm – Bắc Lệ (6-1884) và Lạng Sơn (3-1885), trong bài “*Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh (1883-1888)*”[66], Đặng Huy Vận - Nguyễn Đăng Duy viết: “Một số tài liệu của thực dân Pháp trước đây đều chỉ nói đến quân Thanh trong trận đánh, đồng thời cũng đã xuyên tạc ý nghĩa cũng như nguyên nhân của chiến thắng lớn trên đây. Theo các cụ bô lão ở huyện Hữu Lũng, nhất là ở xã Hoà Lạc kể lại thì nghĩa quân Cai Kinh đã tham gia vào trận đánh này bên cạnh quân Thanh. Tất nhiên những tài liệu do nhân dân kể lại chưa cho phép chúng ta khẳng định vấn đề, nhưng kết hợp, đối chiếu với một số tài liệu của Pháp và chữ Hán, cùng với việc điều tra ở thực địa, chúng tôi thấy trận cầu Quan Âm - Bắc Lệ có sự tham gia của nghĩa quân Cai Kinh (...) Hơn nữa, giữa tướng tá nhà Thanh với Cai Kinh cũng như một số sĩ phu và quan lại Việt Nam như Lã Xuân Oai, Nguyễn Thiện Thuật, Phạm Huy Quang... vẫn có mối liên hệ. Cho nên việc nghĩa quân Hoàng Đình Kinh tham dự vào trận đánh là có thể có được”.

Về trận này, trận đánh đã diễn ra ngay trên quê hương của Hoàng Đình Kinh và là trung tâm đại bản doanh nghĩa quân lúc đó, hoàn toàn nằm trong sự kiểm soát của nghĩa quân. Hơn nữa, Thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh và nghĩa quân là lực lượng đã từng đánh tan những thế lực thổ phỉ bảo vệ quê hương; ông từng được nhà Thanh cấp bằng “Tán tương quân vụ”, được phong là “Việt Nam Tổng thống đại thần” và được tặng cả “áo châu” (áo vóc vàng) vì chiến công đánh giặc... thì việc nghĩa quân tham gia trận đánh là điều đương nhiên, không thể khác được. Hơn nữa, Hoàng Đình Kinh tất phải giữ vai trò quan trọng trong bộ chỉ huy trận đánh, tham gia bày binh, bố trận diễn ra trên địa bàn thông thuộc của quê hương mình, trong

khi những tướng lĩnh chỉ huy khác của Việt Nam (Lã Xuân Oai, Nguyễn Thiện Thuật, Tạ Hiện, Phạm Huy Quang) và cả tướng lĩnh quân Thanh đều chỉ là những người nơi khác mới được tập hợp về đây, không thể nắm chắc địa hình, địa vật nơi đây như Hoàng Đình Kinh để điều hành trận đánh. Và cũng không phải ngẫu nhiên, trận đánh ở cầu Quan Âm đã kết thúc, lại chỉ có riêng Hoàng Đình Kinh trực tiếp chỉ huy nghĩa quân của mình truy kích địch, lấy lại đồn Bắc Lệ và đánh địch ở núi Thiên Cầu. Chính trận chiến ở Bắc Lệ với sự chiến đấu dũng mãnh của nghĩa quân Cai Kinh đã gây ấn tượng mạnh cho quân giặc, nên người Pháp thường nói trận cầu Quan Âm - Bắc Lệ là “Sự kiện Bắc Lệ”. Vì vậy chúng ta cần bổ sung nghĩa quân Hoàng Đình Kinh là một lực lượng trong đội hình tham gia chiến đấu của trận đánh và tên tuổi thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh phải là người trong đội ngũ lãnh đạo, chỉ huy trận đánh cầu Quan Âm – Bắc Lệ, bên cạnh tên tuổi những vị tướng lĩnh khác của quân Thanh và quân Việt lâu nay đã nêu. Chúng ta cần trả lại sự công bằng cho lịch sử.

### *3. Trận đồn Kép (Lạng Giang) tháng 10-1884*

Sau trận chiến thắng cầu Quan Âm – Bắc Lệ (cuối tháng 6-1884), nhà Thanh đã cho tập trung nhiều quân ở Quảng Tây và Vân Nam sẵn sàng đối phó với quân Pháp trả thù. Một số quân Tàu từ Long Châu (Quảng Tây – Trung Quốc) đã tràn sang Lạng Sơn, lực lượng quân báo đã xuất hiện ở Phủ Lạng Thương (Bắc Giang) và Lục Nam.

Để đối phó với tình hình, các tướng lĩnh Pháp sau khi được viện binh từ Pháp gửi sang đã tổ chức lực lượng để tiến đánh. Nhiều trận chiến đấu ác liệt giữa quân Pháp do tướng Đơ Nêgriê chỉ huy với quân Thanh và nghĩa quân Cai Kinh diễn ra tại khu vực từ phủ Lạng Thương đến Kép từ ngày 6 đến 9-10 năm 1884.

Hiện nay, tại Bảo tàng tỉnh Bắc Giang còn lưu giữ tấm bia ghi lại trận đánh đồi Kép. Trong cuốn “*Hiện vật tiêu biểu Bảo tàng tỉnh Bắc Giang*” bài “Bia đồi Kép, một chứng tích lịch sử ghi dấu sự kiện thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh Bắc



Giang 1884” của tác giả Đỗ Tuấn Khoa, viết: “Tại đồi Kép xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang hiện còn một chứng tích ghi dấu một sự kiện lịch sử diễn ra trên mảnh đất Bắc Giang. Đó là Đài kỷ niệm chiến thắng Kép năm 1884. Đài kỷ niệm này được người Pháp cho xây dựng năm 1885 tại đỉnh đồi Kép để kỷ niệm sự kiện quân đội viễn chinh Pháp tiên đánh làng Kép vào tháng 3-1884 và tháng 10-1884. (...)

...Ngày 5-10-1884, quân Pháp do tướng Négrie chỉ huy tiến đánh lên Kép. ...Từ ngày 6-7/10/1884 nhiều trận đánh ác liệt giữa quân Pháp và quân Thanh – nghĩa quân Cai Kinh diễn ra tại khu vực từ phủ Lạng Thương đến Kép. Đặc biệt và ác liệt nhất là trận đánh vào ngày 8-9/10/1884. Theo tài liệu lịch sử ghi lại thì tại trận đánh này, binh sĩ cả hai bên tham chiến lên tới trên 30 ngàn người, chưa kể hàng ngàn nông dân bị cưỡng bức đi phục vụ chiến trường. Trận Kép kéo dài từ ngày 8-10, suốt đêm 8-10 và kết thúc ngày 9-10-1884. Quân Thanh bị chết hơn 600 quân và phải rút lên biên giới phía Bắc. Quân Pháp, tướng Négrie bị thương nặng đưa về Hà Nội cấp cứu và chết, (sự kiện này trên tấm bia có ghi rõ), quân số bị thiệt hại đáng kể. Sau khi chiếm được Kép, đuổi được quân Thanh lên phía Bắc, quân Pháp tiếp tục truy kích, tiến đánh quân Cai Kinh trong các ngày từ 15, 16, 17/10, song ở khắp nơi đều bị nghĩa binh chặn đánh, bị thiệt hại và phải rút chạy. Ngày 20/10/1884 quân Pháp rút khỏi Kép về đóng ở phủ Lạng Thương. Như vậy có thể nhận thấy rằng trong suốt khoảng thời gian từ tháng 3/1884 đến 10/1884, các địa điểm từ phủ Lạng Thương đến Kép, Yên Thế là nơi thường xuyên diễn ra các cuộc giao tranh giữa quân đội Pháp với quân triều đình nhà Thanh và các nghĩa binh yêu nước trong phong trào khởi nghĩa Cai Kinh. Bia đá đặt tại đồi Kép là một chứng tích của trận chiến đấu ác liệt ngày 8/10/1884 ghi nhận rõ sự kiện này”.[2, tr. 101-104].

Sách *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim viết: “Trong khi Hải quân của Pháp đánh phá ở mặt bể, quân Tàu ở Quảng Đông, Quảng Tây kéo sang Bắc Kỳ càng ngày càng nhiều, mà quân tiếp ứng của Pháp mãi không thấy sang, đến trung

tuần tháng 7, Thống tướng Millot bèn cáo bệnh xin về, giao quyền lại cho Thiếu tướng Brière de l' Isle.

Được ít lâu, Thiếu tướng Brie đơ Lin (Brière de l' Isle) tiếp được 6.000 quân ở Pháp sang, số quân bấy giờ cả thầy được non 2 vạn người. Thiếu tướng bèn chia ra làm 4 đạo để đi đánh quân Tàu và quân ta; Thiếu tá Servière đem một đội quân lên mạn Đông Triều; Trung tá Donnier đem một đạo quân theo sông Lục Nam đến đánh đồn Chũ và đồn Đâm; Trung tá Defoy đem một đạo quân lên mạn sông Thương; Thiếu tá Mibielle và Thiếu tướng De Négrier thì đóng đại đồn ở Lạng Thương. Ngày 20 tháng 8, quân Pháp tiến lên đánh đồn Chũ, đồn Bảo Lạc (Bảo Lộc) và đồn Kép. Quân Tàu chống lại được một ngày, mà quân hai bên đánh nhau ở đồn Kép hăng hơn cả. Quân Tàu chết có đến 2.000 người; còn bên quân Pháp thì Thiếu tướng De Négrier bị thương ở chân, 27 người tử trận và 109 người bị thương. Quân Tàu chết hại mất nhiều, phải bỏ đồn Kép, đồn Bảo Lạc và đồn Chũ chạy lui trở về”. [32, tr. 581, 582]

Hồi ký *Một chiến dịch ở Bắc Kỳ*, [23] của Bác sỹ quân y Hocquar – người trực tiếp tham gia trận đánh đồn Kép kể lại (trích):

“Tướng chỉ huy trưởng tổ chức hai cánh quân: một cánh do đại tá Donnier chỉ huy xuống tàu ở Phả Lại ngược sông Thái Bình rồi rẽ vào phụ lưu của sông này là sông Lục Nam, đổ bộ lên làng Lãm; cánh quân thứ hai, dưới quyền tướng De Negrier, hành quân theo đường cái quan từ Bắc Ninh lên Lạng Sơn đến tập kết ở phủ Lạng Thương (...). Tôi có nhiệm vụ đi theo cánh quân De Nesgrier. (tr. 304)

(...) Cùng lúc, đại bộ phận quân ta (Pháp) đã tới ngang hai quả gò, thấy được vị trí địch. Pháo lập tức được đặt trên gò nã vào làng. Đạn rớt rất trúng đích. Cả làng bốc cháy, lửa bao trùm các ngôi nhà tranh vách đất, re nổ lộp bộp như vãi đạn. Tướng De Nesgrier lập tức điều hai đại đội còn lại của 111 lên tăng cường cho đồng đội đang kịch chiến ở đường cái quan. Rồi ông điều hai đại đội của tiểu đoàn 23 vòng về phía đông để vây chặt làng Kép... (tr. 310).

(...) Bị bao vây tứ phía, cảm thấy sắp bị tiêu diệt, quân Tàu chống trả tuyệt vọng, muốn ta phải trả giá đắt. Bây giờ quân đôi bên trộn vào nhau, quần thảo, vật lộn nhau cạnh những căn nhà đang cháy, trong những bụi rậm cao hơn đầu mọc quanh làng. Đầu đại úy Kerdrain bị ba nhát giáo; một người lính bị quân Tàu chém đứt cổ; thiếu tá Godard, khẩu súng ngắn hết đạn, vớ một cây gậy đập tới tấp một quân Tàu (...). Quân Tàu lại bại trận, vừa hét vừa tháo chạy, được tổng tiền bằng mấy phát súng cuối cùng. Ba giờ chiều trận đánh chấm dứt. Quân ta nhin đỏi từ sáng đã chiến đấu năm tiếng đồng hồ liên tục. Trên sáu trăm xác địch bị bỏ lại trận địa; đôi chỗ đánh nhau ác liệt, các xác chết chồng chất, lấp cả lối đi. (tr. 312)

(...) Chúng ta (Pháp) cũng phải trả giá khá đắt cho trận chiến thắng này vì sự chống trả quyết liệt của quân Tàu: ba mươi hai người Pháp chết, sáu mươi một người bị thương. Chúng tôi vừa tìm được thi hài đại úy Planté bị trúng đạn giữa trán khi dẫn đầu đại đội tấn công một rào chắn. Chúng tôi đặt anh nằm trên cỏ, cạnh đại tá Chapspuis đột quy vì nắng nóng khi đang chỉ huy đơn vị xung phong"... (tr. 314)

Qua những tư liệu trên, chúng ta thấy rõ, trận đánh đồn Kép (Bắc Giang) là một trận đánh lớn, rất ác liệt mà nghĩa quân Hoàng Đình Kinh đã tham gia. Tuy các tài liệu lịch sử không nói cụ thể về lực lượng của nghĩa quân tham gia chiến đấu là bao nhiêu, chiến thuật, chiến công... như thế nào, nhưng đã ghi nhận: "Sau khi chiếm được Kép, đuổi được quân Thanh lên phía Bắc, quân Pháp tiếp tục truy kích, tiến đánh nghĩa quân Cai Kinh trong các ngày từ 15, 16, 17/10, song ở khắp nơi đều bị nghĩa binh chặn đánh, bị thiệt hại và phải rút chạy. Ngày 20/10/1884 quân Pháp rút khỏi Kép về đóng ở phủ Lạng Thương".[2. Tr.103]

Qua các tư liệu trên cho ta thấy: khi quân Thanh đã thua trận phải rút lên phía Bắc, quân Pháp tiếp tục truy kích tiến đánh, nhưng chúng đã vấp phải sự đánh trả quyết liệt của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh trong các ngày 15, 16, 17/10. Quân

Pháp đã bị thiệt hại nặng, không thể tiếp tục tiến quân được, buộc phải rút khỏi Kép, về đóng ở phủ Lạng Thương.

#### *4. Trận đánh ở thị xã Lạng Sơn và Bắc Ninh (3 năm 1885)*

“Trận Lạng Sơn (1885)” hay “Pháp đánh Lạng Sơn” là tên gọi một chiến dịch gồm một số trận giao tranh lớn nhỏ giữa quân Pháp và quân Thanh, đã diễn ra từ đầu tháng 2 năm 1885, kết thúc vào 1 tháng 4 cùng năm. Kết thúc chiến dịch, quân Pháp đại bại phải rút chạy khỏi Lạng Sơn, Chính phủ Giuyn-phe-ry (Jules Ferry) ở Paris bị đổ. Trong chiến dịch này, nghĩa quân Hoàng Đình Kinh đã có những công lao góp phần vào chiến công của chiến dịch.

Về phía quân Pháp: sau trận thắng quân Thanh ở Chũ và Kép (tháng 10-1884), thực dân Pháp quyết tiến lên đánh chiếm Lạng Sơn. Để thực hiện kế hoạch, quân Pháp đã tích cực chuẩn bị. Chúng xây dựng Chũ thành căn cứ xuất quân của chiến dịch, tập kết vũ khí, đạn dược, lương thực...; yêu cầu chính quốc tăng thêm viện binh và ráo riết tuyển mộ dân phu phục vụ chiến dịch. Đầu năm 1885, Thiếu tướng, Brie đơ Lin (Briere de l'Isle) – Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Bắc Kỳ được thăng lên Trung tướng và được tăng thêm 1.000 quân viện binh từ Pháp đưa sang. Chúng cũng cưỡng bức, mộ được 4.500 dân phu phục vụ chiến dịch. Đầu tháng 2-1885, Pháp bắt đầu tiến hành đánh chiếm Lạng Sơn. Tham gia chiến dịch gồm có 7.186 lính Pháp và ngụy quân, được chia làm 2 đại đoàn, một do thiếu tướng Nê-gri-ê (De Négrier) chỉ huy, một do đại tá Giô-van-li (Giovanelli) chỉ huy; tướng Crê-tin (Crétin) làm Tham mưu trưởng, tướng Đet-bo-đê (Borgnis Desbordes) chỉ huy pháo binh và hơn 4.500 dân phu người Việt bị bắt đi phục vụ cho chúng.

Về phía quân Thanh, sau thất bại ở Bắc Ninh (tháng 3-1884) Từ Diên Húc bị cách chức, tất cả quân Thanh đóng ở dọc đường số 1 từ Lạng Sơn xuống đến Kép đặt dưới quyền chỉ huy của Tuần phủ Phan Đình Tân, đặt bản doanh tại thành Lạng

Sơn. Quân Thanh tập trung lực lượng bố trí phòng ngự chặt vùng cửa ngõ lên Lạng Sơn là Bắc Lệ, Phó Vị, Kép.

Đầu tháng 2 năm 1885, tướng Nê-gri-ê (De Négrier) dẫn 5 tiểu đoàn lính từ Chũ (Lục Ngạn, Bắc Giang) tiến về núi Bóp để đánh tiền quân của quân Thanh đang đóng giữ con đường đi Lạng Sơn. Hai bên giao chiến kịch liệt, được hai ngày thì quân Thanh rút lui nhưng quân Pháp cũng phải rút về Chũ sau khi bị thiệt hại nặng. Trận này phía Pháp có 100 người thiệt mạng và bị thương, trong đó có 1 quan ba, 2 quan hai.

Tiếp đến, tướng Nê-gri-ê lại cho quân từ Chũ hành quân lên Phó Vị. Trên đường đi, quân Pháp bị thiệt hại nhiều ở Hạ Hòa. Đến ngày 11 tháng 2, quân Pháp chiếm được Phó Vị, với tổn thất trên 200 lính.

Sau đợt diễu võ dương oai ở vùng núi Bóp, Phó Vị, tướng Pháp Nê-gri-ê dùng chiến thuật lén về Chũ, đem quân qua đèo Vân, một đường đèo rất khó đi nên quân Thanh không lường để phòng bị. Quân Pháp lấy đồn Đồng Sơn (đồn Sung), rồi đánh sang Tuần Muội (Chi Lăng). Quân Tàu giữ ở mạn Bắc Lệ, thấy quân Pháp đã chặn mất đường về, liền rút quân chạy. Thiếu tướng Nê-gri-ê đem quân truy kích, đánh tràn lên đến Lạng Sơn.

Về việc quân Pháp lấy thành Lạng Sơn, sách *“Việt Nam sử lược”* của Trần Trọng Kim viết: “Đầu năm 1885 là quãng tháng 11 năm Giáp Thân. Con đường từ Kép lên Lạng Sơn là đường hẻm núi, mà chỗ nào cũng có quân Tàu đóng, cho nên quân Pháp mới dùng kế đánh ngang từ đồn Chũ đánh lại để lấy đồn Tuần Muội (tức là ải Chi Lăng ngày trước). Thiếu tướng Nê-gri-ê (De Négrier) trước đã lên đồn Kép, dương thanh thế tiến binh, rồi lén về đồn Chũ đem quân qua đèo Vân, lấy đồn Đồng Sơn tức là đồn Sung, rồi sang lấy Tuần Muội. Quân Tàu đang giữ ở mạn Bắc Lệ, thấy quân Pháp đã chặn mất đường về, liền rút quân chạy. Thiếu tướng De Négrier đem quân đánh tràn lên đến Lạng Sơn, trưa hôm 29 tháng Chạp ta thì lấy

được thành. Đánh từ ngày 25 đến 29 tháng Chạp, quân Pháp thiệt mất 40 người tử trận và 222 người bị thương”. [32, tr. 582, 583]

(Lâu nay một số bài viết thường nhầm lẫn cho rằng: Để lấy thành Lạng Sơn, quân Pháp đã vòng qua Chũ, lên Đình Lập rồi đánh vào Lạng Sơn)<sup>73</sup>

Ở Lạng Sơn, Phan Đình Tân vốn có tư tưởng sợ Pháp, không muốn giao chiến với Pháp nên việc phòng thủ ở đây hầu như không làm gì cả. Ngày 11-2-1885, khi Pháp tiến đến Phó Vị (cách thành Lạng Sơn khoảng 70 km), sợ bị tiêu diệt nên Phan Đình Tân đã quyết định bỏ thành Lạng Sơn chạy về trấn Nam Quan, rồi về thẳng Long Châu.

Trưa ngày 13-2-1885 (tức 29 Tết), quân Pháp đã tiến đến và chiếm được thành Lạng Sơn một cách dễ dàng.

Sau khi chiếm được thành Lạng Sơn, Pháp tập trung lực lượng nhằm thực hiện bước phiêu lưu quân sự mới đối với quân Thanh ở Trấn Nam Quan và Long Châu. Được sự đồng ý của Bộ Chiến tranh Pháp, ngày 23-2-1885, quân Pháp tiến đánh Đồng Đăng. Ngày 25-2-1885, Pháp lại tiến đến trấn Nam Quan (cửa ải Hữu Nghị) bắn phá, làm nổ tung cửa ải, sau đó rút về giữ Lạng Sơn, chuẩn bị tiến đánh sang Long Châu.

Sự tháo chạy của Phan Đình Tân và bước tiến quân mới của quân Pháp đã làm cho tình hình ở vùng biên giới Quảng Tây (Trung Quốc), nhất là ở Trấn Nam Quan, Long Châu, Nam Ninh... bị náo động, dân chúng lo sợ, chính quyền địa phương phải ra lệnh giới nghiêm.

Trước tình hình đó, được sự đồng ý của triều đình nhà Thanh, Tổng đốc Lương Quảng là Trương Chi Động đã điều Phùng Tử Tài đến Long Châu giữ chức Bang biện quân vụ, được toàn quyền giải quyết mọi công việc có liên quan đến quân sự ở vùng biên giới Quảng Tây. Theo Trương Chi Động, Phùng Tử Tài là một

---

<sup>73</sup> Sách *Địa chí Lạng Sơn* (1999) cũng ghi nhầm: “Năm 1885, quân Pháp theo đường Chũ, Đình Lập đánh chiếm được Lạng Sơn” (tr. 299).

“lão tướng có kinh nghiệm, lại am hiểu công việc quân sự ở vùng biên giới, uy danh vang dội, là một tướng tài khó lòng tìm được”. Khi đến Long Châu, trong tay Phùng Tử Tài có 18 doanh quân. Dưới quyền chỉ huy của ông còn có một số tướng tài như Vương Hiếu Kỳ, Tô Nguyên Xuân, Vương Đức Bảng, v.v...

Sau khi được tin quân Pháp sẽ tiến đánh Long Châu, Phùng Tử Tài đã họp bàn với các tướng sĩ dưới quyền, quyết định chọn Quan Tiên Ải (cách Trấn Nam Quan 10 dặm về phía Trung Quốc) làm trận địa đánh giặc.

Ngày 23-3-1885, quân Pháp ở Lạng Sơn mở cuộc hành quân lớn tiến lên trấn Nam Quan để tiến vào Long Châu. Khi vượt qua Nam Quan, quân Pháp vào trận địa Quan Tiên Ải. Khi quân Pháp đã lọt vào trận địa, tướng Phùng Tử Tài đã hơn 70 tuổi, cùng hai con là Phùng Tương Vinh và Phùng Tương Hoa mở công thành, cầm gươm, xông ra, hô lớn với dáng uy nghi lẫm liệt. Theo gương đó, nhiều tướng sĩ dưới quyền Phùng Tử Tài hăng hái xông lên. Viện binh của Pháp từ Lạng Sơn lên cũng bị quân của Vương Đức Bảng mai phục ở Do Ải chặn đánh tan. Trận đánh diễn ra trong 2 ngày 23 và 24-3-1885, quân Pháp bị thiệt hại hơn 100 lính và mấy chục sĩ quan bị tử trận, nhiều vũ khí, đạn dược, kể cả đại bác bị phá hủy. Trước tình hình ấy, quân Pháp buộc phải rút về phía Lạng Sơn.

Nhân đà chiến thắng, ngày 26-3-1885, Phùng Tử Tài chỉ huy quân vượt qua trấn Nam Quan tiến đánh quân Pháp ở Đồng Đăng. Ngày 28-3-1885, tiếp tục đem quân xuống đánh quân Pháp ở Lạng Sơn. Quân Pháp lúc đó tại Lạng Sơn có hơn 4.500 quân với nhiều vũ khí, đạn dược, đại bác. Chúng lập phòng tuyến tại Kỳ Lừa để ngăn chặn quân Thanh. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt tại đây. Sau gần một ngày chiến đấu, tướng Nê-gri-ê (De Négrier) bị thương nặng vào ngực tại Kỳ Lừa. Đại tá Héc-banh-giê (Herbinger) lên thay quyền chỉ huy. Nhưng trước sự tấn công mạnh mẽ của quân Thanh và nghĩa binh Việt Nam, đến 10 giờ đêm hôm đó, quân Pháp buộc phải bỏ thành Lạng Sơn rút chạy về cố thủ ở Chũ. Dọc đường tháo chạy, quân Pháp vứt cả súng đại bác, hòm đạn, quảng cả đồ đạc, hành lý xuống sông, đốt

giấy tờ sổ sách, đập vỡ cả máy điện tín... Mãi đến ngày 1 tháng 4, chúng mới về đến Chũ.

Vậy là chỉ trong 6 ngày, từ 23 đến 28-3-1885, quân Pháp đã bị đại bại ở Quan Tiên Ải, Đồng Đăng và Lạng Sơn. Đây là một thất bại to lớn của Pháp tại Bắc Kỳ.[21, tr. 28, 29]

Trong trận đánh này, nghĩa quân Hoàng Đình Kinh đã có sự phối hợp chiến đấu cùng lực lượng quân Thanh do lão tướng Phùng Tử Tài chỉ huy. Tài liệu của Pháp chỉ nói đến quân Thanh, không nói gì đến nghĩa quân Cai Kinh, nhưng theo tờ điện của Phùng Tử Tài ngày 10-3-1885 viết: “Nguyên bọn nghĩa sĩ Hoàng Đình Kinh ở Bắc Ninh, nhân số không ít, tự lập 5 đại đoàn trung nghĩa, xin giúp đỡ tiêu diệt”. Trong cuốn “*Thanh sử khảo. Phùng Tử Tài liệt truyện*” có đoạn tư liệu cho biết trong trận quân Phùng Tử Tài đánh Pháp ở Lạng Sơn, nhân dân Việt Nam đã làm nội ứng cho ông: Họ cung cấp những tin tức cần thiết về tình hình quân số, vũ khí, kế hoạch tấn công của Pháp vào biên giới Trung Quốc và kế hoạch quân Thanh đang đóng ở Hưng Hóa, Tuyên Quang sang chi viện cho đồng đội của họ ở Lạng Sơn. Nhờ đó Phùng Tử Tài lập tức điều động ngay 5 doanh quân (khoảng 1.500 người) đến phục kích trước ở những nơi mà quân Pháp sẽ đi qua. Khi quân Pháp hành quân đến đã bị quân mai phục của Phùng Tử Tài tiêu diệt phần lớn, số còn lại bỏ chạy về thành Lạng Sơn.

- Trong trận tập kích bất ngờ vào vị trí đóng quân của Pháp ở Đồng Đăng tối 21-3-1885, quân của Phùng Tử Tài đã được nhân dân ta giữ bí mật nơi tập kết của quân đội nên Phùng Tử Tài mới giành được thắng lợi. Ngày 23 và 24-3-1885, khi trận đánh diễn ra ác liệt giữa quân Pháp và quân Thanh ở Quan Tiên Ải thì có hơn 1.000 người Việt Nam “đã đến giúp đỡ và phối hợp chiến đấu với quân Thanh”.

Ngay sau khi thành Lạng Sơn được giải phóng, Phùng Tử Tài cho quân tiếp tục truy tìm tàn quân địch đang ẩn náu ở xung quanh. Theo đề xuất của Hoàng Đình Kinh, ông còn có ý định tập trung lực lượng tiến quân xuống giải phóng Kép, Chũ, Bắc Ninh,... Được tin này, nhân dân ở những nơi đó đều vui mừng, phấn



khởi, sẵn sàng nổi dậy hưởng ứng, phối hợp với quân Thanh đánh Pháp. Thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh đang hoạt động ở vùng Hữu Lũng đã tập hợp được hơn 2 vạn nghĩa quân, biên chế thành 5 đại đoàn “Trung nghĩa quân”, dùng cờ hiệu của quân Phùng Tử Tài, tự nguyện lo liệu lương thực, xin đi trước dẫn đường cho quân Thanh, khi quân Thanh đến, nghĩa quân sẽ phối hợp cùng chiến đấu. Nhân dân vùng Bắc Ninh cũng đã bí mật gửi thư cho Phùng Tử Tài, hẹn khi quân Thanh tiến xuống đến Kép, họ sẽ nổi dậy hưởng ứng.<sup>74</sup>

Theo các tài liệu thì sau chiến thắng ở Lạng Sơn, quân Thanh đã truy kích địch ở Bắc Kỳ rất mạnh mẽ. Trong thư của Trương Chi Động gửi cho Phúc châu Tả trung đường Dương Chế Đài, Giang Minh Tăng Cung Bảo, Võ Xương Biện viết: “Quân Quảng Đông, Phùng, Tô hai họ Vương ngày 8 tháng 2 đại phá quân Pháp ở trấn Nam Quan đánh chết tên tướng đề đốc Pháp Nê-gri-ê, ngày 11 lấy được châu Văn Uyên, ngày 13 lấy được Lạng Sơn, ngày 15 lấy được phủ Trường Khánh tiến lên mưu nhòm Bắc Ninh.

Quân Vân Nam cùng ngày mùng 8-2 đại phá quân Pháp ở phủ Lâm Thao; ngày 20, 21, 23 đều được luân, cướp lại được cửa Mai Chi, lấy lại phủ Quảng Oai, bức gần Hưng Hoá, buộc quân giặc lui vào giữ thành. Đất Việt bên Đông đến Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hà Nội, bên Tây đến Hưng Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Sơn Tây, quân dân hưởng ứng trợ chiến cung lương; khách trú, giáo dân phản lại tan chạy. Mấy trận đánh ấy, giết giặc Pháp chính cống đến hàng nghìn, quan 6 vạch trở xuống đến hàng trăm và bắt được nhiều vô kể”.

Lực lượng nghĩa quân Hoàng Đình Kinh đã tích cực tham gia vào chiến dịch truy quét này. Đội quân của ông cùng với đội quân các lộ mà ông tập hợp lên tới 2 vạn người chia thành 5 đại đoàn trung nghĩa. Ông đã chủ động đề ra với Phùng Tử Tài kế hoạch phản công đánh Pháp ở Bắc Kỳ sau những trận đánh ở Lạng Sơn và

---

<sup>74</sup> Theo Mậu Thế An – “Trung Pháp chiến tranh”, Nxb. Nhân dân Thượng Hải, 1961, (tr. 87).

đội quân của ông đã trực tiếp tham gia vào việc truy kích địch. Tờ điện của Phùng Tử Tài ngày 10 tháng 3 năm Quang Tự thứ 11 (1885) viết:

“Tài mưu lấy Bắc Ninh trong khi ngấm bố trí đã nhiều lần đánh điện đạt lên. Nguyên bọn nghĩa sĩ Hoàng Đình Kinh ở Bắc Ninh nhân số không ít, tự lập 5 đại đoàn trung nghĩa... xin giúp đỡ tiêu diệt. Ngày 24 cấp dụ xong, ngày 25 tiếp được điện đình chiến triệt quân về, lập tức cho phi đi ngay, sức cho tuân vì bị nước lũ ngăn và đường xa cách 4 ngày y chưa biết. Vừa rồi cứ theo tin báo ngày 29, bọn y hẹn với chúng ta vòng đường mà tiến lại, cho riêng từng toán khuân lương, cơm, dẫn quân ta đánh đồn Lang Giáp, tường lũy rất vững, chưa vỡ. Các doanh y hạn, hiện đã đình chiến, nhưng bọn nghĩa sĩ này vào sâu trong đất quan trọng, không có quân tiếp ứng tất bị quân Pháp hại, một hai nghìn đi nghìn lại thật rất thương tiếc”. [65, tr. 17]

Tuy lực lượng quân Thanh do tướng Phùng Tử Tài chỉ huy đang trong khí thế thừa thắng xông lên tiến quân đánh Pháp và nhân dân các địa phương mà Phùng Tử Tài dự định tiến đánh đang háo hức sẵn sàng nổi dậy hưởng ứng, nhưng khi đó triều đình nhà Thanh thấy chiến tranh không có lợi bèn thỏa thuận với Pháp ký hòa ước nhằm chấm dứt chiến tranh. Kế hoạch của Phùng Tử Tài không được thực hiện.

Về phía Pháp, tin quân Pháp bị thất trận phải bỏ thành Lạng Sơn truyền về Paris làm lòng người nao động cả lên. Thủ tướng Giuyn-phe-ry (Jules Ferry) bị lật đổ. Nghị viện Pháp đưa Brit-xông (Brisson) lên lập nội các mới. Chính phủ mới của Pháp cũng thấy sự chiến tranh không lợi bèn quyết định ký Hòa ước với nhà Thanh. Ngày 4 - 4 - 1885, nghĩa là 3 ngày sau khi binh đoàn của Pháp phải chạy về Phủ Lạng Thương thì Paris và Bắc Kinh ký kết đình chiến. Tháng 5, quân Thanh rút hết về nước. Ngày 9-6-1885, Pháp và nhà Thanh (Trung Quốc) đã ký tại Thiên Tân bản Hiệp ước gồm 10 điều khoản, trong đó có nội dung: Phía Trung Quốc thừa nhận và chấp nhận việc Pháp thống trị Việt Nam; chấm dứt hẳn việc coi Việt Nam

là một thuộc quốc của mình; không được đưa quân đội sang Việt Nam; không được cản trở công cuộc bình định của Pháp ở Việt Nam...

Theo Hiệp ước, quân Thanh phải rút toàn bộ quân đội về nước, vì vậy kế hoạch tiến đánh quân Pháp của Phùng Tử Tài không được thực hiện. Hơn nữa, theo điều ước, kể từ ngày 9 tháng 6 năm 1885 (ngày ký hiệp ước Thiên Tân mới), nhà Thanh đã chính thức thừa nhận quyền đô hộ của thực dân Pháp ở Việt Nam, từ bỏ quyền bá chủ của mình trên lãnh thổ Việt Nam.

Trên đây là một số tư liệu giúp chúng ta khẳng định: trong trận đánh Pháp ở Quan Tiên Ải (Trung Quốc) và ở Đồng Đăng, thị xã Lạng Sơn, nghĩa quân Hoàng Đình Kinh đã tham gia chiến đấu bên cạnh quân Thanh. Sau chiến thắng ở Lạng Sơn, Hoàng Đình Kinh đã đóng vai trò tham mưu, đề xuất với tướng Phùng Tử Tài vạch kế hoạch tiến công quân Pháp ở Bắc Kỳ. Đội quân của ông cùng với đội quân các lộ mà ông tập hợp lên tới 2 vạn người chia thành 5 đại đoàn trung nghĩa, tham gia truy quét địch, tiến đánh đến thành Bắc Ninh. Nhưng giữa lúc đó triều đình nhà Thanh lại thỏa thuận với Pháp ký hòa ước nhằm chấm dứt chiến tranh. Kế hoạch truy quét địch của Phùng Tử Tài và Hoàng Đình Kinh không được thực hiện.

#### *5. Trận đánh của Cai Bình (12-1885)*

Các tài liệu của Pháp hầu như ít ghi chép về những trận đánh riêng của nghĩa quân Cai Kinh. Một mặt vì trong giai đoạn này ở vùng Bắc Giang, Lạng Sơn cùng với đội nghĩa quân của ông còn có quân Thanh và các toán nghĩa quân người Việt khác (các đội nghĩa quân của quan lại, sĩ phu chủ chiến, nghĩa quân địa phương) nhưng trong cuốn *Lịch sử quân sự Đông Dương*, dịch đã phải ghi lại riêng trận đánh của Cai Bình, là “cánh tay phải của Cai Kinh” đã dũng cảm chống lại toán quân của trung tá Goóc-đa (Gordard) ngày 26 tháng 12 năm 1885. Cai Bình lập căn cứ ở làng Bảo Lộc – Lạng Giang thuộc địa hạt phủ Lạng Thương, quân số có gần 1.000 người, trong đó có nhiều tay súng giỏi. Ngày 26-12-1885, quân Pháp do Trung tá Goóc-đa chỉ huy tiến đánh Bảo Lộc. Nghĩa quân đã tổ chức tấn công lại

địch, tiến đánh vào Kép, uy hiếp phủ Lạng Thương, gây nhiều thiệt hại cho địch rồi tản ra các nơi bảo toàn lực lượng, tiếp tục kháng chiến. Quân Pháp buộc phải rút lui.

#### 6. Hai trận đánh ở đồn Làng Chiềng và đồn Than Muội (5-1886)

Trong bài “*Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh (1883-1888)*” tác giả viết: “Qua lời kể của nhân dân trong vùng, kết hợp với tài liệu của Pháp, chúng ta có thể khẳng định thêm hai chiến công khác của nghĩa quân Cai Kinh:

- Trận thứ nhất: diệt đồn làng Chiềng (nay là xã Mai Sao huyện Chi Lăng). Đồn này án ngữ ngã tư con đường từ Lạng Sơn về phủ Lạng Thương và từ Hữu Lũng lên Ba Vang, Diêm He, Na Sầm, Thất Khê. Đồn này được xây dựng ở một thung lũng nhỏ giữa hai núi đá cao vút và núi đất chạy song song dọc theo hai bên đường Lạng Sơn về Phủ Lạng Thương (chỗ này hiện là ga Lạng Nấc thuộc xã Mai Sao, Chi Lăng) theo lời kể của các cụ bô lão địa phương thì một đêm tối trời vào cuối tháng 4, nghĩa quân từ Bằng Mạc kéo ra tấn công tiêu diệt gọn đồn, thu được nhiều vũ khí rồi rút lui.

- Trận thứ 2: trận vây đồn Than Muội, vào cuối tháng 5 năm 1886. Đồn Than Muội là một đồn lớn của địch ở huyện Ôn Châu (Chi Lăng), nghĩa quân một mặt bao vây đồn, một mặt cho quân chặn đường tiếp viện của địch. Nhưng vì nghĩa quân chỉ có vũ khí thô sơ mà quân địch lại có hoả lực mạnh nên nghĩa quân không tiêu diệt được đồn, phải rút lui khi biết tin địch ở Lạng Sơn đưa một lực lượng khá lớn về giải vây. Tuy vậy lực lượng của địch cũng bị tổn thất”. [65, tr. 14]

Chúng ta biết, từ trung tâm khu căn cứ Tam Yên, nghĩa quân Hoàng Đình Kinh thường xuất quân theo đường qua xã Yên Sơn, vượt đèo Loi hiểm yếu, “ngóat ngoéo 12 chữ chi”, rồi sang thôn Làng Gia, thuộc xã Van Linh, châu Bằng Mạc (nay thuộc huyện Chi Lăng), tiến xuống phía Đòng Mỏ, Than Muội để đánh địch. Kết thúc các trận đánh, nghĩa quân lại rút theo đường cũ, về trung tâm an toàn.

(Trận đánh đồn Than Muội (5-1886), sách *Địa chí Lạng Sơn* ghi “do nghĩa quân Cai Kinh làm chủ, dưới sự chỉ huy của Hoàng Thái Nhân tiến đánh đồn Than Muội ở Chi Lăng tiêu diệt một số lớn quân Pháp rồi rút lui an toàn”).

Trong những năm 1886, 1887 địch đã tổ chức nhiều cuộc càn quét vào vùng căn cứ của Cai Kinh nhưng đều bị thất bại. Trận càn lớn của chúng vào cuối năm 1887 do tên đại tá Duy-gien (Duygègne) chỉ huy đã bị tổn thất nặng. Vì quá sức sau những trận đánh ác liệt của nghĩa quân và sau những cuộc hành quân gian khổ trong rừng rậm rạp đã bị ốm chết ngày 24 tháng 12 năm 1887. Cuối cùng địch chỉ còn biết bao vây chặt chẽ nghĩa quân để nhằm cô lập và tiêu diệt họ. Đồng thời chúng còn thiết lập đồn ở Hương Giáo, Mỏ Ngài, Phố Bình Gia để ngăn chặn con đường nghĩa quân rút sang Trung Quốc.

#### 7. Trận Suối Dọc và đồn Khôn Lâu

Trong “*Bắc Giang địa chí*” của Nhật Nham Trịnh Như Tấu<sup>75</sup>, phần “*Lịch sử Thân Đức Luận tức Thống Luận*” viết: “Hoàng thúc sai rước loan giá về Phố Toóng, tức là đồn Cai Kinh vậy. Khi dâng trình, các quan dâng vua một mâm vàng. Vua không nhận và phán rằng: “Những châu bảo và các đồ ngự dụng, hai con voi mang nặng, có thiếu gì. Thôi cho lại mà dùng”.

Vua đến Phố Toóng ở ít lâu, thấy thám tử về báo có độ 1.000 người Tây theo con đường Bắc Lệ tiến lên.

Vua bèn hội họp các quan để bàn phương pháp đề phòng. Tất cả các quan triều thần và các đạo binh thầy đều táng đờm. Sau Cai Kinh tiến lên tâu rằng: “Việc này xin cử Bắc Dũng (chỉ Thống Luận), Bắc Dũng quen ra hàng trận, vả lại am hiểu địa thế, có thể đánh được”.

Tôn Thất Thuyết bèn giao cho Thống Luận 500 quân ra ngoài thành cự địch.

---

<sup>75</sup> Nhật Nham là bút danh của Trịnh Như Tấu, sinh khoảng 1915 quê ở làng Thương, tổng Thọ Xương, phủ Lạng Thương (nay là thành phố Bắc Giang). (S.đd)

Hoàng Kinh (Cai Kinh) bảo Thống Luận rằng: Ông đang làm tiểu tướng mà nhất đán lên cầm quyền chủ帥, nếu không có sắc lệnh của Thiên tử thì hiệu lệnh làm sao được các quan?”

Thống Luận nghe nhờ trở vào thành tâu vua.

Vua cho là phải, bèn ban cho một lá cờ lệnh và một thanh bảo kiếm. Thống Luận ra ngoài thành bày trận ở Suối Dọc thuộc địa phận tổng Chi Quan;... Thống Luận sai quân dẫn một cây to ngã nằm ngang suối, còn quân cho mai phục hai bên.

Độ 8 giờ sáng hôm sau, binh Pháp đến chỗ ấy, mắc cây không đi được, hậu quân dần dần tụ cả lại.

Liệu chừng quân Pháp đã kéo hết cả vào trong suối rồi, Thống Luận bèn ra lệnh cho quân bản bộ hai bên bắn xuống. Trận này binh Pháp bắt lợi.

Thống Luận báo tin thắng trận. Vua và các quan ra ngoài năm dặm nghênh tiếp, lại cho phép được ngồi trên mình ngựa thẳng lối vào thành. Thượng tướng, khạo quân, vua phong cho Thống Luận làm Chánh đề đốc.

Sau lại có thám tử báo về: ước 5000 quân Pháp do đường Bồ Hạ sắp kéo đến.

Vua sai Thống Luận đem 500 quân đi án ngữ ở đồn Khôn Lâu trên bờ sông Róng.

Thống Luận sai lấy bao nhồi cát, lấp mạn thượng lưu con sông ấy lại và vót chông cắm bãi có gianh gần đấy. Binh Pháp đi tới, thấy nước nông kéo nhau lội sang, cắm trại ở một bãi không khoáng, gác súng nấu ăn. Đương khi ăn uống, Thống Luận hô quân ra đánh. Binh Pháp trong lúc không đề phòng, bỏ cả lương thực khí giới chạy vào rừng có gianh, bị thương rất nhiều. Đến khi qua sông, bao cát đã lồi lên hết, nên nước mạn thượng lưu kéo về, người ngựa thiệt hại không phải là ít. Thống Luận thắng trận khải hoàn. Vua phong chức Thống xuất ngũ quân đề đốc.

Sau hai tháng ở đồn Phó Toóng, vua truyền các quan hộ giá lên Cao Bằng, vào nhờ chùa Bảo Lạc”.

Tạp chí *Tri Tân*, số 16, ra ngày 26-9-1941, có bài *Tại sao lại gọi là núi Cai Kinh*, (thuộc Bắc Giang), tác giả Nhật Nham, có nội dung tương tự như đã viết trong “*Bắc Giang địa chí*” kể trên.

Về sự kiện này, chi tiết “vua Hàm Nghi đến đồn Phó Toóng” thì đó là điều không thể, vì chính sử đã ghi Hàm Nghi chưa vượt quá Quảng Bình. Nhưng ta biết: Tôn Thất Thuyết sau khi giúp vua Hàm Nghi xây dựng căn cứ lãnh đạo phong trào kháng Pháp, nhận thấy tương quan lực lượng quá chênh lệch, vào tháng 2 năm 1886, Tôn Thất Thuyết đã để cho hai con trai là Tôn Thất Thiệp và Tôn Thất Đạm tiếp tục phò tá Hàm Nghi chống Pháp, còn mình cùng với Trần Xuân Soạn và Nguyễn Khắc Kiều tìm đường cầu viện, đã vượt Hà Tĩnh rồi ra Bắc Kỳ. Ông từng dừng chân tại một số căn cứ chống Pháp bàn kế hoạch phát triển phong trào. Sau đó ông tiếp tục lên đường đi Trung Quốc thực hiện chủ trương cầu viện nhà Thanh giúp Việt Nam đánh Pháp. Tôn Thất Thuyết đã từng làm quan Tuần phủ Bắc Ninh, rất quen biết Hoàng Đình Kinh từ khi ông đang làm Cai tổng, Tri huyện Hữu Lũng. Vì vậy việc ông lấy danh nghĩa phò vua Hàm Nghi đến đồn Phó Toóng của Cai Kinh, dừng chân tại đây tìm hiểu tình hình là điều rất có thể.

Về hai trận đánh này, nhóm nghiên cứu chúng tôi đã điền dã thu thập tư liệu thực tế. Địa danh “Suối Dọc” theo bài báo viết thì trên địa bàn huyện Hữu Lũng không có địa danh này, nhưng có địa danh “Suối Ngang” (nay thuộc xã Hòa Thắng) đúng như vị trí, địa hình bài báo mô tả (“thuộc địa phận tổng Chi Quan; suối này cạn thành một con đường độc đạo ở giữa hai bên rừng rậm núi cao”). Có thể tác giả đã chuyển tên “Suối Ngang” thành “Suối Dọc”. Còn trận “đánh 5.000 quân Pháp từ đường Bồ Hạ kéo đến bị chặn trên bờ sông Róng thuộc xã Khôn Lâu” thì từ lâu nhân dân vùng Hữu Lũng đã lưu truyền câu chuyện nghĩa quân Cai Kinh chặn dòng sông Rong, khi địch qua thác Bèn (thuộc địa phận xã Khôn Lâu, nay là xã Đồng Tân giáp ranh với xã Nhật Tiến) rồi đánh giặc. Câu chuyện đó được ông Nguyễn Văn Nội, cán bộ phòng Văn hóa huyện Hữu Lũng sưu tầm trong dân, kể lại (1978), tác giả Nguyễn Quang Huynh đã ghi lại thành truyện “*Thủy thần xung trận*” in

trong tập “*Mũi tên thần*”<sup>76</sup> Cả hai trận đánh này, người chỉ huy (Thống Luận) là một viên tướng của nghĩa quân Cai Kinh, đã biết lợi dụng điều kiện tự nhiên (rừng rậm, núi cao, đường độc đạo và sông nước) để đánh địch đông hơn gấp nhiều lần mà vẫn thắng trận vẻ vang.

#### 8. Một số trận đánh được ghi trong *Địa chí Lạng Sơn*

Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh chống Pháp xâm lược đã được cuốn “*Địa chí Lạng Sơn*” nêu trong phần “Nhân dân Lạng Sơn chống Pháp xâm lược”. Người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh đã được xếp vào hàng “Những nhân vật lịch sử ở Lạng Sơn”, sánh vai với các nhân vật anh hùng trong lịch sử của Lạng Sơn.

Về một số trận đánh của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh, “*Địa chí Lạng Sơn*”, nêu rõ:

- Ngày 31-5-1886, trên con đường huyết mạch Lạng Sơn – phủ Lạng Thương (Bắc Giang), do nghĩa quân Cai Kinh làm chủ, dưới sự chỉ huy của Hoàng Thái Nhân tiến đánh đồn Than Muội ở Chi Lăng tiêu diệt một số lớn quân Pháp rồi rút lui an toàn.

- Tháng 5-1886, quân dân ta phục kích đoàn vận tải của quân Pháp trên đường Đồng Đăng đi Na Sầm, diệt nhiều tên xâm lược tại Tà Lại, Pác Luồng.

- Tháng 7-1886, tại hai căn cứ ở Pò Cọc Mu ở núi Mẫu Sơn (Cao Lộc) và ở núi Khau Khú (Thoát Lãng) của nghĩa quân, đại tá Servière nhiều lần xua lính đến vây quét, nhưng đều bị đánh bật ra ngoài.

- Tháng 12-1887, Pháp tập trung binh lực điều từ Lạng Sơn, Thất Khê, Thái Nguyên, Bắc Giang về vây bủa bốn mặt, kiên quyết tiêu diệt lực lượng kháng chiến của quân dân ta. Tên đại tá Duy-gi-en (Alphonse Dugenne) nổi tiếng tàn bạo, gian ác đã bị một toán nghĩa quân Cai Kinh do thủ lĩnh Hoàng Quế Thọ Chỉ huy, bắn chết tại đèo Keng Dàn, xã Trấn Yên, châu Bắc Sơn.

---

<sup>76</sup> Nguyễn Quang Huynh, *Mũi tên thần*, (giai thoại, truyền thuyết về nghĩa quân Hoàng Đình Kinh) (tr. 99-120)



Các khu căn cứ của Cai Kinh ở vùng núi Bắc Sơn, ở Khau Khú châu Thoát Lãng, Pò Coọc Mu ở huyện Cao Lộc là những nơi có phong trào chống Pháp mạnh nhất trong thời kỳ này.

- Vào đầu năm 1888, trong một chuyến đi lên biên giới Việt – Trung để liên lạc với các căn cứ địa của nghĩa quân và để bắt liên lạc với cụ Tôn Thất Thuyết đang hoạt động ở đây, Hoàng Đình Kinh bị địch phục kích bất ngờ, bắt đưa về Lạng Sơn và đên xử tử ngày 6-7-1888. Nhân dân ta vô cùng thương tiếc và kính phục nhà yêu nước kiên cường chống Pháp này, đã lấy tên ông đặt cho một dãy núi đá vôi vùng Chi Lăng – Ôn Châu là núi Cai Kinh hùng vĩ của xứ Lạng.

Cai Kinh tuy bị sát hại, nhưng cho đến những năm sau, thực dân Pháp vẫn thú nhận rằng: “Con đường đi Lạng Sơn trên Kép không an toàn chút nào cả”, “vì nghĩa quân Cai Kinh dưới quyền chỉ huy của thủ lĩnh Hoàng Thái Nhân vẫn tiếp tục đánh phá mạnh”. Quân Pháp phải rải ra hàng ngàn quân để bảo vệ tuyến đường từ phủ Lạng Thương đi Lạng Sơn.

Ngày 7-2-1892, hơn 200 nghĩa quân lại tấn công đồn Chi Lăng gần ga Than Muội, xã Quang Lang, Ôn Châu gây cho địch nhiều tổn thất.

- Tháng 9-1892, nghĩa quân lại tổ chức phục kích đoàn xe vận tải của địch trên con đường từ Lạng Sơn đi Thất Khê, cắt đứt đoạn đường Đèo Khách. Quân Pháp đóng trong thành Lạng Sơn phải xin viện binh từ Hà Nội lên đàn áp.

Cũng trong tháng 9-1892, hơn 1.500 nghĩa quân lại tiến vào vây hãm đồn Thất Khê, chiếm các cao điểm ở vùng này, đánh nhau quyết liệt với quân Pháp trong 9 ngày, giành thắng lợi lớn. Đến ngày 14-9, binh đoàn Servière mới lên giải vây cho đồn Thất Khê được. Giữa lúc đó, quân ta lại tiến đánh phố Bình Gia, tập kích các đoàn vận tải của địch trên sông Kỳ Cùng, rồi lại đánh vào đồn Than Muội, đồn Suối Ghènh, v.v...

Tại vùng núi Cai Kinh lúc này, như địch nhận định: “tình hình thật là xấu”, vì nghĩa quân vẫn tiếp tục tìm cách đánh giết địch, bắt sống một số chủ thầu khoán làm đường xe lửa như Roty, Piganiol, Bouyer, Humber Droz đưa lên núi thủ tiêu.

Các binh đoàn của Servièrè, Barre và Chapalet tiến vào vùng núi Cai Kinh đều bị thất bại. Cuối cùng vào tháng 1-1894, lần này do Gallièni chỉ huy một cuộc hành quân lớn tiếp tục bủa vây càn quét vùng núi này, gồm 3 binh đoàn:

- Binh đoàn Famier có 500 quân và 1 đại bác.
- Binh đoàn Chapelet có 600 quân và 1 đại bác.
- Binh đoàn Gallièni có 500 quân và 2 đại bác.

Pháp còn huy động thêm các đạo quân ở đồn Thất Khê, Na Sầm chặn các ngã đường tiến thoái của nghĩa quân. Cuộc tiến công của địch kéo dài 12 ngày đêm mới chiếm được căn cứ chính Lân Lắc, thủ lĩnh Hoàng Thái Nhân bị tử trận. Gallièni chiếm được vùng núi Cai Kinh, cho đó là một kỳ công cũng giống như tên Joffre tự đắc về chiến thắng ở căn cứ Ba Đình, Thanh Hóa”. [64, tr 233-234].

### *9. Một số trận đánh theo lời kể của người dân vùng Hữu Lũng*

Người dân xã Hòa Lạc, - quê hương Hoàng Đình Kinh và các xã thuộc huyện Chi Lăng, Hữu Lũng..., vùng trung tâm cuộc khởi nghĩa Cai Kinh, thường kể lại nhiều câu chuyện về các trận đánh của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh chống thực dân Pháp xâm lược, trong đó có một số trận đáng lưu ý sau:

#### *- Trận phục kích ở Chấn Ong – Đèo Phiếu*

Khi trung tâm đại bản doanh cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh chuyển vào vùng Đẳng Yên, Đẳng Sơn (nay là các xã Yên Vượng, Yên Sơn, Yên Thịnh), trận phục kích ở Chấn Ong – Đèo Phiếu là trận chặn giặc theo con đường chính vào trung tâm khu căn cứ. Chuyện kể rằng:

... Lần ấy quân Pháp huy động lực lượng đông tới vài trăm tên, được trang bị vũ khí, đạn dược đầy đủ mở trận đánh lớn theo đường Góc Me - Đèo Phiếu hòng thọc thẳng vào trung tâm khu căn cứ. Được tin mật báo, Hoàng Đình Kinh cho kiểm tra lại tất cả hệ thống cạm bẫy trong thế trận bày sẵn. Ông chỉ bố trí rất ít người phục kích, trực chiến.

Quân giặc hùng hổ tiến vào. Khi tốp đi đầu vào tới đèo Chấn Ong thì gặp một hàng rào chặn ngang làm bằng những cành gai sắc nhọn. Tên chỉ huy ra lệnh

cho lính xông vào gỡ rào. Chúng loay hoay gỡ. Những tên đi sau dòn lên ùn lại. Đúng lúc ấy, pháo lệnh nổ vang. Từ những cành cây bên đường, những sọt vôi bột, tro độc được bật tung trùm xuống đầu quân giặc. Rồi các bẫy đá từ lưng núi được bật nẩy. Những tảng đá to nhỏ thi nhau tuôn đổ xuống đầu quân giặc. Chúng tìm đường tháo lui thì bị khóa đuôi ở Đèo Phiếu, không còn đường tiến thoái. Nhiều tên bị bẫy đá làm sứt đầu, mẻ trán, gãy chân tay, kêu khóc, hoảng sợ chạy đè lên nhau, nhảy cả xuống bờ vực mà chết. Những tên sống sót bỏ chạy không dám ngoái đầu lại. Vậy là chỉ với những vũ khí thô sơ, dựa vào địa thế hiểm trở của núi rừng, các chiến sỹ nghĩa quân đã phá tan cả một cuộc tiến công của địch đông hơn mình nhiều lần, thu nhiều vũ khí đạn dược của địch...

Tương tự như vậy, người dân còn kể những trận chiến đấu không cân sức giữa lực lượng nghĩa quân với quân Pháp bảo vệ vững chắc những con đường chính vào trung tâm nghĩa quân như *Trận đèo Lừa*, *Trận Đèo Vao*...

- *Trận đánh đồn Thượng Lâm – Bá Thước*

Hoàng Đình Kinh không chỉ giỏi sử dụng vũ khí thô sơ chốt giữ bảo vệ căn cứ mà ông còn có tài trong việc tổ chức đánh tấn công vào căn cứ kiên cố của địch, (đánh công kiên). Chuyện kể rằng: Đồn Thượng Lâm ở Chũ, (huyện Lục Ngạn phủ Lạng Thương), vốn là bản doanh của Bá hộ Thước, (thường gọi Bá Thước). Sau khi Pháp mua chuộc được Bá hộ Thước, chúng đã tung tiền của, súng đạn để củng cố đồn Thượng Lâm làm cứ điểm tiến đánh nghĩa quân Hoàng Đình Kinh. Thấy rõ tác hại của đồn Thượng Lâm, Hoàng Đình Kinh bàn với các tướng lĩnh của mình hạ quyết tâm tiêu diệt cứ điểm lợi hại này.

Đồn Thượng Lâm được xây tường thành cao, dày bao bọc. Xung quanh là những lũy tre gai tạo thành hàng rào, ngoài cùng là hào sâu bao quanh. Chỉ có một con đường vào cổng chính được bố trí hỏa lực mạnh, lực lượng tiến công rất khó tiến sát cổng thành.

Sau khi điều tra tìm hiểu kỹ cách bố phòng của đồn, Hoàng Đình Kinh cho binh lính chuẩn bị vũ khí, cung tên, hỏa mù rất chu đáo. Ông cho lính đan những

chiếc bò nứa dài, to nhỏ khác nhau đem theo. Khi tới gần đồn giặc, ông cho cứ hai bò một to, một nhỏ lồng vào nhau. Giữa hai lớp bò được lèn chặt rom rạ nhào với bùn đất tạo thành những chiếc “bò lô” di động. Thế rồi cứ bốn, năm người lính đẩy lẫn một chiếc “bò lô” đi trước tạo thành lá chắn cho lính tiến theo. Tên, đạn của địch từ trong thành bắn ra như mưa nhưng không sao xuyên qua được “bò lô”. Binh sỹ ta tiến thẳng vào đến sát thành rồi lợi dụng địa hình địa vật, áp sát các lỗ châu mai, cụm hỏa lực của địch. Những quả “hỏa mù” thuốc độc được ném vào trong thành. Hỏa mù được làm bằng nhựa trám trộn với tro cây “mần đẽ” và phân hùm. Những thứ này nhào luyện đúng tỷ lệ, khi đốt, nhựa trám cháy cuộn theo khói phân hùm và khói tro cây “mần đẽ” lan tỏa, bay theo chiều gió. Người bị khói phủ vào vừa hôi, cay mắt khó chịu, ho sặc sụa, tức ngực nghẹt thở, mắt lờ đờ, chân tay rã rời không còn chiến đấu được. Khi đó những nghĩa binh thiện chiến bắc thang, leo tường, phá công thành. Mỗi người đã được chuẩn bị sẵn những khăn tẩm thuốc giải độc, bịt mồm, mũi xông vào diệt địch. Quân giặc bị bắn, bị chém giết, bị ngấm thuốc độc co rúm giẫy giụa, hoảng sợ lũ lượt kéo nhau ra hàng.

Vậy là, chỉ với những vũ khí thô sơ, tự tạo nhưng Hoàng Đình Kinh đã biết phát huy, tạo nên sức mạnh chiến đấu giữ vững căn cứ địa cuộc khởi nghĩa, và đánh thắng cả những căn cứ kiên cố của địch.

## **2.2. Một số cánh quân của nghĩa quân**

Khi Hoàng Đình Kinh dựng cờ khởi nghĩa đánh phủ và chống Pháp, nghĩa quân đã thu hút, tập hợp được khá nhiều anh hùng, hào kiệt quanh vùng tham gia nghĩa quân. Ngoài số nghĩa binh và tướng lĩnh chỉ huy tham gia nghĩa quân dưới sự lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp của Hoàng Đình Kinh, nghĩa quân còn có một số cánh quân hoạt động ở các vùng, các địa phương dưới sự chỉ huy trực tiếp của những tướng lĩnh, chỉ huy tiêu biểu khác. Đến nay, chúng ta vẫn còn thiếu những tư liệu nói về các cánh quân, các chỉ huy tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh,

nhưng qua một số tư liệu đã thu thập được, ta có thể khẳng định một số cánh quân và tướng lĩnh chỉ huy tiêu biểu như sau:

### 1. Cánh quân ở Bảo Lộc (Bắc Giang)

Trong cuốn *Lịch sử quân sự Đông Dương*, cuốn sách do tập thể các sĩ quan tham mưu Pháp từng trực tiếp tham gia các chiến dịch đánh chiếm Đông Dương và Việt Nam biên soạn, đã phải ghi lại riêng trận đánh của Cai Bình, là “cánh tay phải của Cai Kinh” dũng cảm chống lại toán quân của trung tá Gô-đa (Gordard) ngày 26 tháng 12 năm 1885. Tài liệu cho biết: Cai Bình lập căn cứ ở làng Bảo Lộc – Lạng Giang thuộc địa hạt phủ Lạng Thương, quân số có gần 1.000 người, trong đó có nhiều tay súng giỏi. Ngày 26-12-1885, quân Pháp do Trung tá Gô-đa chỉ huy tiến đánh Bảo Lộc. Nghĩa quân đã tổ chức tấn công lại địch, tiến đánh vào Kép, uy hiếp phủ Lạng Thương, gây nhiều thiệt hại cho địch rồi tản ra các nơi bảo toàn lực lượng, tiếp tục kháng chiến. Quân Pháp buộc phải rút lui.

Chúng tôi đã về Bắc Giang, tìm hiểu về Cai Bình ở “làng Bảo Lộc” (nay là huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang). Tuy nhiên các cán bộ chuyên môn, các nhà nghiên cứu địa phương đều không xác định được Cai Bình, và cho biết, thời kỳ đó ở Bảo Lộc (Lạng Giang) chỉ có nhân vật Cai Biều – Tổng Bưởi là đánh Pháp nổi tiếng. Vậy có phải do phiên âm giữa tiếng Pháp và tiếng Việt bị biến âm mà thành?.

Theo tác giả Nguyễn Xuân Cần trong tác phẩm “*Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh (1882-1888)*” (2021) cho biết: Ngày 15-3-1884, trung tướng Mi-ô (Charles Millot) - Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Bắc Kỳ, cử tướng Nê-gri-ê (Négrier) đem 5000 quân đánh chiếm phủ Lạng Thương, Kép rồi hướng thẳng lên Lạng Sơn. Khi chúng tiến quân đến Kép đã bị nghĩa quân do Cai Biều – Tổng Bưởi chỉ huy, chặn lại làng Yên Sơn (Vôi) lúc 9 giờ sáng. Hai bên giao chiến kịch liệt đến tận 12 giờ rưỡi. Chiều tối hôm đó, quân Pháp chiếm được Kép, thu được nhiều thóc gạo, bị nghĩa quân vây ép, tướng Nê-gri-ê (Négrier) phải cho quân giải tỏa, bị chặn lại ở Vi Liệt, Nghĩa Liệt. Ngày 19-3-1884, quân Pháp lui về Bắc Ninh.

Đến tháng 10-1884, tướng Brie-đơ-Lin (Brière de l' Isle) thay tướng Mi-ô (Charles Millot) làm Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Bắc Kỳ, lại cử Nê-gri-ê đem quân lên Kép và Chũ với lực lượng 3 binh đoàn nhằm đánh chiếm Lạng Sơn. Ngày 5-10, quân Pháp tới Kép. Mọi cầu cống trên đường đi đều bị nghĩa quân Cai Biều, Tổng Bưởi phá sập. Nghĩa quân đã chặn đánh quân Pháp rất dữ dội trong ngày 7-10, khiến chúng phải co cụm lại tại Kép...

Từ tháng 12-1885, khi Bá Phúc, Đề Thám có mặt trong cuộc khởi nghĩa Yên Thế, Cai Biều – Tổng Bưởi đã sát nhập chung với phong trào đó và vẫn hoạt động ở vùng Bảo Lộc, giữ mối liên hệ giữa cuộc khởi nghĩa Yên Thế với cuộc khởi nghĩa Cai Kinh ở Hữu Lũng và với cuộc khởi nghĩa Lưu Kỳ - Hoàng Thái Nhân ở vùng Lục Ngạn...” [15, tr. 44-46].

## *2. Cánh quân ở huyện Bắc Sơn*

Cánh quân ở vùng Bắc Sơn do Hoàng Thái Nhân và Hoàng Thái Nam (đều quê huyện Bắc Sơn) chỉ huy. Từ những năm 1878 - 1883, Hoàng Thái Nhân cùng với Hoàng Thái Nam đã vận động và tổ chức nhân dân vùng Bắc Sơn - Thái Nguyên đứng lên đánh phủ bảo vệ quê hương. Năm 1882, khi Hoàng Đình Kinh phát cờ khởi nghĩa, Hoàng Thái Nhân, Hoàng Thái Nam đã đầu quân tham gia cuộc khởi nghĩa. Được sự phân công của Hoàng Đình Kinh, Hoàng Thái Nhân, Hoàng Thái Nam đã chỉ huy nhân dân địa phương xây dựng căn cứ, chặn đánh Pháp ở vùng Bắc Sơn, Thái Nguyên.

Căn cứ chống giặc của cánh quân Bắc Sơn tại địa điểm Lân Lắc, thuộc thôn Nội Hòa trải dài đến thôn Trí Yên của xã Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn. Đây là một thung lũng rộng lớn, xung quanh bao bọc bởi dãy núi đá vôi. Vì vậy, Lân Lắc hoàn toàn tách biệt với địa hình bên ngoài. Từ đây sau khi vượt qua dãy núi bao quanh Lân Lắc có thể đi đến các xã xung quanh là Bắc Sơn (phía Bắc), Chiêu Vũ (phía Nam), Hưng Vũ (phía Đông) và Hữu Vĩnh, thị trấn Bắc Sơn (phía Tây). Đường

chính vào Lân Lắc phải đi qua hang Thẩm Mêng, hang này thông từ thôn Nội Hòa sang Lân Lắc với chiều dài khoảng 800m.

Lân Lắc là nơi ghi dấu những hoạt động của cánh quân Bắc Sơn thuộc nghĩa quân Hoàng Đình Kinh trong quá trình đánh Phi và chống Pháp xâm lược trên địa bàn huyện Bắc Sơn từ những năm 1883 đến cuối những năm 1890. *Địa chí Lạng Sơn* ghi: “Ngày 31-5-1886, trên con đường huyết mạch Lạng Sơn – Phủ Lạng Thương, Bắc Giang do nghĩa quân Hoàng Đình Kinh làm chủ, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Hoàng Thái Nhân đã tiến đánh đồn Than Muội ở Chi Lăng, tiêu diệt một số lớn quân Pháp rồi rút lui an toàn”. [64, tr. 234].

Nhận thấy sự hoạt động của nghĩa quân Cai Kinh tại vùng Bắc Sơn, ngày càng mạnh mẽ, quân Pháp đã nhiều lần tổ chức tấn công vào khu căn cứ nghĩa quân ở Lân Lắc nhưng đều bị nghĩa quân đánh lui. Diễn hình là trận đánh cuối tháng 12-1887, quân Pháp dưới sự chỉ huy của tên quan năm (đại tá) *Đuy-gi-en* (Alphonse Dugenne) theo đường Vũ Lăng, Mỏ Nhài (châu Bắc Sơn) tiến vào khu căn cứ Lân Lắc. Dưới sự chỉ huy của Hoàng Thái Nhân và Hoàng Thái Nam, nghĩa quân đã anh dũng chiến đấu đánh trả quân Pháp quyết liệt. Trận này, quân Pháp bị tổn thất khá lớn: nhiều tên bị tiêu diệt, trong đó có tên đại tá *Đuy-gi-en* hung ác từng gây nhiều nợ máu.

Sau khi Hoàng Đình Kinh bị sát hại, cuộc khởi nghĩa bị tan rã, nhưng cánh quân Bắc Sơn dưới sự chỉ huy của Hoàng Thái Nhân, Hoàng Thái Nam vẫn kiên cường chiến đấu. Một số nghĩa quân chạy về theo cánh quân Bắc Sơn tiếp tục chống Pháp. Theo bài viết “*Tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa Cai Kinh*” của tác giả Dương Thành Chức – nguyên Trưởng phòng Bảo tồn – Bảo tàng Sở VH TT Lạng Sơn viết: “Năm 1890, thực dân Pháp khởi công xây dựng đường xe lửa Phủ Lạng Thương – Lạng Sơn. Bọn Pháp rất sợ công nhân người Việt. Những năm đầu chúng chỉ dùng công nhân nước ngoài, chủ yếu là công nhân người Trung Quốc. Mãi sau chúng mới dám dùng công nhân người bản xứ. Trên công trường làm đường

thường xuyên có khoảng 600 người. Công nhân bị bọn thầu khoán, bọn cai phu đánh đập tàn nhẫn, lại bị đói, rét, bệnh tật, chết vô số. Mặt khác bị nghĩa quân của ta tập kích liên miên, gây trở ngại lớn cho địch. Ngay số những công nhân làm đường xe lửa cũng nổi dậy chống đối chúng một cách quyết liệt hoặc đồng lòng bỏ trốn có khi hàng chục, hàng trăm người cùng một lúc. Nhiều tên thầu khoán bị công nhân bắt cóc. Năm 1892, tên thầu khoán Lê-vin bị công nhân bắt đưa lên núi. Tên quan năm Bô-nô áp tải một đoàn xe vận tải và đoàn phu vận chuyên vũ khí bị nghĩa quân phục kích ở gần Bắc Lệ. Ngay loạt súng đầu tiên, toán quân đi tiên phong và tên Bôn-nô đã bị tiêu diệt. Rồi tên thầu khoán Bu-ê cũng bị bắt cóc, tên thầu khoán Phơ-rét lại bị mất tích. Sau này, những tên thầu khoán như Set-nay, Lô-ghi-ông cũng bị nghĩa quân bắt sống mang đi. Đó là chưa kể những chủ sự nhà ga, trạm bưu điện cũng chung số phận. Sang năm 1893, những tên thầu khoán Rô-ty, Pi-ga-ni-ông, Hum-bi-e, Dơ-rốp lại bị nghĩa quân bắt đưa về khu căn cứ. Địch phải điều về đây 2 trung đoàn bộ binh để bảo vệ đoạn đường này...”

Trước những hoạt động chống Pháp mạnh mẽ của cánh quân Bắc Sơn, năm 1894, địch mở cuộc hành quân càn quét đại quy mô để đánh vào vùng căn cứ, mà trung tâm là Lân Lắc, do tên Gam-li-ê-mi (Gamliémi) chỉ huy. Chúng tập trung tới 3 binh đoàn bộ binh, có cả pháo binh hiệp đồng tác chiến. Binh đoàn thứ nhất do tên Fa-min chỉ huy có 500 tay súng và 1 khẩu đại bác; Binh đoàn thứ 2 do tên Sa-fơ-lê có 600 tay súng và 1 đại bác; Binh đoàn thứ 3 do đích thân Gam-li-ê-mi trực tiếp chỉ huy, có 500 tay súng và 2 đại bác. Ngoài ra địch còn điều động một đạo quân nữa từ đồn Thất Khê và đồn Na Sầm vào chốt giữ ở phố Bình Gia để chặn đường quân ta rút lên vùng căn cứ, lên biên giới Việt – Trung, và cũng là để phòng lực lượng nghĩa quân ở khu căn cứ Pò Cọc Mu và Khau Khú đến chi viện. Cuộc vây quét, đánh phá của địch kéo dài suốt 12 ngày đêm. Hai bên chiến đấu giằng co rất ác liệt. Một số tướng sĩ của nghĩa quân đã anh dũng hy sinh. Tướng Hoàng Thái Nhân bị tử trận. Cuối cùng địch phá tan được khu căn cứ kháng pháp ở Bắc Sơn.



Tên Gam-li-ê- ni tự đắc coi đó là “một kỳ công quân sự của hần ở Bắc Kỳ”. [17, tr. 25]

Cánh quân Bắc Sơn của nghĩa quân Cai Kinh bị tan rã nhưng truyền thống yêu nước, kiên cường chống Pháp của nghĩa quân vẫn tỏa sáng. Căn cứ Lân Lắc trở thành một địa điểm quan trọng của khởi nghĩa Bắc Sơn sau này.

### *3. Cánh quân ở huyện Bình Gia*

Sách *Địa chí Lạng Sơn* ghi: “Tháng 12/1887, Pháp tập trung binh lực điều từ Lạng Sơn, Thất Khê, Thái Nguyên, Bắc Giang về bao vây bốn mặt quyết tâm tiêu diệt lực lượng kháng chiến của quân dân ta. Tên đại tá Đuy-gi-en (Dugègne) nổi tiếng tàn bạo gian ác đã bị một toán quân do thủ lĩnh Hoàng Quế Thọ chỉ huy bắn chết tại đèo Keng Dàn, xã Trấn Yên, châu Bắc Sơn” [64, tr. 234].

Một số tài liệu viết về lịch sử chống Pháp của huyện Bình Gia cũng đều nói đến vai trò của Cai tổng Hoàng Quế Thọ. Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu điền dã huyện Bình Gia, được gặp các hậu duệ của cụ Hoàng Quế Thọ và cán bộ phòng Văn Hóa huyện Bình Gia tìm hiểu, được biết: Cai tổng Hoàng Quế Thọ có nhiều công trạng trong việc tổ chức nhân dân chống Phi. Tại đây, ông đã xây dựng khu căn cứ hang Thảm Khoách nổi tiếng trong việc chống Phi bảo vệ cuộc sống của nhân dân quê hương. Sau khi Hoàng Đình Kinh dựng cờ khởi nghĩa chống Pháp, tháng 8 năm Quý Mùi (1883), Hoàng Quế Thọ đã dẫn 500 quân tiến về Hữu Lũng, gia nhập nghĩa quân Hoàng Đình Kinh tham gia chiến đấu. Hoàng Quế Thọ trở thành một chỉ huy tài giỏi, phối hợp với Hoàng Đình Kinh đánh phi, chống Pháp trong những năm 1883-1884. Trong một trận đánh Pháp ở vùng Phố Vị, Cầu Sơn (Hữu Lũng) vào cuối năm 1884, đầu 1885, Hoàng Quế Thọ đã anh dũng hy sinh. Hiện nay tại thị trấn Bình Gia, quê hương ông, con cháu đã xây dựng một ngôi “mộ gió” của ông để tưởng niệm. Vì vậy, việc vùng Bình Gia có một lực lượng chống Pháp thời kỳ từ những năm sau 1883 đến cuối những năm 90 của thế kỷ XIX, cần được tìm hiểu, nghiên cứu tiếp về người chỉ huy lực lượng kháng chiến ở đây .

### *4. Cánh quân vùng các huyện Thoát Lãng, Cao Lộc*

Trong những căn cứ chống Pháp của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh, có căn cứ Khau Khú ở huyện Thoát Lãng (nay là Văn Lãng) và Pò Coọc Mu ở xã Mẫu Sơn (nay thuộc xã Xuất Lễ) huyện Cao Lộc.

Sách *Địa chí Lạng Sơn* viết: “Các khu căn cứ của Cai Kinh ở vùng núi Bắc Sơn, ở Khau Khú châu Thoát Lãng, Pò Coọc Mu ở huyện Cao Lộc là những nơi có phong trào chống Pháp mạnh nhất trong thời kỳ này.

- Tháng 5-1886, quân dân ta phục kích đoàn vận tải của quân Pháp trên đường Đồng Đăng đi Na Sầm, diệt nhiều tên xâm lược tại Tà Lại, Pác Luông.

- Tháng 7-1886, tại hai căn cứ Pò Coọc Mu ở Mẫu Sơn (Cao Lộc) và ở núi Khau Khú (Thoát Lãng) của nghĩa quân, đại tá Séc-vi-ê (Servière) nhiều lần xua lính đến vây quét, nhưng đều bị đánh bật ra ngoài.

Căn cứ Pò Coọc Mu còn là địa điểm giao lưu, mua bán, tập kết vũ khí, đạn dược rất quan trọng của nghĩa quân Cai Kinh với các thương nhân Trung Quốc để cung cấp cho nghĩa quân và các phong trào đánh Pháp khác ở các tỉnh dưới xuôi”.

Về những vị chỉ huy của cánh quân vùng Văn Lãng, Cao Lộc, hiện nay chúng tôi cũng còn thiếu những tư liệu thông tin.

### **2.3. Những tướng lĩnh, chỉ huy tiêu biểu của nghĩa quân**

Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đánh phi, chống Pháp kéo dài trong thời gian đến 6, 7 năm và lập được nhiều chiến công vang dội. Để có được những thắng lợi như vậy, ngoài vai trò của người thủ lĩnh đứng đầu cuộc khởi nghĩa là Hoàng Đình Kinh còn có sự đóng góp to lớn của đội ngũ tướng lĩnh, chỉ huy các cấp của nghĩa quân. Hiện nay chúng ta còn rất thiếu những tư liệu, thông tin nói về đội ngũ tướng lĩnh, chỉ huy của nghĩa quân. Tuy nhiên trên cơ sở những tư liệu hiện có và qua những câu chuyện lưu truyền trong nhân dân, chúng ta có thể biết một số tướng lĩnh, chỉ huy tiêu biểu như sau:

Tại khối tài liệu *Nha kinh lược Bắc kỳ*, tờ tư trình của Thị lang lãnh Lạng Bình Tuần phủ họ Vi (Vi Văn Lý), ngày 19 tháng 5 năm Đồng Khánh 3 (1888) và

tờ bầm của Đại Nam quan nha gửi quan Thống sứ Bắc Kỳ, ngày 20 tháng 5 là, cho biết: khi quân làm phản đánh vào sào huyệt Hoàng Đình Kinh, (có sự hỗ trợ tăng viện của quan tỉnh Lạng Sơn), bọn này đã bắt và giết 5 vị chỉ huy (đầu mục) của nghĩa quân, đó là: Lãnh binh Nguyễn Văn Kế, Phó lãnh Ma Văn Cẩm, Cao biện quân vụ Nguyễn Liên Bộ, Bang biện quân vụ Hoàng Văn Khâm, và Bang biện ngũ doanh Đồng Cá Dị. Đây là những chỉ huy nghĩa quân trung thành, có mặt bên cạnh Hoàng Đình Kinh trong giờ phút nghĩa quân có biến.

- Tham luận “*Bước đầu tìm hiểu về thân thế sự nghiệp thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh trên đất Hữu Lũng, Bắc Giang, cuối thế kỷ XIX*” của Trần Văn Lạng<sup>77</sup>, tại hội thảo về Hoàng Đình Kinh (tháng 4-2013) viết: Từ năm 1882 đến năm 1884, Hoàng Đình Kinh đã có một số tướng lĩnh biết tên được là: Hoàng Đình Hai (Cai Hai – em Cai Kinh), Bành Văn Chén, Đề Côn, Thân Đức Luận (Thống Luận) Thân Văn Phúc (Bá Phúc), Hoàng Hoa Thám (Đề Thám), Hoàng Văn Cảnh, Hoàng Điền Án, (con Bá San – thư ký của Cai Kinh), Nguyễn Văn An, Dương Văn Sur... Những người này sau về với nghĩa quân Yên Thế đều là các tướng lĩnh cự phách cả [50, tr. 108].

Tham luận *Một số vị chỉ huy nổi tiếng của nghĩa quân Cai Kinh* của Hoàng Văn Páo<sup>78</sup> ngoài những người đã có tên trên, tác giả còn cho biết thêm: Cai Bình (Chỉ huy cánh quân Bảo Lộc, phủ Lạng Thương – nay là Lạng Giang, Bắc Giang), Nông Bản Xuân (quê Chi Lăng), Hoàng Văn Thanh (quê xã Đăng Sơn – nay là xã Yên Sơn), Hoàng Quế Thọ (quê huyện Bình Gia), Hoàng Thái Nhân, Hoàng Thái Nam (đều quê huyện Bắc Sơn, chỉ huy cánh quân Bắc Sơn), Thừa Khoát (quê xã Đăng Yên – nay là xã Yên Thịnh), Cai Hào (quê huyện Ôn Châu – nay là Chi Lăng).

---

<sup>77</sup> Trần Văn Lạng, Giám đốc Bảo tàng tỉnh Bắc Giang

<sup>78</sup> TS. Hoàng Văn Páo, Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội KH&KT, nguyên Giám đốc Sở VH-TT&DL Lạng Sơn.

Đó là một số gương mặt, tên tuổi những vị chỉ huy, tướng lĩnh của nghĩa quân mà chúng ta biết được, đã sát cánh cùng thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh và các nghĩa dũng lập nên những chiến công vẻ vang trong sự nghiệp diệt phi và chống Pháp cuối thế kỷ XIX.

Tuy nhiên, trong đội ngũ chỉ huy, tướng lĩnh ấy, bên cạnh đa số những người trung thành, mưu trí, dũng cảm cùng Hoàng Đình Kinh chiến đấu lập công vang dội thì cũng có những người khi kẻ thù mọc nổi, mua chuộc, đã quay giáo làm phản, chống lại mục tiêu cao cả của cuộc chiến đấu, chống lại chủ tướng, gây nên những cái chết thương tâm của vợ, con, người thân Hoàng Đình Kinh cùng những tướng sĩ trung thành của ông. Cuối cùng thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh cũng bị bắt và bị giết. Đó là những tên như trong thư khấn của Đại Nam quan nha (quan Kinh lược Bắc Kỳ) gửi quan Thống sứ toàn quyền Pháp ngày 20 tháng 5 năm Đồng Khánh 3 (1888) đã viết: “*Đó thực sự là do Quản Anh cùng Đề Du, Đề Khôi quay giáo bắt, giết quân phi, thực có công trạng...*”.

### 3. HOÀNG ĐÌNH KINH HY SINH VÀ SỰ TAN RÃ CỦA NGHĨA QUÂN

#### 3.1. Xung quanh cái chết của Hoàng Đình Kinh

Lâu nay xung quanh cái chết của Hoàng Đình Kinh vẫn lưu truyền những thông tin khác nhau, còn nhiều điểm mâu thuẫn và chưa rõ ràng.

Theo Paul Munier trong *Vùng Cai Kinh, con người và non nước*, Hoàng Đình Kinh không bị đưa ra pháp trường xử tử mà bị ám sát trong ngục: “Tuy vậy, thân tàn ma dại đến thế rồi, lão tướng cướp trứ danh vẫn khiến bọn chức trách lo sợ: sợ lão trốn mất! Nếu ta tin ở huyền thoại và kỷ niệm truyền lại bởi người đương thời hồi ấy truyền cho người ngày nay, thì Cai Kinh đã bị đánh thuốc mê trong nhà ngục, để lão chẳng thể trốn được nữa, và lão vẫn mơ mơ chưa tỉnh hẳn thì, trước một tên nha môn nhà quan, và theo lệnh của tòa Thống sứ, tên đội tiên đã cho lão ngụ vĩnh viễn bằng cách chặt đầu lão bằng một lưỡi gươm, theo nghi thức.”[42]

Trong cuốn *284 anh hùng hào kiệt của Việt Nam* của tác giả Vũ Thanh Sơn có viết: “Tới đầu năm 1888, Hoàng Đình Kinh bị giặc Pháp phục kích bắt được khi ông đang trên đường tới biên giới Việt – Trung. Ngày 6 – 7 – 1888 giặc Pháp đã xử tử Cai Kinh.”

Theo *Bách khoa toàn thư*: “Năm 1887, quân Pháp liên tục mở nhiều cuộc tấn công vào trung tâm nghĩa quân. Cai Kinh bị nội gián chỉ đường liên tục bị đánh úp hao tổn nặng nề và dần dần tan rã... Giai đoạn cuối năm 1887 đầu năm 1888, Cai Kinh phải liên tục chạy trốn khỏi sự truy lùng của Pháp đến tận các làng trong vùng núi Chi Lăng – Bắc Sơn. Ông vừa tránh sự truy đuổi của địch vừa tìm cách gây dựng lại lực lượng kháng Pháp của mình. Tuy nhiên tháng 6 – 1888, tên phó lãnh binh Nam triều là Phạm Văn Khoa đem quân vây bắt được Cai Kinh ở thôn Bản Thí gần biên giới Việt – Trung và nộp cho quân Pháp. Cai Kinh bị hành quyết vào ngày 6 – 7 – 1888 theo lệnh của phó công sứ Pháp ở Lạng Sơn.”

Trần Văn Giàu, *Tổng tập* viết: “Tháng 7 – 1888, trên đường sang biên giới Việt - Trung (vì ông luôn có mối quan hệ với tướng nhà Thanh Phùng Tứ Tài) Cai Kinh bị giặc phục kích bắt được. Chúng đã xử tử ông vào ngày 6 – 7 – 1888.”

Theo Khổng Đức Thiêm – Nguyễn Xuân Cần, *Khởi nghĩa Yên Thế* viết: “Sau khi Đề Thám – Bá Phúc rời Hữu Lũng, lực lượng của Cai Kinh còn lại độ 300-400 người. Tháng 12 – 1885 Cai Bình tấn công xuống Kép uy hiếp Phủ Lạng Thương. Sau đó nghĩa quân liên tiếp tiêu diệt các đồn Chiềng (4 – 1886), Than Muội (5-1886). Năm 1887 nghĩa quân Cai Kinh đã anh dũng chống lại nhiều cuộc càn quét của giặc, gây cho chúng nhiều tổn thất. Ngày 6 – 7 – 1888 Cai Kinh anh dũng hi sinh.”

Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1945)*: “Ngày 6 tháng 7 năm 1888, Hoàng Đình Kinh (tức Cai Kinh) sa vào tay giặc Pháp và bị xử tử theo lệnh của tên Phó công sứ tỉnh Lạng Sơn.”

Như vậy, tuy có khác nhau về chi tiết nhưng nhiều tài liệu lịch sử nêu trên đều có chung thống nhất về ngày Hoàng Đình Kinh bị xử tử là 6 tháng 7 năm 1888, tức ngày 27 tháng 5 năm Mậu Tý.

Qua tìm hiểu việc này, thông qua các tư liệu sưu tầm được, kết hợp những chuyện kể trong nhân dân, được biết như sau:

- *Hoàng Đình Kinh bị nội phản*

Sau nhiều năm xây dựng căn cứ và tổ chức chiến đấu, Hoàng Đình Kinh đã gây nên nhiều tổn thất to lớn cho quân Pháp. Chúng đã nhiều lần mở các cuộc tấn công quy mô vào vùng căn cứ hòng tiêu diệt nghĩa quân nhưng đều không đem lại kết quả. Vào khoảng cuối năm 1887, theo đề xuất của quan Tuần phủ Lạng Sơn Vi Văn Lý, quân Pháp chuyển sang dùng kế mua chuộc, ly gián, cho người trà trộn vào nghĩa quân nhằm gây rối, chia rẽ nội bộ rồi tiêu diệt cuộc khởi nghĩa. Có những kẻ ham lợi lộc hoặc có tư thù với Hoàng Đình Kinh đã móc nối, cấu kết với thực dân Pháp, phản bội lại Hoàng Đình Kinh.

Trong tác phẩm *Vùng Cai Kinh, con người và non nước* của Paul Munier đã nói sự việc này như sau: “Chính khi đó, theo lời gợi ý của ông tuần phủ Lạng Sơn là Vi Văn Lý, ông tri phủ Than Muội với viên lại mục, tức chánh văn phòng của mình” đã móc nối với những người trong hàng ngũ nghĩa quân thực hiện kế hoạch. Trong gia phả của họ Vi ở Bản Chu (*Vi gia thế phả*), phần “*Lộc Phong lão nhân tự trạng*” (Vi Văn Lý tự kể công trạng) cũng nhắc tới chi tiết này như sau: “Tên Hoàng Đình Kinh ở tổng Ngột Sơn, chiếm cứ nơi hiểm trở, thường đem đồ đảng đón bên đường cái quan ở Bắc Lệ cướp xe chở quân nhu. Ta lập nhiều mưu kế, để cho trong bọn chúng ngờ vực sát hại lẫn nhau, rồi ta đem quân đến đánh úp.”

Bọn chúng đã móc nối với những kẻ phản phúc lên kế hoạch lừa dẫn Hoàng Đình Kinh ra ngoài để thừa cơ tìm cách giết hại. Cai Kinh không đi mà cử Cai Hai dẫn 13 người đi. Đêm hôm đó, Cai Hai đã bị chúng sát hại.

Cái chết của Cai Hai khiến Hoàng Đình Kinh vô cùng đau xót và tức giận. Ông ráo riết cho điều tra, truy tìm kẻ làm phản. Sự ra đi của Cai Hai khiến lòng tin

và sự thống nhất trong nghĩa quân cũng bị rạn vỡ. Lợi dụng tình hình này, những kẻ phản bội trong nghĩa quân lập tức tung tin đồn hãm hại các viên tướng trung thành của Hoàng Đình Kinh. Đề Côn là người đi theo Hoàng Đình Kinh từ những ngày đầu của cuộc khởi nghĩa, đã bao lần vào sinh ra tử, một lòng trung thành với chủ tướng của mình. Tuy nhiên, vì theo tin lời kẻ gièm pha, nghi ngờ Đề Côn là người đứng sau vụ sát hại em trai mình, Hoàng Đình Kinh đã cho sát hại ông. Đây là một quyết định sai lầm lớn của Hoàng Đình Kinh. Việc nghĩa quân liên tiếp mất đi những viên tướng giỏi và trung thành đã gây ảnh hưởng tiêu cực cho nghĩa quân. Sau này, bọn làm phản và quân Pháp vẫn tung tin rằng chính Đề Côn là người đã phản bội Hoàng Đình Kinh.

Tuy nhiên, kẻ phản phúc trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của cuộc khởi nghĩa phải là Lĩnh Thành. Lĩnh Thành tên thật là Hoàng Văn Thành, quê ở xã Đăng Sơn, huyện Hữu Lũng. Hắn đầu quân vào nghĩa quân của Cai Hai và nhanh chóng trở thành trợ thủ đắc lực cho ông, được phong làm quan Chánh lĩnh trung dinh từ khi còn rất trẻ, nên được mọi người thường gọi là “Quan Anh”. Sau khi Cai Hai chết, Lĩnh Thành được Hoàng Đình Kinh giao cho cai quản quân cơ thay Cai Hai, chốt giữ vùng cửa ngõ phía Bắc căn cứ nghĩa quân.

Là một người có tham vọng, Lĩnh Thành âm thầm thâm thuộm quyền lực vào trong tay. Hắn lại có tư tình với cô Dường là người vợ góa bụa của Cai Hai. Chuyện này đến tai Hoàng Đình Kinh khiến ông càng bức tức, định bụng sẽ trừng phạt những kẻ phản phúc để trả thù cho em trai. Ông nói chuyện này với vợ, bà vợ lại thương tình để lộ chuyện với em dâu là cô Dường. Dường lập tức báo tin này cho Lĩnh Thành. Lo sợ bị trừng phạt, hắn quyết định phản bội lại Hoàng Đình Kinh và đã gây ra cuộc làm phản đó.

Paul Munier, *Vùng Cai Kinh, con người và non nước*, đã viết: “Cai Kinh lại không giữ kín dự định của mình. Y nói với vợ, vợ vừa soen soét thề giữ kín chuyện song đã tông tót đi kể lại với cô em dâu! Được biết Cai Kinh đã biết tin về cuộc thông dâm ô nhục này, cô này đã san sẻ niềm xác tín ấy với thằng tôi tớ kia. Bị à

kích, hoặc run sợ cho tính mạng mình, hấn liền tập hợp được mấy gã bấy nay cũng chịu không nổi dưới bàn tay nghiệt ngã của Cai Kinh. Bọn mưu sĩ liền quần vải trắng quanh trán và tóc để giả làm cái mũ cát thuộc địa, ban đêm lên vào trong túp nhà Cai Kinh, với ý đồ định giết y, song lại không thấy y đâu. Con cáo già lúc đó đang lễ trời lễ đất, nghe thấy họ đến, liền chạy...”[ 42.]

Tại khối tài liệu *Nha kinh lược Bắc Kỳ*, có bản trình tấu của Vi Văn Lý đề ngày ngày 15 tháng 5 năm Đồng Khánh 3 (1888) nói về sự kiện Hoàng Đình Kinh bị làm phản như sau: “Theo lời bẩm báo của viên phủ Trường Khánh trong bản hạt là Lê Trọng Khải, thì có dũng quân đánh vào sào huyệt, chém bắt được bọn đầu sỏ và bắt sống vợ con Đình Kinh chờ áp giải. (...) Sai Ma Đình Tại giải vợ nghịch tặc Đình Kinh lên tỉnh, (...). Khi đó có hai thiếp của Đình Kinh là Đệ tứ và Đệ ngũ chạy thoát hoặc đã ẩn trốn trong rừng sâu, đã truy tìm nhưng chưa bắt được. Còn hai vợ của hấn là Nhất, Nhị hiện bị thương nặng, không thể dẫn giải đi được, cùng 5 con trai và 2 con gái tổng cộng 7 đứa đều bị bắn chết. Chỉ còn lại thiếp thứ ba bị giải về bẩm báo chờ xét xử. (...) viên Chánh tổng, Bách hộ, đầu mục cai quản các xứ Thiều Lôi tâu rằng, vào hai ngày 19 và 21 trong tháng có hơn 40 tên phi ẩn náu các nơi. Quân nha thuộc bí mật tiến vào sào huyệt bắn giết hơn mười tên, bắt sống, cắt tai vô số, cùng thu giữ súng đạn, dẫn quân phi về tâu nạp quan tỉnh. Tỉnh cho kiểm tra thấy có 12 cặp tai quân phi và 7 cây súng, nhưng đều bị hư hại không thể dùng được. Lại trình lên Công sứ đường thẩm định, cho bêu đầu tướng phi để thị uy.”

Qua đó, có thể biết trong đêm làm phản, các bà vợ của Hoàng Đình Kinh đều bị bắt sống, chỉ có hai người thiếp Đệ tứ và Đệ ngũ trốn thoát được, đang truy tìm. Hai bà Nhất và Nhị bị thương nặng; còn con của Hoàng Đình Kinh 7 người, gồm 5 trai, 2 gái đều bị bắn chết. Nhiều thân tín và nghĩa quân của Hoàng Đình Kinh cũng bị bắt và sát hại. Hoàng Đình Kinh chạy thoát.



Về phần nghĩa quân Hoàng Đình Kinh, sau khi mất đi sự lãnh đạo của chủ tướng, phần bị bắt bớ, giết hại, phần còn lại thì tan tác tìm về quê cũ hoặc phiêu bạt đi tìm chủ mới. Nghĩa quân đã nhanh chóng tan rã.

- *Về Cái chết của Hoàng Đình Kinh*

Biết Hoàng Đình Kinh đã trốn thoát, thực dân Pháp tăng cường lực lượng ráo riết tìm kiếm tung tích của ông. Một mặt chúng kiểm tra ngặt nghèo các tuyến đường liên lạc sang Trung Quốc, mặt khác chúng ra sức niêm yết, bố cáo khắp nơi, đồng thời treo thưởng rất cao, từ 200 đến 300 đồng bạc Đông Dương cho người cung cấp thông tin hoặc bắt được Hoàng Đình Kinh.

Theo *Vùng Cai Kinh, con người và non nước* của Paul Munier thuật lại, trước khi bị bắt có người bắt gặp Cai Kinh ở nhiều nơi: “Người ta gặp ông ở vùng Tri Lệ, rồi ông biến mất; người ta lại thấy dấu vết ông tại phía Bắc, gần Văn Quan. Có lẽ ông đang tìm cách vượt qua biên giới”.

Sau khi bắt được người mà bọn chúng cho là Hoàng Đình Kinh, vì vẫn còn nghi ngờ chưa tin, nên quan tuần phủ Vi Văn Lý cho gọi Lý trưởng xã Hòa Lạc là người cùng quê với Hoàng Đình Kinh lên để nhận diện. Theo dân gian truyền lại, khi được người đưa vào trại giam nhận diện, viên lý trưởng vừa nhìn đã biết ngay không phải Hoàng Đình Kinh nhưng ông vẫn gật đầu xác nhận.

Chắc chắn đã bắt đúng người, người Pháp lập tức cho xử chém Hoàng Đình Kinh. Trong khối tư liệu *Nha kinh lược Bắc Kỳ* và *Châu bản triều Nguyễn*, một số văn bản bầm báo, tấu trình còn được lưu giữ, nói tới sự kiện Hoàng Đình Kinh bị bắt và bị hành quyết như sau:

Trong bản Tục phi trình, của Thị lang lãnh Lạng Bình Tuần phủ họ Vi, ngày 25 tháng 5 năm Đồng Khánh 3 (1888), viết: “...Nay theo tin tức thăm dò ban đầu, thì quân nghịch Kinh dự tính cho thủ hạ ủy thác cho ra nước ngoài chiêu mộ bọn du côn bí mật kéo về trợ viện. Quan tỉnh lập tức sức cho quân lính chặn bắt được đa phần, lại phái dũng quân lên yếu địa ngoài biên ải để phòng bọn phi ản náu đột nhập vào. Theo tin từ hôm trước có Suất đội Nguyễn Văn Hòa và Thư lại Lưu Viết

Mậu từ ty thương thuộc tỉnh dẫn tướng văn Hoàng Văn Vĩnh, dân thôn Tháp Lỗ, xã Đăng Phong, huyện hạt Văn Quan đến nha đường bẩm báo, khen thưởng... Đến ngày 12 trong tháng y nghe được sào huyết phi tặc Đình Kinh bị đồ đảng tụ tập, đã hợp dũng quân tiến đánh. Nghịch phi Đình Kinh chạy thoát. Y lập tức tìm lục khắp đường rừng truy tìm, may sao lại gặp được nghịch Kinh, nhưng dụ về nhà khoản đãi cho ăn uống để tiện dẫn giải về tỉnh. Đình Kinh quá hiểu rõ anh em nhà này, nên đã nhờ chỉ đường sang nước Thanh trốn thoát. Sau để báo đáp, đã trả tiền cho ba vạn lượng. Thừa cơ, bọn chúng dẫn tướng nghịch Kinh đi đường vòng lên phía trước đến địa phận xã An Đề thuộc địa hạt huyện Trường Khánh ẩn náu ở nhà em hấn. Trong lúc giữ chân hấn ở lại đây, cho người lên tỉnh bẩm báo. Tỉnh lập tức mật sai Phó lãnh binh Phạm Văn Khoa đem theo biên binh đến trước chỗ y ở, bắt được bọn phi, đích thân giải lên tỉnh đợi xét xử. Hôm đó trình lên Đồng Thành công sứ đường thẩm phán. Khi đó tiếp tờ trình tội tên nghịch phi này nên đề sứ đường tự giám xét, nên đích thân đến giao cho sứ đường. Sau xét thấy việc bắt bọn phi đảng là sự thực, nên cho Hoàng Văn Vĩnh dẫn dụ bọn tù phi đưa ra xét xử.”

Tuần phủ Lạng Bình họ Vi (Vi Văn Lý) đã làm tập án (bản tuyên tội trạng) Hoàng Đình Kinh đề ngày 27 tháng 5 năm Đồng Khánh 3 (1888), viết “Lãnh Tuần phủ Lạng Bình họ Vi làm tập án. Xét phi Hoàng Đình Kinh lâu nay chiếm cứ vùng núi hiểm trở ở địa hạt Bắc Ninh, tiếp giáp với xứ Thái Nguyên, Lạng Sơn, cậy vào sức mạnh làm hại dân đã lâu... cái tội khinh nhờn phép nước mà bất tuân, coi nhẹ cái nghĩa hòa hiếu hai nước mà bất phục, lại quay lưng làm phản mà hà ngược dân nơi ấy. Nay, xét tên giặc quay lưng lại với bản quốc, chống cự với nước Pháp, đã bàn cùng với Công sứ bản tỉnh lại trình tập án này, nghĩ xin trăm quyết nghịch phi Hoàng Đình Kinh để cho đúng tội.”

Ngày 28 tháng 5 năm Đồng Khánh 3 (1888): “Thị Lang lãnh Tuần phủ Lạng Bình họ Vi làm tờ trình ... 1 giờ đêm qua nhận được Công sứ đường trình bày rõ là đã nhận được điện báo của quý Toàn quyền nói rằng nên chém nghịch ấy và làm thành tập án lập tức xử trăm Đình Kinh. Giấy đề rõ phái xuất viên binh lập tức qua

giúp thi hành án. Nhưng xét thấy, trong tờ án lệnh rằng tôi phải báo rõ tội ác của nghịch Hoàng Đình Kinh, tình tôi không biết làm như thế nào, nếu đợi quý đại thần trả lời sợ bị chậm trễ mà nghịch Kinh hiện tại do Công sứ đường giam giữ đang thúc xử trăm. Tình tôi lập tức cho Phó lãnh binh Phạm Văn Khoa đem theo binh lính tùy biện. Đến 5 giờ họp với hội đồng quý Công sứ. Tôi tới Công sứ đường đưa nghịch Hoàng Đình Kinh ra quỳ nghe tuyên thị hết tội danh. Quý quan nhân và nhân dân, quan lại tỉnh tôi cùng đến xem, liền đưa nghịch ấy tới thành thị lên pháp trường xử trăm. Việc xong, thủ cấp của tên nghịch ấy do quý sứ đường sức cho Tri phủ Trường Khánh nhận đầu về dùng răn bảo tên Đề Du, đem tới nơi bọn nghịch để bêu răn và giao yết thị gồm 26 trang cho bọn ấy đem về bản quán dán. Trong yết thị viết rằng, chiêu phủ dân xứ ấy trở về yên nghiệp còn các đảng nghịch nghe theo ra hàng sẽ miễn hết tội.”

Ngày 1 tháng 8 năm Mậu Tý, (tức ngày 24 tháng 6 ?), sau khi nhận được báo cáo từ quan Kinh lược Bắc kỳ, Thống sứ Bắc Kỳ lúc đó là Parreau đã gửi thư bày tỏ niềm vui mừng sau khi bắt được Hoàng Đình Kinh: “...thư quan lớn gửi cho tôi ngày 17 tháng 7 (tức ngày 27 tháng 5?)<sup>79</sup> nói về việc bắt tên Hoàng Đình Kinh là tướng giặc thì tôi xin cảm ơn quan lớn. Tôi cũng nghĩ việc bắt tên Hoàng Đình Kinh là việc rất lớn nên tôi cũng biết công việc quan Tổng đốc Lạng Sơn làm thật là đáng khen. Nay xin trọng kính quan lớn.”. Cũng vì lập được công lao trong việc bắt được Hoàng Đình Kinh nên Thị Lang lãnh Tuần phủ Lạng Bình lúc đó là Vi Văn Lý đã được thưởng Kim Bội Tinh.

Liên quan đến sự kiện này, cuốn *Lịch Sử quân sự Đông Dương* có ghi: “Vào tháng 6 và tháng 7 năm 1888, có một cuộc nổi dậy của dân chúng, do sự quấy nhiễu của y gây nên, Cai Kinh có sang đất Trung Hoa nhưng bị nhận ra mặt nên Cai Kinh liền bị bắt nộp cho viên phó sứ Lạng Sơn và hành hình ngày 6 – 7 – 1888”.

---

<sup>79</sup> Ngày tháng ghi trong thư này, theo bản dịch có thể có sự nhầm lẫn giữa ngày Âm lịch và Dương lịch.(Tác giả)

Theo những ghi chép trên, ta có thể xác định ngày Hoàng Đình Kinh bị đưa ra luận tội và chém đầu là khoảng 5 giờ, ngày 27 tháng 5 năm Mậu Tý (tức ngày 6 tháng 7 năm 1888). Người ra lệnh giết hại Hoàng Đình Kinh chính là viên Thống sứ Toàn quyền Bắc Kỳ.

Tuy Pháp khẳng định đã bắt và giết được Hoàng Đình Kinh, nhưng trong dân gian vẫn lưu truyền nhiều giai thoại, chuyện kể khẳng định người bị bắt và giết kia không phải Hoàng Đình Kinh mà có thể là một tên ăn mày cũng bị cắt vành tai như Hoàng Đình Kinh.

Sau khi Pháp xử chém người mà chúng cho là Hoàng Đình Kinh, đem thủ cấp về bêu ở cây gạo lũy Ngõ Thề để thị uy, có nhiều người dân đến xem. Tuy nhiên có những người đã từng thân cận, tiếp xúc với Hoàng Đình Kinh sau khi đi xem về lại khẳng định đó không phải là thủ cấp của Hoàng Đình Kinh. Lý do là bởi, thưở nhỏ sau khi Hoàng Đình Kinh bị bọn Tàu cắt cụt một vành tai, bố của ông vô cùng thương xót. Ông bèn cho Hoàng Đình Kinh xỏ lỗ tai bên còn lại để đeo khuyên vàng như một cách an ủi con trai. Thủ cấp của người bị bêu ở lũy Ngõ Thề tuy cũng bị cụt vành tai trái, nhưng tai còn lại không hề có lỗ xỏ khuyên. Bởi vậy những người đi chứng kiến cảnh bêu đầu ở lũy Ngõ Thề hôm ấy về vẫn rỉ tai nhau rằng Hoàng Đình Kinh chưa chết. Đến cả những bà vợ của Hoàng Đình Kinh cũng không ai lấy ngày người cụt tai kia bị hành hình làm ngày giỗ cho ông. Cho đến tận bây giờ, dòng họ Hoàng ở xã Hòa Lạc để tưởng nhớ Hoàng Đình Kinh cũng chỉ cúng vong ông chung vào ngày giỗ Tổ 25 tháng Chạp hàng năm.

### **3.2. Sự tan rã của nghĩa quân**

Cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh diệt Phi, chống Pháp được tính từ tháng 4-1882 và kết thúc vào thời điểm người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh bị sát hại (6-7-1888). Sách Lịch sử Hà Bắc, tập 1 (1986) viết: “Sau cái chết của người thủ lĩnh (tháng 7-1888), cuộc khởi nghĩa tan rã,, [62, tr. 184].

Tuy vậy, lực lượng nghĩa quân đã bị tan rã ngay từ đêm 11 tháng 5 năm

Đông Khánh thứ 3 (tức ngày 20-6-1888) khi quân làm phản, vào lúc canh ba đã đột nhập vào phá sào huyệt của Hoàng Đình Kinh. Tuy Hoàng Đình Kinh chạy thoát, nhưng nhiều quân lính, chỉ huy trung thành với Hoàng Đình Kinh và vợ, con ông đã bị bắt và giết hại. Ngay sau đó, theo đề nghị của quân làm phản, quan Tuần phủ và quan Công sứ Lạng Sơn đã phái viên Phó Công sứ Lạng Sơn đốc thúc 100 đầu mục và 260 quân lính, đến tiếp viện, hỗ trợ quân làm phản đánh dẹp những người trung thành với chủ tướng.

Tài liệu lưu trữ tại *Nha Kinh lược Bắc Kỳ*, tập 460 tờ số 26 là Tư trình của Tuần phủ Lạng Bình họ Vi (Vi Văn Lý) đề ngày 19 tháng 5 năm Đông Khánh 3 (1888), đã nói rõ điều này:

“...Theo lời tâu của viên phủ phủ này thì vào canh ba đêm ngày 11 trong tháng đội dũng quân đã đột nhập vào phá được sào huyệt Đình Kinh, tay chân y bị giết hại nhiều, nhà cửa bị đốt cháy hết. Duy Đình Kinh chạy thoát tại đỉnh núi cao hiểm trở, bắt Du Đề, Du Khôi là đệ tử của Kinh vây bắt, lại xin tăng viện dũng quân vào sào huyệt bắt Kinh.

Quan tỉnh lập tức đến thương nghị với Công sứ hợp đồng, phái Phó công sứ Mạc cùng viên phủ đốc thúc các Phó Chánh tổng hơn 100 đầu mục và dũng quân, tổng cộng hơn 260 lính chia ra các đường men theo vách núi tiến vào hội quân tại Lang Dường chờ lệnh. Hôm đó, quan phủ phái Bách hộ Trần Minh Tân bắt được 5 phi mục (...). Lần này phá được sào huyệt phi, có công của người xã Đăng An tên Quản Anh vốn là đồ đệ của Đình Kinh, làm phản mật báo hội hợp với các toán quân đánh bắt được 5 tên phi mục, cùng chém được hơn 40 thủ hạ Đình Kinh, bắt vợ con Đình Kinh 5 người, duy có Đình Kinh chạy thoát, còn một thầy và một trò hiện bị bắt giải quan cùng 5 bộ tai bằm trên xem xét. Còn vợ con phản nghịch quản tại chỗ Quản Anh, chờ có trát sẽ giải Công sứ đường xét xử. Lập tức sức cho viên phủ Trường Khánh thân chinh đốc thúc dũng đoàn bản hạt hiệp đồng cùng quân sai

phái trong hạt được 500 lính, tiến đến Lang Dương hội đồng cùng tên Quán Anh tìm bắt Đình Kinh”.

### ***Khái quát sự nghiệp đánh Pháp của Hoàng Đình Kinh***

Qua những tư liệu đã nêu, chúng ta có thể khái quát sự nghiệp chống Pháp của Hoàng Đình Kinh như sau:

- Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh diệt phi, chống Pháp nổ ra từ tháng 4 – 1883, ngay sau khi thực dân Pháp tiến hành đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ 2 (4-1882) và kéo dài đến tháng 7 – 1888, khi người thủ lĩnh của phong trào bị sát hại (6-7-1888 tức ngày 27-5 năm Mậu Tý).

- Cuộc khởi nghĩa nổ đã nổ ra rất kịp thời, đáp ứng yêu cầu cấp bách của đất nước và nguyện vọng chống giặc ngoại xâm của nhân dân, vì vậy phong trào đã nhanh chóng được sự hưởng ứng, tham gia của nhân dân các dân tộc trong vùng và thu hút được nhiều hào kiệt, thủ lĩnh từ khắp nơi tham gia. Phong trào đã nhanh chóng lớn mạnh, ngày càng giành được những thắng lợi to lớn trong diệt phi và chống Pháp, uy tín của người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh ngày càng nâng cao.

- Trước tình hình diễn biến phức tạp về chính trị, quân sự và ngoại giao ở trong nước và của nhà Thanh (Trung Quốc) với Pháp, nhưng thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh vẫn luôn giữ vững lập trường, kiên quyết chống giặc ngoại xâm, mưu trí, dũng cảm tổ chức lực lượng, chiến đấu chống thực dân Pháp.

- Sau nhiều năm dùng sức mạnh quân sự đàn áp cuộc khởi nghĩa không đạt kết quả, giặc Pháp đã hèn nhát lên kế hoạch mua chuộc, dụ dỗ, gây rối nội bộ nghĩa quân, tìm cách tiêu diệt người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh. Mặt khác, do những nguyên nhân chủ quan đó là cuộc chiến đấu của Hoàng Đình Kinh vẫn mang nặng tính chất địa phương, tự phát, trong khi triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng, nhà Thanh – chỗ dựa để chiến đấu đã thỏa hiệp với Pháp, nghĩa quân chỉ dừng ở những trận đánh nhỏ, cố thủ ở một vùng núi rừng nhất định, trước sự bao vây, khủng bố của địch, cuối cùng cũng bị thất bại như những cuộc khởi nghĩa khác cùng thời kỳ.

- Thời gian trực tiếp chiến đấu với quân Pháp tuy không dài (từ tháng 3-1884 đến đầu năm 1888), nhưng nghĩa quân Hoàng Đình Kinh đã lập nhiều chiến công vang dội, gây cho địch nhiều thiệt hại về người và của, đã làm chậm bước tiến của giặc trong âm mưu đánh chiếm vùng núi, biên giới Lạng Sơn nói riêng và kế hoạch đánh chiếm Bắc Kỳ, xâm lược đất nước ta nói chung và đã ảnh hưởng sâu rộng, lâu dài đến cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.

## CHƯƠNG IV: ẢNH HƯỞNG, NHẬN ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA, NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

-----

### 1. ẢNH HƯỞNG CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA TRONG PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC

Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh diễn ra thời gian tuy không dài (6, 7 năm) nhưng đã có tiếng vang lớn và ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ta trong suốt thời gian từ khi cuộc khởi nghĩa đang diễn ra, cũng như sau khi thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh bị giết hại, cuộc khởi nghĩa tan rã và kéo dài mãi đến khi phong trào chống Pháp của nhân dân ta có sự lãnh đạo của Đảng, tiến hành cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 đánh đổ chế độ thực dân phong kiến và kháng chiến chống Pháp, giải phóng miền Bắc năm 1954. Đúng như GS. Đinh Xuân Lâm đã viết: “Mặc dù cuối cùng đã thất bại, nhưng phong trào đấu tranh chống ngoại xâm do Hoàng Đình Kinh đứng đầu vẫn có ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài mãi về sau“.[34, tr. 48]

#### 1.1. Ảnh hưởng khi cuộc khởi nghĩa đang diễn ra

- Cuộc khởi nghĩa nổ ra đúng thời điểm yêu cầu của lịch sử, đã tác động mạnh mẽ đến tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta. Vì vậy nghĩa quân không những đã nhanh chóng được nhân dân các dân tộc quanh vùng hưởng ứng, gia nhập nghĩa quân, mà còn thu hút được nhiều anh hùng hào kiệt, nghĩa dũng từ các vùng xung quanh về tụ nghĩa đánh giặc. Điển hình là nhiều tướng lĩnh, chỉ huy tài giỏi từ các vùng như Bá Phúc, Đề Dương, Thống Luận,... (Yên Thế, phủ Lạng Thương); Hoàng Thái Nhân, Hoàng Thái Nam, Dương Công Bồi...(Bắc Sơn, Vũ Nhai, Thái Nguyên), Hoàng Quế Thọ, Hà Khánh Sinh, Sỹ Quý, Đồng Nhân...(Bình Gia, Thất Khê, Chi Lăng) và cả những quan lại chính quyền đương thời như Bang biện Vi Văn Lý (quan tỉnh của Lạng Sơn)... khi được tin Hoàng Đình Kinh dựng cờ khởi nghĩa đã đưa lực lượng của mình hợp cùng Hoàng Đình Kinh đánh giặc.



- Đồng bào các dân tộc địa phương nơi nổ ra cuộc khởi nghĩa đã đóng vai trò nòng cốt, lực lượng chủ yếu của nghĩa quân, dưới sự quản lý và chỉ huy trực tiếp của Hoàng Đình Kinh. Bên cạnh đó, những hào kiệt, nghĩa dũng từ các nơi thì tham gia vào các cánh quân ở các địa phương khác, dưới sự lãnh đạo, chỉ huy của thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh như: Cánh quân ở vùng Bảo Lộc (Lạng Giang, phủ Lạng Thương) do Cai Bình chỉ huy, thực dân Pháp phải thừa nhận có tới 1000 quân; Các cánh quân ở vùng Bắc Sơn, Bình Gia, và vùng Thoát Lãng, Cao Lộc đã đánh tan nhiều trận càn quét của địch và duy trì cuộc chiến đấu chống Pháp kéo dài nhiều năm sau khi thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh đã bị sát hại.

- Khi cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đang nổ ra là tấm gương sáng cho phong trào chống Pháp của các cuộc khởi nghĩa vùng xung quanh, là nơi trung chuyển, cung cấp vũ khí, đạn dược và rèn luyện, đào tạo các tướng lĩnh, chỉ huy cho các cuộc khởi nghĩa ở nhiều nơi, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Yên Thế với các tướng lĩnh chỉ huy nổi tiếng như Hoàng Hoa Thám, Bá Phúc, Hoàng Đình Điều và nhiều vị tướng lĩnh, chỉ huy khác. Mặc dù đã cố tình xuyên tạc, bóp méo, nhưng một tài liệu của Pháp cũng đã viết: “Vào năm 1885, Cai Kinh đã cùng với 2.300 người đóng gần đồn binh chúng ta ở Hữu Lũng, tại trung tâm dãy núi đá này vẫn gọi là Cai Kinh. Không giống như Lưu Kỳ - quản lý một công ty lớn có đầy đủ bộ máy – Cai Kinh chỉ là kẻ trung gian tầm thường trao đổi giữa những tên cướp ở vùng Yên Thế hoặc của vùng đồng bằng Phủ Lạng Thương với những thương nhân Trung Quốc ở Quảng Tây. Bọn này duy trì những mối liên lạc thông qua Cai Kinh với những toán quân loại hai. Những tên cướp An Nam nộp những của cải cướp được cho tên cầm đầu, tên này đổi lại cho chúng vũ khí đạn dược”<sup>80</sup>

Thực dân Pháp đã phải thừa nhận một thực tế: Khởi nghĩa Yên Thế và khởi nghĩa Cai Kinh vẫn “đoàn kết với nhau để chống lại người Pháp và lòng yêu nước

---

<sup>80</sup> - Sabrôn, *Những cuộc hành binh tại Bắc Kỳ*, (dẫn theo Khổng Đức Thiêm, Nguyễn Xuân Càn, *Khởi nghĩa Yên Thế*, tr.122).

của một vài tên giặc An Nam như Bá Phúc, Đề Thám... chẳng mấy chốc mà bộc lộ thành một ý chí đơn giản là độc lập tuyệt đối”<sup>81</sup>

Không những thế, Giáo sư, Thượng tướng Hoàng Minh Thảo, nhà quân sự, nhà sử học, đã viết: “Có ý kiến cho rằng phong trào nông dân Yên Thế chia làm hai giai đoạn: *Giai đoạn thứ nhất*: từ 1887 đến 1891 do ông Đề Năm, Bá Phúc, Hoàng Đình Kinh, Đề Công, Đề Dương lãnh đạo. *Giai đoạn thứ hai*: từ 1892 đến 1913 do Đề Thám – người có tên tuổi nổi nhất trong số những lãnh tụ của khởi nghĩa Yên Thế lãnh đạo”. [55, tr. 24] và “Thủ lĩnh quân sự Hoàng Đình Kinh chỉ tham gia trực tiếp với phong trào nông dân Yên Thế trong một thời gian rất ngắn (...) Mặc dầu vậy, với công lao gây dựng, đặt nền móng cho phong trào buổi ban đầu, phải chăng Cai Kinh cũng cần được coi là một trong những linh hồn chủ chốt của cuộc kháng chiến. Ngoài vai trò nói trên, Cai Kinh còn là người trực tiếp bồi dưỡng, đào tạo nên những thủ lĩnh kế cận (...) Tiêu biểu cho những thủ lĩnh quân sự được Cai Kinh “điều dặt” là Hoàng Hoa Thám” và “xem xét vai trò của Hoàng Hoa Thám, không thể bỏ qua việc đánh giá những thủ lĩnh đầu tiên của phong trào, trong đó có Hoàng Đình Kinh”[55, tr. 25, 26]

## 1.2. Ảnh hưởng khi cuộc khởi nghĩa đã kết thúc

Sau khi người thủ lĩnh của phong trào đã bị địch giết hại, nghĩa quân tan rã, các cánh quân khác của nghĩa quân vẫn tiếp tục chiến đấu chống Pháp, như:

- Cánh quân của Cai Bình ở vùng Bảo Lộc gia nhập vào nghĩa quân Yên Thế, tiếp tục đánh giặc.

- Cánh quân vùng Bắc Sơn do Hoàng Thái Nhân, Hoàng Thái Nam chỉ huy đã giữ vững căn cứ trong nhiều năm sau và tiếp tục giáng cho địch những đòn thất bại nặng nề.

---

<sup>81</sup> Lịch sử quân sự Đông Dương (dẫn theo Khổng Đức Thiêm, Nguyễn Xuân Càn, *Khởi nghĩa Yên Thế*, tr.131).

- Cánh quân vùng các huyện Thoát Lãng, Văn Uyên, Cao Lộc... tiếp tục chiến đấu lập nhiều chiến công trên đường Lạng Sơn đi Đồng Đăng, Thoát Lãng, đường số 4 B và vùng Ba Sơn, Mẫu Sơn, v.v...

- Với cuộc khởi nghĩa Yên Thế, sự hy sinh của Hoàng Đình Kinh càng làm tăng lòng căm thù giặc và ý chí chiến đấu cho nghĩa quân. Giáo sư, Thượng tướng Hoàng Minh Thảo viết: “Xét về mặt ý thức, cái chết của thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh trước lưỡi gươm của kẻ thù càng hun đúc thêm chí căm thù và củng cố thêm quyết tâm chiến đấu của nghĩa quân Yên Thế, càng làm tăng uy tín của một căn cứ kháng chiến chống Pháp mạnh nhất thời bấy giờ”[55, tr.26].

Ảnh hưởng sâu rộng của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh tới phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta, đã làm cho thực dân Pháp hết sức lo ngại, phải tăng cường các biện pháp đối phó. Một trong những biện pháp đối phó của chúng là phải điều chỉnh về địa giới hành chính và tính chất pháp lý, (thành lập các đạo quân sự) tại những vùng có phong trào chống Pháp dâng cao để chúng dễ bề trấn áp phong trào, trong đó, huyện Hữu Lũng – trung tâm của cuộc khởi nghĩa, những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, liên tục bị điều chỉnh như:

Ngày 5-11-1889, Pháp đã rút huyện Hữu Lũng cùng các huyện khác của phủ Lạng Giang và huyện Yên Bắc của tỉnh Lạng Sơn để thành lập tỉnh Lục Nam, tỉnh lỵ là Lục Nam.

Ngày 20-8-1891 tách các huyện Lục Ngạn, Hữu Lũng, Yên Bắc ra khỏi tỉnh Lục Nam và tách huyện Yên Thế ra khỏi tỉnh Bắc Ninh. Dem huyện huyện Hữu Lũng và huyện Yên Thế hợp với phủ Phú Bình và phủ Tòng Hóa tỉnh Thái Nguyên đặt thành quân khu Thái Nguyên thuộc đạo quân sự thứ nhất. Ngày 8-9-1891, trả lại phủ Lạng Giang của tỉnh Lục Nam về tỉnh Bắc Ninh. Đến đây tỉnh Lục Nam mặc nhiên bị xóa bỏ.

Ngày 4-12-1892 trả lại huyện Yên Thế về tỉnh Bắc Ninh. Huyện Hữu Lũng chuyển sang đạo quân sự thứ hai.

Đặc biệt, biểu hiện rõ nét nhất về ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh là tại Nghị định ngày 6-2-1894 của Toàn quyền Đông Dương đã quyết định thành lập “Tiểu quân khu Cai Kinh” trực thuộc Đạo quan binh số 2. Tiểu quân khu Cai Kinh được thành lập tại vùng núi Đồng Nai (nay gọi là dãy núi Cai Kinh) do một sĩ quan cấp tá, Lữ đoàn trưởng trực tiếp chỉ huy, đặt dưới sự chỉ huy của Tư lệnh Đạo quan binh 2. Phụ tá cho sĩ quan chỉ huy Tiểu quân khu là một Hội đồng kỳ mục. Tiểu quân khu Cai Kinh gồm 13 tổng dân tộc Thổ, cư trú quanh vùng núi Cai Kinh, trong đó có 5 tổng tách từ tỉnh Thái Nguyên sang<sup>82</sup>.

Ngày 10-10-1895, chính quyền Pháp cắt tỉnh Bắc Ninh thành 2 tỉnh: Bắc Ninh và Bắc Giang để dễ bề cai trị.

Ngày 20 tháng 10-1895, Pháp cắt châu Bắc Sơn và châu Bình Gia thuộc khu quân sự Chợ Mới và huyện Hữu Lũng chuyển sang khu quân sự Lạng Sơn.

Ngày 5-8-1896, lỵ sở của đạo quân sự thứ hai chuyển về Cao Bằng. Lạng Sơn trở thành lỵ sở của đạo quân sự thứ nhất. Đạo này chia ra làm 3 khu quân sự là Lạng Sơn, Móng cái và Yên Thế.

Ngày 9-9-1896, chuyển huyện Hữu Lũng ra khỏi đạo quân sự thứ hai, đem cả 2 tổng của huyện này nhập vào châu Bằng Mạc trong khu quân sự Yên Thế, thuộc đạo quân sự thứ nhất Lạng Sơn.

Ngày 29-11-1899, xóa bỏ khu quân sự Yên Thế. Huyện Hữu Lũng tách khỏi châu Bằng Mạc, cùng với châu này và các châu Bắc Sơn, Bình Gia (rút từ khu quân sự Lạng Sơn ra) đứng trong khu quân sự Vạn Linh mới được đặt ra trong đạo quân sự thứ nhất. Những bộ phận đất đai khác của khu quân sự Yên Thế được sáp nhập vào tỉnh Bắc Giang.

Ngày 11-4-1900, rút huyện Hữu Lũng khỏi khu quân sự Vạn Linh, đem sáp nhập vào tỉnh Bắc Giang. [59, tr. 59].

---

<sup>82</sup> Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1918*, Sdd, tr.221.

Qua các biện pháp đối phó như vậy của kẻ thù, có thể khẳng định cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã có ảnh hưởng sâu rộng đến phong trào yêu nước của nhân dân ta cả khi cuộc khởi nghĩa đã kết thúc và là mối lo ngại lớn đối với thực dân Pháp.

### **1.3. Ảnh hưởng khi sự nghiệp chống Pháp có sự lãnh đạo của Đảng**

Sau khi cuộc khởi nghĩa Yên Thế thất bại, nhiều nghĩa quân Yên Thế, vốn là những chỉ huy và nghĩa quân của khởi nghĩa Cai Kinh trốn thoát khỏi sự bắt bớ, giết hại, tù đày của giặc Pháp đã tiếp tục có những hoạt động yêu nước, chống Pháp. Một trong những nhân chứng điển hình là Hoàng Đình Điều, một tướng trẻ trong nghĩa quân Đề Thám, tự nhận là con thứ ba của Cai Kinh đã về tu ở chùa Vua, lấy pháp danh là Thích Thanh Điều, khoác áo tu hành, nhưng vẫn bền lòng nuôi chí đánh giặc cứu nước. Theo cuốn *Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân phường Phố Huế (1930-1995)* viết: “Vào khoảng năm 1920, sư cụ Hoàng Đình Điều, con thứ ba của Cai Kinh (Hoàng Đình Kinh đã đánh cho quân Pháp nhiều trận kinh hoàng), là một trong những tướng trẻ trong nghĩa quân Đề Thám, về tu ở chùa Vua, Sư Điều vừa chỉnh trang lại chùa làm nơi hành đạo, bề ngoài mở lò dạy võ, nhưng bên trong bí mật tụ tập người chống Pháp.... Phần lớn học trò của sư Điều về sau đã tham gia các phong trào, chủ yếu là Việt Minh chống thực dân Pháp”.... “Đồng chí Hoàng Văn Thụ, lúc đó là Ủy viên Trung ương Đảng, ở nhà số 41 phố Duvigneau, năm 1939 ở nhà số 228 Phố Huế..., Đồng chí Nguyễn Phong Sắc, Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ vào những năm 1929-1930 đã có lúc về ở trong chùa Vua để hoạt động và được nhà sư Hoàng Đình Điều cùng một số môn sinh học võ bảo vệ”... “Vào khoảng tháng 7-1945, Việt Minh ở chùa Vua gần như hoạt động công khai, đó là nơi gặp gỡ của những người yêu nước, có cảm tình với Việt Minh ở trong vùng. Cán bộ Việt Minh đã bàn với sư cụ Hoàng Đình Điều lấy nhà khách của chùa (cạnh điện) làm trụ sở, có treo cờ đỏ sao vàng và khẩu hiệu “Việt Minh muôn năm”...

Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng, những tấm gương chiến đấu, hy sinh của các cuộc khởi nghĩa chống Pháp trước đó trong đó có cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã được Đảng ta luôn đề cao và là những tấm gương sáng, động viên toàn Đảng, toàn dân ta tiến hành cuộc Cách mạng Tháng 8 và kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi.

Tên tuổi người anh hùng Cai Kinh đã khiến thực dân Pháp phải khiếp sợ, kính nể, lấy tên ông đặt cho đạo quân của chúng đàn áp phong trào là “Tiểu Quân khu Cai Kinh” và dãy núi Đồng Nai, nơi Hoàng Đình Kinh lập căn cứ chống Pháp được mang tên “núi Cai Kinh”<sup>83</sup>. Tên dãy núi Cai Kinh đã được nhân dân ta đồng tình, chấp nhận. Năm 1948, thể theo nguyện vọng của nhân dân địa phương rất quý trọng Hoàng Đình Kinh, nhân dịp sáp nhập hai xã Thuộc Sơn và Khôn Lâu đã lấy tên mới là xã Cai Kinh. Khoảng năm 1954, xã Cai Kinh lại tách thành hai xã: xã Khôn Lâu trước đây mang tên xã Đồng Tân, còn xã Thuộc Sơn trước đây vẫn được giữ tên xã Cai Kinh cho đến ngày nay.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ sau này, và cho đến ngày nay, lớp lớp thanh niên lên đường đánh giặc cũng như thực hiện những nhiệm vụ cách mạng của quê hương, đất nước, đều ôn lại truyền thống vẻ vang của cuộc khởi nghĩa Cai Kinh, lấy đó làm sức mạnh tinh thần lên đường đánh giặc và hoàn thành mọi nhiệm vụ của cách mạng, của Đảng giao cho.

## **2. NHẬN ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ, BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

### **2.1. Nhận định, đánh giá về cuộc khởi nghĩa**

Qua các tài liệu và kết quả nghiên cứu, ta có thể nhận định về cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh như sau:

*1. Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh là một trong những phong trào đánh Phi,*

---

<sup>83</sup> Theo Paul Munier, *Vùng Cai Kinh – Con người và non nước* (Le Cai Kinh homme et con- trée), tên núi Cai Kinh đầu tiên do Đại tá Gallièni (Pháp) đặt từ cuối thế kỷ 19, (tr.3).

*chống Pháp khá mạnh ở vùng Lạng Sơn, Bắc Giang, Thái Nguyên ngay từ những ngày đầu thực dân Pháp tiến đánh lên vùng thượng du, miền núi, biên giới phía Bắc. Khởi nghĩa đã nổ ra kịp thời, đúng lúc, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của đất nước và nhân dân, nên đã nhanh chóng được đông đảo đồng bào các dân tộc địa phương tham gia và thu hút được nhiều hào kiệt, nghĩa dũng từ khắp nơi quanh vùng về tụ nghĩa, xây dựng nghĩa quân.*

Thời kỳ những năm 1882, 1883, thực dân Pháp đẩy mạnh việc đánh chiếm Bắc Kỳ. Đầu tháng 4-1882, chúng đưa quân ra đánh chiếm Hà Nội và các tỉnh Bắc Kỳ. Trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, triều đình nhà Nguyễn hoang mang, khiếp nhược, cầu cứu nhà Thanh. Lợi dụng thời cơ, nhà Thanh đưa quân sang nước ta với danh nghĩa giúp Việt Nam đánh Pháp, nhưng lại bí mật thương thuyết với Pháp để chia chác quyền lợi ở Việt Nam. Trước tình hình đó, đòi hỏi bức xúc của lịch sử là chống giặc ngoại xâm; nguyện vọng cháy bỏng và chính đáng của những người yêu nước Việt Nam là đứng lên đánh giặc bảo vệ quê hương, đất nước. Vào đúng thời điểm đó, Hoàng Đình Kinh đã đứng lên dựng cờ khởi nghĩa, kêu gọi mọi người tham gia nghĩa quân, diệt giặc phi đang hoành hành cướp phá nhân dân và xây dựng lực lượng, sẵn sàng chống Pháp xâm lược. Việc làm đó đã đáp ứng đúng yêu cầu đòi hỏi của lịch sử và nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Dưới ngọn cờ dẹp phi, chống Pháp, cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh không chỉ tập hợp đông đảo đồng bào các dân tộc địa phương hưởng ứng, tham gia, mà còn thu hút được nhiều hào kiệt, nghĩa dũng có chí lớn, tài cao về quân sự từ khắp nơi về tụ nghĩa. Vì vậy, nghĩa quân đã nhanh chóng trở thành một đội quân hùng mạnh, có thanh thế. Nghĩa quân của ông phần lớn là người địa phương, những thôn xóm dọc đường quốc lộ số 1 từ Chi Lăng xuống tới các xã ở huyện Hữu Lũng đều có người tham gia phong trào, trong đó có những người là thân nhân, gia đình của ông và những chỉ huy tài giỏi của nghĩa quân như Cai Hai, (em ruột của ông và là phó tướng nghĩa quân), Đề Côn, Bành Văn Chén, Nông Bản Xuân, Cai Hào, Hoàng Văn Thánh, Thừa May, Thừa Mát, Đề Dã, v.v... Không những thế, ngay từ

những ngày đầu dựng cờ khởi nghĩa, đã có những nhân vật danh tiếng ở vùng Bắc Ninh, phủ Lạng Thương tìm đến tham gia nghĩa quân như: Bá Phúc (Thân Văn Phúc), Đề Dương (Hoàng Hoa Thám), Thông Luận (Thân Đức Luận), Đề Bảo, Dương Văn Sử, Hoàng Văn Cảnh, Hoàng Bá San, Nguyễn Văn An, v.v Những vị này sau đó đều là những tướng lĩnh, chỉ huy tài giỏi của nghĩa quân Yên Thế. Vùng Bắc Sơn, Bình Gia có Hoàng Thái Nhân, Hoàng Thái Nam, Hoàng Quế Thọ; Thất Khê có Hà Khánh Sinh... Cả quan Bang biện<sup>84</sup> Vi Văn Lý ở tỉnh đường Lạng Sơn cũng hợp cùng nghĩa quân đánh giặc. Họ là các tướng lĩnh cự phách dày dạn trận mạc, một số là những nhân vật danh tiếng trong lịch sử. Điều đó cho thấy tầm ảnh hưởng to lớn, sức cuốn hút mạnh mẽ của cuộc khởi nghĩa đối với những người yêu nước, giàu nghĩa khí.

*2. Nghĩa quân Hoàng Đình Kinh được tổ chức khá chặt chẽ, quy củ, có Bộ chỉ huy gồm những người mưu trí, tài thao lược, đội ngũ quân lính chiến đấu dũng cảm, lập nhiều công trạng, gây cho địch những tổn thất, nặng nề.*

Với số lượng quân ở căn cứ chính, ít thì vài trăm, cao điểm lên đến hơn 2000 người, Hoàng Đình Kinh đã trực tiếp xây dựng tổ chức lực lượng phù hợp với thực tiễn kháng chiến. Ông chia đội quân của mình làm ba loại để sử dụng một cách hợp lý (quân cốt cán, quân tin cậy, quân cảm tình). Bên cạnh đội quân chính quy thường trực chiến đấu, còn có các đội dân quân ở thôn xóm, đặt dưới sự chỉ đạo, kiểm soát của nghĩa quân. Nhiệm vụ của từng loại quân được phân định rõ ràng, phù hợp. Quân chính quy lo luyện tập võ nghệ, chuẩn bị các loại vũ khí, sẵn sàng chiến đấu; dân công xây thành, làm doanh trại, tải lương... Mỗi người tùy theo điều kiện, khả năng, tích cực góp sức mình vào sự nghiệp chống Pháp của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh. Căn cứ nghĩa quân được xây dựng ở nơi có địa thế hiểm yếu, với đầy đủ nơi trú quân, kho vũ khí, kho lương,... có biện pháp kiểm soát chặt chẽ kẻ thù xâm nhập. Ở các vùng nghĩa quân kiểm soát có đặt các chức quan Chánh,

---

<sup>84</sup> Bang biện: chức quan thời Nguyễn, giúp việc ở tỉnh đường, chức việc chính là trợ lý cho quan phụ trách (Đỗ Văn Ninh, *Từ điển chức quan Việt Nam*- Nxb. Thanh niên, H. 2002 )



Phó tổng, Lý trưởng để làm nhiệm vụ quản lý hành chính, thu thuế nuôi quân, và chỉ huy dân quân, đảm bảo cho nghĩa quân có sức chống giặc lâu dài. Tại một số cánh quân như Bảo Lộc (Lạng Giang), Bắc Sơn, Bình Gia, Cao Lộc – Thoát Lãng... ông giao quyền chỉ huy, điều hành cho các tướng lĩnh dưới trướng của mình như Cai Bình, Hoàng Thái Nam, Hoàng Thái Nhân, Hoàng Quế Thọ...theo mô hình và Phương thức hoạt động quy định.

Bộ chỉ huy nghĩa quân gồm những người mưu trí, tài giỏi. Bên cạnh người thủ lĩnh tài ba Hoàng Đình Kinh, còn có đội ngũ các tướng lĩnh trung thành, kiên định với sự nghiệp đánh Pháp và có tài thao lược, như Đề Thám, Bá Phúc, Cai Hai, Đề Côn, Vi Văn Lý... và các chỉ huy ở các cánh quân như Cai Bình (Bảo Lộc), Hoàng Thái Nhân, Hoàng Thái Nam (Bắc Sơn), Hoàng Quế Thọ (Bình Gia), v.v... Họ là những chiến tướng dày dạn kinh nghiệm trận mạc. Cùng với việc tổ chức quy củ, chặt chẽ, các tướng lĩnh nghĩa quân cùng thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh đã vận dụng các phương án tác chiến linh hoạt, sáng tạo để đối chọi lại với quân Pháp mạnh hơn gấp nhiều lần, giành nhiều thắng lợi.

Đội ngũ quân lính nghĩa quân là những trai tráng khỏe mạnh, con em của đồng bào các dân tộc địa phương và các vùng xung quanh, rất dũng cảm, mưu trí, quen với địa hình rừng núi, tài sử dụng các vũ khí thô sơ tự chế tạo nhưng hiệu quả chiến đấu cao. Điểm nổi bật của nghĩa quân là những trận chiến đấu với lực lượng quân sĩ ít, vũ khí thô sơ nhưng đã ngăn chặn và đập tan nhiều cuộc tiến quân của giặc Pháp với số lượng quân đông, vũ khí trang bị hiện đại. Ngay từ cuộc hành quân đánh chiếm lên Lạng Sơn lần thứ nhất (16-3-1884), cuộc chiến đấu trận cầu Quan Âm – Bắc Lệ, (6-1884) cũng như các trận càn quét trong những năm 1886, 1887 do tên đại tá Duy-gien (Dugenne) chỉ huy... quân Pháp đều đã bị tổn thất nặng nề, thậm chí chính tên chỉ huy Duy-gien còn bị thiệt mạng. Những chiến sĩ nghĩa quân Hoàng Đình Kinh biết dựa vào địa thế hiểm yếu của núi rừng quê hương, vận dụng kinh nghiệm chiến đấu của cha ông, mưu trí đánh địch. Họ tự tạo ra các loại vũ khí thô sơ nhưng rất hiệu nghiệm để tiêu diệt giặc như hàm chông,

cạm bẫy, tên nỏ tẩm thuốc độc, bẫy tro, bẫy đá, súng kíp, hỏa mai... phù hợp với lối đánh du kích, khiến giặc Pháp, một đội quân xâm lược nhà nghề, quân đông, vũ khí hiện đại cũng phải bó tay trước các nghĩa dũng. Với một đội quân như vậy, nghĩa quân Hoàng Đình Kinh đã kiên cường chiến đấu, lập nhiều chiến công, gây cho địch nhiều nhiều tổn thất nặng nề.

*3. Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh là một trong những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của đồng bào các dân tộc thiểu số, miền núi phía Bắc và phong trào Cần Vương ở nước ta thời cận đại.*

Từ tháng 7/1885, phong trào Cần Vương bùng nổ mạnh mẽ ở khắp nơi trên đất nước ta, sôi nổi hưởng ứng lời kêu gọi “*phò vua cứu nước*” của vua Hàm Nghi chống lại sự xâm chiếm của giặc Pháp. Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1883-1892) của Đinh Gia Quế, Nguyễn Thiện Thuật ở Hưng Yên; khởi nghĩa Hương Khê (1885-1896) của Phan Đình Phùng, Cao Thắng ở Hà Tĩnh; khởi nghĩa Ba Đình (1886-1887) của Phạm Bành, Đinh Công Tráng, ở Nga Sơn, Thanh Hóa, v.v... Ảnh hưởng và sự lan tỏa của phong trào đã tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho nghĩa quân Hoàng Đình Kinh, khiến phong trào ngày càng phát triển.

Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh được lịch sử ghi nhận là một trong những cuộc khởi nghĩa chống Pháp tiêu biểu ở nước ta thời kỳ cận đại, và nằm trong phong trào Cần Vương. Xét về nguồn gốc, khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh không phải ra đời theo lời kêu gọi Cần Vương của vua Hàm Nghi mà đã có từ trước đó. Tuy nhiên, do thời kỳ sau của cuộc khởi nghĩa (1884-1888) gần như nằm trọn trong giai đoạn thứ nhất của phong trào Cần Vương (1885-1888), đồng thời chịu ảnh hưởng sâu sắc và mang những đặc điểm chung nổi bật của phong trào Cần Vương, vì vậy đã được các nhà sử học xếp vào phong trào Cần Vương và là một trong những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của phong trào chống Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX. Sách *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, (Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000) đã viết: “Đặc điểm của giai đoạn này là phong trào còn đặt dưới sự chỉ huy thống nhất đến

một trình độ nhất định của Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết... Ở vùng Lạng Sơn, Bắc Giang đáng chú ý là có cuộc kháng chiến của Hoàng Đình Kinh (thường gọi Cai Kinh)”(Tr. 69).

*.4. Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã đóng góp tích cực vào phong trào diệt phi và chống Pháp xâm lược của nhân dân ta cuối thế kỷ XIX, đã làm chậm bước tiến xâm lược của quân Pháp khi chúng tiến hành đánh chiếm lên vùng thượng du, miền núi, biên giới Việt Trung và đã có ảnh hưởng sâu rộng, lâu dài trong phong trào chống Pháp của nhân dân ta.*

Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã kế tục, phát huy truyền thống yêu nước và vẻ vang của nhân dân Lạng Sơn: Lạng Sơn là vùng đất có truyền thống chống giặc ngoại xâm vô cùng anh dũng và vẻ vang. Đồng thời là nguồn động viên, cổ vũ lớn lao đối với nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp chống Pháp vô cùng anh dũng cuối thế kỷ XIX.

Đánh giá về cuộc khởi nghĩa, PGS. TS. Đinh Quang Hải, Tổng Biên tập tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, nguyên Viện trưởng Viện sử học Việt Nam đã nói: “Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh chống thực dân Pháp xâm lược diễn ra trong thời gian không dài (từ 1882 đến 1888), tuy nhiên đã có vị trí vai trò rất lớn trong phong trào chống Pháp của nhân dân ta cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã làm chủ cả một vùng rất rộng lớn, có tiếng vang và ảnh hưởng rất lâu dài không chỉ đối với ở vùng Lạng Sơn mà còn ảnh hưởng rộng ra đến các khu vực xung quanh nữa.

Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã làm chậm bước tiến của quân Pháp lên vùng thượng du Bắc Kỳ, đặc biệt là vùng Biên giới Việt Trung khi quân Pháp muốn mở rộng phạm vi chiếm đóng của chúng ở vùng này và đã tạo ra sự lan tỏa, ảnh hưởng hết sức sâu rộng đối với khu vực Lạng Sơn và khu vực Bắc Kỳ nói

chung, mà ảnh hưởng không chỉ trong thời gian diễn ra cuộc khởi nghĩa mà nó còn kéo dài về sau rất nhiều”<sup>85</sup>.

*5. Hoàng Đình Kinh là người con quê hương Xứ Lạng, có lòng yêu nước nồng nàn, chí căm thù giặc sâu sắc, kiên định, giữ vững ý chí diệt giặc trong mọi tình huống; là một thủ lĩnh tài ba, có năng lực tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy nghĩa quân chiến đấu vì lý tưởng, mục tiêu cao cả, kiên cường chống lại quân Pháp - một đội quân xâm lược nhà nghề, có trang bị vũ khí hiện đại. Ông xứng đáng được ghi nhận là một nghĩa sĩ tiêu biểu trong phong trào Cần Vương, người anh hùng chống Pháp cuối thế kỷ XIX, một danh nhân lịch sử của quê hương xứ Lạng và đất nước.*

Điểm nổi bật ở người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh là có lòng yêu nước nồng nàn, thương dân sâu sắc, kiên định giữ vững ý chí đánh giặc vì dân, vì nước trong mọi tình huống. Khi nhân dân vùng quê hương bị giặc phi cướp phá, quấy nhiễu và đất nước đứng trước họa xâm lăng của giặc Pháp, ông đã khắc phục mọi khó khăn đứng lên, giương cao ngọn cờ diệt phi, đánh Pháp tập hợp lực lượng đánh giặc. Khi khí thế đánh giặc đang lên cao, quân Thanh theo Hiệp ước Thiên Tân (6-1885) phải rút hết về nước, chỗ dựa quan trọng của ông để đánh Pháp không còn, vua Hàm Nghi bị bắt, triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng giặc, tiếp tay cho Pháp tiêu diệt lực lượng kháng chiến. Kẻ địch luôn mua chuộc, dụ dỗ, kêu gọi ông đầu hàng. Nội bộ nghĩa quân cũng có sự phân hóa, thậm chí có người quay giáo theo giặc (điển hình như Vi Văn Lý, sau trở thành quan Tuần phủ Lạng Sơn đã bày mưu tính kế tiêu diệt nghĩa quân và trực tiếp chỉ đạo sát hại Hoàng Đình Kinh). Trong bối cảnh đó, Hoàng Đình Kinh vẫn kiên định, giữ vững lập trường, tập hợp những người trung kiên, xây dựng căn cứ địa kháng chiến mới, tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp, lập thêm nhiều chiến công. Ông thực sự là một anh hùng diệt phi, đánh Pháp thời kỳ cuối thế kỷ XIX, là một tấm gương sáng về lòng yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm.

---

<sup>85</sup> PGS. TS. Đinh Quang Hải trả lời phỏng vấn của phóng viên Đài PTTH Lạng Sơn ngày 4-7-2021.

Tên tuổi Hoàng Đình Kinh cùng cuộc khởi nghĩa do ông lãnh đạo đã được nhắc đến một cách trang trọng ở ngay vị trí đầu trong bảng thống kê tại không gian trưng bày của Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam, minh chứng cho ý chí quật cường, tinh thần kháng Pháp mạnh mẽ của nhân dân Việt Nam thời kỳ đó. Đây là sự khẳng định tâm vóc, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa này trong lịch sử và là niềm tự hào lớn lao, chính đáng của nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn. Sách *Địa chí Lạng Sơn* đã viết: “Hoàng Đình Kinh xứng đáng được ghi nhận như một danh nhân nghĩa sĩ trong phong trào Cần Vương chống Pháp ở Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX”. [64, tr. 873]

## 2.2. Những mặt hạn chế và nguyên nhân thất bại

Mặc dù cuộc khởi nghĩa đã có nhiều ưu điểm tích cực trên đây, nhưng như nhiều cuộc khởi nghĩa khác cùng thời, khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh còn có những hạn chế, yếu kém mang tính thời đại và riêng biệt, khiến cuộc khởi nghĩa cuối cùng đi đến thất bại. Thể hiện ở một số nội dung sau:

*1. Thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh và những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chưa có đường lối đúng đắn phù hợp với yêu cầu của lịch sử, của thời đại nhằm xây dựng và phát triển khởi nghĩa trở thành phong trào đấu tranh chống xâm lược sâu rộng, lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của đất nước, của thời đại.*

Một trong những hạn chế và nguyên nhân chính dẫn đến thất bại của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh là thủ lĩnh và những người lãnh đạo nghĩa quân chưa đưa ra được một đường lối đúng đắn để xây dựng lực lượng và căn cứ địa hoàn chỉnh cả về chính trị, quân sự, kinh tế xã hội cần thiết, mở rộng phong trào, đáp ứng yêu cầu mục tiêu cao cả là chống ngoại xâm, bảo vệ đất nước.

Triều đình nhà Nguyễn lúc này đã ngày càng đi sâu vào con đường đầu hàng, cầu kết với thực dân Pháp, ngăn cấm các phong trào chống Pháp và triệt phá các căn cứ, lực lượng kháng chiến của nhân dân ta. Trong quá trình cuộc khởi nghĩa

đang diễn ra, có sự kiện vua Hàm Nghi hạ dụ Cần vương, và trong dịp Tôn Thất Thuyết đi Trung Quốc cầu viện nhà Thanh, chắc có liên lạc với nghĩa quân Hoàng Đình Kinh, phong trào Cần vương đã thổi bùng thêm ngọn lửa chống Pháp của cuộc khởi nghĩa. Nhưng nghĩa quân Hoàng Đình Kinh chỉ là một bộ phận trong lực lượng thiểu số của hàng ngũ chống lại sự đầu hàng giặc và chống ngoại xâm. Chính lực lượng ấy cũng không có một đường lối đúng đắn, phù hợp với thời đại, đang ngày càng suy yếu dần và đi đến thất bại.

*2. Cuộc chiến đấu của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh vẫn mang nặng tính chất địa phương, cục bộ, tự phát, không phát động được đông đảo toàn dân tham gia phong trào và không có sự liên kết, mở rộng với các phong trào chống Pháp khác nên nghĩa quân dễ bị kẻ thù bao vây, cô lập, dập tắt.*

Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh nổ ra trên địa bàn phía Nam tỉnh Lạng Sơn và phía Bắc tỉnh Bắc Ninh (nay là tỉnh Bắc Giang). Từ căn cứ chính ở Hữu Lũng, Chi Lăng, nghĩa quân đã có mở rộng địa hoạt động về phía phủ Yên Thế, Lạng Giang, phủ Lạng Thương (Bắc Giang), lên vùng Cao Lộc, Thoát Lãng, Bình Gia (Lạng Sơn) và Bắc Sơn (Thái Nguyên...). Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa chưa phát động được phong trào toàn dân tham gia chiến đấu một cách sâu rộng. Hơn nữa sự liên kết của nghĩa quân với các lực lượng chống Pháp ở các địa phương khác còn lỏng lẻo, chưa chặt chẽ, khăng khít có tính thống nhất cao. Nhìn chung, mối quan hệ đó mới chỉ ở việc giúp nhau mua sắm vũ khí, trang bị phục vụ chiến đấu chứ chưa thể hiện rõ ở phương diện phối hợp, hiệp đồng tác chiến, tạo nên sức mạnh của một khu vực, một phong trào rộng lớn. Do đó nghĩa quân gần như chỉ trông vào thực lực của mình, độc lập chiến đấu, ít có sự phối hợp hiệp đồng tác chiến và chi viện lẫn nhau khi cần thiết. Phong trào chỉ dừng lại ở phạm vi nhỏ lẻ, manh mún. cô lập... Đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến phong trào sớm bị dập tắt, thất bại.

3. Hoạt động của nghĩa quân còn nặng về phòng thủ, ít chủ động tấn công địch; vũ khí chiến đấu còn rất thô sơ, lạc hậu, trong khi phải đối chọi với kẻ thù là thực dân Pháp có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh hơn gấp nhiều lần, đội quân xâm lược nhà nghề, trang bị vũ khí hiện đại.

Nghĩa quân của Hoàng Đình Kinh tập trung ở các căn cứ hang Vĩ Ruồi, hang Lân Đĩnh hay khu Đàng Yên, Đàng Sơn (Hữu Lũng), Lân Lắc (Bắc Sơn), hang Thảm Khoách (Bình Gia)..., chủ yếu là các căn cứ phòng thủ, bảo vệ nghĩa quân. Tuy đã chủ động tấn công quân địch ở đồn Than Muội, đồn Làng Chiềng, Mai Sao (Chi Lăng)... nhưng số lượng các cuộc tấn công còn rất ít. Lực lượng quân Pháp tuy có bị tiêu hao nhưng chưa đáng kể so với toàn lực của chúng. Nghĩa quân chưa tổ chức được các cuộc tấn công lớn tiêu diệt gọn lực lượng của chúng nên có thể nói hình thức đấu tranh còn mang tính chất nửa vời, chưa triệt để. Khi nghĩa quân rút về căn cứ, quân Pháp có thời gian xốc lại lực lượng, quay lại bao vây, cô lập, tấn công triệt tiêu căn cứ. Nghĩa quân mới giành thắng lợi trong từng trận đánh chứ chưa thắng hẳn được quân Pháp.

Vũ khí chiến đấu của nghĩa quân còn rất thiếu thốn và thô sơ. Bên cạnh một số ít súng đạn mua được của lái buôn Trung Quốc từ vùng biên giới, vũ khí chiến đấu của họ chủ yếu là thô sơ, tự chế thủ công như súng kíp, hỏa mai, gươm giáo, mã tấu, tên nỏ tẩm thuốc độc, bẫy đá, bẫy tro, vôi bột, phân súc vật... để gây sát thương kẻ địch. Thậm chí có lúc còn dùng meo lấy ổi xanh rải trên đường để kẻ thù trượt ngã, tạo điều kiện cho nghĩa quân xông ra đánh giáp lá cà... Trong khi đó, quân Pháp là một đội quân chính quy, tinh nhuệ, nhà nghề với các tướng lĩnh sừng sỏ được đào tạo bài bản chuyên đi xâm lược, như Trung tướng Mi-ô (Charles Millot), Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Bắc Kỳ, Thiếu tướng Nê-gri-ê (Négrier), Trung tá Duy-gi-en (Dugègne), trung tá Goóc-đa (Gordard), Đại tá Ga-li-e-ni (Galliéni) v.v... trực tiếp chỉ huy những trận đánh chiếm lên Lạng Sơn và đánh dẹp nghĩa quân... Chúng được trang bị vũ khí rất hiện đại như: đại bác, pháo

binh, súng máy, v.v... Tương quan lực lượng giữa nghĩa quân Hoàng Đình Kinh với quân Pháp là vô cùng chênh lệch, khiến nghĩa quân Cai Kinh khó đối đầu trực diện với quân đội Pháp. Nghĩa quân chủ yếu dùng lối đánh du kích, lợi dụng địa hình địa vật và những sơ hở của kẻ thù để tấn công chớp nhoáng. Do đó khi quân Pháp huy động tổng lực, mở các cuộc tấn công lớn nhằm vào từng khu căn cứ nhằm tiêu diệt nghĩa quân thì không thể đối chọi được với chúng.

*4. Nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự thất bại của phong trào là: sự hoạt động của nghĩa quân chỉ chú trọng hoạt động quân sự, ít chú ý đến công tác chính trị, tư tưởng, giáo dục quân lính. Theo yêu cầu chiến đấu, nhiều khi quân lính chưa được tuyển chọn kỹ càng, có cả những phần tử cơ hội, thiếu trung thành lọt vào nghĩa quân. Kẻ thù nham hiểm thâm độc, dùng kế mua chuộc, chia rẽ nội bộ, giết hại tướng lĩnh, gây nghi ngờ lẫn nhau, dẫn tới nội bộ làm phản. Những người trung thành bị giết hại, thủ lĩnh cũng bị bắt và hy sinh, nghĩa quân tan rã.*

Ngoài những hạn chế, yếu kém mang tính thời đại và khách quan nói trên, khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh còn có những hạn chế, sai lầm có tính chủ quan, là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự tan rã của nghĩa quân. Nếu biết khắc phục, phong trào sẽ còn lớn mạnh hơn, thời gian cuộc khởi nghĩa sẽ còn kéo dài thêm và gây cho địch nhiều thiệt hại hơn nữa. Đó là, Hoàng Đình Kinh và bộ chỉ huy nghĩa quân mới chú trọng hoạt động tổ chức đánh địch, ít quan tâm đến các hoạt động chính trị, tranh thủ sự ủng hộ của đông đảo nhân dân, phát triển phong trào, ít giáo dục rèn luyện quân lính về chính trị, tư tưởng. Nhiều khi quân lính chưa được tuyển chọn kỹ càng, có cả những phần tử cơ hội, thiếu trung thành lọt vào nghĩa quân. Vì yêu cầu của chiến đấu, nhiều khi cần huy động sức người, sức của, nghĩa quân đã phải dùng cả biện pháp cưỡng bức, làm cho nhân dân oán thán. Kẻ thù nham hiểm, thâm độc, khi dùng sức mạnh quân sự không tiêu diệt được nghĩa quân đã hèn hạ dùng đến kế mua chuộc, li gián, chia rẽ nội bộ, gây nên cái chết của Cai Hai, là một tướng tài của nghĩa quân và là em ruột của Hoàng Đình Kinh. Khi đó, Hoàng Đình Kinh lại thiếu bình tĩnh, sáng suốt, bị những kẻ nội gián xảo quyệt kích động nên



đã trả thù một cách sai lầm, giết nhầm cả những người trung tín, tin nhầm cả những kẻ gian ngoan, xảo quyệt. Nội bộ nghĩa quân hoang mang, sức mạnh giảm sút, tạo điều kiện cho bọn làm phản hành động, dẫn tới cái chết của người chủ tướng, nghĩa quân tan rã, phong trào bị dập tắt.

### **2.3. Bài học kinh nghiệm từ cuộc khởi nghĩa**

Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh cuối cùng tuy bị thất bại, nhưng từ những thành công và thất bại của cuộc khởi nghĩa đã để lại những bài học kinh nghiệm sâu sắc, quý báu cho hậu thế, giúp chúng ta biết phát huy những mặt mạnh, mặt đúng, khắc phục những hạn chế, yếu kém, vận dụng có hiệu quả trong sự nghiệp cách mạng hiện nay và mai sau.

*.1. Bài học về nâng cao tinh thần yêu nước, rèn luyện ý chí kiên cường, dũng cảm trong chống giặc ngoại xâm; kiên định, giữ vững ý chí chiến đấu trong mọi tình huống.*

Nguồn gốc và động lực sức mạnh của cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh chính là tinh thần yêu quê hương, yêu nước nồng nàn, chí căm thù giặc sâu sắc đã dẫn tới việc Hoàng Đình Kinh đứng lên dựng cờ khởi nghĩa dẹp phi và chống Pháp bảo vệ quê hương, đất nước. Đó cũng là nguồn động lực giúp thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh và nghĩa quân kiên cường, dũng cảm, giữ vững ý chí chiến đấu với quân giặc đến cùng trong mọi hoàn cảnh, mọi tình huống.

*2. Bài học về biết chọn đúng thời cơ, thời điểm, đáp ứng đúng đòi hỏi của lịch sử và yêu cầu của nhân dân để tập hợp lực lượng, phát huy sức mạnh toàn dân chiến đấu, chiến thắng kẻ thù.*

Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh ngay từ những ngày đầu dựng cờ khởi nghĩa (cuối tháng 4-1882) đã được đông đảo đồng bào các dân tộc địa phương hưởng ứng tham gia và nhanh chóng thu hút được nhiều hào kiệt, nghĩa dũng từ khắp nơi về tụ nghĩa, xây dựng nghĩa quân. Có được điều đó là do Hoàng Đình Kinh đã biết phát

động cuộc khởi nghĩa đúng thời điểm đòi hỏi của lịch sử đất nước và nguyện vọng thiết tha của nhân dân là diệt phi, đánh Pháp bảo vệ quê hương, đất nước.

*3. Bài học về chiến thuật đánh du kích, biết khai thác, phát huy triệt để thế mạnh sẵn có, dựa vào các điều kiện “địa lợi, nhân hòa”, kinh nghiệm của nhân dân, phát huy truyền thống của quê hương để xây dựng căn cứ địa chiến đấu, chiến thắng kẻ thù.*

Điểm nổi bật của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh là với vũ khí, trang bị thô sơ, tiềm lực kinh tế rất nghèo nàn, thiếu thốn, nhưng nghĩa quân biết khai thác triệt để điều kiện, sức mạnh sẵn có, dựa vào núi rừng hiểm trở, dùng lối đánh du kích để tiêu hao sinh lực địch, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Chiến thuật du kích là cách đánh độc đáo rất hiệu quả đối với địa bàn miền núi. Khi thế và lực yếu hơn kẻ thù, chưa thể đối mặt trực diện thì việc sử dụng lối đánh du kích là rất phù hợp đối với quân ta - vừa bảo toàn được lực lượng, vừa gây cho địch tổn thất, thiệt hại. Cách đánh linh hoạt, sáng tạo đó đã từng được các thế hệ ông cha ta đánh giặc giữ nước, chiến thắng các đội quân xâm lược. Đến thời của Hoàng Đình Kinh, ông đã tiếp tục áp dụng, phát huy để chiến đấu với quân Pháp. Với chiến thuật này đã giúp nghĩa quân Cai Kinh lấy yếu thắng mạnh, lấy ít địch nhiều, làm nên những chiến công vang dội chỉ bằng những vũ khí thô sơ cộng với trí thông minh, mưu lược. Đó chính là biểu hiện một cách sinh động sự kế thừa, phát huy một cách sáng tạo kinh nghiệm, chiến thuật đánh giặc giữ nước của cha ông ta.

*4. Bài học về xây dựng lực lượng, quan tâm chất lượng. Không ngừng củng cố, xây dựng căn cứ địa vững mạnh toàn diện cả về chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa xã hội.*

Từ quá trình hoạt động, chiến đấu của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh, chúng ta nhận thấy việc xây dựng, củng cố lực lượng luôn là một yếu tố vô cùng quan

trọng. Để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù, ngoài năng lực chiến đấu, quân đội cần lựa chọn những người có phẩm chất tốt, sự kiên định với mục tiêu, lý tưởng, lòng trung thành và có ý thức tổ chức kỷ luật cao, luôn tạo được mối quan hệ tốt đẹp với nhân dân.

Đây cũng là bài học lớn rút ra từ sự thất bại của cuộc khởi nghĩa của Hoàng Đình Kinh. Để chiến thắng triệt để kẻ thù thì cần có sức mạnh tổng hợp được cấu thành từ nhiều yếu tố khác nhau. Trước hết là nội lực của nghĩa quân. Nội lực đó bao gồm đường lối chiến lược đúng đắn, triệt để; tài năng của người lãnh đạo, sức mạnh về quân sự (vũ khí chiến đấu, lực lượng nghĩa quân tinh nhuệ, chuyên nghiệp...) cộng với sự đồng tâm, nhất trí ủng hộ hết lòng của nhân dân và sự liên kết, phối hợp với các phong trào đấu tranh khác để chi viện, hợp lực tấn công tiêu diệt kẻ thù.

#### **2.4. Vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay**

Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã để lại cho chúng ta nhiều bài học sâu sắc, sinh động có thể vận dụng trên nhiều lĩnh vực trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, trước hết là trong nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, giữ vững an ninh đất nước, củng cố quốc phòng.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, Đảng ta đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ của công tác An ninh – Quốc phòng là: “Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã

hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng trật tự xã hội, kỷ cương”<sup>86</sup>.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đất nước, của quê hương Xứ Lạng trong giai đoạn cách mạng mới, những bài học kinh nghiệm sâu sắc của cuộc khởi nghĩa cũng như tấm gương của người anh hùng Hoàng Đình Kinh về tinh thần yêu quê hương, đất nước, ý chí kiên cường, dũng cảm, thông minh, kiên quyết với kẻ thù... mãi mãi là tấm gương sáng ngời, bắt tử cho mọi người chúng ta và mọi thế hệ học tập, noi theo.

### **3. NHỮNG DI TÍCH, HIỆN VẬT TIÊU BIỂU CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA**

#### **3.1. Danh mục những địa điểm, di tích tiêu biểu**

Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã để lại nhiều di tích, hiện vật gắn liền với sự nghiệp diệt phi và đánh Pháp của nghĩa quân và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh. Các di tích, hiện vật đó trải rộng trên địa bàn cả trong và ngoài tỉnh. Đó là những tên đất, tên người, tên núi sông, hang động... và nhiều hiện vật tiêu biểu khác, tạo thành một hệ thống di tích liên hoàn, có ý nghĩa lịch sử và giá trị nhân văn sâu sắc, được lưu truyền mãi cho hậu thế hôm nay và mai sau. Những di tích, hiện vật đó là nguồn tài nguyên nhân văn vô giá, vừa là minh chứng sinh động, sâu sắc của lịch sử quê hương đất nước, có giá trị giáo dục truyền thống cho mọi thế hệ hôm nay và mai sau, đồng thời đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu và góp phần phát triển du lịch, kinh tế của địa phương. Với ý nghĩa và vai trò to lớn đó, Khu căn cứ khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã được UBND tỉnh Lạng Sơn xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 41/2002/QĐ-UBND, ngày 02 tháng 10 năm 2002. Tuy nhiên, việc nghiên cứu tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh khi đó chưa được sâu sắc và toàn diện, do đó chưa xác định được đầy đủ những di tích, hiện vật

---

<sup>86</sup> Trích Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

của cuộc khởi nghĩa. Qua thực hiện đề tài khoa học, thông qua việc sưu tầm, nghiên cứu tài liệu và công tác điền dã, điều tra, khảo sát thực tế tại các địa bàn có liên quan đến cuộc khởi nghĩa, bằng các biện pháp so sánh, đối chiếu, thẩm tra khách quan, khoa học, nhóm nghiên cứu thống nhất xác định danh mục những địa điểm, di tích và hiện vật của Khu di tích khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh gồm có: 21 điểm và cụm di tích tiêu biểu, phân bố tại 6 huyện thuộc địa bàn tỉnh Lạng Sơn và danh mục hiện vật gồm: 13 hiện vật - hiện nay đang được quản lý, lưu giữ tại các Bảo tàng trong và ngoài tỉnh và trong nhân dân.

Trong số những địa điểm, di tích và hiện vật của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh được xác định trên đây, có một số địa điểm di tích liên quan đến những khu di tích khác đã được xếp hạng trước đó, như: 3 địa điểm Cầu Quan Âm, Lân Ba Tài và Núi Tay Ngai (thuộc địa bàn thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng), đã được lưu trong danh mục Khu di tích lịch sử Chi Lăng, huyện Chi Lăng, được xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt năm 2019 và địa điểm di tích hang Thảm Khoách (thuộc huyện Bình Gia) là di tích Khảo cổ học đã được xếp hạng cấp tỉnh năm 2002. Căn cứ nội dung, tính chất của các điểm di tích nêu trên đối với cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh, căn cứ luật Di sản văn hóa hiện hành, cần thiết đưa các địa điểm di tích trên vào danh mục Khu di tích Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh và bổ sung phần nội dung liên quan của các địa điểm di tích Cầu Quan Âm, Lân Ba Tài, núi Tay Ngai thuộc khu di tích Hoàng Đình Kinh vào nội dung lý lịch của 3 di tích nói trên thuộc Khu di tích lịch sử Chi Lăng và địa điểm hang Thảm Khoách vào nội dung lý lịch Di tích khảo cổ học (thuộc huyện Bình Gia) để đồng thời bảo tồn, tôn vinh và phát huy giá trị của các di tích.

Danh mục những địa điểm, di tích cụ thể như sau:

### **1. Địa bàn huyện Chi Lăng**

*1. Cụm di tích: Khu mộ Tổ họ Hoàng Đình; Khu Nền Nhà của Hoàng Đình Kinh; Khu dấu tích Thành Cai Kinh và Ao cá.*

Đây là Cụm di tích liên quan đến gia tộc, thân thế Hoàng Đình Kinh (*có thể gọi là Cụm di tích lưu niệm*). Cụm di tích này hiện nay thuộc địa phận xóm Ná, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, gồm 3 khu di tích có vị trí liền kề nhau trong một khu vực, gồm: Khu mộ Tổ họ Hoàng Đình; Khu Nền Nhà của Hoàng Đình Kinh; Khu dấu tích Thành Cai Kinh và Ao cá.

*- Khu mộ tổ họ Hoàng Đình*

Theo các nguồn tư liệu hiện có và gia phả của dòng họ, thì họ Hoàng Đình, gốc tích của Hoàng Đình Kinh đã sinh sống ở xóm Ná, làng Thượng, xã Hoà Lạc, tổng Thuộc Sơn, huyện Hữu Lũng, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh từ lâu đời (ít nhất từ 3 đến 4 đời tính đến Hoàng Đình Kinh). Ông bà nội của Hoàng Đình Kinh do họ Hoàng Đình ở Làng Cường, xã Hoà Lạc cúng giỗ, gọi là “giỗ tổ họ Hoàng Đình” vào ngày 25 tháng Chạp Âm lịch hàng năm, có tên thụy (tên đặt sau khi chết) là ông Đức Nhân, và bà Từ Huệ.

*- Khu Nền nhà của Hoàng Đình Kinh*

Theo dòng họ và nhân dân địa phương cho biết, kết hợp với kết quả điền dã, khảo sát tại thực địa, được biết: Khu Nền nhà của Hoàng Đình Kinh hiện chỉ còn lại dấu tích của một đoạn nền và móng nhà, hình chữ nhật có chiều dài khoảng 10m, rộng hơn 6m, móng nhà có dấu vết đất lẫn gạch, đá nhô lên cao hơn mặt đất xung quanh 30cm, rộng 40cm. Khu nền nhà nằm trên một mặt bằng rộng khoảng hơn 1000m<sup>2</sup> trên một đồi đất cao gần 30m so với mặt ruộng lúa xung quanh. Hiện nay khu đất này do gia đình ông Vi Văn Chương cùng các con, cháu ông đang sinh sống và quản lý làm trang trại trồng các loại cây ăn quả.

Tương truyền, đây là nơi Hoàng Đình Kinh sinh ra, lớn lên, sau đó đã trở thành thủ lĩnh của nghĩa quân Cai Kinh. Trong giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa, chính tại khu vực này đã được Hoàng Đình Kinh xây dựng làm khu căn cứ hoạt động của nghĩa quân. Đại bản doanh đặt ngay tại khu nhà của ông (xóm Ná, làng Thượng).

*-. Khu dấu tích Ao cá và Thành Cai Kinh*

Khu Ao cá Cai Kinh xưa có tên là Ao Hóp hay Ao ông Huyện, diện tích khoảng hơn 2 ha. Tại nơi đây, trên đôi cạnh ao hiện còn dấu tích chân móng một thành đất hình vuông, mỗi bề rộng trên 50m, dân trong vùng gọi đó là “thành Cai Kinh”. Trước cửa thành là Ao Hóp, nơi xưa kia nghĩa quân thường ra đây tắm giặt nên còn có tên là “Ao ông Huyện”. Hiện nay Ao cá xưa đã được san lấp thành ruộng cấy lúa của nhân dân địa phương.

## *2. Di tích hang Lân Đêng và hang Vĩ Ruồi*

- Địa điểm hang Lân Đêng và hang Vĩ Ruồi nằm trong dãy núi đá Đồng Nai (núi Cai Kinh), thuộc địa phận xóm Cây Hồng, làng Thượng, xã Hòa Lạc (nay là xóm Cây Hồng, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng). Từ thị trấn Chi Lăng theo đường quốc lộ 1A, xuôi xuống phía Nam 2 km, rẽ phải khoảng 200m đến chân núi đá có một hang rộng, đó là hang Lân Đêng, nhân dân trong vùng vẫn quen gọi là “hang ông Huyện”.

Giai đoạn đầu cuộc khởi nghĩa, trung tâm căn cứ của nghĩa quân đặt ở khu vực xóm Ná, làng Thượng, xã Hòa Lạc. Từ đầu năm 1884, khi quân Pháp tấn công lên Lạng Sơn, đánh vào vùng này, Hoàng Đình Kinh cùng các tướng lĩnh đã quyết định di chuyển trung tâm chỉ huy sang phía núi đá, dựa vào địa thế hiểm trở của dãy núi Đồng Nai để đánh giặc. Hoàng Đình Kinh đã chọn hang Vĩ Ruồi (ở địa thế cao hơn) làm sở chỉ huy của nghĩa quân, làm nơi quan sát, chỉ huy các trận đánh và chọn hang Lân Đêng làm nơi tập kết của binh lính. Hang Lân Đêng cũng được sử dụng làm nơi để nhân dân địa phương trú ẩn mỗi khi quân Pháp tấn công vào khu căn cứ.

Hiện nay di tích hang Lân Đêng và hang Vĩ Ruồi chưa được thực hiện các biện pháp quản lý, bảo tồn theo những quy định tại Luật Di sản Văn hóa. Riêng hang Lân Đêng, các cơ quan chức năng của tỉnh đã giao cho nhà máy xi măng Đồng Bành quản lý, sử dụng làm kho chứa thuốc nổ công nghiệp phục vụ sản xuất của nhà máy xi măng.

## *3. Di tích Cầu Quan Âm*

Di tích cầu Quan Âm ngày nay thuộc khu vực đền Suối Lân, thôn cây Hồng, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng. Trước đây cầu Quan Âm là cây cầu nhỏ trên đường cái quan, được bắc qua suối Lân – con suối bắt nguồn từ dãy núi Đồng Nai chảy qua cạnh đền Suối Lân rồi đổ vào sông Hóa (nhánh của sông Thương). Ngày nay cầu Quan Âm là cây cầu bê tông cốt thép bắc qua Suối Lân, nằm trên đường quốc lộ 1A. Từ thị trấn Chi Lăng theo quốc lộ 1A, hướng đi Hà Nội, cách hơn 2 km về phía Nam là địa điểm cầu Quan Âm, cầu cách sông Hóa khoảng 50m về phía Tây. Di tích cầu Quan Âm đã được các cơ quan chức năng cấm biển báo di tích.

Di tích cầu Quan Âm là nơi diễn ra trận đánh nổi tiếng của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh phối hợp với quân nhà Thanh (Trung Quốc) và các lực lượng chống Pháp khác của người Việt chống lại quân Pháp khi chúng mở cuộc tiến công lên Lạng Sơn (tháng 6 – 1884). Trận cầu Quan Âm – Bắc Lệ (Pháp gọi là “Sự kiện Bắc Lệ”) là trận đánh có tiếng vang lớn ở Pháp, Trung Quốc và Việt Nam. Đây thật sự là một thất bại nặng nề của quân Pháp, là thắng lợi to lớn của liên quân Việt -Thanh và đã ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ Pháp – Thanh sau đó.

#### *4. Di tích Lân Ba Tài*

Lân Ba Tài thuộc thôn Minh Hòa, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng. Từ trung tâm thị trấn Chi Lăng, theo quốc lộ 1A lên hướng Lạng Sơn cách 1km, rẽ trái theo đường dân sinh vào phía núi đá, khoảng 200m là tới lân Ba Tài. Đây là một thung lũng bằng phẳng, có diện tích rộng khoảng 50ha, các hướng phía Nam, phía Tây và phía Bắc của lân được bao bọc bởi dãy núi đá trùng điệp, riêng phía Đông giáp với thôn Minh Hòa, thị trấn Chi Lăng. Lân Ba Tài là một khu vực kín đáo, thuận lợi cho việc huấn luyện binh sĩ, bảo vệ lực lượng và tấn công quân giặc.

Theo người dân địa phương, cái tên “lân Ba Tài” bắt nguồn từ việc chính đây là nơi Hoàng Đình Kinh khi ông dựng cờ khởi nghĩa thường tổ chức thi tuyển trai tráng vào nghĩa quân để đánh giặc giữ làng bản. Phép dùng binh của Hoàng Đình Kinh là “Quý hồ tinh, bất quý hồ đa”, vì vậy ông tuyển chọn quân lính rất kỹ. Chỉ những người thực sự tài giỏi, khỏe mạnh mới được đứng trong đội ngũ của nghĩa



quân. Ông đã đặt ra lệ thi tuyển “Ba tài” để tuyển chọn binh sĩ, đó là thi về sức khỏe, chạy nhanh và bắn giỏi. Người đạt cả ba tiêu chuẩn được công nhận là “Ba tài” và được tuyển vào nghĩa quân. Sau khi được đứng trong hàng ngũ nghĩa quân, những người binh sĩ còn phải tiếp tục rèn luyện rất gian khổ và công phu.

Hiện nay di tích lân Ba Tài đã được các cơ quan chức năng huyện Chi Lăng cấm biển giới thiệu di tích.

### 5. Di tích núi Tay Ngai

Núi Tay Ngai thuộc địa phận thôn Minh Hòa, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng. Đây là một đoạn gồm một số ngọn núi uốn lượn tự nhiên như hình cánh cung, có độ cao tương đối bằng nhau thuộc dãy núi Cai Kinh. Phía dưới chân núi là một thung lũng rộng, bằng phẳng (đó là Lân Ba Tài). Phần hai đầu dãy núi cánh cung là hai ngọn núi nhô ra phía đường quốc lộ 1A, cao hơn phần cánh cung, tổng thể trông giống như một chiếc ngai khổng lồ của các bậc đế vương, ôm trọn ba mặt Đông, Bắc và Tây của lân Ba Tài. Từ xa xưa người dân ở đây vẫn quen gọi là núi Tay Ngai. Núi có độ cao so với mặt bằng lân Ba Tài khoảng 200m. Sườn vách núi khá dốc, trên đỉnh và vách núi có các thảm thực vật mọc thưa thớt. Quanh sườn và chân núi hiện đã được người dân cải tạo để trồng na. Theo hướng từ Lạng Sơn đi Hà Nội, núi Tay Ngai nằm phía bên phải quốc lộ 1A. Đoạn gần nhất cách đường 1A khoảng hơn 50m, đoạn xa nhất cách hơn 500m. Hai điểm Tay Ngai phía Đông và phía Nam cách nhau khoảng gần 1000 m.

Theo truyền thuyết lưu truyền trong nhân dân và theo cuốn “*Kỳ tích Chi Lăng*”<sup>87</sup>: Chính trên hai Tay Ngai đó là nơi Hoàng Đình Kinh cho đặt hai trạm gác của nghĩa quân nhằm khống chế con đường từ Bắc Giang lên Lạng Sơn. Cũng tại vọng gác này, nghĩa quân đã chứng kiến tài bắn súng xuất chúng của Hoàng Đình Kinh. Núi Tay Ngai cũng là nơi diễn ra một số trận đánh Pháp của nghĩa quân Cai Kinh vào năm 1886.

---

<sup>87</sup>. Nguyễn Trường Thanh, Kỳ tích Chi Lăng, Nxb Văn học. H. 1995

Hiện nay địa điểm núi Tay Ngai đã được cơ quan chức năng cắm biển báo giới thiệu di tích, nhưng vị trí chưa chính xác, cần được xác định lại.

#### *6. Di tích đồn Than Muội*

Đồn Than Muội thuộc thôn Than Muội, xã Quang Lang (nay thuộc thị trấn Đồng Mô), huyện Chi Lăng. Vị trí đồn Than Muội nằm bên đường quốc lộ 1A, cách đường rẽ vào thị trấn Đồng Mô khoảng 6 km về phía Nam. Nơi đây có ngã tư giao nhau giữa quốc lộ 1A (mới) với đường tỉnh lộ 279 đi Tân Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Vị trí đồn Than Muội nằm trên một quả đồi cao khoảng 100m so với mặt bằng xung quanh, có diện tích khoảng 5 ha. Xung quanh đồi được trồng cây lâm nghiệp. Đỉnh đồi có mặt bằng rộng hơn 5000 m<sup>2</sup>, chính nơi đây là khu vực đồn Than Muội trước kia, một đồn lớn của địch ở huyện Ôn Châu (nay là Chi Lăng). Từ giữa thập niên 80 của thế kỷ XX, vị trí mặt bằng đồn Than Muội xưa đã được sử dụng xây dựng Nghĩa trang liệt sĩ của huyện Chi Lăng. Ngay chân đồi xây dựng một nhà quản trang, cạnh nhà quản trang có biển báo giới thiệu về di tích đồn Than Muội.

Theo tài liệu lưu trữ và lời kể của nhân dân, đồn Than Muội là nơi ghi dấu hai chiến công nổi tiếng của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh: Một là chiến công của ông cùng những người tâm phúc đã lập mưu diệt phỉ Lý Dương Tài từ Trung Quốc tràn sang khi đó đóng tại đồn Than Muội; Hai là chiến công của nghĩa quân, vào cuối tháng 5-1886, dưới sự chỉ huy của Hoàng Đình Kinh đã tập kích, bao vây đồn Than Muội và chặn đánh quân tiếp viện của Phap từ Lạng Sơn xuống giải vây, gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề.

#### *7. Di tích đồn làng Chiềng*

Địa điểm đồn làng Chiềng (nay thuộc thôn Lạng Nấc, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng) nên còn có tên là đồn Lạng Nấc. Vị trí đồn cách thị trấn Đồng Mô 5 km về phía Bắc, nằm trên một quả đồi cao khoảng gần 100 m. Ngay dưới chân đồi là Trường mầm non xã Mai Sao (Chi Lăng).

Theo các tài liệu và lời kể của người dân địa phương: một đêm tối trời vào cuối tháng 4 (khoảng 1885), nghĩa quân từ Bằng Mạc kéo ra tấn công tiêu diệt gọn đồn, thu được nhiều vũ khí rồi rút an toàn về khu căn cứ.

## **2. Địa bàn huyện Hữu Lũng**

### *8. Khu Di tích dãy núi Cai Kinh*

Dãy núi Cai Kinh (xưa là núi Đồng Nai) là trung tâm của Khu căn cứ khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh. Đây là dãy núi đá vôi thuộc sơn khối cánh cung Bắc Sơn, trải rộng trên địa bàn các huyện: Hữu Lũng, Chi Lăng, Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn thuộc tỉnh Lạng Sơn và sang tận một số khu vực thuộc tỉnh Thái Nguyên. Dãy núi Cai Kinh có địa hình hiểm trở, gồm nhiều ngọn núi cao, nối tiếp nhau trùng điệp, có nhiều hang động và đèo dốc, đi lại rất khó khăn. Đây là thế đất ta tiến thì dễ, giặc đánh thì khó, rất thuận lợi để làm khu căn cứ đánh giặc của nghĩa quân.

Tại các căn cứ thuộc dãy núi Cai Kinh, từ năm 1884 đến 1888 nghĩa quân đã tổ chức nhiều cuộc tấn công quân Pháp. Điển hình như: Trận phục kích quân Pháp tại cầu Quan Âm –và đồn Bắc Lệ (tháng 6-1884); đánh bại các cuộc tấn công của quân Pháp vào khu căn cứ Đàng Yên, Đàng Sơn trong các năm 1886, 1887; trận đánh đồn Than Muội, xã Quang Lang (5-1885), đồn Làng Chiềng (Lạng Nặc) xã Mai Sao, (4-1886), v.v...

### *9. Nhà thờ Tổ họ Hoàng Đình.*

Nhà thờ Tổ họ Hoàng Đình, do con cháu họ Hoàng Đình ở làng Cường, thôn Việt Thắng, xã Hòa Lạc, xây dựng vào năm 2014. (Tuy là công trình mới xây dựng, nhưng gắn với nguồn gốc, lai lịch Hoàng Đình Kinh, nên cần được xếp là một địa điểm thuộc Khu di tích).

Nhà thờ tọa lạc trên khu đất có diện tích 412 m<sup>2</sup>, cách đền quan Giám Sát 20m về phía Bắc, thuộc địa phận thôn Việt Thắng, xã Hòa Lạc. Nhà thờ nhìn hướng Đông, với diện tích 60 m<sup>2</sup> được xây dựng theo lối kiến trúc truyền thống, gồm ba gian, 4 mái, đầu đao 4 góc mái được tạo thế vuốt cong, chính giữa đỉnh mái

có biểu tượng rồng châu mặt nguyệt. Toàn bộ khung mái được làm bằng bê tông cốt thép sơn giả gỗ, lợp ngói mũi hài màu đỏ. Nhà thờ mở ba cửa, tương ứng với ba gian. Cánh cửa bằng gỗ tứ thiết, phía trên cửa chính có bức đại tự 5 chữ quốc ngữ: “Nhà thờ tổ họ Hoàng Đình”. Bên trong có 4 đôi câu đối, đều được sơn son thếp vàng. Về bài trí các ban thờ: gian giữa thờ Tổ họ Hoàng Đình, gian bên trái (từ trong nhìn ra) thờ Hoàng Đình Kinh, gian bên phải thờ cụ Tổ ngoại. Bên ngoài có khuôn viên, sân rộng 200 m<sup>2</sup>, nhà quản lý diện tích 40 m<sup>2</sup>.

#### *10. Địa điểm chân núi Hang Đỏ*

Chân núi Hang Đỏ thuộc dãy núi Cai Kinh, cách đường quốc lộ số 1 khoảng trên 200 m, thuộc địa phận thôn Việt Thắng – Hang Đỏ, xã Hòa Lạc, huyện Hữu Lũng.

Theo nhân dân truyền lại, một số trận đánh đã diễn ra tại khu vực chân núi Hang Đỏ, trong đó có trận do một viên tướng trẻ của nghĩa quân tên là Nông Bản Xuân chỉ huy. Với một lực lượng nhỏ nhưng với tài trí của mình, Nông Bản Xuân đã chỉ huy lực lượng nghĩa quân đánh thắng một cánh quân chủ lực của Pháp khi chúng đến khu vực chân núi Hang Đỏ. Sau chiến công này Nông Bản Xuân được Hoàng Đình Kinh tặng một tấm vải hồng điều thêu chỉ vàng khoác lên người mỗi khi ra trận chỉ huy chiến đấu, nên ông thường được gọi là “Viên tướng áo đỏ”. Sau ông hy sinh trong một trận đánh chặn quân Pháp khi chúng tiến vào căn cứ của nghĩa quân tại địa điểm ba cây Bò Hòn, cách cầu Quan Âm gần 500m về phía Nam.

#### *11. Di tích đồn Bắc Lệ*

Di tích đồn Bắc Lệ thuộc địa phận thôn Bắc Lệ, xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng. Căn cứ tư liệu điền dã thực tế tại địa phương, hiện nay di tích đồn Bắc Lệ chỉ còn lại dấu tích. Vị trí của đồn Bắc Lệ xưa, hiện nay chính là vị trí trụ sở UBND xã Tân Thành. Theo lãnh đạo UBND xã Tân Thành cho biết: Khi đào móng để xây dựng trụ sở UBND xã còn thấy dấu tích móng Boong ke đồn Bắc Lệ trước đây. Di tích đồn Bắc Lệ gồm có hai đồn: Đồn phía Đông và đồn phía Tây. Đồn phía Đông là vị trí UBND xã Tân Thành hiện nay; đồn phía Tây cách UBND xã (vị trí đồn

phía Đông) khoảng 1km về phía Tây, nằm trên đỉnh một đồi đất thấp, cách đường Bắc Lệ đi thị trấn Hữu Lũng, khoảng 100m.

Đồn Bắc Lệ là nơi diễn ra trận đánh quân Pháp của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh sau trận đại bại của chúng ở cầu Quan Âm, sông Hóa (6-1884).

### *12. Địa điểm Chấn Ong - Đèo Phiêu*

Địa điểm Chấn Ong thuộc địa phận xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng. Đây là một địa điểm nằm trong khu vực Đèo Phiêu, con đường chính, trục diện từ quốc lộ 1A đi vào ba xã khu căn cứ nghĩa quân. Đây là con đường độc đạo men theo giữa một bên là rừng cây rậm rạp, núi đá cao, vách đá cheo leo và một bên là vực sâu do con suối Mỏ Phiêu từ Yên Vượng chảy ra.

Theo nhân dân kể lại, trên con đường này Hoàng Đình Kinh đã thiết lập những trạm canh gác bảo vệ khu căn cứ và tổ chức những trận đánh quân địch tấn công vào căn cứ, trong đó, Chấn Ong và Mỏ Phiêu thường được chọn làm các địa điểm chặn đầu, khóa đuôi trong các trận phục kích quân giặc. Nghĩa quân đã dùng các loại bẫy tro độc, trộn ớt bột, vôi bột, nhất loạt trùm xuống đầu quân giặc, làm cho đội hình chúng rối loạn, không nhìn thấy đường, rồi dùng hệ thống bẫy đá lăn từ trên núi cao vách đứng đổ xuống đầu giặc... bảo vệ an toàn khu căn cứ nghĩa quân.

### *13. Địa điểm đồn Phó Toóng*

Đồn Phó Toóng thuộc thôn Chục Quan, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng ngày nay. Hiện nay địa điểm đồn Phó Toóng chỉ còn lại một số dấu tích của đồn có chu vi hình vuông mỗi cạnh dài hơn 20m, chân móng đồn được xây bằng đá xanh tự nhiên. Dấu tích đồn nằm cách đường liên thôn khoảng 50 m.

Theo các tư liệu lịch sử và khảo sát thực tế tại địa phương, đồn Phó Toóng là một địa điểm có vị trí quan trọng trong hệ thống các địa điểm thuộc Khu căn cứ khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh tại khu vực ba xã Tam Yên. Theo bài viết của Nhật Nham - Trịnh Như Tấu trên Tạp chí Tri Tân số 16/1941, tại đồn Phó Toóng vào

khoảng cuối năm 1885, 1886, nghĩa quân Hoàng Đình Kinh đã tham gia vào việc bảo vệ Vua Hàm Nghi và hoàng thúc Tôn Thất Thuyết cùng đoàn tùy tùng tới tạm trú tại căn cứ chống Pháp của mình ở đồn Phố Toóng.

Tuy nhiên theo các tài liệu lịch sử, vua Hàm Nghi mới chỉ ra đến được Quảng Bình, Hà Tĩnh rồi bị bắt, chứ chưa ra đến các tỉnh Bắc Kỳ. Nhưng rất có thể đây là đoàn của hoàng thúc Tôn Thất Thuyết và tùy tùng trên đường sang Trung Quốc cầu viện mà thôi. Theo bài viết của Nhật Nham, trong thời gian này, quân Pháp đã 2 lần tổ chức tấn công vào khu căn cứ của nghĩa quân: Lần thứ nhất chúng huy động hơn 1000 quân theo đường Bắc Lệ tiến vào. Lần thứ hai chúng huy động hơn 5000 quân theo đường Bồ Hạ kéo sang. Cả hai lần chúng đều bị nghĩa quân Hoàng Đình Kinh do Thống Luận chỉ huy, tổ chức phục binh đánh bại ở khu vực suối Dọc thuộc tổng Chi Quan và đồn Khôn Lâu trên bờ sông Rong (còn gọi là sông Trung), giữ vững an toàn cho khu căn cứ.

#### *14. Địa điểm Hút Cai Hai*

Hút Cai Hai thuộc địa phận thôn Chục Quan, xã Yên Vượng, nằm sát chân núi đá có vách dựng đứng, cạnh Khuyên Cai Hai (bản doanh của Cai Hai, một tướng chỉ huy của nghĩa quân). Đây là 1 hang đá nhỏ (hút) có nguồn nước ngầm tự nhiên trong vạt, như một giếng nước, quanh năm không bao giờ cạn. Hút ăn sâu vào trong lòng núi, cửa rộng khoảng hơn 2m<sup>2</sup>, hướng ra phía cánh đồng lúa. Bờ bao quanh phía trước cao hơn mặt ruộng khoảng hơn 1 m. Hiện nay Hút Cai Hai đã bỏ hoang không có người sử dụng. Phía trước cây cối, dây leo mọc um tùm che khuất.

Theo người dân địa phương, thời kỳ căn cứ của nghĩa quân được xây dựng tại địa bàn Đăng Yên, Đăng Sơn (Yên Vượng, Yên Sơn, Yên Thịnh ngày nay), cánh quân Cai Hai đóng tại đây, “Hút Cai Hai” là nơi cung cấp nguồn nước sinh hoạt quanh năm cho nghĩa quân.

#### *15. Địa điểm Hang Cầu (còn gọi hang Huyện Kinh)*

Địa điểm hang Cầu (còn gọi hang Huyện Kinh), là một cụm hang đá (gồm 5 hang lớn nhỏ) nằm trong dãy núi Cai Kinh thuộc khu vực thôn Làng Cầu, xã Yên Thịnh, cách trụ sở UBND xã khoảng hơn 1 km. Đây chính là Trung tâm đại bản doanh của Hoàng Đình Kinh thời kỳ nghĩa quân chuyển về đóng tại các xã Đằng Yên, Đằng Sơn. Nơi đây trước kia là một làng, có khá đông dân cư sinh sống (làng Cầu – cũng có người gọi Đồng Cầu). Phía sau là quả núi cao to, bao quanh. Phía trước cách chân núi khoảng 200 m là một con suối sâu, bờ cao, quanh năm có nước chảy, như một con hào thiên tạo bảo vệ đại bản doanh. Qua suối vào phía chân núi nay là thửa ruộng cạn người dân gọi là “ruộng đạn chì”. Trong chân núi là hệ thống hang động có đến 5 hang đá, cách nhau từ 4 đến 10 m, các hang có độ rộng hẹp, nông sâu khác nhau, nhiều ngõ ngách. Cụm hang này gọi là Hang Cầu hay hang ông Huyện. Tương truyền Hoàng Đình Kinh đã sử dụng các hang này làm hệ thống kho tàng chứa vũ khí, đạn dược, lương thực thực phẩm... của nghĩa quân. Trên lưng chừng núi cách mặt đất khoảng hơn 50 m là một hòm đá khá rộng, có mái che, đủ để cư trú, sinh hoạt và làm việc. Hoàng Đình Kinh thường trú tại hòm đá này, đến nay người dân nơi đây vẫn gọi là “Khuyên Huyện Kinh”. Từ “Khuyên Huyện Kinh” có thể quan sát bao quát cả một vùng rộng lớn trước mặt, nhìn xa tới vài km, và vượt qua núi sang phía sau là khu vực hang Dơi, từ đây có thể đi đến nhiều địa điểm khác nhau thuộc dãy núi Cai Kinh.

Tại đại bản doanh Hang Cầu, Hoàng Đình Kinh cùng bộ chỉ huy đã lãnh đạo nghĩa quân xây dựng khu Đằng Yên, Đằng Sơn thành một căn cứ vững chắc, tạo nên thế trận liên hoàn bảo vệ an toàn cho nghĩa quân và từ đây nghĩa quân tỏa ra đi đánh chiếm các đồn của quân Pháp ở các khu vực xung quanh, giành nhiều thắng lợi, gây cho Pháp nhiều tổn thất nặng nề.

#### *16. Địa điểm Thác Bèn*

Thác Bèn nay thuộc thôn Tân Hội, xã Nhật Tiến (trước đây Thác Bèn thuộc địa phận xã Khôn Lâu - nay là xã Đồng Tân). Thác Bèn cắt ngang dòng sông Trung (còn gọi sông Rong). Đây là một đoạn sông rộng, mực nước nông, trước đây, mùa khô người ngựa có thể qua lại dễ dàng. Ngược lên phía trên vài trăm mét có đoạn sông thắt nhỏ lại, người dân địa phương đóng cọc, thành một đập nước chắn ngang sông làm sa bắt cá, gọi là Sa Làng.

Theo sách “*Bắc Giang địa chí*” của Nhật Nham - Trịnh Như Tấu, (1937), và bài viết của Nhật Nham trên Tạp chí Tri Tân (số 16, ngày 26/9/1941), khi nói về hai trận đánh do Thống Luận – một viên tướng của nghĩa quân Cai Kinh chỉ huy, nhằm bảo vệ Vua Hàm Nghi và Hoàng thúc Tôn Thất Thuyết cùng đoàn tùy tùng trong thời gian tới tạm trú tại đồn Phó Toóng, trong đó có trận phục kích quân Pháp ở đồn Khôn Lâu trên bờ sông Rong (sông Trung). Theo các nguồn tư liệu trên thì đây chính là trận phục kích quân Pháp ở Thác Bèn đã được tác giả Nguyễn Quang Huynh sưu tầm, viết thành truyện “*Thủy thần xung trận*”, in trong tập “*Mũi tên thần*”. Nghĩa quân do Thống Luận chỉ huy, đã lợi dụng địa thế đặc biệt của đoạn sông tại địa điểm Thác Bèn và Sa Làng để bố trí trận địa mai phục hai bên bờ sông. Trận đánh kết thúc thắng lợi, nghĩa quân đã đánh tan đọt tấn công của quân Pháp, tiêu diệt và bắt sống nhiều tên địch, thu vũ khí, quân trang quân dụng của chúng, bảo vệ an toàn khu căn cứ.

### **3. Địa bàn huyện Bắc Sơn**

#### *17. Di tích Lân Lắc*

Lân Lắc là một thung lũng rộng lớn, trải dài từ thôn Nội Hòa đến thôn Trí Yên của xã Bắc Sơn, (huyện Bắc Sơn), xung quanh được bao bọc bởi dãy núi đá vôi. Nơi đây ghi dấu những hoạt động của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh thuộc cánh quân Bắc Sơn dưới sự chỉ huy của Hoàng Thái Nhân và Hoàng Thái Nam. Trong những năm từ 1883 – 1890. Quân Pháp nhiều lần tổ chức tấn công vào khu căn cứ Lân Lắc nhưng đều bị nghĩa quân đánh lui. Năm 1894, địch lại mở cuộc hành quân càn quét đại quy mô đánh vào vùng căn cứ, do tên Gam-li-ê-mi (Gamliémi) chỉ



huy. Chúng tập trung tới 3 binh đoàn bộ binh, với trên 1600 quân có pháo binh hiệp đồng tác chiến. Cuộc vây quét, đánh phá kéo dài suốt 12 ngày đêm. Hai bên chiến đấu giằng co rất ác liệt, quân Pháp bị thiệt hại nặng. Nhưng một số tướng sĩ của nghĩa quân đã anh dũng hy sinh, tướng Hoàng Thái Nhân bị tử trận. Cuối cùng địch phá được khu căn cứ Lân Lắc. Tên Gam-li-ê- ni tự đắc coi đó là “một kỳ công quân sự” của hắn ở Bắc Kỳ.

#### *18. Di tích đèo Keng Giàn*

Đèo Keng Giàn nằm trên địa phận thôn Lân Đật, xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn, cách trung tâm huyện Bắc Sơn 10 km. Đây là một đoạn đường đèo nhỏ hẹp, khá dốc, hai bên là vực sâu, cây cối rậm rạp, dài khoảng 4 km, từ chân đèo thuộc địa phận thôn Lân Đật, xã Trấn Yên (Bắc Sơn), đến điểm cuối đèo thuộc địa phận huyện Văn Quan. Hiện nay Đèo Keng Giàn còn lưu lại một số đoạn mặt đường xếp bằng đá xanh.

Tại đèo Keng Giàn đã diễn ra một số trận đánh giữa nghĩa quân Cai Kinh và quân Pháp, tiêu biểu là trận đánh diễn ra vào tháng 12/1887, quân Pháp tập trung binh lực từ Lạng Sơn, Thất Khê, Thái Nguyên tiến đến bao vây nhằm tiêu diệt căn cứ và lực lượng của nghĩa quân tại khu vực Lân Lắc xã Bắc Sơn. Nghĩa quân Cai Kinh đã anh dũng chiến đấu tiến công quân Pháp khi chúng tới khu vực đèo Keng Giàn. Trong trận này, tên đại tá Duy-gi-en (Alphonse Dugenne) nổi tiếng tàn bạo, gian ác đã bị một toán nghĩa quân, bắn chết tại đèo Keng Dàn, xã Trấn Yên, (Bắc Sơn).

#### **4. Địa bàn huyện Bình Gia**

##### *19. Di tích hang Thẩm Khoách*

Hang Thẩm Khoách thuộc địa bàn thôn Tòng Chu 2, tổng Cam Thủy, (nay là xã Hoàng Văn Thụ), huyện Bình Gia. Đây là một hang đá lớn nằm trong lòng dãy núi Nà Hoan. Hang vừa rộng vừa sâu, có nhiều ngõ ngách, có thể chứa được tới hàng ngàn người và có cửa thông sang đến phía bên kia sườn núi, chiều dài hang khoảng hơn 1 km. Phía sau của hang là 1 thung lũng rộng, khá bằng phẳng, có núi

đá bao bọc. Thời kỳ chống Mỹ cứu nước, Quân đội ta đã sử dụng và cải tạo hang này làm kho chứa đựng vũ khí phục vụ chiến trường. Nền hang được làm thành đường, rộng khoảng hơn 4 m. Các loại ô tô trọng tải từ 4 - 5 tấn có thể qua lại dễ dàng trong lòng hang từ cửa phía trước sang cửa phía sau.

Theo các tài liệu thu thập được, vào những năm 1870 thế kỷ XIX, Cai tổng Hoàng Quế Thọ đã đứng lên tập hợp nhân dân tổng Cam Thủy và vùng xung quanh tổ chức chiến đấu chống lại giặc cướp, giặc Phỉ bảo vệ quê hương. Giai đoạn này hang Thảm Khoách đã được Hoàng Quế Thọ và nghĩa quân xây dựng làm căn cứ để chống Phỉ và là nơi trú ẩn cho nhân dân địa phương. Hoàng Quế Thọ đã chỉ huy nghĩa quân lấy đá học xếp lên thành một bức tường đá lớn chắn ngoài cửa hang để bảo vệ và thường đưa quân sang thung lũng phía cửa sau hang để luyện tập. Hang Thảm Khoách là căn cứ của cánh quân Hoàng Quế Thọ và là nơi che chở bảo vệ an toàn cho dân làng. Khi Hoàng Đình Kinh dựng cờ khởi nghĩa, Hoàng Quế Thọ đã tập hợp lực lượng, gia nhập nghĩa quân Hoàng Đình Kinh đánh Pháp.

Theo hậu duệ của Hoàng Quế Thọ cho biết: Khi khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh nổ ra, vào tháng 8 năm Quý Mùi (1883) Hoàng Quế Thọ đã đưa lực lượng của mình gia nhập nghĩa quân Cai Kinh, tham gia chiến đấu, lập nhiều chiến công và đã anh dũng hy sinh trong một trận chiến đấu với quân Pháp tại địa bàn huyện Hữu Lũng vào thời gian khoảng cuối năm 1884, đầu 1885.

Ngoài những dấu ấn về đánh Phỉ và chống Pháp, hang Thảm Khoách còn là một di chỉ Khảo cổ học đã được các nhà khoa học phát hiện và khai quật vào năm 1906, thu được nhiều hiện vật của nền Văn hóa Bắc Sơn có niên đại cách ngày nay khoảng từ 11.000 đến 9.000 năm. Hang Thảm Khoách đã được xếp hạng Di tích cấp tỉnh theo Quyết định số 41/2002/QĐ-UB, ngày 2-10-2002 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

## **5. Địa bàn huyện Cao Lộc**

### *20. Di tích Pò Coọc Mu*

Địa điểm đồi Pò Cọc Mu (tiếng địa phương có nghĩa là đồi Chuông lợn), trước đây thuộc địa phận bản Lê, thôn Khuổi Phiêng, xã Mẫu Sơn, (nay thuộc địa phận thôn bản Lê – bản Hóa, xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc. Đây là một quả đồi đất cao khoảng 50 m so với khu vực xung quanh, có diện tích khoảng hơn 5 ha. Hiện nay đồi Pò Cọc Mu được nhân dân địa phương sử dụng trồng cây lâm nghiệp, chân núi phía Nam có 2 hộ dân sinh sống. Đồi Pò Cọc Mu cách đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc khoảng 5 km. Từ Pò Cọc Mu theo đường mòn qua đồn biên phòng Nà Phja đến cột mốc phân giới Việt – Trung số 1214, từ đây có thể sang Ái Điem - Trung Quốc, cách Ái Điem khoảng 17 km.

Đồi Pò Cọc Mu là căn cứ của nghĩa quân Cai Kinh ở phía Bắc Lạng Sơn. Nơi đây vừa là căn cứ để chống Pháp vừa là nơi nghĩa quân qua lại biên giới Việt Nam - Trung Quốc để giao dịch mua bán, vận chuyển vũ khí từ Ái Điem (Trung Quốc) về Nà Phja, và tập kết tại Pò Cọc Mu, rồi vận chuyển về cung cấp cho nghĩa quân Hoàng Đình Kinh và một số lực lượng nghĩa quân khác đánh Pháp.

Theo ông Dương Chấn Pảo người xóm Khuổi Đeng, thôn Khuổi Phiêng, xã Mẫu Sơn – nguyên Trưởng Công an xã Mẫu Sơn, được ông nội là Dương Phú Long (1887 – 1979) kể lại: khoảng năm 1886, 1887, tại khu vực này đã diễn ra hai trận đánh Pháp của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh: Trận ở khu vực thôn Nà Nầm, xã Xuất Lễ và trận ở khu vực Ba Sơn, xã Cao Lâu. Tại khu vực này quân Pháp tập trung lực lượng khá lớn và liên kết với quân Thanh ở Long Châu, Quảng Tây, nên nghĩa quân hoạt động rất khó khăn. Các hoạt động của nghĩa quân chủ yếu nhằm bảo vệ việc vận chuyển vũ khí từ bên kia biên giới về Pò Cọc Mu, rồi chuyển tiếp về căn cứ của nghĩa quân ở Hữu Lũng.

## **6. Địa bàn huyện Văn Lãng**

### *21. Di tích núi Khau Khú*

Núi Khau Khú (còn gọi cao điểm 849), trước đây thuộc địa bàn xã Hành Thanh, huyện Thoát Lãng. Từ năm 1964, sáp nhập hai huyện Văn Uyên và Thoát

Lãng thành huyện Văn Lãng, hai xã Hành Thanh và Phượng Long thành xã Thanh Long, hai thôn Khau Khú và Khòn Slung thành thôn Khau Slung. Do vậy ngày nay núi Khau Khú thuộc địa phận thôn Khau Slung, xã Thanh Long, huyện Văn Lãng, (Lạng Sơn), cách biên giới Việt – Trung khoảng 3km, cách trung tâm thị trấn Na Sầm 9 km và cách thành phố Lạng Sơn 35 km.

Khau Khú là một quả núi đất cao, có diện tích trải rộng trên địa bàn ba xã và một thị trấn, gồm các xã Thanh Long, Tân Thanh, Hoàng Việt và thị trấn Na Sầm (huyện Văn Lãng). Đỉnh Khau Khú cao 849 m so với mặt nước biển – đây là điểm cao nhất trong dãy núi thuộc khu vực huyện Văn Lãng. Đứng trên đỉnh núi Khau Khú nếu thời tiết đẹp, có thể nhìn sang được thị trấn Bằng Tường (Trung Quốc), quan sát được phần lớn đường số 4 đoạn qua huyện Văn Lãng và toàn bộ khu vực thị trấn Na Sầm. Hiện nay núi Khau khú vẫn giữ được những nét hoang sơ với cảnh sắc hùng vĩ, khí hậu mát mẻ bốn mùa. Trên đỉnh Khau Khú hiện vẫn còn dấu tích 1 lô cốt rộng khoảng 4m<sup>2</sup>, cùng hệ thống hầm hào xung quanh. Theo nhân dân địa phương đây là cứ điểm quân sự bảo vệ cho khu vực thị trấn Na Sầm và xã Tân Thanh.

Theo các tư liệu lịch sử, vào những năm 1884 - 1888, cánh quân vùng Văn Lãng – Cao Lộc của nghĩa quân Cai Kinh đã chọn địa điểm núi Khau Khú làm căn cứ để đánh Pháp. Tại khu vực này và khu vực đường số 4 đoạn chạy qua huyện Văn Lãng đã diễn ra một số trận đánh Pháp của nghĩa quân Cai Kinh như: Trận phục kích đoàn vận tải của quân Pháp trên đường từ Đồng Đăng đi Na Sầm vào tháng 5-1886 tại khu vực thôn Tà Lại, Pác Luống xã Tân Mỹ, diệt nhiều tên Pháp.

Sách *Địa chí Lạng Sơn*, (1999) viết: “Tháng 7-1886, tại hai căn cứ Pò coọc Mu ở Mẫu Sơn (Cao Lộc) và Khau Khú (Thoát Lãng) của nghĩa quân, đại tá Séc-vi-ê (Serviere) nhiều lần xua lính đến vây quét, nhưng đều bị đánh bật ra ngoài”; “Các khu căn cứ của Cai Kinh ở vùng núi Bắc Sơn, ở Khau Khú châu Thoát Lãng,

ở Pò Cọc Mu huyện Cao Lộc là những nơi có phong trào chống Pháp mạnh nhất thời kỳ cuối thế kỷ XIX ”.[64, tr. 234].

Hiện nay UBND huyện Văn Lãng đã chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành khảo sát xây dựng Dự án phát triển du lịch tại khu vực núi Khau Khú.

### **Một số địa điểm liên quan đến cuộc khởi nghĩa**

Ngoài những địa điểm, di tích tiêu biểu liên quan đến cuộc khởi nghĩa và thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh nêu trên, trong suốt quá trình diễn ra cuộc khởi nghĩa từ năm 1882 đến 1888, còn có những địa danh, tên người, tên núi, sông... đã gắn với lịch sử chống Pháp của nghĩa quân Cai Kinh. Xin nêu một số trong những địa danh này như:

1. *Địa điểm bãi đất Cầu Giát*: thuộc địa bàn thôn Việt Thắng, xã Hòa Lạc, (Hữu Lũng). Trong trận cầu Quan Âm diễn ra ngày 24-6-1884, khi quân Pháp đã tổ chức vượt sông Hóa tới đây đã rơi vào trận địa mai phục của nghĩa quân Cai Kinh gây cho chúng bị tổn thất nặng nề.

2. *Địa điểm Ba cây Bò Hòn*: nằm cạnh đường quốc lộ 1A ngày nay thuộc địa phận thôn Cây Hồng, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng. Đây là địa điểm diễn ra một số trận đánh quân Pháp của nghĩa quân Cai Kinh. Tại đây trong một trận chiến đấu với quân Pháp, một viên tướng của nghĩa quân là Nông Bản Xuân (viên tướng Áo Đỏ) đã anh dũng hy sinh khi đang chỉ huy chiến đấu.

3. *Địa điểm Đèo Lừa*: thuộc địa phận giáp ranh giữa thôn Đồng Ngầu xã Cai Kinh và thôn Làng Loi, xã Yên Sơn (Hữu Lũng). Đây là 1 một trong 3 cửa ngõ từ đường quốc lộ 1A có thể vào được khu căn cứ Đàng Yên – Đàng Sơn của nghĩa quân. Nơi đây đã diễn ra những trận chiến đấu quyết liệt, mưu trí của nghĩa quân chống quân Pháp khi chúng tiến đánh vào khu căn cứ.

4. *Địa điểm Đèo Loi*: thuộc địa phận thôn Làng Loi, xã Yên Sơn, huyện Hữu Lũng. Từ Đèo Loi có đường đèo hiểm trở, ngoắt ngoéo 12 chữ chi (Z), vượt qua

Lân Nóng, sang làng Gia, thuộc địa phận xã Y Tịch, huyện Chi Lăng. Đây là con đường được nghĩa quân thường từ trung tâm căn cứ vượt đèo Loi, sang Y Tịch, ra Bằng Mạc để tiến công vào các đồn của quân Pháp ở Than Muội, xã Quang Lang vào ngày 31/5/1886, và đồn Làng Chiềng – nay thuộc thôn Lạng Nắc, xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, vào tháng 6/1886.

5. *Địa điểm Ruộng đạn Chì*: thuộc địa phận làng Cầu, xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng. Đây là khu đại bản doanh của nghĩa quân Cai Kinh đồng thời là nơi làm kho cất giấu vũ khí của nghĩa quân. Sau này trong khi làm ruộng người dân đã phát hiện nhiều mảnh chì to, nhỏ lẫn vào đất ruộng nên gọi là Ruộng đạn chì.

6. *Địa điểm Đèo Tam Keng*: thuộc địa phận thôn Lân Luông, xã Long Đống, huyện Bắc Sơn. Đây là đoạn đèo nằm trên quốc lộ 1B, nơi giáp ranh giữa hai huyện Bình Gia và Bắc Sơn. Tại đây, tháng 12 năm 1887, quân Pháp tập trung lực lượng mở cuộc tiến công vào căn cứ của nghĩa quân ở Lân Lắc, xã Bắc Sơn. Nghĩa quân Cai Kinh do Hoàng Thái Nhân và Hoàng Thái Nam chỉ huy đã dựa vào địa hình hiểm trở chặn đánh quân Pháp tại đèo Tam Keng, tiêu diệt nhiều sinh lực, bẻ gãy cuộc tiến công của giặc Pháp, bảo vệ an toàn khu căn cứ của nghĩa quân ở Lân Lắc.

7. *Địa điểm Phja Khuyên*: Thuộc địa bàn thôn Cốc Mặn, xã Mông Ân, huyện Bình Gia. Phja Khuyên là một quả núi cao khoảng hơn 100 m. Từ chân núi đi lên lưng chừng núi chỉ có một con đường độc đạo. Trên con đường ấy có một kè đá cao do người dân xếp đá tạo thành, để vừa chống giặc cướp vừa cho người dân trong thôn trú ẩn mỗi khi có giặc cướp đến quấy phá. Xã Mông Ân khi đó thuộc tổng Hóa Nhân. Cai tổng Tổng Hóa Nhân lúc đó là Hoàng Kim Tồn đã phối hợp với Cai tổng Hoàng Quế Thọ tổng Cam Thủy để vận động và lãnh đạo nhân dân hai tổng chống giặc Phi và cướp. Theo người dân địa phương kể lại: Vào những năm cuối của thập niên 1870, đầu thập niên 1880, tại khu vực này thường có giặc Hồ Slám Choóng (tiếng Tày gọi là Tác Tài Ngàn) từ Trung Quốc tràn sang, cướp của cải, giết hại nhân dân. Lần ấy vào ngày 28/3 năm Canh Thìn (1880), khi giặc Phi kéo

đến cướp phá, Cai tổng Hoàng Kim Tôn đi vắng, người dân địa phương chạy lên núi Phja Khuyên trú ẩn và chống lại chúng. Nhưng vì không có người chỉ huy, nên người dân địa phương đã bị bọn giặc cướp giết hại gần hết, chỉ còn số ít người may mắn sống sót. (Theo người dân địa phương kể lại thì “số người còn sống trở về ngôi không hết một cây mai”). Từ đó đến nay người dân xã Mông Ân, huyện Bình Gia đã lấy ngày 28 tháng 3 âm lịch hàng năm làm ngày giỗ chung của cả làng.

### **3.2. Danh mục một số hiện vật của cuộc khởi nghĩa**

Danh mục những hiện vật liên quan đến cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh, hiện còn được bảo tồn, lưu giữ.

***- Những hiện vật đang được quản lý, trưng bày tại các Bảo tàng trong và ngoài tỉnh.***

Tổng số 09 hiện vật, (7 hiện vật thể khối; 2 ảnh hiện vật).

#### ***1. Kiếm của nghĩa quân Cai Kinh***

Kiếm của nghĩa quân sử dụng trong trận đánh Pháp tấn công lên Lạng Sơn ngày 26-4-1884 (Trận cầu Quan Âm). Ký hiệu: SKK 185. Hiện được lưu giữ tại Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn.

#### ***2. Súng lệnh của nghĩa quân Cai Kinh***

Dùng để phát hiệu lệnh chiến đấu và báo động trong đánh Pháp, thu được tại căn cứ của nghĩa quân thuộc khu Tam Yên, huyện Hữu Lũng, gồm 02 hiện vật, ký hiệu SKK 3255 và SKK 3256. Hiện được lưu giữ tại Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn.

#### ***3. Súng hỏa mai của nghĩa quân Cai Kinh***

Được nghĩa quân sử dụng trong đánh Pháp, hiện lưu giữ tại Bảo tàng tỉnh Bắc Giang.

#### ***4. Lọ đựng muối ăn***

Nghĩa quân Cai Kinh đã dùng trong thời kỳ xây dựng căn cứ ở Lân Lắc, xã Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Khởi nghĩa Bắc Sơn.

### *5. Nòng súng hỏa mai*

Nghĩa quân Hoàng Đình Kinh đã dùng đánh Pháp thời kỳ năm 1882 – 1888. Ký hiệu: SDK: S8437/KL1006, chất liệu bằng sắt, kích thước dài 1,37 m. Hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia Việt Nam.

6. *Nỏ*. Do nghĩa quân Cai Kinh chế tạo, được sử dụng trong chiến đấu chống Pháp và đã giành thắng lợi nhiều trận. SDK: 405/ĐM62, chất liệu bằng gỗ, kích thước: thân dài 0,85 m, cán dài 1,24 m. Hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia Việt Nam.

### *7. Ảnh hiện vật*

Đó là 02 bức ảnh đen trắng, có kích thước 18 x 24 cm, chụp: Cờ và Tán (lân ở) của Hoàng Đình Kinh, dùng để chỉ huy nghĩa quân trong chiến đấu. Hai ảnh này hiện được lưu giữ tại Bảo tàng lịch sử quốc gia Việt Nam.

### ***- Những hiện vật đang được quản lý, lưu giữ trong nhân dân***

#### *1. Áo vóc vàng của Hoàng Đình Kinh và đôi áo Tàn*

Áo Vóc vàng của Hoàng Đình Kinh do tướng lĩnh nhà Thanh ban tặng, vì ông đã có nhiều công trạng đánh dẹp Thanh phi. Sau khi Hoàng Đình Kinh bị bắt và hy sinh vào tháng 7-1888, nhân dân thôn Làng Giàng, xã Yên Thịnh, đã giữ gìn, bảo quản tấm áo này, sau đó đã may thành 01 đôi áo tàn, được giữ gìn cẩn thận tại chùa Sơn Lộ Tự, thuộc thôn làng Giàng, xã Yên Thịnh. Mỗi năm khi lễ hội Trò Ngô (lễ hội xuân) của Làng Giàng, nhân dân lại đưa ra tế lễ trong lễ hội.

#### *2. Chiêng Đồng*

Chiêng Đồng (còn gọi chiêng Đồng Đình), chất liệu đồng, có đường kính 80cm. Chiêng này được nghĩa quân Cai Kinh dùng để phát hiệu lệnh trong các trận đánh Pháp. Hiện chiêng được lưu giữ tại chùa Sơn Lộ Tự, thôn Làng Giàng, xã Yên Thịnh (Hữu Lũng). Hàng năm đến ngày mở hội Trò Ngô (Làng Giàng) vào ngày mồng 10 tháng Giêng, chiêng lại được mang ra sử dụng.



### 3. Thanh kiếm của Cai tổng Hoàng Quế Thọ

Thanh kiếm của Cai tổng Hoàng Quế Thọ, một tướng chỉ huy của nghĩa quân Cai Kinh đã sử dụng trong đánh Phỉ và Pháp vào thập niên 70, 80 của thế kỷ XIX. Hiện nay thanh kiếm được lưu giữ tại nhà của ông Hoàng Thu (Hậu duệ đời thứ ba của Hoàng Quế Thọ). Ông Hoàng Thu là bố ông Hoàng Văn Tuấn (nguyên là Chủ tịch UBND huyện Bình Gia), hiện ở thị trấn Bình Gia.

### 4. Bộ cờ Tứ Linh: “Long, Ly, Quy, Phượng”

Đây là bộ cờ do Hoàng Đình Kinh tặng cho làng Thượng, xã Hòa Lạc, tổng Thuộc Sơn trước đây. Bộ cờ gồm 12 chiếc cờ đuôi nheo và 4 chiếc cờ tứ linh “Long, Ly, Quy, Phượng” dùng cho lễ hội đầu xuân hằng năm. Hiện nay bộ cờ đã cũ, rách nhưng vẫn được làng lưu giữ cẩn thận và được sử dụng trong lễ hội “Khánh hạ” của làng tổ chức vào ngày 4 tháng Giêng Âm lịch hàng năm.

## 4. PHƯƠNG THỨC CHUYÊN GIAO, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

### 4.1. Phương thức chuyên giao kết quả đề tài

Đề tài nghiên cứu khoa học “*Ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh trong phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ta*” ngoài mục tiêu làm rõ hơn nội dung, ý nghĩa, giá trị, tầm vóc, vai trò của cuộc khởi nghĩa nói chung và thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh nói riêng trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX, kết quả nghiên cứu của đề tài còn hướng tới những ứng dụng mang tính thực tiễn, góp phần tuyên truyền, giáo dục cho các thế hệ và nhân dân các dân tộc Lạng Sơn, nhất là thế hệ trẻ về tinh thần yêu nước, ý chí quật cường, lòng tự hào dân tộc trong xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước đồng thời xác định rõ những di tích hiện vật của cuộc khởi nghĩa nhằm bảo vệ, giữ gìn, khai thác phát huy những giá trị tốt đẹp, nhân văn của cuộc khởi nghĩa, góp phần phục vụ nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng hiện nay và mai sau.

Vì vậy, sau khi đề tài nghiên cứu được nghiệm thu, cần có những giải pháp hữu hiệu nhằm khai thác, phát huy giá trị, ứng dụng kết quả đề tài vào thực tiễn cuộc sống. Chúng tôi xin kiến nghị, đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

**- Sản phẩm kết quả công trình nghiên cứu**

Đề tài hoàn thành thu được những sản phẩm sau:

1. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài.
2. Bản thảo cuốn sách khảo cứu *Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh (1882-1888)*.

3. 6 báo cáo chuyên đề gồm:

- *Chuyên đề 1*: Bối cảnh lịch sử đất nước và vùng Lạng Sơn – Bắc Giang thời kỳ nổ ra cuộc khởi nghĩa. Lai lịch, tiểu sử Hoàng Đình Kinh.

- *Chuyên đề 2*: Sự nghiệp đánh Phi bảo vệ quê hương của Hoàng Đình Kinh

- *Chuyên đề 3*: Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh và sự nghiệp đánh Pháp xâm lược của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh.

- *Chuyên đề 4*: Ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

- *Chuyên đề 5*: Nhận định, đánh giá và những bài học kinh nghiệm rút ra từ cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh. Giải pháp chuyển giao kết quả nghiên cứu.

- *Chuyên đề 6*: Những di tích, hiện vật của cuộc khởi nghĩa cần lưu giữ, xếp hạng, bảo vệ phát huy. Những kiến nghị, đề xuất với các cấp, các ngành chức năng.

**- Phương thức chuyển giao**

Những đối tượng trực tiếp thụ hưởng và tiếp nhận bộ sản phẩm kết quả công trình nghiên cứu gồm:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lạng Sơn.
- Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Lạng Sơn.
- Tỉnh Đoàn Thanh niên Lao động.

- Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh.

Sau khi hoàn thành nghiệm thu, công trình nghiên cứu cần được biên tập, in ấn thành sách, phát hành rộng rãi để phục vụ nhu cầu đọc, tìm hiểu, nghiên cứu của các tầng lớp nhân dân.

Đề xuất: Giao nhiệm vụ cho Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Lạng Sơn – Cơ quan đã chủ trì thực hiện đề tài, tiến hành việc tổ chức biên tập xuất bản các sản phẩm kết quả công trình nghiên cứu.

- Sau khi sách đã xuất bản, cần phân phối, phát hành phát hành rộng rãi đến các cơ quan chức năng, từ đó phân bổ theo các hệ thống ngành dọc, như:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Ban Tuyên giáo các huyện ủy, thành ủy trong tỉnh.

- Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch phối hợp với Phòng Văn hóa – Thông tin các huyện, thành phố trong tỉnh.

- Hệ thống Thư viện bao gồm: thư viện tỉnh, huyện, các trường học, điểm Bưu điện - Văn hóa xã ở cơ sở.

- Sở Giáo dục – Đào tạo phối hợp với Phòng Giáo dục - Đào tạo các huyện, thành phố, các Trung tâm GDTX, các trường học trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các huyện, thành phố.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh triển khai đến các đơn vị trực thuộc, Phòng truyền thống các đơn vị quân đội thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên Phòng và các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn.

- Toàn bộ nội dung của công trình nghiên cứu (gồm file word, hình ảnh, tư liệu gốc có chữ viết, bản scan tư liệu...) sẽ chuyển giao cho Bảo tàng tỉnh lưu giữ, bảo quản có hệ thống để phục vụ nghiên cứu, khai thác và phát huy giá trị một cách hiệu quả, thiết thực.

## 4.2. Kiến nghị, đề xuất với lãnh đạo và cơ quan chức năng tỉnh Lạng Sơn

- Qua nghiên cứu, tìm hiểu cuộc khởi nghĩa, với các tư liệu lịch sử, các tài liệu, công trình nghiên cứu và đánh giá của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, có thể kết luận: Cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đánh phi, chống Pháp cuối thế kỷ XIX, là một trong những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào đấu tranh của đồng bào các dân tộc thiểu số, miền núi vùng Đông Bắc Tổ quốc và phong trào Cần Vương chống thực dân Pháp xâm lược. Cuộc khởi nghĩa đã có đóng góp đáng kể, làm chậm bước tiến của quân Pháp trong tiến trình xâm lược nước ta, có ý nghĩa lịch sử và sự lan tỏa sâu rộng, lâu dài đối với sự nghiệp chống Pháp và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh, người con dân tộc Tày quê hương Xứ Lạng, xứng đáng được vinh danh là một danh nhân tiêu biểu trong phong trào chống Pháp cuối thế kỷ XIX, một người anh hùng của quê hương Xứ Lạng. Vì vậy, sự nghiệp và tên tuổi của Hoàng Đình Kinh cần được ghi nhận, vinh danh, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân nhằm giáo dục, phát huy truyền thống cho các thế hệ hôm nay và mai sau, nhất là thế hệ trẻ. Các di tích, hiện vật gắn liền với hoạt động của nghĩa quân và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh cần được xác định, quản lý, quan tâm đầu tư tôn tạo để phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống, khai thác phát huy. Quê hương nơi sinh ra ông, kể cả dòng tộc của ông và những người có công trong việc giữ gìn, bảo quản, sưu tầm, nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh, cần được quan tâm ghi nhận, có hình thức động viên, khen thưởng xứng đáng.

Hiện nay, cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh đã có một số hình thức ghi nhận, tôn vinh như sau:

- Tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia Việt Nam đang lưu giữ và trưng bày một số hiện vật là vũ khí, tư liệu của nghĩa quân như: nòng súng hỏa mai, nỏ, ảnh chụp lán, cờ của nghĩa quân...; Bảo tàng tỉnh Bắc Giang quản lý và trưng bày nòng súng hỏa mai và bia chiến thắng đội Kép; Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn có súng lệnh và kiếm của

nghĩa quân sử dụng đánh Pháp; Tại Bảo tàng Khởi nghĩa Bắc Sơn lưu giữ, trưng bày lọ đựng muối của nghĩa quân đã sử dụng ở căn cứ Lân Lắc để nuôi quân. Dãy núi đá điệp trùng mang tên núi Đồng Nai, nơi Hoàng Đình Kinh dựng cờ khởi nghĩa và làm căn cứ chống Pháp đã được chính người Pháp đặt tên là “núi Cai Kinh” từ cuối thế kỷ XIX<sup>88</sup> và đã được nhân dân ta đồng tình đề ghi nhớ công lao của người anh hùng quê hương; UBND tỉnh Lạng Sơn đã có quyết định số 41/2002/QĐ-UB ngày 2-10-2002 về việc xếp hạng di tích cấp tỉnh đợt I năm 2002, trong đó có “Khu căn cứ khởi nghĩa Cai Kinh” là dãy núi đá vôi kéo dài từ huyện Hữu Lũng lên đến huyện Chi Lăng. Huyện Hữu Lũng có một đơn vị hành chính (xã Cai Kinh) và 1 con đường (thuộc thị trấn Hữu Lũng) mang tên Cai Kinh; Ngoài ra có 3 cơ sở giáo dục và 1 cây cầu trên địa bàn xã Cai Kinh cũng mang tên ông: Trường Mầm non Cai Kinh, Trường Tiểu học, Trường Trung học cơ sở xã Cai Kinh – (Tuy nhiên những đơn vị này chỉ mang tên với ý nghĩa thuộc địa bàn xã Cai Kinh, chưa mang ý nghĩa kỷ niệm, tôn vinh). Dòng họ Hoàng Đình tại làng Cường, thôn Việt Thắng, xã Hòa Lạc, (Hữu Lũng) năm 2013 đã phối hợp với Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch tổ chức Hội thảo khoa học “*Các bài viết, tư liệu về thân thế, sự nghiệp Hoàng Đình Kinh chống giặc Pháp, phi bảo vệ quê hương cuối thế kỷ XIX*” (ngày 25-4-2013); Năm 2014 dòng họ đã xây dựng Từ đường (Nhà thờ Tổ họ Hoàng Đình) cạnh khuôn viên đền Quan Giám Sát (xã Hòa Lạc) trong đó có ban thờ bài vị Hoàng Đình Kinh.

Như vậy, khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh cũng đã được ghi nhận, tôn vinh ở một số nội dung và hình thức nhất định. Tuy nhiên, so với tầm vóc, ý nghĩa, chiến tích, địa bàn hoạt động cũng như những ảnh hưởng to lớn và lâu dài của cuộc khởi nghĩa đối với phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp mà Hoàng Đình Kinh cùng lực lượng nghĩa quân đã làm nên thì những hình thức ghi nhận vinh danh đó

---

<sup>88</sup> Theo Paul Munier, *Vùng Cai Kinh – Con người và non nước (Le Cai Kinh homme et con- trée)* (tr.3)

còn quá khiêm tốn và thiếu hụt, chưa tương xứng với tầm vóc và công trạng của khởi nghĩa.

Xuất phát từ thực tế đó, xin kiến nghị, đề xuất một số nội dung, công việc cụ thể sau:

1. Đề nghị lãnh đạo tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng (Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Bảo tàng tỉnh) phối hợp với UBND các huyện có liên quan (Hữu Lũng, Chi Lăng, Bắc Sơn, Bình Gia, Văn Lãng, Cao Lộc) tiến hành điều tra khảo sát, khoanh vùng bảo vệ, lập hồ sơ khoa học theo danh mục di tích của Đề tài khoa học đã được nghiệm thu, trình cấp có thẩm quyền quyết định công nhận và bổ sung vào danh mục “Các diềm di tích thuộc Khu di tích khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh” đã được xếp hạng cấp tỉnh năm 2002 và “Danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn” (hiện còn bỏ trống) theo Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 10/1/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Tiến hành lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống bia, biển chỉ dẫn, nội quy bảo vệ và giới thiệu về các diềm di tích để hoàn thiện những căn cứ pháp lý cho công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị của Khu di tích. Lập quy hoạch tổng thể “Khu di tích khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh” theo Nghị định số 166/NĐ-CP, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của chính phủ, trên cơ sở đó tiến hành xây dựng đề án tu bổ, tôn tạo hệ thống các di tích thuộc Khu di tích Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh – tiếp đó xây dựng hồ sơ khoa học trình cấp có thẩm quyền xem xét xếp hạng di tích cấp quốc gia đối với Khu di tích khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh, bảo đảm tương xứng với những giá trị to lớn của khu di tích.

- Tiến hành phục chế những hiện vật đang được quản lý, trưng bày tại các Bảo tàng trong và ngoài tỉnh, trong nhân dân theo danh mục hiện vật của Đề tài đã được nghiệm thu, tiếp tục sưu tầm trong nhân dân những hiện vật có liên quan đến cuộc khởi nghĩa và thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh mới phát hiện để bổ sung vào bộ sưu tập, làm tư liệu trưng bày tại Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn và Nhà lưu niệm Hoàng Đình Kinh...

2. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo ngành Văn hóa phối hợp với huyện Hữu Lũng và dòng họ Hoàng Đình xã Hòa Lạc tiến hành lập dự án xây dựng Khu lưu niệm khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh ở vị trí thích hợp (trung tâm huyện hoặc quê hương Hoàng Đình Kinh), bao gồm các hạng mục:

*Một là:* Khuôn viên với diện tích phù hợp, làm nơi tổ chức các hoạt động, sự kiện, nghi lễ liên quan đến cuộc khởi nghĩa.

*Hai là:* Tượng đài Hoàng Đình Kinh.

*Ba là:* “Nhà lưu niệm khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh” - là nơi trưng bày giới thiệu những hiện vật, tài liệu, hình ảnh, ấn phẩm tuyên truyền liên quan đến cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh.

Đây là công trình mang tính lịch sử - Văn hóa sâu sắc, một địa chỉ đỏ trong hành trình du lịch về nguồn, giáo dục truyền thống. Công trình này có quy mô và ý nghĩa tương tự như khuôn viên tượng đài người anh hùng Hoàng Hoa Thám ở huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Tạo sự kết nối giữa hai điểm tham quan du lịch có liên quan, tương đồng của hai tỉnh Lạng Sơn – Bắc Giang; Tổ chức các *tuor* du lịch tham quan, trải nghiệm, tìm hiểu, nghiên cứu cuộc khởi nghĩa, đáp ứng nhu cầu của du khách trong, ngoài tỉnh và quốc tế, góp phần phát triển kinh tế du lịch của tỉnh Lạng Sơn và của đất nước.

3. Đề nghị Tỉnh ra quyết định chọn ngày Lễ kỷ niệm khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh, được tổ chức hằng năm (hoặc cách năm) nhằm tôn vinh cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh, phục vụ công tác tuyên truyền giáo dục truyền thống và phát triển du lịch.

Đề xuất: có thể chọn 1 trong 2 ngày: Ngày 16-3 (1884) là ngày trận đầu nghĩa quân đánh Pháp và thắng Pháp; hoặc ngày 23 – 6 (1884) là ngày đánh trận cầu Quan Âm – Bắc Lệ, một trận chiến thắng nổi tiếng của nghĩa quân.

4. Đề nghị ghi tên Hoàng Đình Kinh vào danh sách các danh nhân để đặt tên đường phố, trường học và các công trình công cộng khác mang tên Hoàng Đình Kinh tại các địa bàn thích hợp trong tỉnh.

5. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền giáo dục về cuộc khởi nghĩa. Cần chỉnh lý, bổ sung nội dung đưa danh nhân Hoàng Đình Kinh và cuộc khởi nghĩa vào chương trình giáo dục địa phương, dạy cho học sinh, sinh viên trong các trường hệ phổ thông và chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh. Biên soạn, xuất bản các tài liệu giới thiệu về cuộc khởi nghĩa. Hàng năm, nhân ngày Lễ kỷ niệm cuộc khởi nghĩa, tỉnh và các ngành chức năng có kế hoạch mở các đợt tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức cho các thế hệ, nhất là thế hệ trẻ trong các nhà trường, trong lực lượng Đoàn viên thanh niên toàn tỉnh Lạng Sơn, như: tổ chức thi tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa và thân thế, sự nghiệp Hoàng Đình Kinh; thi sáng tác các tác phẩm văn học – nghệ thuật về cuộc khởi nghĩa và người anh hùng Hoàng Đình Kinh, v.v...

6. Có hình thức ghi nhận, biểu dương, khen thưởng tinh thần trách nhiệm, tâm huyết và công sức của các thế hệ thân tộc Hoàng Đình Kinh trong việc giữ gìn, quản lý, tìm hiểu nguồn gốc gia tộc và phát huy truyền thống của người anh hùng Hoàng Đình Kinh, đồng thời biểu dương, khen thưởng những cố gắng của cá nhân các nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa trong và ngoài tỉnh đã có nhiều công sức sưu tầm, nghiên cứu và lưu giữ những hiện vật của cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh góp phần làm rõ lai lịch, thân thế, sự nghiệp của Hoàng Đình Kinh và cuộc khởi nghĩa nhằm khai thác, phát huy những giá trị tốt đẹp, góp phần phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước trong nhiều năm qua.

### **4.3. Kiến nghị đề xuất với các ngành, đơn vị chức năng Trung ương**

Kết quả nghiên cứu của đề tài, nhận thấy có những nội dung, ý nghĩa, tác dụng và ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa vượt ra ngoài phạm vi của tỉnh Lạng Sơn, mang tầm quốc gia. Vì vậy, xin được kiến nghị lãnh đạo và các ngành chức năng



của tỉnh có biện pháp kiến nghị, đề xuất với các đơn vị, ngành chức năng Trung ương những nội dung sau:

*1. Về đánh giá tầm vóc, ý nghĩa, tác dụng cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh.*

Qua kết quả nghiên cứu, trên cơ sở những tư liệu lịch sử, tài liệu sách báo, công trình nghiên cứu, với những nhận định, đánh giá của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, chúng tôi nhận thấy có căn cứ để kết luận:

*- Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh là một trong những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của đồng bào các dân tộc thiểu số, miền núi phía Bắc và phong trào Cần Vương ở nước ta thời cận đại.*

*- Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã đóng góp tích cực vào phong trào diệt phi và chống Pháp xâm lược của nhân dân ta cuối thế kỷ XIX, đã làm chậm bước tiến của quân Pháp xâm lược khi chúng tiến hành đánh chiếm lên vùng thượng du, miền núi, biên giới Việt Trung và đã có ảnh hưởng sâu rộng, lâu dài trong phong trào chống Pháp của nhân dân ta.*

*- Hoàng Đình Kinh xứng đáng được ghi nhận là một nghĩa sĩ tiêu biểu trong phong trào Cần Vương, người anh hùng chống Pháp cuối thế kỷ XIX. Tên tuổi của ông xứng đáng được vinh danh ghi nhận tương tự như những anh hùng, nghĩa sĩ cùng thời.*

Vì vậy xin kiến nghị và đề xuất:

- Các cơ quan, đơn vị chuyên ngành Trung ương như: Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học, Hội Sử học Việt Nam, Viện Lịch sử Quân sự (Bộ Quốc phòng)... cần xem xét, đánh giá và có kết luận chính thức xứng với tầm vóc, ý nghĩa cuộc khởi nghĩa và người thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh, trên cơ sở đó có biện pháp chỉnh lý, bổ sung cần thiết trong lịch sử cận đại Việt Nam thời kỳ cuối thế kỷ XIX.

*2. Có biện pháp bổ sung, chỉnh lý, đính chính một số thiếu sót, nhằm lần về khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh*

- Cần bổ sung nói rõ vai trò, vị trí của nghĩa quân và thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh trong một số trận đánh đáng quan tâm như: Trận ngày 16-3-1884 nghĩa quân đã góp phần chặn đứng đội quân xâm lược do Thiếu tướng Nê-gri-ê (De Négrier) chỉ huy tiến đánh lên Lạng Sơn; Trận Cầu Quan Âm – Sông Hóa ngày 24-6-1884; Trận đồi Kép (phủ Lạng Giang) nghĩa quân đã tham gia chiến đấu trong các ngày từ 6 đến 9-10-1884, sau đó quân Thanh phải rút về biên giới phía Bắc, chỉ còn nghĩa quân Hoàng Đình Kinh và một số lực lượng chống Pháp khác, chiến đấu trong các ngày từ 15 đến 17-10- 1884. Đến ngày 20-10-1884 quân Pháp phải rút khỏi Kép, về phủ Lạng Thương; Trận Lạng Sơn, Bắc Ninh tháng 3-1885, v.v...

- Cần có biện pháp đính chính những nhầm lẫn, sai sót trong một vài ấn phẩm của Quốc gia và của tỉnh Lạng Sơn viết về khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh, như:

+ “Hoàng Đình Kinh bị xử tử theo lệnh của tên Phó Công sứ Lạng Sơn”<sup>89</sup> – Thực tế là theo lệnh của quan Toàn quyền Thống sứ Bắc Kỳ;

+ “Năm 1885, quân Pháp theo đường Chũ, Đình Lập đánh chiếm Lạng Sơn”<sup>90</sup> Thực tế là đánh vòng qua Chũ, sang Than Muội (Chi Lăng) rồi đánh lên Lạng Sơn;

+ Một số hoạt động của cánh quân huyện Bình Gia từ năm 1885 về sau vẫn cho là do Hoàng Quế Thọ chỉ huy – Thực tế là Hoàng Quế Thọ đã gia nhập nghĩa quân Hoàng Đình Kinh từ tháng 8-1883 và hy sinh từ cuối năm 1884, đầu 1885.

## KẾT LUẬN

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp đẩy mạnh chiến tranh xâm lược nước ta, mở rộng đánh chiếm Bắc Kỳ và đánh chiếm lên vùng biên giới Việt - Trung. Trước họa xâm lăng của thực dân Pháp và nạn cướp bóc, quấy rối của thổ phi, giặc Cờ từ

---

<sup>89</sup> Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1945*. Nxb. KHXH, H. 1981 (tr. 335)

<sup>90</sup> Địa chí Lạng Sơn (1999), tr. 299

Trung Quốc tràn sang, đã có nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra, trong đó, cuộc khởi nghĩa của đồng bào các dân tộc vùng Lạng Sơn, Bắc Ninh (gồm phần đất của tỉnh Bắc Giang ngày nay) và một số khu vực xung quanh, do Hoàng Đình Kinh lãnh đạo (1882 - 1888).

Cuộc khởi nghĩa nổ ra từ cuối tháng 4-1882, trên quê hương Hoàng Đình Kinh, ngay sau khi giặc Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai và chiếm thành Hà Nội. Khởi nghĩa đã nhanh chóng được sự hưởng ứng, tham gia của đồng bào các dân tộc trong vùng Hữu Lũng, Chi Lăng và thu hút được nhiều hào kiệt, nghĩa dũng các vùng xung quanh từ phủ Lạng Giang, phủ Lạng Thương đến Thất Khê, Bình Gia, Bắc Sơn, (Thái Nguyên).

Giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa (1882 – đến đầu 1884), nghĩa quân đã tích cực chiến đấu diệt phi các loại, bảo vệ cuộc sống nhân dân và đẩy mạnh xây dựng lực lượng sẵn sàng đánh Pháp. Nghĩa quân đã giành nhiều thắng lợi trong việc độc lập chiến đấu và phối hợp với quân nhà Thanh tiêu diệt các đảng phi, giặc Cờ hoành hành trên các vùng Lạng Sơn, Bắc Ninh. Thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh được nhân dân yêu mến, quý trọng, triều đình bổ làm quan tri huyện Hữu Lũng, tướng nhà Thanh đánh giá cao năng lực của ông, đã cấp bằng Tán tương quân vụ và trao tặng nhiều kỷ vật quý giá...

Từ tháng 3 – 1884, sau khi đánh chiếm thành Bắc Ninh, thực dân Pháp tiến đánh lên Thái Nguyên, Lạng Sơn và vùng biên giới Phía Bắc. Nghĩa quân Hoàng Đình Kinh đã phối hợp với các lực lượng chống Pháp khác của người Việt (như Lã Xuân Oai, Nguyễn Thiện Thuật, Tạ Hiện, Phạm Huy Quang...) và quân nhà Thanh chiến đấu chống quân Pháp xâm lược, giành nhiều chiến công to lớn trong suốt những năm 1884, 1885, trong đó có trận cầu Quan Âm – Bắc Lệ (6-1884) nổi tiếng, gây hoang mang cho thực dân Pháp và nhiều căng thẳng cho mối quan hệ Pháp – Thanh lúc bấy giờ.

Sau chiến thắng ở Tiên Ái – Nam Quan và Kỳ Lừa, Lạng Sơn, (3-1885) nghĩa quân Hoàng Đình Kinh phối hợp với quân nhà Thanh do Phùng Tử Tài chỉ

huy đang khí thế truy quét địch thì triều đình nhà Thanh và Pháp ký hòa ước đình chiến, Hiệp ước Thiên Tân (9-6-1885). Chiến tranh Pháp - Thanh kết thúc, lực lượng quân đội nhà Thanh rút hết về nước. Lúc này nghĩa quân Hoàng Đình Kinh đã chuyển căn cứ khởi nghĩa vào khu các xã Đằng Yên, Đằng Sơn (nay là các xã Yên Thịnh, Yên Vượng, Yên Sơn huyện Hữu Lũng) tiếp tục chiến đấu chống Pháp. Từ trung tâm căn cứ, nghĩa quân đã tung lực lượng đi đánh địch ở các vùng Bắc Lệ, phủ Lạng Thương, Chi Lăng, Bắc Sơn... gây cho địch nhiều thiệt hại về người và của. Nghĩa quân đã làm chủ cả một vùng rộng lớn từ Nam Chi Lăng đến phủ Lạng Thương và sang cả vùng Bắc Sơn, Võ Nhai (Thái Nguyên).

Quân Pháp đã nhiều lần tập trung lực lượng, dùng sức mạnh quân sự đánh vào căn cứ nhưng không thể tiêu diệt được nghĩa quân. Chúng đã hèn hạ dùng mưu kế dụ dỗ, mua chuộc, tung người vào gây chia rẽ nội bộ, làm phản, giết hại những chỉ huy, nghĩa dũng trung thành của nghĩa quân và thân nhân Hoàng Đình Kinh. Cuối cùng thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh bị bắt và bị sát hại, nghĩa quân mất người chỉ huy đã dần tan rã hoặc đầu quân vào các lực lượng chống Pháp khác.

Mặc dù cuối cùng cuộc khởi nghĩa đã thất bại như những cuộc khởi nghĩa cùng thời, nhưng nghĩa quân Hoàng Đình Kinh đã lập được nhiều chiến công xuất sắc, gây cho quân Pháp nhiều tổn thất và làm chậm bước tiến của chúng khi tiến hành đánh chiếm lên vùng thượng du, miền núi Bắc Kỳ, đặc biệt là vùng Biên giới Việt - Trung. Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đã có tiếng vang lớn, trở thành cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của đồng bào các dân tộc vùng Đông Bắc, có ảnh hưởng sâu rộng, lâu dài đến phong trào chống Pháp của nhân dân ta và để lại một tấm gương về tinh thần yêu nước bất diệt.

Nhân dân ta, đặc biệt là nhân dân các dân tộc Lạng Sơn mãi tự hào về người con quê hương đã anh dũng, kiên cường trước kẻ thù xâm lược. Tinh thần yêu nước, sự mưu trí dũng cảm đánh giặc bảo vệ quê hương, đất nước của thủ lĩnh nghĩa quân Hoàng Đình Kinh mãi mãi được khắc ghi trong tâm khảm mỗi chúng ta. Nhân dân các dân tộc Lạng Sơn vô cùng kính phục và thương tiếc ông. Dãy

núi trùng điệp mà ông lấy làm căn cứ chống Pháp được gọi là *dãy Cai Kinh*. Xã Thuộc Sơn thuộc vùng quê hương ông cũng được đặt tên là *xã Cai Kinh*. Tên tuổi và sự nghiệp đánh giặc cứu nước của ông còn sống mãi với quê hương và núi non hùng vĩ.

Trong cuốn *Lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân huyện Hữu Lũng*, (1990) ghi rõ: “Ngay buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX, nhân dân các dân tộc Hữu Lũng đã dũng cảm vùng lên phá tan xiềng xích nô lệ của ách áp bức thực dân. Tiêu biểu cho ý chí đó là phong trào chống thực dân Pháp xâm lược (1882-1888) do Hoàng Đình Kinh đứng đầu, đã làm chủ cả một phương trời rộng lớn từ Nam Chi Lăng đến Bắc Giang, gây cho địch phải hao binh tổn tướng, mất ăn, mất ngủ, thiệt hại nặng nề... Hoàng Đình Kinh đã trở thành con người tiêu biểu của của quê hương Xứ Lạng trong những ngày đầu chống thực dân Pháp xâm lược”. [5].

Đánh giá về cuộc khởi nghĩa và vai trò của thủ lĩnh Hoàng Đình Kinh, Phó GS,TS Chương Thâu – Viện Sử học Việt Nam đã viết: “*Cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân cai Kinh tuy bị thất bại, nhưng đã để lại cho chúng ta tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí kiên cường bất khuất của người anh hùng Hoàng Đình Kinh và của biết bao nghĩa binh vô danh – liệt sĩ yêu nước của phong trào chống thực dân Pháp xâm lược. Cuộc khởi nghĩa kéo dài cả chục năm trời đã nêu cao tinh thần đoàn kết các dân tộc trong sự nghiệp chống giặc ngoại xâm của toàn dân tộc ta nói chung và của Xứ Lạng nói riêng. Nhân dân ta đầy lòng sùng ái vị anh hùng liệt sĩ Hoàng Đình Kinh và khẩng định công lao to lớn của ông trong sự nghiệp chống Pháp xâm lược, bảo vệ đất nước thân yêu cuối thế kỷ XIX khi giặc Pháp mới đặt chân lên Xứ Lạng*” [50, tr. 22]

*Sách Địa chí Lạng Sơn*, viết: “ Ông (Hoàng Đình Kinh) xứng đáng được ghi nhận như một danh nhân nghĩa sĩ trong phong trào Cần Vương chống Pháp ở Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX” và đã xếp Hoàng Đình Kinh vào danh sách những nhân vật lịch sử của Lạng Sơn cùng với những anh hùng hào kiệt quê hương

qua các thời kỳ lịch sử như: Giáp Thừa Quý, Thân Cảnh Phúc, Nguyễn Thế Lộc, Thân Công Tài, Ngô Thì Sĩ, Hoàng Văn Thụ, Lương Văn Tri, v.v... [64]

*Lạng Sơn ngày 15 tháng 12 năm 2021*

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**

*(Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký)*

**LIÊN HIỆP CÁC HỘI**

**KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT**

*(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

**CN. Nguyễn Quang Huynh**

**TS. Hoàng Văn Páo**

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nxb VHTT, H. (2006)
2. Bảo tàng tỉnh Bắc Giang, *Hiện vật tiêu biểu Bảo tàng tỉnh Bắc Giang*, Nxb. Thông tấn, H. (2014)
3. Bảo tàng tỉnh Bắc Giang, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Vai trò của thủ lĩnh Lương Văn Năm với cuộc khởi nghĩa Yên Thế*, Nxb Thông tấn, H. 2015
4. BCH Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1830-1985)*, Nxb. CTQG-ST, H. 1019.
5. BCH Đảng bộ huyện Hữu Lũng, *Lịch sử Đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Hữu Lũng (1940-1954)*, Sở VHTT Lạng Sơn, Xb. 1990
6. BCH Đảng bộ phường Phố Huế, *Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân phường Phố Huế (1930-1999)*, Nxb VHTT, Xb 1999
7. BCH Đảng bộ xã Hòa Lạc, *Lịch sử Đảng bộ xã Hòa Lạc (1940-2015)*, Sở TTTT Lạng Sơn, Sở TTTT Lạng Sơn, Xb 2017.
8. BCH Đảng bộ xã Yên Sơn, *Lịch sử Đảng bộ xã Yên Sơn (1940-2015)* Sở TTTT Lạng Sơn, Xb. 2019
9. BCH Đảng bộ xã Yên Thịnh, *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Yên Thịnh (1940-2005)*. Sở TTTT, Xb. 2009
10. ThS. Nguyễn Văn Biểu, *Sự nghiệp chống Pháp của Hoàng Đình Kinh*, Báo cáo chuyên đề thực hiện đề tài, 2021
11. Bộ VHTT&DL, Cục Di sản Văn hóa, *Văn bản quản lý nhà nước về di sản văn hóa*, Nxb. Thế giới, H. 2019.
12. BQL đề tài, *Tài liệu hội thảo khoa học (Lần thứ nhất) đề tài “Ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh trong phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ta”*. (14-3-2021)

13. BQL đề tài, *Tài liệu hội thảo khoa học (Lần thứ hai) đề tài “Ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh trong phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ta”*. (4 -7-2021)
14. BTV Huyện ủy Hữu Lũng, *Lịch sử Đảng bộ huyện Hữu Lũng (1955-1985)*, Sở TTTT Lạng Sơn, Xb. 1994
15. Nguyễn Xuân Càn, *Khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh (1882-1888)*, Nxb. KHXH, H. (2021)
16. Nguyễn Xuân Càn, *Những điều chưa biết về tướng quân Hoàng Đình Diêu*, [online] BGDĐT (Bắc Giang điện tử), (09:29 ngày 20/8/2014)
17. Dương Thành Chức, *Tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa Cai Kinh*, Tạp chí VH-NT số 12/1988, Sở VHTT Lạng Sơn.
18. Claude Gendre, *Đề Thám (1846-1913) một chiến sĩ kháng chiến chống chế độ thuộc địa Pháp* (Nguyễn Văn Sự dịch, Trương Sỹ Hùng biên soạn), Nxb. Thế giới, H. (2014)
19. Quỳnh Cư – Đỗ Đức Hùng, *Các triều đại Việt Nam*, Nxb Thanh Niên, H. 1995.
20. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1 Nxb VHTT, H. 2004
21. Trần Độ “*Về trận thắng quân Pháp ở Hữu Nghị Quan và Lạng Sơn (3-1885)*” Tạp chí NCLS số 2 (267) (3-4/1993).
22. GS. Trần Văn Giàu, *Tổng tập*, Nxb QĐND, H. 2006
23. Hocquard *Một chiến dịch ở Bắc Kỳ*, (Đinh Khắc Phách dịch và chú giải), Nxb. Văn học, H. 2020
24. HU, HĐND, UBND huyện Bắc Sơn, *Địa chí huyện Bắc Sơn*, Nxb. Lao động, H. 2020
25. Phạm Mai Hùng, *Vị thế của văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong phát triển bền vững*, Tạp chí Xưa nay số 526 (12-2020)
26. Nguyễn Văn Huyền, *Địa lý hành chính Kinh Bắc*, Hội KHLS – Sở VHTT Bắc Giang, H. 1997



27. Nguyễn Quang Huynh, *Bước đầu tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh*, Tạp chí VH-NT số 12/1988, Sở VH TT Lạng Sơn.

28. Nguyễn Quang Huynh, *Góp phần tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh qua các giai thoại truyền thuyết lưu truyền trong nhân dân*, Tham luận tại Hội thảo khoa học về “Nhân vật lịch sử Lạng Sơn” (ngày 17, 18-3-1997)

29. Nguyễn Quang Huynh, *Mũi tên thần* (Giai thoại truyền thuyết về nghĩa quân Hoàng Đình Kinh), Nxb. VHDT, H. 1999

30. Nguyễn Văn Kiệm, *Phong trào nông dân Yên Thế chống thực dân Pháp xâm lược (1884-1913)*, Nxb. Đại học quốc gia, H. 2001

31. ThS. Nông Đức Kiên, *Sự nghiệp đánh Phi bảo vệ quê hương của Hoàng Đình Kinh*, Báo cáo chuyên đề thực hiện đề tài, 2021

32. Trần Trọng Kim *Việt Nam sử lược*, Nxb. VH TT, H. 2006.

VNSL của tác giả Trần Trọng Kim được viết vào năm 1919, xuất bản lần đầu năm 1921. Đây là cuốn lịch sử Việt Nam đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ, với phương pháp biên soạn mới, được đánh giá là gọn gàng, sinh động và dễ đọc, dễ nhớ.

33. Ký sử thời Nguyễn *Dương sự thủy mạt*, (bản dịch của Đông Hào - Trương Sĩ Hùng - Hàn Khánh), Nxb Thế giới, H. 2016

34. Đinh Xuân Lâm, *Vị trí của Cai Kinh trong phong trào yêu nước chống Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX*, Tạp chí LSQS, số 258 (6-2013)

35. *Lịch sử Việt Nam* (tập 1 từ Kỷ Hồng Bàng đến kỷ Nhà Nguyễn trước 1858), Nxb KHXH, H. 1971

36. *Lịch sử Việt Nam*, (Tập II), Nxb KHXH, H. 1985

37. Đỗ Thị Hương Liên, *Bàn thêm về cuộc khởi nghĩa của Hoàng Đình Kinh (Cai Kinh) và mối liên hệ với các cuộc khởi nghĩa đương thời*, Tạp chí. KH & CN, Đại học Thái Nguyên, (9/2017).

38. Khổng Hồng Minh, *Bối cảnh lịch sử đất nước, quê hương và lai lịch, tiểu sử Hoàng Đình Kinh*, Báo cáo chuyên đề thực hiện đề tài, 2021
39. Nhật Nham – Trịnh Như Tấu, *Bắc Giang địa chí*, Nxb. Tùng Thư, H. 1937.
40. Nhật Nham *Tại sao lại gọi là núi Cai Kinh, (thuộc Bắc Giang)*, Tạp chí Tri Tân (số 16, ngày 26/9/1941),
41. Hoàng Văn Páo, *Bước đầu tìm hiểu một vấn đề lớn trong Lịch sử Xứ Lạng: Phỉ - Giặc cướp*, Tuyển tập luận văn Hội nghị khoa học Xứ Lạng - Lạng Sơn – Sở VHTT Lạng Sơn Xb. 1988.
42. Paul Munier, *Vùng Cai Kinh – Con người và non nước (Le Cai Kinh homme et con- trée)*, Diễn văn tại Hội địa lý Hà Nội, (ngày 12/4/1934)
43. Tôn Quang Phiệt, *Tìm hiểu Hoàng Hoa Thám*, Sở VHTT Hà Bắc, 1984.
44. Nguyễn Vinh Phúc, *Hoàng Đình Kinh (? – 1888)*, Tham luận tại Hội thảo khoa học về “Nhân vật lịch sử Lạng Sơn” (ngày 17,18/3/1997).
45. Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858- 1945)*, Tập 1 1858-1896, Nxb KHXH, H.1981.
46. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, bản dịch: Tô phiên dịch Viện Sử học, Nxb Giáo dục, H. 2007.
47. Nguyễn Đức Quyền, Đoàn Mạnh Phương,..., *Hữu Lũng trên con đường lớn*, Nxb VHTT- Công ty Văn hóa trí tuệ Việt, H. 2005
48. CN. Nguyễn Bá San, *Những di tích, hiện vật cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh cần bảo tồn, lưu giữ, xếp hạng, khai thác, phát huy. Kiến nghị, đề xuất*. Báo cáo chuyên đề thực hiện đề tài, 2021.
49. CN. Âu Thị Nga Sơn, *Nhận định, đánh giá, bài học kinh nghiệm và giải pháp chuyển giao, khai thác, phát huy kết quả đề tài*, Báo cáo chuyên đề thực hiện đề tài, 2021

50. Sở VH-TT&DL Lạng Sơn - Dòng họ Hoàng, thân tộc Hoàng Đình Kinh, *Kỷ yếu hội thảo khoa học các bài viết, tư liệu thê thân thế, sự nghiệp Hoàng Đình Kinh chống giặc Pháp, phi bảo vệ quê hương cuối thế kỷ XIX*, Sở VH-TT&DL Lạng Sơn, Xb, 2014.

51. Sở VHTT Lạng Sơn, *Tuyển tập luận văn Hội nghị khoa học Xứ Lạng - Lạng Sơn*, Xb. 1988.

52. Tài liệu lưu trữ, *Châu bản triều Nguyễn*, Trung tâm lưu trữ Quốc gia I,

53. Tài liệu lưu trữ, *Nha Kinh lược Bắc Kỳ*, Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, bản dịch của GS.TS. Đinh Khắc Thuân

54. Nguyễn Trường Thanh, *Kỳ tích Chi Lăng*, Nxb Thanh niên, H. 2014

55. Thượng tướng, GS. Hoàng Minh Thảo, *Về vai trò của Hoàng Đình Kinh (Cai Kinh) với buổi đầu khởi nghĩa Yên Thế (1887-1913)*, Tạp chí LSQS (số 4-1993).

56. CN. Nguyễn Thị Thắm, *Ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh đối với cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta*. Báo cáo chuyên đề thực hiện đề tài, 2021

57. Không Đức Thiêm – Nguyễn Xuân Càn, *Khởi nghĩa Yên Thế*, Sở VHTT Bắc Giang – Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam Xb, H. 1997.

58. TS. Nguyễn Xuân Thọ, *Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam (1858-1897)*, Nxb. Hồng Đức, H. 2018

59. Vũ Văn Tĩnh, *Những thay đổi về địa lý hành chính các tỉnh Bắc Kỳ trong thời kỳ Pháp thuộc*, Tạp chí NCLS, số 133 (tháng 7 và 8-1970).

60. Th.S. Lưu Thị Ngọc Tuyết, *Hoàng Đình Kinh – Thủ lĩnh tài ba của dân tộc Tày trong phong trào chống Pháp ở Lạng Sơn cuối thế kỷ XIX*, Tạp chí Giáo dục số tháng 11-2015

61. Ty VHTT-Thư viện tỉnh Hà Bắc, *Địa chí Hà Bắc*, Ty VH-TT Hà Bắc, Xb. 1982

62. Ty VH TT - Thư viện tỉnh Hà Bắc, *Lịch sử Hà Bắc*, Ty VH TT Hà Bắc, Xb. 1986
63. UBND huyện Hữu Lũng, Trang Thông tin điện tử, *Giới thiệu chung*, [online], Thứ Sáu, Ngày 30/7/2021
64. UBND tỉnh Lạng Sơn, *Địa chí Lạng Sơn*, Nxb Chính trị Quốc gia, (1999)
65. Đặng Huy Vận – Nguyễn Đăng Duy, *Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nghĩa quân Hoàng Đình Kinh (1883-1888)*, Tạp chí NCLS số 81 (12/1965)
66. Đặng Huy Vận – Hoàng Đình Bình, *Đề đốc Lưu Kỳ và những hoạt động chống Pháp của ông ở vùng Đông Bắc Bắc Kỳ cuối thế kỷ XIX*, Tạp chí NCLS, số 134 (8-10/1970)
67. Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam (1858-1896)*, Nxb KHXH, H. (2003)
68. Phạm Xanh - Nguyễn Ngọc Trù, *Tiểu phỉ thời Tự Đức*, Tạp chí Lịch sử Quân sự, số 9 + 10 (2007)